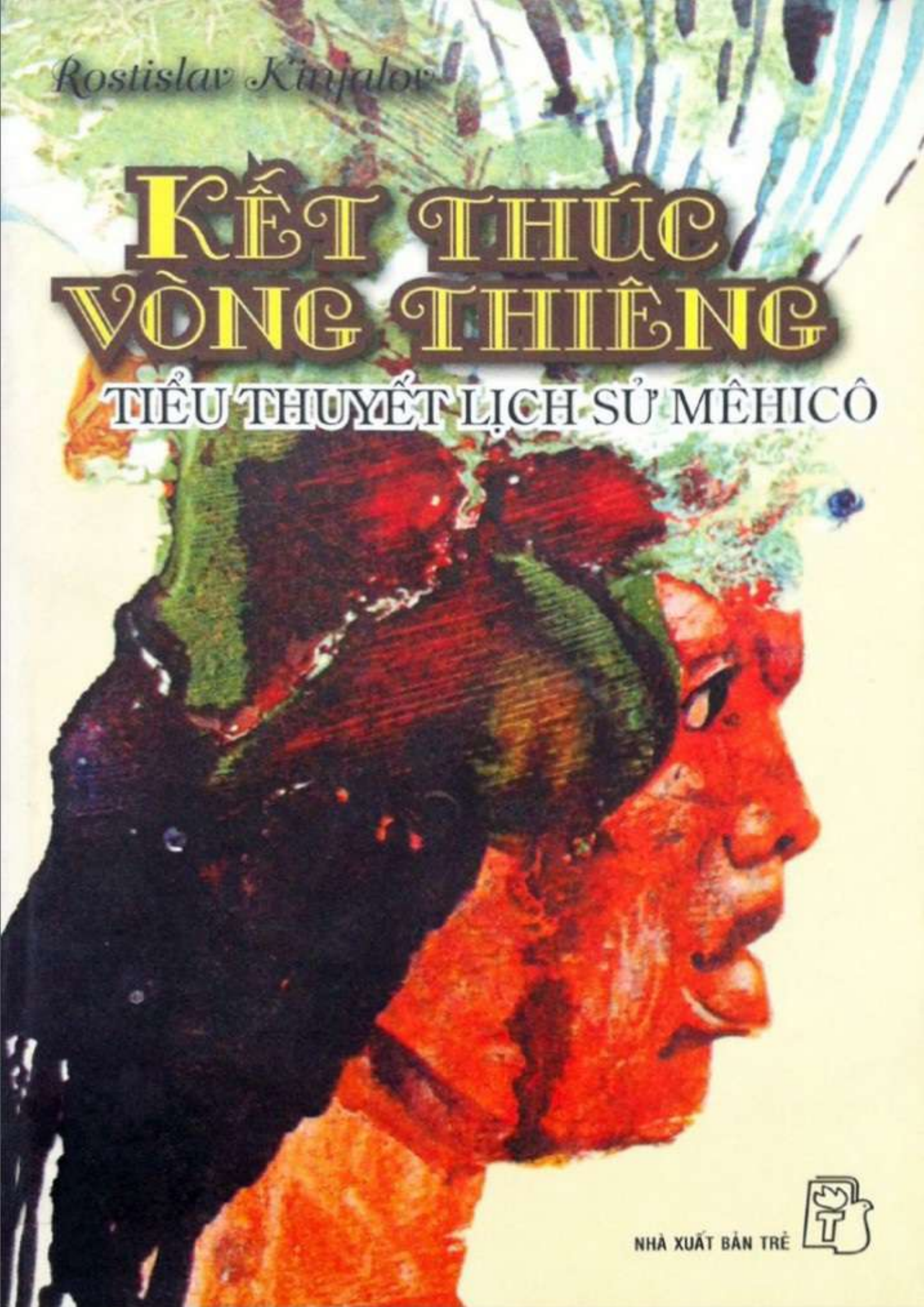


Rostislav Kinjalov

KẾT THÚC VÒNG THIÊN

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ MÊHICÔ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



ROSTISLAV KINJALOV
NGUYỄN VĂN SANG biên dịch

KẾT THÚC
VÒNG THIÊN

(Tiểu thuyết lịch sử của người Olmec - Trung Mỹ)

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

ebook©vctvegroup
11-06-2018

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU

TỰA

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Hai anh em

2. Mười năm sau

Chương I: CUỘC CHẠY TRỐN

Chương II: NHỮNG KẼ CƯỚP LĂNG MỘ HOÀNG ĐẾ

Chương III: THỬ THÁCH

Chương IV: HỘI ĐỒNG TƯ TẾ

Chương V: CUỘC ĐẠO CHƠI VỚI THẦY

Chương VI: CUỘC GẶP GỠ

Chương VII: TRỪNG PHẠT NACA HON

Chương VIII: ĐÊM TRĂNG

Chương IX: NHỮNG TÙ NHÂN CỦA ĐẠI DƯƠNG

Chương X: HAI CUỘC GẶP BÊN SUỐI

Chương XI: CUOCU, TÌM ĐI!

Chương XII: NGÀY PASUNG

Chương XIII: CƠN BÃO

Chương XIV: NHỮNG NGƯỜI TÙ ĐẠI DƯƠNG ĐẾN

Chương XV: VÒNG TAY CỦA MIỀN ĐẤT ĐỎ

Chương XVI: CHẬU THẦN

Chương XVII: TÁC PHẨM CUỐI CÙNG CỦA AH-SHOOSH

Chương XVIII: CÁI CHẾT CỦA TRACHIL

Chương XIX: CỐ GẮNG CUỐI CÙNG

Chương XX: NHỮNG ĐỈNH NÚI TRÊN ĐẢO USOKITOC-
PETENG

Chương XXI: NHIỆM VỤ MỚI CỦA TUG-ANSENG

Chương XXII: TUYỂN LEM-HOOLOM

Chương XXIII: ĐOÀN ĐIỀU HÀNH

Chương XXIV: CUỘC GẶP MẶT

Chương XXV: CUỘC HÀNH TRÌNH XA XÔI

Chương XXVI: CHƠI BÓNG

Chương XXVII: LỄ XUỐNG HẠT THIÊNG

Chương XXVIII: NHỮNG CÁNH TAY CỌ

Chương XXIX: KẾT THÚC VÒNG THIÊNG

Lời Kết

THEO DẤU NHỮNG ĐỨA CON CỦA BÁO, HAY TẠI SAO XUẤT
HIỆN CUỐN SÁCH NÀY

NHỮNG NHÂN VẬT CHÍNH

LỜI GIỚI THIỆU

Cho đến ngày nay nền văn minh Olmec cổ ít được người biết đến, nhất là ở Việt Nam. Trong cuốn tiểu thuyết lịch sử **“Kết thúc vòng thiêng”** giáo sư dân tộc học người Nga R. Kinjalov đã vẽ lại bức tranh cổ xưa sinh động của người Olmec huyền bí, một dân tộc da đỏ đã sống ở Mexico cách đây hơn 3.200 năm.

Dựa vào những chứng cứ lịch sử-khảo cổ, Kinjalov giới thiệu với chúng ta cuộc sống của một dân tộc vào loại cổ xưa nhất của hành tinh. Trong cuốn sách này bạn đọc sẽ thấy được sinh hoạt của người Olmec cổ: điều kiện thiên nhiên, tổ chức xã hội, tình yêu, phong tục tập quán, tín ngưỡng tôn giáo, quyền lực và tham vọng của những người cầm quyền.

Sức mạnh của thiên nhiên huyền bí luôn làm người Olmec kinh sợ, họ thờ đủ các thần: thần Độc cước – vị thần của bão tố; Thần Tâm đất – chủ nhân khủng khiếp của Âm phủ, động đất và núi lửa; Thần Cóc Vĩ đại – Đức Mẹ của các vị thần; Thần Mặt trời; Thần Nước; Thần Ngô trẻ – người cung cấp lương thực cho dân tộc Olmec v.v... Cũng như nhiều dân tộc da đỏ khác ở châu Mỹ, dân tộc Olmec dùng người sống để tế thần, một phong tục dã man mà chúng ta ngày nay không thể tưởng tượng nổi.

Trong cuốn tiểu thuyết **“Kết thúc vòng thiêng”** chúng ta thấy hệ thống xã hội của người Olmec cổ phân cấp khá chặt chẽ với những đẳng cấp rõ ràng. Bên cạnh hệ thống chính quyền (Vua, các quan lại...) còn có hệ thống tín ngưỡng (các thầy Tư tế) giữ vị trí hết sức quan trọng trong cuộc sống của dân tộc.

Theo quan niệm của người Olmec cổ, thế giới tồn tại theo chu kỳ 104 năm, gọi là vòng thiêng. Hết 104 năm các vị thần sẽ phán

quyết hủy diệt hay kéo dài sự tồn tại của thế giới, và bắt đầu một vòng thiêng mới.

Đồng thời tác giả cũng đưa bạn đọc vào cuộc hải hành hư cấu của một vị quan Ai Cập cổ đến vùng đất đỏ xa xôi bên kia đại dương để so sánh sự phát triển không đồng đều giữa các nền văn minh lúc bấy giờ, trong khi Ai Cập đang ở thời kỳ đồ đồng và đã chuyển sang thời kỳ đồ sắt thì dân tộc Olmec ở Mexico đang ở thời kỳ đồ đá.

Với những chứng cứ khoa học xác thực, từ đầu đến cuối cuốn tiểu thuyết, tác giả dẫn bạn đọc đi hết cuộc phiêu lưu này đến cuộc phiêu lưu khác, để dần dần giải mã những bí ẩn của dân tộc Olmec cổ huyền bí.

Nhà Xuất bản Trẻ hân hạnh giới thiệu cùng bạn đọc cuốn tiểu thuyết đầu tiên nói về dân tộc Olmec ở đất nước Mexico xinh đẹp, để các bạn có điều kiện tìm hiểu thêm về một nền văn minh cổ xưa.

TỰA

Hơn một trăm năm trước, trong rừng rậm nhiệt đới Mexico, người ta tình cờ phát hiện một bức tượng đá khổng lồ nặng đến vài tấn, đó là chiếc đầu người với cái mũ cầu kỳ. Sau đó những chiếc đầu đá khác cùng kiểu như vậy cũng đã được tìm thấy.

Trong những thành phố đổ nát, do tay bọn kẻ cướp Tây Ban Nha phá hủy, người ta đã tìm thấy nhiều bức tượng và phù điêu là dấu tích của một nền văn hóa cao của người Aztec – kinh đô Tenochtitlan của họ nằm ngay vị trí của Mexico city ngày nay – và của nền văn hóa của bộ lạc Maya. Bộ lạc này sống ở miền đông Mexico. Nhưng những chiếc đầu đá này không làm họ để ý.

Nhiều năm trôi qua, những di tích mà người Tây Ban Nha đã từng thấy hầu như bị lãng quên, cho đến khi những nhà khảo cổ bắt tay vào nghiên cứu các nền văn hóa cổ của Mêhicô, lúc ấy bí mật của những chiếc đầu đá huyền bí kia mới được sáng tỏ. Chúng thuộc nền văn hóa của người Olmec – những bộ lạc sống vào thế kỷ 14-15 TCN. Nhà nhân chủng học nổi tiếng R. Kinjalov, người nghiên cứu nền văn hóa Trung Mỹ, đã chọn thời kỳ lịch sử cổ này của châu Mỹ làm đề tài cho cuốn tiểu thuyết của mình. Nghiên cứu khảo cổ nền văn hóa này được kể trong phần cuối của cuốn sách “Theo vết những người con của báo thần”. Phải thấy rằng, chức năng của các đầu bằng đá tảng trong tín ngưỡng của dân Olmec đã được tác giả cuốn sách xác nhận một cách khoa học.

Những công trình khảo cổ cho thấy người Olmec có một xã hội phát triển, họ đã sáng tạo những công trình đồ sộ về kiến trúc, điêu khắc và bích họa. Những di tích nghệ thuật nổi tiếng còn truyền lại đến ngày nay, nhưng công cụ lao động của người Olmec

lại được làm bằng đá và cây, bởi vì lúc đó chưa có kim loại. Những khái niệm tín ngưỡng phức tạp của bộ lạc này bắt nguồn từ thiên nhiên huyền bí. Ý nghĩa đặc biệt trong thờ cúng là cây ngô – thực phẩm chủ yếu, và loài báo được coi là giống vật thờ và là tổ tiên của người Olmec.

Văn hóa Olmec được phát triển trên một lãnh thổ rộng – Mexico, Guatemala, Costa-Rica, Salvador và Nicaragua.

Tiểu thuyết lịch sử “Kết thúc vòng thiêng” của R. Kinjalov kể về những phong tục độc đáo của bộ lạc đã biến mất này. Hơn nữa, cơ sở của câu chuyện là những phát hiện các tác phẩm độc nhất vô nhị của nghệ thuật Olmec – những chiếc đầu đá đồ sộ, ý nghĩa thờ phụng của chúng đã được tác giả lập luận một cách khoa học. Xác định rằng, người Olmec chọn một thanh niên mà ngay từ lúc chọn đã được thần Ngô nhập hồn vào, và trong vòng một năm, tuyển nhân được hưởng tất cả những đặc quyền của vị thánh sống, sau đó đem làm vật tế. Tục tế người được phổ biến trong tất cả các nền văn hóa của Mexico cổ. Đầu người bằng đá liên quan đến thờ cúng và được đặt ở khu đất thiêng, theo phong tục của người Olmec như vậy sẽ đảm bảo được mùa ngô.

Theo quan điểm của người da đỏ cổ Mexico, thế giới phát triển theo chu kỳ 104 năm. Để ngăn cản tai họa thế giới, khi hết “vòng thiêng” này cần phải hoàn thành nhiều nghi lễ phức tạp như đã được mô tả trong cuốn tiểu thuyết “Kết thúc vòng thiêng” của R. Kinjalov. Với sự chính xác về nhân chủng học, tác giả đã kể về cuộc sống của người Olmec, tín ngưỡng của họ, những hình thức tư tưởng chủ yếu và những đau khổ đã đem đến cho dân tộc họ.

R. Kinjalov, một nhà bác học lớn có nhiều tác phẩm nổi tiếng trong giới khoa học, một nhà truyền bá, tác giả của tác phẩm văn học trong đó cho thấy thế giới tàn nhẫn của các bộ lạc cổ ở châu Mỹ. Năm 1976 cuốn tiểu thuyết “Chiến binh Kirigua” của ông ra

đời, mô tả cuộc sống của dân tộc Maya ở thế kỷ thứ 8. Cuốn tiểu thuyết lập tức hấp dẫn bạn đọc. Cần nhấn mạnh rằng, cuốn sách mới của R. Kinjalov (ở trong nước và cả ở nước ngoài) là tác phẩm văn học đầu tiên về người Olmec bí ẩn.

Trong cuốn tiểu thuyết “Kết thúc vòng thiêng”, bên cạnh câu chuyện bi thảm về mối tình của cô gái và chàng trai, tác giả còn đưa ra chủ đề thứ hai – câu chuyện về một người quý tộc Ai Cập. Ông đã trốn khỏi quê hương do cơn thịnh nộ của pharaon để rồi gia nhập vào nhóm thương nhân đi biển Phynic. Trong một cuộc hải hành ông đã được cơn bão đưa vào bờ biển Mexico. Câu chuyện này nhắc lại lập luận của nhà hải hành nổi tiếng Tur Haerdal, người cho rằng những chuyến hải hành xa như vậy là thực tế lịch sử, đồng thời, Tur Haerdal đã nối kết nền văn hóa Olmec với Ai Cập.

R. Kinjalov đưa vào cuốn sách những tài liệu của Ai Cập cổ cuối thế kỷ thứ 12 TCN, tương ứng với một trong những thời kỳ lịch sử của Olmec. Tài liệu nói về những vụ cướp mộ các hoàng đế và hoàng hậu ở Fiva. Đó là những biên bản hỏi cung bọn cướp, tội chứng của chúng và những phán quyết của tòa, trong đó nhắc đến rất nhiều tên nhân vật. Tác giả đưa một quý tộc Ai Cập là trợ lý của tổng đốc thành Fiva vào cuộc du hành miễn cưỡng từ Ai Cập đến bờ biển Mexico. Ông đã bạo gan khuấy động sự yên tĩnh của các hoàng đế Ai Cập ở lăng mộ Fiva. Hoàn cảnh hư cấu này làm cho cuốn tiểu thuyết sinh động và nối kết câu chuyện về những người Olmec cổ với nền văn hóa cổ của Ai Cập cuối triều đại thứ 20. Câu chuyện về một người Ai Cập chạy trốn cơn thịnh nộ của hoàng đế, mô tả đích xác những vụ cướp lăng mộ các hoàng đế, nó gần giống với nguyên bản của tiểu thuyết cổ Ai Cập về Sinuhet tìm chỗ ẩn thân ở Syria, miền đất bên ngoài Ai Cập. Mối liên quan văn hóa của Ai Cập cổ với người Olmec là thủ pháp thành công của tác giả, đưa nền văn hóa Mexico cổ ít được biết đến gần với nền văn

hóa cổ Ai Cập được nhiều người biết.

Tiếc thay, nền văn hóa cổ của Trung Mỹ không được nhiều học sinh biết đến. Vì vậy, cuốn tiểu thuyết lịch sử của R. Kinjalov sẽ giúp bạn đọc tìm hiểu nền văn hóa của một trong những chiếc nô văn minh của nhân loại.

• **Viện sĩ B.B. Piotrovsky**

PHẦN MỞ ĐẦU

1

HAI ANH EM

Làng Hochtung gần Sao-Lorenzo. Mexico.

Trưa nóng. Mặc dù chỉ mờ nhạt trên bức màn xám trải kín bầu trời, nhưng mặt trời tỏa hơi nóng ngọt ngào. Đất nóng bỏng, nứt nẻ, lá cây rủ xuống. Khó thở. Đã ba ngày rồi không có một cơn gió nhẹ. Dân chúng kinh thành Nivannaa-Tracbolai thuộc vương quốc Olmec, và nông dân các làng lân cận nóng lòng chờ mưa mang đến sự mát mẻ, ẩm hơi và hồi sinh của thiên nhiên.

Những địa phận đáng kể và quan trọng nhất của thành phố nằm trên một khu đất cao nhưng bằng phẳng mênh mông, có hình dạng kỳ lạ và chung quanh thành có vách dựng đứng. Trên đó là các đền thờ thần, những bãi rộng để tổ chức thờ cúng, cung điện và nhà của những lãnh chúa quý tộc – các quan đại thần. Phía dưới, xung quanh là những ngôi làng nhỏ ẩn mình trong những cánh rừng nguyên sinh, rừng già mênh mông. Những nông dân hiền lành trong làng chăm chỉ khai phá đất đai, gieo hạt và thu hoạch mùa màng bằng sức lao động của mình và cung cấp những thứ cần thiết cho cư dân thành phố.

Làng Hochtung nằm cách Nivannaa-Tracbolai không xa. Buổi trưa oi nồng làng hoàn toàn yên tĩnh. Mọi người đều đã ẩn vào nhà và nghỉ ngơi, chờ cho qua cơn nóng. Chỉ trong một hẻm nhỏ lại

vang lên tiếng đùa giỡn của trẻ con.

Hai đứa bé đang ngồi chơi dưới bóng cây seiba khổng lồ bên cạnh ngôi nhà một nông dân. Thoáng nhìn chúng không giống nhau, nhưng chúng có những đường nét chung gì đó rất khó giải thích. Đứa lớn khoảng mười tuổi, đứa thứ hai nhỏ hơn khoảng hai, ba tuổi. Thằng anh đang nặn đất sét thành hình cái đầu của đứa em, thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn em.

– Quay qua trái một chút, Shang! – Nhà nặn tượng tí hon ra lệnh.

– Ngồi yên em mệt lắm, Tug-Anseng, cho em nghỉ đi. – đứa em năn nỉ. – Em muốn chạy chơi! Em muốn thấy cái anh đã làm được, xem có giống em không?

– Một chút nữa thôi em à, chỉ chút xíu thôi... Anh xong ngay bây giờ và em sẽ thấy! – Tug-Anseng trả lời nhất gừng. Những ngón tay của nó nhanh nhẹn nắn cục đất mềm. Mãi nói chuyện hai đứa trẻ không nhận thấy người đàn ông đang nhẹ nhàng bước trên cỏ mềm, dừng lại cách chúng không xa. Họ chăm chú quan sát chúng. Người lớn tuổi hơn, khoảng 28-30, nói với người cùng đi:

– Đó là Lem-Hoolom tương lai! Ta nói về thằng em. Còn thằng anh sẽ là nhà tạc tượng!

Người thứ hai, mặt như chim quất nhỏ, kính cẩn trả lời:

– Ông luôn sáng suốt đến ngạc nhiên, thưa Anaib-Ungir.

Những dự đoán của ông nhất định sẽ đúng.

Họ đến gần bọn trẻ. Anaib-Ungir cố lấy giọng dịu dàng nói:

– Các cháu tên gì?

Bọn trẻ đứng dậy như bị gai đâm và quay lại. Thấy những người lạ quần áo sang trọng, chúng cúi đầu lễ phép:

– Thưa ông, cháu tên Tug-Anseng, – đứa lớn trả lời giọng run

run, – còn em của cháu tên Shang.

– Những cái tên đẹp quá, – Anaib-Ungir nói giọng dịu dàng nhưng mắt ông vẫn lạnh lùng như cũ. – Cháu sẽ khỏe mạnh như gấu, còn em của cháu sẽ cân đối như cây cọ! Các cháu có những cái tên đẹp! Và tương lai của các cháu cũng sẽ đẹp tuyệt vời!

Khuôn mặt của bọn trẻ đỏ lên vì bối rối và vui sướng.

Không chỉ được người lớn mà còn là một đức ông không quen biết khen ngợi, quả là vinh dự!

– Ba mẹ của các cháu là ai?

– Chúng cháu từ tộc họ Caab, – Tug-Anseng trả lời, – mẹ của chúng cháu tên Osh-Tro, còn ba của chúng cháu tên Sanic là nông dân ở vùng này.

– Quả là hạnh phúc! – Anaib-Ungir thốt lên, ông quay về phía người cùng đi. – Ngay cả những cái tên cũng tạo nên may mắn!

– Vâng, đây là dấu hiệu vĩ đại! – Ông trả lời, kính cẩn cúi đầu.

– Chúc các cháu khỏe và may mắn, Tug-Anseng và Shang! Chúng ta sẽ còn gặp nhau, giờ thì tạm biệt! – Anaib-Ungir nói.

– Tạm biệt ông!

– Hãy lập tức báo cho ba mẹ các cháu biết là hôm nay các cháu được trò chuyện với thầy Trưởng tế của thần Tóc xanh vĩ đại, và thầy rất hài lòng vì ba mẹ các cháu có những đứa con ngoan, – người đi cùng với Anaib-Ungir nói thêm.

Tug-Anseng và Shang quì xuống, chúng lo sợ và kính cẩn nhìn những người lớn. Chúng sợ hãi vì vinh dự chưa từng có bỗng nhiên đến với chúng.

– Đi chơi đi các cháu, đi đi! – Thầy Trưởng tế khoát tay.

Vui mừng vì được phép, bọn trẻ đứng lên và biến mất vào cánh rừng bên cạnh, ở đó chúng lại thì thầm trò chuyện với nhau về

những gì đã xảy ra. Chiếc đầu bằng đất sét nặn nằm lơ lửng trên thảm cỏ.

Thầy Tư tế lặng lẽ nhìn theo bọn trẻ mắt hút vào rừng. Sau đó thầy trợ tế Mishpitiacuc cúi xuống nhặt chiếc đầu đất sét lên.

– Giống lắm, – ông nhận xét, – thằng anh có năng khiếu nặn tượng.

– Còn một điều nữa, – Anaib-Ungir nói, – đôi tay cùng huyết thống sẽ dễ làm hơn!

Thầy Trưởng tế bước tiếp trên con đường làng, Mishpitiacuc quăng chiếc đầu đất sét và bước theo.

Buổi tối, bọn trẻ lo lắng và tranh nhau kể cho cha mẹ của chúng nghe về cuộc gặp gỡ bất ngờ. Những giọt nước mắt vui sướng lăn trên gò má của Osh-Tro.

– Có thể các con sẽ được hạnh phúc hơn mình. – Osh-Tro nói với niềm hy vọng mong manh. – Nếu thầy Trưởng tế của thần Tóc Xanh quan tâm đến chúng.

– Tất cả đều có thể, – Sanic trầm ngâm trả lời, – nhưng hiện nay bọn trẻ cần phải quên những gì đã xảy ra. Đó là điều nguy hiểm! Đừng nhắc lại những gì đã xảy ra hôm nay, chúng sẽ nhanh quên thôi. Còn nếu sẽ xảy ra thì đó là ý trời!

Các thầy Tư tế tiếp tục cuộc dạo chơi. Rời khỏi Hochtung, họ đi khá lâu theo con đường mòn quanh co giữa những cánh đồng đã gieo hạt, sau đó đi qua làng khác. Họ đi ngang qua một ngôi nhà đơn giản nhưng sạch sẽ. Một bé gái khoảng bốn tuổi đang chơi trước nhà, thấy Anaib-Ungir, bé vội vàng lao về phía người mẹ đang bận rộn bên bàn mài củ. Có lẽ bé sợ vẻ mặt và cách phục sức không bình thường của những người lạ.

Áp sát vào chiếc lưng đang cúi xuống của mẹ, bé gái khóc nức lên.

- Khẽ chứ, khẽ chứ Tiang! – Người mẹ vừa nói vừa âu yếm con.
- Sao con khóc? Sao con gái yêu của mẹ lại sợ?

Tiang chỉ nín khóc và hết hoảng hốt khi hình dáng cao lớn của thầy Trưởng tế đã khuất.

Đêm đó Anaib-Ungir thấy giấc mơ kỳ lạ: một bé gái nhỏ ngồi trên ngực ông, cổ ông bị đôi tay bé nhỏ của em bóp chặt đến mức ông bắt đầu thở khò khè và thấy ngợp.

Anaib-Ungir thức dậy, uống nước, đi lại một lát trong phòng rồi nằm xuống, ông nhanh chóng thiếp đi.

Hôm sau ông hoàn toàn quên cơn ác mộng kỳ lạ.

MƯỜI NĂM SAU

Các vùng ngoại vi Sao-Lorenzo. Mexico.

Thời gian gần như là điều quan trọng nhất trong những gì mà con người có được.

Thời gian trôi vùn vụt như vô cùng hối hả và không chút xót thương.

Con người bất lực khi muốn dừng bước thời gian dù chỉ trong giây lát. Nhưng con người cũng có quyền lực tối thượng đối với thời gian, đó là lấp đầy nó bằng sức lao động của mình. Vì mọi hình thức lao động sáng tạo chính là chiến thắng sự lãng quên và cũng là chiến thắng đối với vực thẳm thời gian.

Bản thảo, tranh, tượng, âm nhạc, nhà cửa, bản vẽ, máy móc – đó là sự cô đọng của ý nghĩ và cảm xúc, đó là một phần của dấu ấn thời gian, là sự khắc phục dòng thời gian khó hiểu.

Đối với con người, thời gian chuyển động không đều. Có những giây phút mà ta cảm thấy thời gian trôi chậm chạp và đông lại như sỏi nhựa thông đặc. Có những lúc, thời gian trôi nhanh như khói bay theo gió, tan biến như hơi thở trong băng giá. Thời gian trôi nhanh khi ta hạnh phúc nhưng lại lê lét khi ta bất hạnh.

Nhận thức của loài người về khái niệm thời gian là thành quả của trí tuệ vĩ đại. Lúc đầu nhận thức đó rời rạc, dè dặt – ngày rồi đêm, đêm rồi lại ngày, – thông qua những mốc, những hiện tượng có chu kỳ, bắt đầu từ mùa và kết thúc là vũ trụ. Hiện tượng này

làm loài người nhận thức được những vấn đề máu chốt, từ sự phát triển của cá nhân con người đến toàn bộ vũ trụ mệnh mông. Học thuyết về sự thay đổi cần thiết của hình thái xã hội và giả thuyết về vũ trụ giãn nở hoàn toàn xa lạ đối với những người ở thời kỳ đồ đá cũ, họ là những người đầu tiên suy nghĩ về khái niệm thời gian. Nhưng con đường tri thức lắm chông gai đó, con người đã mắc không ít sai lầm. Chúng ta sẽ thấy điều này trong câu chuyện sau.

Thời gian vô hình bay qua kinh thành Nivanna Tracbolai. Ngày đêm và bốn mùa đều đặn tiếp nối nhau. Cây nở hoa, kết trái, dâng hạt cho mặt đất đầy khát vọng, rồi chìm vào tĩnh lặng và lại nở đầy hoa. Người nông dân lao động trên đồng ruộng, thợ thủ công trong các xưởng, các lãnh chúa quản lý nông dân và dự yến tiệc trong cung điện, các thầy Tư tế cầu khẩn thần linh và theo dõi việc thực hiện những nghi lễ cần thiết... Sự việc luôn diễn ra như vậy và mãi mãi sẽ như vậy... Đôi khi những bất hạnh bất ngờ xảy đến cắt đứt sự đều đặn của cuộc sống, nhưng điều này lại càng khẳng định thêm sự vô thường của cuộc sống.

Cùng với thời gian, mỗi ngày, mỗi đêm lại có những biến đổi nhỏ bé, vô hình. Chúng tích tụ và dần dần lộ ra. Người già mất đi, nhưng họ không tin và không hiểu là mình đã già. Trẻ con được sinh ra và lớn lên, trưởng thành.

Mười năm qua đã có nhiều thay đổi trong cuộc sống của Shang, Tug-Anseng và Tiang. Sanic mất đi mà vẫn chưa được nhìn thấy con mình hạnh phúc. Hai năm sau cái chết bất ngờ của Sanic, lời tiên đoán của thầy Trưởng tế đền thờ thần Tóc xanh bắt đầu thành sự thật. Thầy trưởng quản điêu khắc của kinh thành tự tìm đến nhà Tug-Anseng và nói rằng, theo lệnh bề trên cậu bé sẽ được học nghệ thuật điêu khắc. Từ đó về sau Osh-Tro và Shang ít được gặp Tug-Anseng: cậu bé sống trong khu vực khác của thành phố rộng lớn và ít khi được về thăm gia đình.

Shang tròn 18 tuổi, chàng đã nhận lãnh những phép thánh cần thiết nhưng đơn giản để trở thành người nông dân, và làm việc trên đồng ruộng như cha chàng.

Cuộc sống của Anaib-Ungir có nhiều biến đổi: ông trở thành Thượng tế của kinh thành Nivannaa-Tracbolai, chức sắc tôn giáo cao nhất vương quốc. Ông béo ra và ánh mắt càng lạnh lùng hơn, tàn nhẫn hơn. Giờ đây ông hầu như không ra khỏi thành Thượng, mặc dù biết rõ mọi việc ở khắp nơi. Nếu phải ra khỏi thành, ông ngồi trên chiếc kiệu lộng lẫy do những nô lệ khiêng. Anaib-Ungir thấy hạnh phúc vì mọi người sợ ông. Mishpitiacuc vẫn là người thân cận nhất của Anaib-Ungir.

Những lãnh chúa mới, Tư tế mới, thay vào chỗ những người đã mất. Tumeh-Sahing được chọn làm trưởng tế của thần Tâm đất – vị thần ghê sợ của âm phủ, động đất và núi lửa. Ông nổi tiếng là người sùng tín, khắc nghiệt và nghiêm túc trong việc thực hiện các lễ nghi.

Kinh thành Nivannaa-Tracbolai phát triển. Những cung điện tráng lệ nguy nga, kiêu hãnh vượt lên trên những nền nhà cũ mà Quốc vương đã khuyến khích xây dựng.

Được mùa liên tục. Thuế nộp cho các lãnh chúa đầy đủ, kho lẫm đầy ắp. Thương mại sầm uất. Những đoàn thồ hàng từ kinh thành tỏa đi các nước xa xôi. Một, hai năm sau họ trở về, mang theo những loại hàng quý hiếm: đá quý, hương liệu và quả tiên cacao, loại quả làm ra thứ nước uống thần diệu tăng lực cho các lãnh chúa.

Tiang gần như là cô gái trưởng thành, nàng 15 tuổi. Giống như cái tên của mình, Tiang lớn lên mảnh mai như cây thông non. Trong thời gian này, do bị bệnh đường ruột cấp tính nên ba mẹ nàng và cả đứa em trai mới chập chững biết đi đều qua đời. Một

người bà con xa đưa Tiang về nuôi. Đó là chú Maash, một người đàn ông góa vợ suốt đời cau có và là cha của hai đứa trẻ.

Tiang bận rộn suốt ngày, cuộc sống của nàng không có niềm vui.

Nhưng đã đến lúc chúng ta tạm biệt vương quốc Olmec, hoặc như người Olmec gọi đó là vùng Đất Đỏ. Chúng ta vượt Đại Tây dương và Địa Trung hải, đến đất nước Ai Cập cổ – Kemt, có nghĩa là Đất Đen. Những sợi chỉ ngẫu nhiên kỳ lạ, mà cũng có thể là định mệnh, đã một lần liên kết cuộc sống của cư dân vùng đất Kemt – cư dân của lưu vực sông Nil, với vùng đất Olmec xa xôi.

Khác với đất nước Olmec non trẻ, thời đó Ai Cập là một quốc gia thống nhất đã hơn 2.000 năm. Trong suốt quá trình lịch sử lâu dài, vùng đất Kemt đã trải qua những giai đoạn thăng tiến, những thời kỳ sụp đổ, những cuộc bạo loạn của giới quý tộc, những cuộc khởi nghĩa của nhân dân bị đàn áp dã man. Lúc đó, Ai Cập bị chia thành hai đế quốc độc lập: Ai Cập Thượng có kinh đô ở thành Fiva cổ và Ai Cập Hạ do pharaon Nesubanebjed cai trị ở thành Tanis.

CHƯƠNG I

CUỘC CHẠY TRỐN

Fiva. Chúng ta đi khỏi đây. Chúng ta đi xa... Ai Cập.

• “Popole-Vuh”

“CHIM ƯNG ĐÃ CẮT CÁNH!”

Mặc dù người báo tin đã rời khỏi phòng từ lâu, nhưng những lời nói khủng khiếp vẫn tiếp tục vang bên tai của Suembahamon.

Mọi việc đã không còn bí mật nữa! Chỉ còn là thời gian... Họ sẽ đến bắt ông sau vài giờ hoặc vài ngày nữa, đằng nào cũng vậy thôi! Thoạt đầu là sự nhục nhã vì những lời đàm tiếu, cơn thịnh nộ của pharaon và thầy Tư tế toàn quyền Amon – chủ nhân thực sự của đất nước, sự tra tấn từ từ của pháp viện, mà thành viên có thể là thuộc cấp trước kia của ông, và tiếp đến là cọc nhọn! Chiếc cọc gỗ đâm nát ruột gan, đau đớn hành hạ không chịu nổi, cơn khát giày vò và cái chết nhục nhã không được chôn cất, không toàn thây và không mồ mả! Tại sao, tại sao ông lại mò vào kho xác của các lãnh chúa Hapi đã chết từ lâu. Rõ ràng đây là sự trả thù cho việc xâm phạm cõi yên lặng vĩnh hằng của họ, trả thù cho số phận khủng khiếp, mà số phận đó đang chờ đợi mọi người dân Ai Cập bị tước quyền được chôn cất xứng đáng.

Nhưng tại sao ông lại nghĩ đến pháp viện? Tại sao ông lại đánh mất lý trí của mình? Chẳng lẽ ông đã không dự tính đến tình huống này sao? Không, ông – Suembahamon – luôn cẩn thận suy nghĩ tất cả những điều đã làm. Ông cũng đã tính đến trường hợp việc làm bí mật của ông vô tình bị phát hiện. Chỉ cần làm theo kế

hoạch đã định. Chẳng lẽ trên sông Nil không sẵn có một chiếc thuyền đã chuẩn bị cho cuộc chạy trốn đó sao? Chỉ cần nhanh lên, không được để mất những giây phút quý báu!

Giờ đây sự bình tĩnh thường ngày hình như đã quay về với vị phó tổng đốc thành Fiva vĩ đại. Chậm rãi, oai vệ như mọi khi, ông rời ghế bành, bước đến cửa sổ và khẽ vỗ tay.

– Thắng con Tốc độ và Tráng lệ, chuẩn bị ra khỏi vườn!

Nhanh lên! – Ông ra lệnh cho người hầu trẻ vừa chạy vào.

Điều gì sẽ xảy ra với vợ và các con của ông? Ông sẽ nghĩ đến điều này trên đường đi. Giờ đây chỉ quan trọng có một điều: lên tàu thật nhanh! Rời khỏi đây thật nhanh!

Suembahamon đứng lại vài giây trước bức tượng cha mẹ đã mất. Cha đứng sát mẹ bình thản và hiền từ nhìn thẳng về phía trước, miệng mỉm cười. Người con cúi xuống thật thấp để chào bức tượng cha mẹ mình và lặng lẽ bước ra khỏi phòng. Ông cảm thấy chân mày của cha như nhíu lại, như người nhận thấy được việc đã xảy ra...

Khi đi qua vườn cây mát lạnh sương sớm, quan đại thần đau khổ kìm mình bước đi chậm rãi như mọi ngày. Không để cho ai đoán là ông đang vội đi đâu đó; sau này bọn chó săn sẽ đào bới đến từng chi tiết, không được để lại dấu vết! Tiếc một điều là ông không thể tạm biệt mấy đứa con... Bởi vì ông không bao giờ có thể gặp lại chúng được nữa! Một cái gì đó như bóp nghẹt cổ họng Suembahamon. Nhưng tất cả những gì ông làm là vì chúng nó!

Người quản gia Nuri đứng kính cẩn ở cổng sau, chờ tiễn chủ nhân của mình. Thôi kệ, mặc cho hẳn biết là ta đã ra đi vào lúc hừng đông.

– Ta muốn tắm trong lòng Hapi thiêng liêng. Cứ để bà ăn sáng vắng ta!

Không hề biểu lộ sự ngạc nhiên của mình trước tính khí kỳ lạ của ông chủ, người quản gia cúi gập mình xuống:

– Vâng, thưa ngài! – và ngập ngừng nói thêm, – Bà Rennefert sẽ rất buồn...

Không trả lời, quan đại thần bước lên chiếc xe ngựa nhẹ được trang trí sắc sảo, nhận dây cương từ tay tên nô lệ. Ông nhanh nhẹn cho xe chạy nước kiệu.

Đường phố kinh đô hầu như còn trống vắng. Thi thoảng thấp thoáng bóng những người gánh nước sớm và những tiểu thương chở hàng bằng lừa. Họ hoảng hốt vì tiếng động của chiếc xe ngựa. Những bức tường cao, dài, bao bọc lâu đài cùng vườn cây, dần dần nhường chỗ cho những ngôi nhà khiêm tốn hơn của các quan lại, sau đó là những túp lều nghèo, tường đất và mái cỏ thấp lè tè. Không khí mát lạnh: nước sông Nil bị ngăn cách bởi nhà cửa, lâu đài trong thành phố, giờ đây mặc sức mơn man khách lữ hành bằng hơi thở ban mai của mình.

Đường đã đông hơn, nhưng phó tổng đốc vẫn quất ngựa không thương xót. Dù có ai trông thấy ông trên con đường này thì ông cũng không để cho bọn mật thám moi được gì mới. Việc tìm kiếm sẽ trở nên khó khăn!

Phóng như điên cuồng được một lúc, Suembahamon bắt đầu ghìm ngựa lại. Đây là chỗ ông chọn trước để hành động trong trường hợp bất hạnh.

Vội vã bước ra khỏi xe, ông buộc ngựa vào cây cọ cao và bước xuống mé nước. Nếu sứ giả của quan tể tướng không xuất hiện trong nhà ông trong vòng hai giờ nữa thì báo động đầu tiên sẽ là người nhà của ông. Phải nhanh chóng rời khỏi nơi đây!

Suembahamon cởi quần áo, xếp gọn cẩn thận. Tất cả những việc này sẽ được xem xét, kiểm tra không chỉ một lần. Chỉ một khác

biệt nhỏ so với thói quen hàng ngày sẽ tạo nên những nghi ngờ mới. Như vậy, được rồi! Tất nhiên người ta sẽ ngạc nhiên: sao quan đại thần lại tắm một mình ở một nơi hoang vắng mà không có người hầu, trong khi ở nhà có một hồ tắm tuyệt vời! Nhưng Rennefert và cả những người hầu sẽ xác nhận là gần đây đôi khi ông vẫn làm như vậy. Đúng ra là họ sẽ thêu dệt thói cầu kỳ bình thường, còn cái chết của ông sẽ được cho là một sự ngẫu nhiên nào đó. Những điều này sẽ kéo dài thêm thời gian và sẽ làm mất dấu vết.

Giờ đây phải bận quần áo khác. Từ dưới một tảng đá ở bờ sông, quan đại thần lấy ra bộ quần áo thợ. Nó hơi cũ, nhưng càng tốt... Chỉ cần lúc này đừng gặp phải một cảnh binh nào đó: hấn sẽ tò mò và có thể nghi ngờ. Nhanh lên, nhanh hơn nữa! Bây giờ phải bôi bùn lên tay và mặt...

Ánh mắt của quan phó tổng đốc rơi vào những chiếc nhẫn khối đeo trên tay. Phải bảo quản những thứ này, ông không muốn xa chúng. Tháo ra khó quá! Nhét chúng vào đây, nhét vào khố. Nhanh lên, nhanh nữa lên!

Hai phút sau quan đại thần đã cải trang thành người hoàn toàn khác lạ. Đưa mắt lo ngại nhìn quanh, ông vội vàng rời khỏi vị trí nguy hiểm. Con Tráng lệ – một trong hai con ngựa đực bỗng nhiên ngẩng đầu hí dài, dường như tạm biệt ông chủ.

Suembahamon đi dọc bờ sông giống như quay trở lại Fiva. Điều này cũng đã được tính trước: nếu mọi người tin rằng ông bị chết đuối khi tắm sông, họ sẽ tìm xác ông ở hạ lưu. Nếu bọn chó săn cảnh binh truy tìm kẻ tội phạm, tất nhiên chúng sẽ xét những người ra khỏi thành phố chứ không xét người đi vào thành phố.

Trong ngày hôm đó thành công vẫn phù hộ Suembahamon. Không thấy bóng dáng một cảnh binh nào dò xét khách trên đường, cũng không thấy người hầu của ông bơi thuyền trên sông.

Xung quanh yên tĩnh bình thường. Nửa giờ sau ông gặp được người mà ông mong đợi, không dám hy vọng lắm, bởi vì đó là khâu yếu nhất trong kế hoạch của ông – lão già đánh cá. Lão ngồi trên thuyền, buồn rầu nhìn mẻ lưới nghèo nàn của mình.

– Bố, cho con qua bờ Tây, – ông đề nghị, – con cần qua gấp và sẽ trả công hậu!

Lúc đầu lão già nhìn một cách ngờ vực, nhưng sau khi nhận trước hai chiếc nhẫn đồng, lão yên tâm và vui mừng vì khoản phụ thu bất ngờ. Lát sau chiếc thuyền nan đã cắt dòng sông Nil lao đi.

Lão đánh cá không hỏi Suembahamon điều gì, có lẽ lão cho rằng ông là phu của nghĩa trang đi chơi đêm qua. Quan đại thần bước lên bờ, lão đánh cá nói theo:

– Nhớ nhé, chiếc gậy của bọn giám thị thích ghè trên lưng bọn say xỉn lắm đó!

Suembahamon cố làm ra vẻ có lỗi và nhanh chóng rời khỏi bến sông. Nhưng khi lão già vừa quay đi, ông lộn trở lại và vài phút sau Suembahamon đã đến cạnh chiếc tàu của mình.

Đây là chiếc tàu nhỏ, tốc độ cao, được dùng cho những chuyến dạo chơi trên sông Nil, bên ngoài tàu không có vẻ gì đặc biệt. Đội tàu gồm hai nô lệ đặc biệt tin cậy, ba thủy thủ và tài công. Trong hai chiếc rương nhỏ giấu kín trên mạn tàu là tất cả tài sản của kẻ đào tẩu.

Tài công Irinefer, hình như hoàn toàn không ngạc nhiên vì sự xuất hiện của ông chủ trong bộ y phục kỳ lạ như thế này. Ông yên lặng cúi chào Suembahamon, vẻ mặt của tài công nói rằng ông đang đợi lệnh.

– Lập tức lên đường, hướng về Delta! – Phó tổng đốc nói ngắt quãng. – Ta nghỉ trong phòng.

Tàu lên đường. Kẻ trốn chạy nằm trên giường và cố ngủ, nhưng

giấc ngủ không đến: sự kích động vẫn còn quá mạnh.

Suembahamon không hề hay biết là cuộc trốn chạy của ông hoàn toàn vô ích. Cuộc điều tra cướp lăng mộ hoàng đế chỉ bắt đầu sau đó một tháng, khi tất cả những âm ỉ về cái chết bất ngờ của ông trên sông Nil đã dịu đi. Những người không biết Suembahamon, khi bị thẩm vấn đều không nhắc đến tên ông. Còn những người biết ông thì do địa vị cao và những món quà hào phóng của ông, họ né tránh cuộc truy xét. Ông không biết rằng vợ và các con của ông đã được pharaon an ủi sau cái chết bất ngờ và vô nghĩa của người chủ gia đình. Suembahamon không bao giờ biết rằng cuộc đào tẩu của ông là vô ích.

CHƯƠNG II

NHỮNG KẺ CƯỚP LĂNG MỘ HOÀNG ĐẾ

Sông Nil. Ai Cập.

Amenpanefer được đưa đến. Đó là con trai của Inhernehet, mẹ của hắn là Meri thuộc họ tộc Kush, thợ chế đá của đền thờ Amon, do thầy Tư tế Amon cai quản đầu tiên. Hắn bị hỏi cung, tra tấn và bẻ gãy chân tay.

Hắn nói: “Tôi đến các lăng mộ ở Tây Thành với bọn trộm đã quen biết trước đây. Chúng tôi lấy lúc thì bạc, lúc thì vàng được tìm thấy trong các lăng mộ và trong các bình tế ở đó. Chúng tôi cạy các lăng mộ đá bằng những chiếc đục đồng. Chúng tôi mang đi những cỗ quan tài bằng gỗ bên trong, trong đó có vàng. Chúng tôi đập quan tài ra; và đốt chúng tại lăng mộ vào ban đêm. Chúng tôi lấy lúc thì vàng, lúc thì bạc mà chúng tôi tìm thấy ở đó; rồi chúng tôi chia nhau”.

• (Trích từ Biên bản hỏi cung những kẻ bị buộc tội cướp lăng mộ. Năm thứ 16 triều Ramses IX).

Nằm trong phòng, Suembahamon xét lại tất cả các khâu của chuỗi xích các sự kiện bất hạnh, bắt đầu từ sự vô tội...

Sự việc bắt đầu từ Paveraa quyền uy, tổng quản phía tây thành Fiva, tổng vệ binh của lăng mộ hoàng đế. Một lần Paveraa cho ông xem chiếc chữ thập bằng vàng khối gắn trên sợi xích nặng trĩu

được trang trí tao nhã. Cả hai vật đều bằng vàng có sắc hồng tuyệt đẹp mà từ trước đến giờ Suembahamon chưa từng thấy. Không như một số đại thần khác, phó tổng đốc chưa phải là người say mê hoặc uyên thâm về đồ cổ, nhưng ông vô tình nhận thấy tính cổ của đồ vật, kiểu cách hiếm, mạnh và thô của tác phẩm. Màu sắc kỳ lạ của kim loại đặc biệt hấp dẫn ông.

Suembahamon đã giấu được sự say mê và thèm khát thực sự trong đời ông là vàng. Ánh lấp lánh và sức nặng hấp dẫn của thứ kim loại này đã mê hoặc ông, ông có thể ngồi hàng giờ lật đi lật lại trong lòng bàn tay mình miếng vàng nặng, cảm nhận sự thống trị của nó, ngắm ánh lấp lánh trên bề mặt nhẵn bóng của nó. Những màu sắc hiếm – vàng lục, vàng hồng, vàng trắng, làm Suembahamon vui thích vô bờ.

Say đắm màu sắc của vàng, ông hỏi Paveraa kiếm những thứ này ở đâu, tổng vệ binh của lãng mộ trả lời lấp lửng là quà của người này, người kia mà ông ta không thể nhớ được. Cuối buổi trò chuyện thân mật kéo dài suốt gần hai giờ, tổng vệ binh bỗng nói: “Hình như ngài thích chiếc chũ thập. Hãy nhận món quà này của tôi. Tôi sẽ rất vui nếu ngài đồng ý. Chỉ đề nghị một điều: đừng đeo nó trong những dịp lễ hội!”

“Lúc đó ta nên cảnh giác điều bất thường ấy, – giờ đây Suembahamon buồn bã suy nghĩ. – Nếu lúc đó ta từ chối món quà hào phóng và bất ngờ đó thì mọi việc đã khác. Nhưng than ôi, ta như con khỉ tham lam vô lấy quả chà là, bây giờ ta phải nhận cây thập tự!”

Ô! Những món đồ cổ ấy của cuộc sống chỉ là miếng mồi, còn mi như con cá ngu ngốc đã nuốt và mắc câu. Giờ đây ngư ông từng trải chỉ cần kéo con mồi từ từ trước khi nhấc nó khỏi mặt nước. Paveraa là tay đi câu những tâm hồn yếu đuối!

Một tháng sau trong kinh thành đồn rằng, một bọn cướp đã đập

và cướp lăng mộ công chúa Tahorduenist, Suembahamon hoảng sợ thật sự. Giờ đây ông đã hiểu chiếc thập tự từ đâu mà có. Ông giấu báu vật vào một góc vắng của vườn cây và run sợ chờ nổi bất hạnh.

Tuy nhiên không có điều gì xảy ra. Những đồn đại về vụ cướp lắng dần, nhưng sau đó toàn vùng Fiva lại kháo âm lên về cuộc cãi cọ giữa tổng quản lăng mộ Paveraa và tổng đốc thành Nebmaatranah. Không ai rõ nguyên nhân, nhưng những người hóm hỉnh của kinh đô trở tài dự đoán với nhiều cách tinh tế nhất. Chính ngài tổng đốc đã tin cậy nói với Suembahamon là ông ta nghi ngờ Paveraa đã làm những việc ghê tởm.

Gần một tháng nữa trôi qua, một chàng trai cao lớn, vai rộng, có khuôn mặt khó coi, cố xin được gặp quan phó tổng đốc, chàng nói rằng có tin khẩn và mật. Khi viên thư lại đã lui ra theo lệnh của Suembahamon, tín sứ đặt xuống chân quan đại thần một gói nhỏ và nói thêm: “Ông Paveraa gửi cho ngài những hạt sen vĩnh cửu”, rồi biến mất.

Khó khăn lắm Suembahamon mới đem được gói quà về nhà. Ông đã đoán được thứ gì trong đó. Giam mình trong phòng ngủ và tự nhủ không được hồi hộp, vị đại thần mở gói quà bất ngờ. Sau vài lớp vải quấn chặt là mười viên gạch bằng vàng. Tất cả đều là loại rất tốt: rõ là vàng được nấu lại, còn vàng lấy từ những lăng mộ cổ phải có dấu hiệu riêng.

Suembahamon vui gấp hai lần. Thứ nhất – ông đã tăng thêm kho báu của mình. Quan đại thần nhẹ nhàng xếp các viên gạch vào chiếc rương lớn bằng gỗ bá hương đặt cạnh giường của ông. Thứ hai – mặc dù trên thỏi vàng không có dấu hiệu “Nefer” (tốt) – chúng tỏ vàng đã được qua kiểm tra tại kho báu quốc gia, nhưng đây vẫn là kim loại quý. Do đó, vị phó tổng đốc suy luận, không thể vạch tội ông dựa vào số vàng này. Tối đó ông đặc biệt dịu dàng với người nhà.

Hai ngày sau Suembahamon được mời đến nhà của Maannahtuf – quan tổng quản kho của pharaon. Gia chủ lịch sự mời vị đại thần đi xem vườn cây, đưa ông vào chòi nghỉ. Paveraa đang ngồi ở đó. Maannahtuf xin lỗi và lui ra. Lúc này quan phó tổng đốc mới hiểu mọi việc.

Lần này Paveraa không nói nhiều.

“Honsuemheb mang vàng đến, ngài đã nhận được chưa?”. Tổng quản lẳng mộ vào đề ngay, bỏ qua những lời chào hỏi bình thường.

“Vâng!” – Suembahamon bối rối trả lời, giờ thì ông mới biết chàng trai hôm trước là Honsuemheb.

“Tốt! Hàng tháng anh ấy sẽ đem đến nhà ngài số lượng đúng như vậy – 10 deben vàng. Ngài xem sẽ gặp anh ấy ở đâu và như thế nào? Tôi đánh giá cao tình bạn của chúng ta. Nhưng không ai được biết đến nó, điều đó không có lợi gì. À, ngài vẫn thường gặp Nebmaatranahat chứ, các ngài có thường nói về tôi không?”.

Bị bất ngờ, Suembahamon ngắt ngữ kể cho Paveraa nghe về cuộc đàm thoại của mình với ngài tổng đốc.

“Ồ, không có gì mới, – tổng quản lẳng mộ lạnh lùng nói, – nhưng ngài Suembahamon đáng kính, nếu biết được điều gì đó quan trọng đối với tôi, ngài sẽ báo cho tôi biết như một người bạn chứ? – Và sau đó, cú sát gần như chạm vào mặt Suembahamon, Paveraa thì thầm:

– Đừng sợ! Không ai và không bao giờ có thể biết tại sao ngài có số vàng đó! Nếu bỗng nhiên có nguy hiểm, tôi sẽ cử lính báo tin đến chỗ ngài với mật khẩu: “Chim ưng đã cất cánh!”. Đây sẽ là tín hiệu nguy hiểm. Ngài nhớ rồi chứ? – “Chim ưng đã cất cánh”. Bây giờ thì tạm biệt! Không được để người ta thấy hai chúng ta ở một chỗ!

Tổng quản lẳng mộ biến mất không một tiếng động sau hàng

nho che phủ chòi nghỉ. Suembahamon vẫn còn ngồi lâu trên ghế, bối rối, hồi hộp.

Ông đã bị biến thành một tên gián điệp được trả tiền. Ông, một trong những đại thần của hoàng triều pharaon, người có vợ là ca sĩ của đền thờ thần Amon vĩ đại, ông đã trở thành gián điệp của một tên ăn cướp, một kẻ đê tiện xúc phạm đến lăng mộ của các hoàng đế! Có thể mai đây bọn kẻ cướp sẽ xâm nhập vào cả lăng mộ của tổ tiên ông! Không, dĩ nhiên bọn chúng sẽ không làm điều này. Paveraa sẽ không làm điều này! Chắc hẳn biết phải ăn cướp mộ ai, và hẳn không muốn chọc tức Suembahamon. Không phải ngẫu nhiên mà hẳn đã hào phóng ban thưởng cho sự im lặng của ông. Vâng, chỉ nhờ sự im lặng của ông thôi, bởi vì ông không làm lợi gì cho hẳn, thậm chí không có thông tin gì mới...

Dần dần hai má của quan đại thần hồng trở lại. Ông hít sâu vào, bẻ một bông hoa, lơ đãng ngửi. Tinh thần trở nên bình thản hơn.

Ồ, xúc phạm lăng mộ là việc làm khủng khiếp, hành vi đó đê tiện đối với trời, đất. Có thể gọi Paveraa là kẻ đầu tiên cả gan làm việc này hay không? Suembahamon nhớ lại câu chuyện của ông cố mình, lúc còn trẻ cụ đã thực hiện lệnh của Usermaat-Rasetepenra-Ramessu-Meriamon – Vị pharaon vĩ đại nhất. Theo lệnh của vị Thần thiện^[1], ông cố đã tổ chức khai thác đá ở kim tự tháp của pharaon Snofru thành phố Jed-Snofru và chở các phiến đá về cho công trường của hoàng đế ở Nen-Nesut. Như vậy, ngay cả hoàng đế vĩ đại của Ai Cập cũng đã trở thành kẻ xúc phạm sự yên tĩnh của các hoàng đế cổ. Ông tự an ủi mình, đối với các vị thần thì mọi sự đê tiện đều như nhau: đánh cắp vàng hay đá của người chết cũng như nhau. Còn ông, Suembahamon, tự tay mình chưa bao giờ và sẽ không bao giờ đụng vào hài cốt của người lạ. Những người khác làm việc này, gánh nặng tội lỗi sẽ đè nặng lên vai, lên đầu họ.

Vàng lọt vào tay ông không rõ nguồn gốc như thế nào. Có thể Paveraa đưa vàng của mình cho ông, đó là đồ thừa kế của hắn.

Sau khi đã hoàn toàn trấn tĩnh, Suembahamon rời khỏi chòi nghỉ. Với nụ cười lịch sự, ông đi tìm Maannahtuf. Trong bữa tiệc, ông vui và nói nhiều, không ai nhận ra rằng Suembahamon uống rượu nhiều hơn bình thường.

Dù sao đi nữa, câu chuyện với tổng quản lăng mộ không thoát ra khỏi tâm trí của quan đại thần hèn nhát và lấu cá. Suembahamon bắt đầu lập kế hoạch cứu mình khi câu chuyện nhục nhã này bại lộ và tên tuổi của ông sẽ bị đập xuống bùn nhơ. Vì thế, ông thấy tốt nhất là nên bí mật chạy trốn về Delta, dưới sự cai trị của Nesubanebjed. Hiện nay tình hình có vẻ thuận lợi cho ông. Sau nhiều lần nhận quà và sự phục vụ của ông, chủ nhân của Ai Cập Hạ – Nesubanebjed – pharaon vĩ đại của Delta từ hai năm nay đã tự nhận mình là bạn của vị phó tổng đốc Fiva, ngài thường cử tín sứ đưa thư mời ông đến chơi.

Tuy nhiên Suembahamon không vội vàng gì mà phải từ giả thành phố thân yêu này. Lý do không chỉ vì thời gian đã làm tan dần nỗi sợ hãi của ông, mà vì những thỏi vàng thường xuyên làm nặng thêm chiếc rương của ông.

Phó tổng đốc hai lần biết được là Nebmaatranaht cử mật vụ đến khu lăng mộ, ông đã báo tin này cho Paveraa. Và bọn chó săn biến mất không để lại dấu vết. Tổng đốc kinh đô không hiểu tại sao kế hoạch bị vỡ, ông nổi điên lên nhưng không thể nghi ngờ viên trợ lý của mình.

Nhưng dù sao đi nữa thì chuyện bí mật cũng bị lộ! Vì sao? Suembahamon lo lắng trần trọc trên giường... Nhưng điều này giờ đây có ý nghĩa gì? Giờ đây chỉ có một điều quan trọng: nhanh chóng đến được lãnh thổ của Nesubanebjed, chỉ ở đó ông mới được an toàn.

Ai sẽ là quan tòa khi điều tra vụ cướp lăng mộ? Tất nhiên chính Nebmaatranah, sau đó là đại quản lý Inis của pharaon, sau nữa là một người nào đó trong số thư lại của hoàng đế... Suembahamon nhớ lại lời thề mà ai cũng phải tuyên thệ khi ra trước pháp viện. Những lời nói long trọng và hà khắc vang lên trong tai ông: “Như thần Amon đang tồn tại, như hoàng đế đang tồn tại, chúc ngài sống, khỏe mạnh và trường tồn! Nếu phát hiện thấy tôi có quan hệ với một trong số bọn cướp, tôi sẽ bị què quặt...”

Mồ hôi lạnh thấm ướt người Suembahamon. Giấc mơ thấy pháp viện làm ông kinh hoàng. Ngài tổng đốc sẽ điên lên – trợ lý của ngài lại là kẻ phản bội! Không thể hà tiện cực hình được. Kẻ đào tẩu cảm thấy con tàu chạy chậm quá. Nhanh lên, hãy thoát nhanh khỏi ranh giới của đế quốc Ai Cập!

Tên nô lệ Penniut thò đầu vào cửa buồng:

– Thưa ông chủ, dùng cơm trưa được chưa?

Sau cái gật đầu im lặng của Suembahamon, tên nô lệ biến mất và sau đó quay lại với chiếc mâm. Trên những chiếc đĩa dẹt là hai con vịt quay đã nguội, rau, trái cây, một bình rượu ngọt và một bình nước lạnh. Sau cốc rượu đầu và muỗng củ cải cay ngâm mật, quan đại thần cảm thấy đói mềm và nhớ rằng cả ngày chưa ăn gì. Ông thấy các món ăn ngon kỳ lạ và thức ăn nhanh chóng biến mất. No căng vì thức ăn và rượu, Suembahamon lên giường và thiếp đi.

Quan đại thần ngủ rất lâu. Khi ông thức giấc, trong phòng đã tối. Suembahamon ì ạch bước lên boong. Con tàu tiếp tục cuộc chạy trốn không mệt mỏi về hướng bắc. Tài công khê lảm bảm hát một bài ca đơn điệu. Xung quanh tĩnh mịch và thanh bình. Những cánh rừng đen trên bờ chậm chạp trôi về phía sau. Trong đêm thỉnh thoảng lóe lên ánh lửa cô đơn.

Hằng nga tròn trĩnh, yên lặng tỏa sáng trên bầu trời. Dòng

Hapi lấp lánh bạc dưới ánh trăng. Bỗng dưng nỗi buồn sâu sắc bóp nghẹt trái tim Suembahamon, nỗi buồn cảm nhận được như cơn đau. Bởi vì sau vài ngày nữa ông sẽ vĩnh viễn chia tay với thế giới quen thuộc này, nơi ông sinh ra, lớn lên và hy vọng sẽ được nằm xuống đó! Mãi mãi không bao giờ ông còn được nhìn thấy dòng Hapi, không được uống thỏa thuê dòng nước ngọt của nó. Phó tổng đốc không tin vào may mắn mà kẻ đào tẩu Sinuhet ngày xưa đã gặp. Những hành động này không thể được tha thứ!

Suembahamon quay ngoắt lại và bước vào phòng. Lần đầu tiên ông cảm thấy những giọt nước mắt cay đắng của kẻ bị xua đuổi.

CHƯƠNG III

THỬ THÁCH

Sao-Lorenzo. Mexico.

Họ là những người thổi sáo, ca sĩ, những mũi tên bay ra từ ống thổi, họa sĩ, nhà điêu khắc, thợ cắt đá, thợ kim hoàn.

• “Popole-Vuh”

Tug-Anseng lo lắng. Chàng không để ý gì đến cái mát lạnh ban mai, không để ý gì đến làn gió nhẹ vuốt ve hai má nóng bừng của chàng. Hôm nay là ngày rất quan trọng đối với Tug-Anseng: chàng sẽ được giao một tác phẩm, sau đó chàng sẽ được công nhận là thợ chứ không còn là học việc nữa. Công việc quan trọng quá! Chàng làm nổi không? Nếu thất bại thì sao?

Sau buổi trưa Tug-Anseng được gọi đến nhà thầy tổng quản điêu khắc. Năm người thợ cả già đáng kính nhất ngồi trên chiếc chiếu lớn trong bóng mát của ngôi nhà, trong đó có Ah-Shooch – thầy của Tug-Anseng. Nét mặt bình thản một cách lạ thường cho thấy ông là người lo lắng nhất. Cuộc thử thách như thế này chỉ có một lần trong đời, người thầy được đánh giá qua tác phẩm của học trò. Bởi vì tạo được tác phẩm nghệ thuật là một việc, còn dạy được điều này, lại hoàn toàn là việc khác.

Ah-Shacan, tổng quản điêu khắc của thành NivannaaTracbolai, chăm chú nhìn Tug-Anseng đang cúi gập người, ông chậm rãi nói:

– Những năm học của con sắp kết thúc, chàng trai à! Bảy năm trời con tiếp thu kiến thức do thầy của con truyền dạy. Giờ đây đã

đến lúc con chứng tỏ cho mọi người thấy những năm học của con không vô ích và con đã nắm vững những gì thầy con đã truyền dạy. Cát hút nước nhanh, nhưng nước cũng thoát nhanh ra khỏi cát. Khó làm cho đất sét no nước, nhưng sét giữ nước bền, đặc biệt khi đã nung chín. Giờ đây chúng ta sẽ thấy trời tạo ra con từ loại vật liệu nào...

Ông quay lại nhìn những người thợ cả. Các ông già gật đầu xác định. Chỉ có Ah-Shooch vẫn bất động, khuôn mặt ông cứng lại như đá.

Ngừng một lúc Ah-Shacan tiếp tục:

– Giờ đây ta giao cho con một sản phẩm tuyệt vời của những người thợ đá. Nhiều ngày qua mọi người đã cắt, mài và đánh nhẵn cục đá vĩ đại này. Giờ đến lượt con. Con phải trang trí nó bằng hình vẽ của con, khắc nó một cách tự tin và thận trọng. Con cần thể hiện trên đó một thần đồng. Thời hạn làm việc cho con không nhiều – một tuần trăng rưỡi. Sau khoảng thời gian này, chúng ta sẽ lại họp mặt ở đây để nhận tác phẩm con đã hoàn thành... Trong khi làm việc con cần luôn nhớ rằng, chiếc rìu – đó là ba trong một. Nó là công cụ trong tay của thần mưa, do đó nó là vật mang nước đến, nhờ nó mà chúng ta mới có được hạt ngô đầu tiên – thực phẩm cho con người. Nhưng chiếc rìu cũng là công cụ của tử thần. Đá nephrit cũng là ba trong một. Nó là tượng trưng của nước, của cây xanh và cũng là của máu!

Hãy nhớ điều này mãi mãi!

Ah-Shacan mở miếng vải trắng đặt nằm trên đùi của ông, lấy ra một vật và đưa cho chàng trai.

Đó là chiếc rìu thon làm bằng loại đá tuyệt hảo màu xanh lục-dương. Quả thật những người thợ đá đã chế tác nó đến độ hoàn hảo. Đầu nhọn uốn cong đều, chạm vào thấy ớn lạnh. Chiếc rìu

nhấn bóng đến nổi như được bọc trong một lớp nước.

Mặt chàng trai đỏ lên. Chàng được giao làm một vật như vậy! Tug-Anseng biết rằng, nếu chàng làm hỏng chiếc rìu thì dù có lao động suốt đời chàng cũng không thể trả nổi.

Một thợ cả chồm người về phía trước thì thắm vào tai Ah-Shacan. Ông nói thêm:

– Đây là vật thiêng, nó chỉ được dùng cho những lễ nghi bí mật và vĩ đại nhất. Vì vậy, để khỏi xúc phạm đến nó, con phải qua tẩy rửa. Suốt thời gian làm việc, con ở trong rừng, không ai được thấy con cũng như tác phẩm của con. Thức ăn sẽ được mang đến ngưỡng cửa vào ban đêm. Khi hết thời hạn sẽ có người đến tìm con. Tạm biệt con, Tug-Anseng. Chúng ta chúc con lao động kiên trì và thành công!

Chàng trai cẩn thận gói bấu vật vào miếng vải, cúi chào và đi khuất. Các thợ cả im lặng nhìn theo.

– Nó làm được, – cuối cùng một cụ già nói, – chắc chắn nó sẽ hoàn thành nhiệm vụ.

Ah-Shacan lắc đầu. Hình như nổi ngờ vực đã thắng ông, nhưng ông không nói thành lời: trong giây phút trọng đại này, lời nói không cẩn thận có thể mang thất bại đến cho người được thử thách.

Chiều hôm đó bốn thầy thợ đưa Tug-Anseng vào sâu trong rừng, ở đó đã dựng một ngôi nhà tạm, thực ra, nó chỉ là một túp lều. Sau buổi lễ tẩy rửa, chàng được xông khói cỏ thuốc và rảy nước thánh. Họ để chàng ở lại một mình.

Nên lều làm bằng cát thô màu hồng, được quét sạch sẽ. Những dụng cụ cần thiết bày la liệt trên chiếu: mũi đục, các tay khoan bằng tre. Chiếc giường đơn giản làm bằng cành cây tươi, phủ tấm vải thô, cạnh đó là thức ăn cho một ngày. Bên ngoài bốn chiếc lư

hương đặt ở bốn góc lều đang nhả khói, khói thơm sẽ đuổi đi những linh hồn độc ác.

Đêm đầu và nửa ngày sau Tug-Anseng không làm được gì. Chàng hoàn toàn thất vọng, thậm chí không nhìn đến chiếc rìu nằm ở góc trong lều. Chàng cảm thấy không thể làm được gì, tất cả kiến thức, kinh nghiệm và trí tưởng tượng của chàng dường như biến mất hết. Trưa hôm sau, sau giấc ngủ nửa giờ ngắn ngủi dưới mặt trời, cuối cùng chàng quyết định cầm rìu. Và một lần nữa màu sắc hoàn mỹ của đá, hình dạng hoàn hảo của chiếc rìu lại làm Tug-Anseng thất vọng. Cổ nghẹn đắng, chàng không đủ can đảm chạm trở dù một lần lên mặt phẳng tráng lệ như vậy!

Chàng sẽ lập tức làm hỏng nó mất thôi!

Cảm thấy hoàn toàn bất lực và vô vọng, chàng trai nằm vật ra giữa lều. Chàng ngẩn ngơ ngắm nhìn những ngôi sao lấp lánh qua kẽ lá đan phủ trên mái thay cho tranh lợp, rồi chàng thiếp đi.

Tug-Anseng ngủ rất lâu. Chàng tỉnh giấc trước bình minh. Rừng tràn ngập tiếng chim. Thỉnh thoảng vọng lại tiếng khỉ hú. Chàng thấy có ba quả bầu đựng thức ăn. Trong một quả bầu cháo ngô vẫn còn nóng, mùi cháo thơm nứt mũi. Chàng học việc điêu khắc lập tức nhớ rằng, từ sáng hôm qua đến giờ chàng chưa ăn gì hết. Thanh toán xong món cháo, Tug-Anseng ăn hết thức ăn có trong lều, chàng hơi đỏ mặt vì cảm thấy đói. Sau đó chàng nằm xuống chiếu...

Sau một hồi trăn trở, Tug-Anseng nhồm dậy và mở cục đá ra. Chàng nhìn rất lâu vào mặt đá, những đường vân tỏa sâu vào phiến đá trong suốt không mách bảo chàng điều gì. Nhưng chàng lại phải dùng chúng cho các hình vẽ của mình. Người thợ giỏi phải nhìn thấy tất cả những đặc điểm của đá, phải biết phát hiện ra chúng chứ không được bỏ qua. Còn vòng tròn này gần như nằm giữa chiếc rìu – làm gì bây giờ?

Tug-Anseng đặt bấu vật qua một bên và thần thờ bước ra khỏi rừng xanh rực sáng, y như thể chàng đang đợi điều gì. Từng phút trôi qua nhưng chàng trai vẫn bất động nhìn vào một điểm.

Và bỗng nhiên – ôi diệu kỳ! Trước ánh mắt mơ màng của chàng xuất hiện một hình vẽ kỳ lạ, giống như được xếp lại từ cành lá và dây leo đan chéo vào nhau. Đó là KjaaholBolai – tổ tiên của dân tộc Olmec, một tiên đồng nửa báo nửa người. Nhưng lần này Tug-Anseng thấy thần đang tức giận, mặc dù từ trên đầu của thần mọc ra một cây ngô dài – biểu tượng lòng tốt của thần. Không, Kjaahol-Bolai đang giận dữ, miệng thần như đang phát ra tiếng rên không vừa lòng. Chiếc vòng hoa văn trên đá chỉ là chiếc khuyên lớn trên tai thần!

Tug-Anseng nhắm mắt trong giây lát như để nhớ lại giấc mơ, sau đó chàng lao vào chiếc chiếu để đồ nghề. Ở đây có sẵn một tấm ván bào nhẵn và vài cục than mềm. Trong đầu chàng trai lóe lên ý nghĩ biết ơn người thầy đã lo lắng cho chàng: thầy đã dự tính tất cả! Nhưng ý nghĩ đó nhanh chóng biến mất, bởi vì trong đầu nhà điêu khắc trẻ đang sáng rực lên vẻ mặt của thần đồng. Cánh tay chàng lướt như bay trên tấm ván, cố gắng khắc họa lại hình ảnh vừa cảm nhận được thành hình vẽ. Chàng xóa đi rồi vẽ lại, ấn những cục than thật mạnh, nôn nóng bề chúng ra rồi vội vàng chụp lấy cục khác.

Thực ra Kjaahol-Bolai được vẽ hoàn toàn khác những bức họa mà các thợ cả của chàng đã vẽ. Chiếc đầu quay nghiêng, do đó thể hiện được thần đang nhe răng bất bình và giận dữ, cánh mũi run lên vì tức giận. Thân của thần không thấy rõ, Tug-Anseng chỉ vẽ cánh tay phải đeo chiếc vòng áp sát vào ngực... Từ chiếc đầu xuất hiện thân cây ngô mập – biểu tượng bình thường của thần đồng.

Lập tức trong ý thức của chàng hình thành bố cục ở mặt trái:

cần thể hiện cuộc chiến đấu giữa hai thế lực – những thần thiện trợ lý của Đức mẹ vĩ đại của các thần và đối thủ của họ – những đày tớ của Thần Tâm đất đáng sợ. Họ cầm giáo, cuồng nộ chiến đấu. Nhưng đoạn kết của cuộc chiến đã được thấy trước: mặc tất cả, Kjaahol-Bolai xuất hiện và mang nhiều thức ăn đến cho mọi người...

Từ giờ phút đó, chàng thợ điêu khắc trẻ không để ý gì hết ngoài công việc. Sự say mê sáng tạo đã chiếm hết tâm trí chàng. Tug-Anseng ăn như máy, người mệt mỏi, ngủ chỉ vài giờ, tay luôn nắm chặt chiếc rìu. Hình vẽ từ mặt gỗ đã được chuyển lên mặt đá nhờ nhựa cây trộn với màu đỏ. Chàng sử dụng dao khắc, khoan bằng ống tre thay cho mũi khoan, đánh bóng bằng đá nhám mềm và lông mịn của hươu con mới sinh. Chàng quên tất cả, kể cả tính ngày tháng...

Tác phẩm đã làm xong. Tug-Anseng xem lướt qua nó và gói chiếc rìu vào miếng vải, đặt báu vật cạnh mấy chiếc bát rỗng trên ngưỡng cửa nhà. Một cảm giác lãnh đạm kỳ lạ và sự trống trải xâm chiếm lòng chàng trai. Giờ đây chàng thấy rõ những thiếu sót trong tác phẩm của mình, nhưng không thể chạm vào nó dù chỉ thêm một lần. Nhà điêu khắc trẻ khoan khoái tắm trong dòng suối nhỏ cạnh lều và nằm ngủ. Lần đầu tiên, sau khi nhận việc, chàng ngủ say và bình thản.

Người phục vụ, thường đem đồ ăn cho Tug-Anseng vào ban đêm, làm Ah-Shacan ngạc nhiên không ít khi đặt trước mặt ông chiếc túi đựng rìu. Thời gian mới hết 20 ngày, công việc không thể nào xong được. “Nghĩa là, – ông trưởng quản điêu khắc suy luận và mặt ông nhăn lại, – chàng trai không gánh vác nổi nhiệm vụ và trả lại đồ, từ chối tất cả mọi kỳ vọng. Không phải ngẫu nhiên mà ta lập tức không thích Tug-Anseng...”.

Bỗng nhiên mồ hôi lạnh xuất hiện trên trán Ah-Shacan. Chàng

trai có làm bể chiếc rìu không? Khi khoan và khắc mạnh thì điều này có thể xảy ra lắm... Ông biết ăn nói thế nào với thầy Thượng tế? Thầy trưởng quản điêu khắc rửa thăm Tug-Anseng và cả Ah-Shooch vì đã thuyết phục ông giao một công việc quan trọng như thế này cho một đứa học trò mặc dù là có khả năng. Không! không bao giờ ông liêu như vậy nữa!

“Thật ra, – Ah-Shacan nhớ lại, – Chính thầy Thượng tế trước đây đã đề nghị nhận đứa bé này vào học nghề. Tức là Anaib-Ungir phải chịu trách nhiệm cao nhất”. Ý nghĩ này hơi an ủi thầy trưởng quản điêu khắc. Dù sao thì cũng còn khối việc phải lo!

Ah-Shacan ngồi rất lâu, không đụng đến chiếc rìu nằm trước mặt ông. Cuối cùng ông cũng phải mở túi ra. Vừa nhìn vào chiếc rìu, Ah-Shacan sững sờ cả người. Đứa học trò này, đứa bé này là một nghệ nhân tuyệt vời! Nó đã vượt qua thử thách, và vượt qua một cách xuất sắc!

Với nét mặt vui vẻ, Ah-Shacan ra lệnh cho người hầu gọi Ah-Shooch đến. Ông đập vật báu lại và tưởng tượng những điều thú vị mà thầy Thượng tế dành cho ông vì tác phẩm tráng lệ và vì nó được làm xong quá nhanh chóng này.

Ah-Shooch lập tức xuất hiện. Vẻ mặt ông cho thấy là ông không chờ đợi một sự tốt đẹp nào trong lần triệu tập bất thường này. Ah-Shacan vui thích được lặp lại cùng Ah-Shooch cái cảm giác mà ông vừa trải qua. Trước hết ông thông báo cho thầy của Tug-Anseng biết là chàng trai đã trả lưỡi rìu lại. Trả lời câu hỏi: “Rìu còn nguyên vẹn chứ?” – ông trưởng quản điêu khắc thỏa mãn nhận xét là rìu hoàn toàn nguyên vẹn. Ông làm như chưa xem tác phẩm mà còn chờ Ah-Shooch. Được phép của Ah-Shacan, với những ngón tay run run, Ah-Shooch mở gói ra. Nỗi lo lắng trên mặt ông được thay bằng sự thích thú sống động, sự ngạc nhiên và sau đó – sự hài lòng sâu sắc. Cả hai nhà điêu khắc xem kỹ chiếc rìu nằm trên đất. Cuối

cùng Ah-Shooch cầm chiếc rìu lên và cẩn thận xem tất cả các mặt.

– Tôi cảm thấy rằng nó đã qua được cuộc thử thách, – AhShooch nói với giọng tự nhiên đầy kiêu chể, – rõ ràng thời hạn làm việc một tuần trăng là phù hợp...

Giờ đây Ah-Shacan không thể giấu được tình cảm của mình. Về nghiêm túc và long trọng từ trong người ông thể hiện ra. Trước mặt Ah-Shooch xuất hiện một nghệ nhân tài năng và là người đánh giá cái đẹp một cách tinh tế.

– Chỉ vượt qua thôi ư? – Ông hỏi lại giọng tức tối.- AhShooch, hãy công nhận đi, ông là một nghệ nhân đầy kinh nghiệm, nhưng ông không thể làm tốt hơn được! Còn tôi – trưởng quản điều khác hạ giọng xuống một cách không tự nhiên, – có lẽ còn tệ hơn. Ông xem đây, trí tưởng tượng của nó như thế nào, bố cục kỳ lạ, mạnh dạn, tất cả được thể hiện bằng những đường nét tự tin. Và đừng quên là nhiệm vụ được thực hiện chưa đầy một nửa thời hạn! TugAnseng giờ đây là một thợ cả xuất sắc, còn sau này – theo tôi – nó sẽ vượt xa chúng ta. Các vị thần đã hào phóng, rất hào phóng phú cho nó...

– Chứ sao nữa, – Ah-Shooch đồng ý, – có lẽ ông đúng. Chàng trai này có năng khiếu làm những đồ vật lớn. Làm đá nephrit không phải là công việc của nó. Nhưng dù sao thì nó cũng xứng đáng một cách xuất sắc. Tôi đề nghị ông bàn với nó về công việc và khi nào có điều kiện thì giao cho nó tác phẩm lớn.

– Được! – Ông trưởng quản điều khác trả lời ngắn gọn. – Còn ngày mai chúng ta họp các trưởng lão để họ xác nhận lại ý kiến của chúng ta.

Sáng hôm sau Tug-Anseng được đánh thức bằng một cái vỗ âu yếm vào vai. Từ khi tin chắc là chiếc rìu đã được chấp nhận, chàng trai trở nên bình thản và có phần vui vẻ hơn. Có thể do chàng

thoát khỏi những trăn trở về sáng tạo và căng thẳng của những ngày qua. Chàng không muốn suy nghĩ xem tác phẩm của mình được đánh giá như thế nào và điều gì sẽ đợi chàng trong tương lai.

– Thầy! – Tug-Anseng bối rối thốt lên, chàng nhanh chóng nhồm dậy. – Con không ngờ... là thầy!

– Không còn là thầy nữa mà là bạn đồng nghiệp lớn tuổi, – Ah-Shooch nghiêm túc nói. – Chào con – thợ cả điêu khắc, người tạc tượng trẻ nhất thành Nivanna-Tracbolai!

Ông ôm chặt chàng trai đang luống cuống, nói tiếp:

– Hãy bình tĩnh lại và chúng ta đến hội đồng trưởng lão. Con đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, ta hãnh diện vì con! Ta tin chắc rằng, hôm nay mọi người sẽ thống nhất phong danh hiệu này cho con. Con đã chứng minh rằng con xứng đáng! Hai ngày nữa ta muốn cho con xem một thứ gì đó và sẽ bàn bạc nghiêm túc. Còn lúc này con nghỉ ngơi đi, tránh việc làm và tránh cả vinh dự của ngày hôm nay. Đừng quên là con sẽ gặp ta sau hai ngày nữa ở nhà của ta. Còn giờ thì chuẩn bị đi!

Hội nghị nghệ nhân đã đánh giá cao tác phẩm của Tug-Anseng, mọi người thống nhất phong danh hiệu thợ cả cho chàng. Chàng trai nghe nhiều lời chúc tụng. Tiếp theo là buổi lễ dài đầy hội họp, phong danh hiệu thợ cả cho học sinh. Sau cùng là bữa tiệc ở nhà của Ah-Shacan.

Chiều tối Tug-Anseng mới về được đến nhà mẹ chàng. Sau một ngày dài lo lắng, giờ đây người mẹ và đứa em trai lắng nghe câu chuyện của chàng trai với trái tim thực sự vui sướng. Khác với lệ thường, họ ngồi đến quá nửa đêm, cả ba đều cảm thấy hạnh phúc phi thường.

CHƯƠNG IV

HỘI ĐỒNG TƯ TẾ

Sao-Lorenzo. Mexico.

Và lúc đó tất cả các đức ông đến hội đồng...

• “Popole-Vuh”

Ngày hôm sau Anaib-Ungir triệu tập hội đồng Tư tế của thành Nivannaa-Tracbolai vĩ đại.

Oai vệ và trịnh trọng, họ bước vào ngôi đền thờ lớn. Như lệ thường, Mishpitiacuc xuất hiện đầu tiên. Ông mập ra trong mười năm qua, ông có dáng vẻ rất đùng bệ, nhưng trước Anaib-Ungir ông vẫn xum xoe như xưa. Tiếp theo là tu sĩ Ah-Mash, vừa đi ông vừa lảm bảm điều gì đó trong miệng, và cũng như mọi khi, ông chìm ngập trong những phép tính lịch của mình. Niang-Hinah, đại Tư tế của thần Ishim trẻ, trang trọng lăn thân thể phục phịch vào. Người ông tỏa sáng: ngày lễ tế thần chính của ông đang đến gần. Cao và gầy, Tumeh-Sahing – thầy Tư tế của vị thần khủng khiếp xứ âm phủ và động đất – luôn xuất hiện một cách lạng lẽ, hình như ông bước ra từ không khí. Ngay cả các thầy Tư tế cũng tránh ông và luôn giữ thái độ kính trọng ông. Bị vây giữa đám học trò, Beleng-Hish ồn ào bước vào phòng, ông là người trẻ và nổi bật nhất trong số những người tụ họp nơi đây. Anaib-Ungir đón Beleng-Hish một cách lịch sự và tế nhị, nhưng sau đó thấy rõ là họ không quý mến gì nhau – điều vẫn thường xảy ra giữa các địch thủ. Nữ Thượng tế của đền thờ Đức mẹ các vị thần TecaimaPoia – Ish-

Can-Leosh – chậm chạp bước vào, và có vẻ miễn cưỡng: rõ là những câu chuyện ồn ào không làm bà vừa lòng. Beleng-Hish lập tức bước về phía bà. Họ lánh vào một góc xa nhất cách Anaib-Ungir và thì thầm trò chuyện. Những đệ tử và bề tôi của thần Mặt trời kính cẩn đứng ra xa, tạo thành bức màn sống ngăn cách những người đang trò chuyện với thầy Thượng tế.

Người xuất hiện cuối cùng trong phòng là chủ nhân của thành Nivannaa-Tracbolai, một người trung niên có khuôn mặt gầy và lo âu. Vết xăm phức tạp phủ kín hai má ngài. Đáp lại những lời chào tôn kính của mọi người, ngài bước đến chỗ Anaib-Ungir. Sau vài lời chào hỏi, ngài ngồi lên chiếc ghế duy nhất trong phòng. Chủ nhân của vương quốc mặc chiếc áo choàng trắng giản dị, không hề có một món trang sức nào. Không một quan đại thần nào theo hầu ngài: do tính chất tối quan trọng, trong buổi mạn đàm hôm nay chỉ những tu sĩ bậc cao mới được có mặt.

Khi những người được mời đã đến đủ, Anaib-Ungir bắt đầu phát biểu bằng giọng nhỏ nhẹ:

– Chúng ta họp mặt ở đây để quyết định vài việc rất quan trọng, – ông nói. – Thời hạn chọn Lem-Hoolom thường kỳ đã đến. Vụ xuống hạt thuận lợi sẽ đến sau ba năm nữa, kể từ hôm nay, nhưng phải lo tìm tảng đá và người xứng đáng. Cuộc thi đấu thiêng sẽ được tổ chức sau hai năm nữa. Tôi tính không sai chứ, Ah-Mash thông thái? – ông quay về phía thầy quản lịch.

– Không sai! – Thầy quản lịch lơ đãng trả lời, mắt không rời khỏi tập bản thảo trên tay.

– Cảm ơn ông! Như vậy, thời hạn đã rõ. Như mọi lần, lễ xuống hạt sẽ được tiến hành ở cánh đồng thiêng. Ông trưởng quản điều khiển Ah-Shacan đã giao cho chúng ta chiếc rìu mới do một học sinh vừa hoàn thành. Nếu hội đồng tán thành thì có thể bắt tay vào lễ tế. Nó ở trong tay ông phải không Mishpitiacuc? Hãy cho

những tín đồ sùng kính xem đi!

Mishpitiacuc vâng lệnh thầy Thượng tế. Chiếc rìu được chuyển từ tay người này qua tay người khác, cùng với tiếng ồn ào khen ngợi.

– Đá nephrit trắng lợt, màu của nó rất phù hợp cho công việc thiêng liêng! – Niang-Hinah mừng rỡ thốt lên. – AnaibUngir thông thái, ngài tìm được nó ở đâu vậy?

– Cục đá này được bảo quản trong kho của chúng ta đã lâu rồi, – thầy Thượng tế trả lời, – nhưng nó bị coi là tồi, lớp ngoài mờ đục. Tôi giao nó cho một thợ đá khéo tay và ông ấy phát hiện rằng tâm đá hoàn toàn tinh khiết.

Vẫn chưa muốn chuyển chiếc rìu cho người bên cạnh, Niang-Hinah trầm ngâm cân nó trên tay.

– Nó nặng, phù hợp cho nghi lễ vĩ đại, hình vẽ thật tuyệt! – Cuối cùng ông tuyên bố. – Tôi cho rằng, chúng ta có thể nhận và làm phép cho nó!

Ý kiến của thầy Tư tế của thần Ngô trẻ được những người khác chấp nhận, không ai phản đối. Chỉ có TumehSahing chớp mắt giận dữ và mím chặt đôi môi mỏng, nhưng không thốt ra lời nào.

Bắt đầu làm phép. Một chiếc bát lớn chứa đầy nước thánh được đem lại, các lư hương được đốt lên. Trong âm vang của bài thánh ca mà tất cả đều hát, Anaib-Ungir lầm rầm khấn vái, ba lần nhúng rìu vào bát, sau đó đưa qua khói lư hương.

Đến lượt Tumeh-Sahing, ông cũng làm như vậy. TumehSahing đọc lời khấn một cách nhiệt tình và lưu loát.

Thánh ca kết thúc. Tất cả im lặng và hồi hộp theo dõi những người tế lễ. Một sai sót nhỏ trong nghi lễ sẽ làm cho vật báu trở nên vô ích. Lúc đó chiếc rìu này chỉ còn dùng để chặt cây...

Niang-Hinah thực hiện ba lần cuối cùng, nhưng chỉ khấn thầm.

Cuối cùng chiếc rìu được đặt trên một miếng vải rộng màu lục và đem đến cho quốc vương, ngài dùng tay phải chạm vào rìu. Lễ thánh kết thúc. Thầy Thượng tế chuyển vật báu cho Niang-Hinah, ông sẽ bảo quản chiếc rìu trong đền của mình cho đến thời điểm cần đến.

– Ai sẽ được chọn? – Beleng-Hish bỗng nhiên hỏi, giọng ông chứa đựng sự mỉa mai kín đáo. – Ông luôn quan tâm đến điều này, đúng không, thưa Anaib-Ungir?

Trước sự ngạc nhiên của mọi người, ngài Thượng tế trả lời ngắn gọn và bình thản là không cần lo lắng đến việc này, các thầy Tư tế của thần Ishim sẽ tiến hành tìm kiếm theo qui định. Niang-Hinah rạng rỡ vì thỏa mãn, Mishpitiacuc mặc dù đã biết điều gì đó nhiều hơn, nhưng nét mặt ông không hề động đậy khi Anaib-Ungir bất ngờ tuyên bố. Chỉ có Beleng-Hish là không hài lòng vì câu trả lời dè dặt của thầy Thượng tế. Hình như Beleng-Hish tìm cách gây chuyện. Nhưng lần này ông im lặng. Bất ngờ Ish-Can-Leosh ủng hộ thầy Tư tế của thần Mặt trời. Thực ra về bên ngoài, lời của bà không có gì chung với lời của Beleng-Hish.

– Những tục lệ cũ đang bị lãng quên! – Bà tức tối tuyên bố. – Tại sao ngài Anaib-Ungir không nghĩ và không quan tâm đến Lem-Hoolom mới? Ông – Thượng tế, và nếu Niang-Hinah không làm việc này, thì ông, chính ông cần bắt thầy Tư tế chảnh mắng phải thực hiện nhiệm vụ của mình. Tôi không nói là Đại Đức mẹ của các thần đã bị lãng quên từ lâu. Cống vật mang đến đền thờ của bà ngày càng ít đi. Tín ngưỡng trong nhân dân đã bị mất. Bảy năm nay người ta không dâng vật tế lớn cho vị thần Bốn mặt. Ông là thầy Thượng tế, chẳng lẽ ông không tìm được một cô gái đẹp cho nữ thần? Ba tháng nữa là ngày lễ Mùa thu của TecaimaPoia. Đừng chậm trễ. Ông Anaib-Ungir, hãy nghĩ đến điều đó đi!

Lời nói của bà Tư tế được Beleng-Hish đỡ liền, ông tuyên bố

rằng những thiếu sót như vậy là không thể được. Trong lời phát biểu nhẹ nhàng và hoa mỹ, ông nhắc khéo hội đồng có thể bầu một tu sĩ cao cấp khác nếu Anaib-Ungir không đủ năng lực làm việc.

Các thầy Tư tế bối rối nhìn nhau. Sự tấn công công khai của Beleng-Hish và Ish-Can-Leosh vào ngài Thượng tế làm họ lo lắng: nghĩa là phải có quyết định nghiêm túc. Ngoài ra trước khi phát biểu, cần biết rõ là Thánh sống – đức vua thành Nivanna-Tracbolai đứng về phía nào. Nhưng hiện giờ ngài chỉ nghe và im lặng.

Anaib-Ungir phá vỡ sự im lặng nặng nề. Bằng giọng nói bình tĩnh, nhẹ nhàng, y như nói với đứa trẻ những nhiều, thầy Thượng tế tuyên bố:

– Ish-Can-Leosh thông thái hoàn toàn đúng! Lẽ nào chúng ta có thể quên Đại Đức mẹ của các thần trước ngày lễ của con trai yêu quý của người! Tất nhiên vật tế sẽ được mang đến. Nhưng không cần tìm kiếm. Ô, hỡi những người thông thái nhất, kẻ bề tôi của các người đã lo điều này, nhưng chưa nói ra là vì cho rằng, điều này được thông báo vào cuối buổi họp sẽ hợp lý hơn. Nhưng ý nguyện của bà Tư tế của thần Bốn mặt là mệnh lệnh đối với tôi. Nếu bà muốn biết tên của vật tế được chọn thì bà sẽ được nghe. Nghệ nhân điêu khắc Ah-Shooch đáng kính và nhân hậu có người con gái tên Nam-Suc, đây là cô gái đẹp và đức hạnh.

Nàng xứng đáng làm vật tế cho nữ thần vào lễ hội mùa thu.

Anaib-Ungir không nhắc đến lời nói của Beleng-Hish. Luống cuống vì yêu cầu của mình được mau chóng thực hiện, Ish-Can-Leosh nhìn thăm dò thầy Tư tế đền thờ thần Mặt trời. Beleng-Hish thấy đa số người dự không ủng hộ mình nên im luôn. Bỗng giọng của Tumeh-Sahing bất ngờ vang lên:

– Có ai nghĩ đến vật tế cho Thần Tâm đất – chủ nhân của tôi

hay không? – Giọng ông cay đắng, bực bội. – Hay tự thân sẽ kiếm vật tế cho mình?

– Những lời nói này làm mọi người giật mình, họ biết rõ những lễ nghi khủng khiếp của vị thần này và cả tính tàn nhẫn của Tumeh-Sahing. Trong lòng mọi người, kể cả Beleng-Hish, đều thấy mừng vì họ không phải là Thượng tế, và trả lời câu hỏi này là Anaib-Ungir.

Nhưng Anaib-Ungir tỏ ra xứng đáng với chức sắc cao của mình. Không vội vã, Anaib-Ungir bình tĩnh trả lời:

– Lễ nghi đặc biệt cần có vật tế đặc biệt. Ô, Tumeh-Sahing! Cần sao cho vật tế xứng đáng với vị thần của ông. Ở đây không có chàng trai nào xứng đáng cả, chúng ta sẽ cầu xin Thần Tâm đất chờ đợi vật tế của mình. Giờ đây tôi muốn hỏi ông một điều. Thưa các vị thông thái, – ông nói với mọi người, – các vị có biết là trong làng Tahcum-Tracang, ngay cạnh kinh thành, có một nông dân trẻ hầu như ngày nào cũng làm điều tội lỗi không?

Tiếng bàn tán ngạc nhiên vang lên khắp phòng. Tất cả đều quay lại. Có lẽ ngày tận thế đã đến gần nếu có những kẻ vô đạo đến vậy. Không nghe!

– Y đánh vợ và say trên đường! – Mishpitiacuc nói thêm.

– Khủng khiếp quá, khủng khiếp quá! – Tiếng la lối phản đối của các thầy Tư tế vang lên. – Các ông nghĩ xem, điều này có thể dẫn đến cái gì?

– Trừng phạt! Trừng phạt!

– Phải trừng phạt y một cách xứng đáng ngay lập tức.

Tumeh-Sahing nóng nảy nói.

– Đó là điều tôi muốn hỏi ông, vị tu sĩ thông thái của Thần Tâm đất. – Anaib-Ungir nói. – Ông sẽ giáo dục kẻ vô đạo chứ?

Tumeh-Sahing mừng rỡ đồng ý và hứa sẽ tiến hành buổi lễ

trong những ngày tới. Ông rất hài lòng. Một lần nữa mọi người lại khâm phục sự sáng suốt của thầy Thượng tế.

Hội nghị kết thúc, tất cả chuẩn bị chia tay. Bỗng giọng than vãn của thầy quản lịch vang lên:

– Ô, Anaib-Ungir, khi nào chúng ta sẽ thảo luận lịch mới mà tôi đã đề nghị?

Ah-Mash quay về phía quốc vương:

– Thưa ngài! Không thể sống trong những năm tháng thiếu hoàn hảo này. Ngài nghĩ xem, cứ mỗi 104 năm thì sẽ lặp lại...

Đức vua hồ hững đưa mắt nhìn thầy Tư tế và không trả lời. Anaib-Ungir vội vàng can thiệp:

– Tôi hứa với ông, Ah-Mash thông thái à, lần họp sau chúng ta sẽ bàn cụ thể lịch mới của ông. Đề tài này quá lớn, không thể vội được. Ông viết các cách tính ra...

Thầy quản lịch ngoan ngoãn vâng lời ngài Thượng tế. Ông quay lại, lưng còng hơn, bước ra cửa. Nhưng BelengHish đuổi kịp ông.

– Ông nghĩ sao, Ah-Mash thông thái, kết hợp vòng thiên với chu kỳ lớn? – Beleng-Hish hỏi. – Tôi rất quan tâm đến điều này. Ông có thể giải thích ngắn gọn cho tôi hiểu...

– Ý tưởng chính của tôi như sau, – thầy Tư tế già mừng rỡ nói. – Bản chất của thời gian không phải vòng tròn, không phải chu kỳ như chúng ta tưởng. Nói cách khác, thời gian không phải vòng tròn khép kín mà là một dải vô cực, kéo dài từ quá khứ đến tương lai vô cùng...

– Ý tưởng vô cùng sâu sắc, – Beleng-Hish trang trọng nói, – mặc dù vẻ mặt của ông cho thấy là ông không hiểu gì hết.

Thầy quản lịch vui mừng nắm chặt tay thầy Tư tế đền thờ Mặt Trời, vừa đi vừa nhiệt tình giải thích điều gì đó. Đôi bạn kỳ lạ bước ra, Anaib-Ungir nhìn theo không rời mắt.

CHƯƠNG V

CUỘC ĐẠO CHƠI VỚI THẦY

Sao-Lorenzo. Mexico.

*Đá tường, những bức tượng cẩm bằng ngọc bích lặng lẽ trên
quảng trường.*

• **R.Obregon Morales. “Sự tĩnh lặng lưng lầy.”**

Dè dặt và miễn cưỡng, Tug-Anseng bước đến nhà thầy dạy của mình. Trước kia chàng đã đến đây nhiều lần, nhưng giờ đây, ngượng nghịu với danh hiệu mới và cuộc nói chuyện, chàng cảm thấy rất lúng túng.

Nam-Suc, con gái của Ah-Shooch, đón chàng trai ở cạnh nhà, nàng e thẹn chúc mừng thành công của chàng. Đã từ lâu Tug-Anseng thích cô gái mảnh mai này. Nàng dũng cảm đảm đang việc nhà khi Ah-Shooch trở thành góa vợ. Những lần trước đến thăm thầy, chàng không bao giờ nói chuyện lâu với nàng. Có lẽ do danh hiệu thợ cả mới được nhận vô tình tác động đến chàng, hoặc do niềm vui sáng rực trong mắt của Nam-Suc thúc đẩy, lần này câu chuyện của đôi nam nữ kéo dài. Tug-Anseng chưa nói chuyện với ai cởi mở như vậy, ngay cả với mẹ và em trai. Chàng kể cho cô gái nghe những ngày đầu thất vọng và thiếu tin tưởng của chàng ở trong rừng, kể về niềm vui và sự rạo rực của linh cảm bất ngờ. Những tiếng thở phào và reo vui thông cảm của Nam-Suc động viên chàng. Họ say mê nói chuyện đến mức, khi giọng nói của Ah-Shooch từ trong nhà vọng ra hỏi nàng nói chuyện với ai, họ mới sực

nhớ việc phải làm. Chàng trai lúng túng vội chia tay với con gái của thầy và bước vào nhà.

Tuy nhiên Ah-Shooch không tỏ ra bực bội. Ông âu yếm chào Tug-Anseng, mời chàng ngồi xuống chiếu. Sau vài lời thăm hỏi bình thường, ông trang trọng và nghiêm túc nói:

– Mỗi nghệ nhân không thể không có giới hạn trong sáng tạo của mình, nếu không chàng ta sẽ không đạt được gì hết. Nhà điêu khắc trẻ càng sớm nhận thức được năng khiếu thực tế của mình thì càng tốt, công việc của chàng ta càng đạt được kết quả. Tug-Anseng à, trước mắt con là con đường rộng, giờ đây con phải chọn đi hướng nào! Công việc của chúng ta có thể suốt đời phải gọt cắt đá nephrit, obsidian, serpentin, amethyst, chrysoprase và các loại đá tuyệt diệu khác. Từ các loại vật liệu này có thể làm ra tượng các vị thần, công cụ màu nhiệm của các thầy Tư tế và các loại bùa. Ta đặc biệt say mê công việc này. Lần thử thách vừa qua cho thấy con có khả năng làm công việc này. Nhưng còn có những việc khác... Nhiều nghệ nhân say mê những tác phẩm qui mô lớn: bia tượng, bàn thờ...

– Thầy ơi, – Tug-Anseng sốt sắng thốt ra, – từ lâu con đã nghĩ đến điều này! Không phải ngẫu nhiên mà con đã bối rối khi được giao công việc trang trí chiếc rìu...

– Từ từ nào, Tug-Anseng. – Ah-Shooch cắt lời chàng. – Đừng vội trả lời. Trước hết hãy xem vài tác phẩm đá nephrit của ta, sau đó chúng ta đi dạo xem các đền. Lúc đó con sẽ trả lời câu hỏi của ta. Được chứ?

Cổ họng khô lại vì hồi hộp, chàng trai chỉ biết gật đầu.

– Tuyệt lắm! – Ah-Shooch nói. – Chúng ta sẽ làm như vậy.

Trước hết hãy xem cái này!

Ông lấy ra ba vật nhỏ từ chiếc giỏ để bên cạnh và bày ra trước

mặt chàng trai. Tug-Anseng ngắm chúng rất lâu, không dám sờ vào chúng. Cuối cùng chàng cẩn thận cầm một bức tượng nhỏ bằng lòng bàn tay – đó là bức tượng Kjaahol-Bolai. Nét mặt của vị thần đồng không bình thường: không có đặc tính thống nhất và tượng trưng của thần. Ngược lại, tất cả đều nói lên tính cách giản dị của con người trần tục. Một đứa bé chân tay mũm mĩm, đi chưa vững trên mặt đất, đang bước về phía mẹ. Đôi tay nhỏ của nó vươn ra trước, tìm sự bình yên và bảo vệ trong vòng tay tin cậy của người mẹ, những giọt nước mắt lăn xuống từ đôi mắt mở to, miệng hé ra như đang trách móc. Cảm xúc của tâm hồn bé nhỏ, được mô tả hết sức sinh động, làm rung động nhà tạc tượng trẻ. Ngắm bức tượng, Tug-Anseng ngạc nhiên vì tính sáng tạo táo bạo của Ah-Shooch. Thâm so sánh bức tượng với tác phẩm của mình, chàng trai cảm nhận rằng còn lâu chàng mới đạt được sự hoàn hảo nghệ thuật như thế này.

Cảm giác này còn tăng lên gấp bội khi Tug-Anseng cẩn thận đặt bức tượng Kjaahol-Bolai qua một bên và cầm lên vật thứ hai – chiếc rìu. Trên rìu khắc vài hình tượng có tính chất tượng trưng: ở đây bắt ngô được cách điệu hóa, nở ra ba bông hoa và chiếc giáo trần, đôi tay bắt chéo và ba mũi đá obxidian nhọn, có cả những biểu tượng khác phức tạp hơn... Việc chạm khắc được thực hiện một cách mỹ mãn. Sự phân bố các dấu hiệu là một sự hoàn hảo.

Ah-Shooch quan sát sự phản ứng trên khuôn mặt của học trò. Ông nói nhỏ:

– Chiếc rìu này ta được đức vua đặt làm, cầu chúc cho danh ngài sáng mãi! Trên đó mô tả những sự kiện của triều đình. Ta vẫn không hiểu hết những việc ở đây, ý nghĩa của các dấu hiệu này chỉ được hiểu là sự dâng tế. Thầy Thượng tế vẽ những biểu tượng này trên giấy, ta chỉ tập hợp lại và đưa lên đá.

Xem càng lâu chiếc rìu của quốc vương, Tug-Anseng càng thấy

rõ là chàng được sinh ra không phải để làm thợ điêu khắc đá nephrit.

Để an ủi mình, Tug-Anseng cầm vật cuối cùng lên. Đó là chiếc thuyền nhỏ đáy bằng được tạc bằng đá nephrit. Mạn thuyền màu xanh trong suốt vô tình gọi lại dòng nước mà thuyền trôi trên đó; còn những vết trắng nhạt ở hai đầu đá, hình như do nghệ nhân khảm lên, chứ không phải tự nhiên, để phân biệt mũi và lái, được trang trí bằng những nét chạm khắc tinh tế. Những đường nét mô tả gương mặt của bà chúa thủy với những nét khắc góc cạnh đặc trưng trên trán. Mới nhìn, toàn bộ chiếc thuyền có vẻ đơn giản, nhưng thực ra đó là một kiệt tác từ chủ ý đến cách thực hiện.

Khi Tug-Anseng vô ý thở hắt ra, đặt chiếc thuyền xuống, Ah-Shooch rất hài lòng. Ông nói:

– Vật thứ nhất – tượng thân đồng – ta làm cho mình. Nhiều năm ta phải từ chối tất cả để kiếm được tảng đá nephrit lớn và hoàn hảo như thế này. Ta không nhường nó cho ai hết, ngay cả Anaib-Ungir đáng kính, có lần ngài vô tình thấy bức tượng và hứa hẹn cho ta phần thưởng lớn không tưởng được. Ta muốn rằng tác phẩm này được giữ lại trong gia đình ngay cả sau khi ta mất, nó sẽ là kỷ niệm của ta. Thật ra, – nói đến đây khuôn mặt của Ah-Shooch tối lại, – ta không biết ai sẽ là chồng của con gái ta. Vì tiên, một số người sẵn sàng làm tất cả...

Sau đó, dường như để thay đổi đề tài của câu chuyện đã để lộ mối quan tâm thường xuyên và sâu sắc của mình, Ah-Shooch cầm lấy chiếc rìu và tiếp tục:

– Vậy này thì con đã biết. Ta cố giữ nó thêm ít hôm để cho con thấy. Con thuyền do các thầy Tư tế đặt cho điện thờ trên đảo Usokitoc-Peteng, mấy ngày nữa ta sẽ gửi nó đi...

Nhà điêu khắc già im lặng nhìn Tug-Anseng như mời chàng

nói. Khó nhọc liếm đôi môi khô vì hồi hộp, chàng trai áp úng:

– Thưa thầy, giờ đây con mới hiểu tài năng vĩ đại của thầy và con tự thấy bất tài như thế nào. Không bao giờ con có thể đạt được đến đỉnh cao này, dù cố gắng mấy đi nữa. Con không thể nào hiểu được đá nephrit như thầy!

– Đừng vội, Tug-Anseng. Không một ai, kể cả con, có thể nói là sẽ đạt được cái gì vào cuối đời mình. Ta không gọi con đến để xem những tác phẩm của người khác rồi mất tinh thần. Ngược lại, hôm nay con cần lựa chọn con đường thực sự cho mình. Vì vậy, con hãy vững tin. Giờ đây chúng ta đến khu đất thờ. Ở đó con sẽ thấy những tác phẩm nghệ thuật cao thượng thật sự của chúng ta!

Ah-Shooch cẩn thận xếp những bức tượng vào giỏ lát bông, đứng lên và ra hiệu mời chàng trai đi theo mình. Nam-Suc quì cạnh bếp lò, nàng đang bận việc. Thấy Tug-Anseng đi cạnh cha, mặt cô gái đỏ lên. Khi Ah-Shooch nói là sẽ đi, Nam-Suc luống cuống bảo là nàng đã chuẩn bị mời cha và khách ăn bánh ngô mới nướng.

– Để lần khác, con. – Ah-Shooch nói, và khi nhìn thấy nỗi thất vọng hiện trên khuôn mặt con gái, ông lại nói: – Cha hy vọng là Tug-Anseng sẽ còn nhiều lần đến thăm chúng ta!

Bối rối không kém gì Nam-Suc, chàng trai lúng búng là “cũng hy vọng như vậy”. Tug-Anseng nhìn cô gái đã quay lưng lại và vội vã bước theo thầy.

Khu thánh địa, một cánh đồng mênh mông gần những đền thờ chính, nằm trên cao nguyên. Lão nghệ nhân và chàng trai đến chân dốc, họ bắt đầu leo lên. Ah-Shooch thở hổn hển, dừng lại. Ông lấy hơi, nói với Tug-Anseng:

– Lao động là điều quan trọng nhất trong cuộc sống của chúng ta. Con nên luôn nhớ: lao động phải liên tục. Hãy làm việc của

mình hàng ngày, dù không nhiều, nhưng nhất định phải làm hàng ngày! Ta đã thấy những nghệ nhân tuyệt diệu, nhưng họ ỷ lại tài năng của mình, không làm việc cả tháng trời, sau đó lại muốn thực hiện ý tưởng của mình trong vòng vài ngày. Lúc đó thì sao? Mặc dù nỗ lực hết sức, nhưng tác phẩm của họ luôn thua tạc tượng của những người kém tài năng hơn nhưng luôn miệt mài lao động! Hơn nữa, – ông giậm chân xuống đất, – tấm gương này sẽ nói với con nhiều hơn lời của ta!

– Sao ở đây lại có núi? – Tug-Anseng ngạc nhiên. – Nó liên quan gì đến nghệ thuật tạc tượng?

– Con không biết lịch sử của bình sơn nguyên này à?

Người học trò lắc đầu.

– Con nghe đây. Ngày xưa tại nơi đây là đồng lầy mênh mông. Tổ tiên của chúng ta bắt đầu mang đất đến. Hàng ngày mỗi người Olmec đem đến đây hai giỏ đất vào buổi sáng và chiều. Cao nguyên mênh mông xuất hiện. Đó là kết quả của lao động liên tục và kiên trì vô bờ bến!

Tug-Anseng nhìn quanh. Chàng không thể tưởng tượng được rằng khối lượng công việc khổng lồ như thế này lại do bàn tay con người làm nên. Chàng luôn cho rằng, cao nguyên là sự sáng tạo của thần Đất hùng mạnh.

– Xây dựng ngọn núi này để làm gì hả thầy? – Cuối cùng chàng trai rụt rè hỏi.

– Thứ nhất, tổ tiên của chúng ta từ miền núi đến vùng bình nguyên này. Họ muốn thấy trước mắt mình hình ảnh của quê hương xa xăm. Thứ nhì, con còn quá trẻ và trong đời mình con chưa bao giờ thấy đại hồng thủy. Khi thần linh nổi giận, họ trút nước xuống mặt đất của chúng ta. Lúc đó, ngoài ngọn núi này, tất cả đều bị ngập. Chỉ ở đây mới có thể thoát lụt được. Nhưng ta đi

thôi, muộn rồi!

Sau khoảng mười phút leo dốc, Ah-Shooch và TugAnseng lên đến đỉnh cao nguyên. Mặt trời đã hạ thấp xuống đường chân trời. Vùng thánh địa hoàn toàn trống trải, không có cây lớn, chỉ có lớp cỏ thấp, dày che phủ. Đây đó những bức tượng khổng lồ đứng hoàn toàn mất trật tự.

Nắng xiên khoai vẫn còn chiếu sáng cao nguyên.

Hai thầy trò bước đến bức tượng đầu tiên – một bàn thờ lớn được đục từ tảng đá bazan khổng lồ. Hốc đá ở mặt trước bàn thờ trông giống miệng con báo đang há ra. Từ cái miệng đó nhô ra một bức tượng hoành tráng. “Người ban tặng cuộc sống và sự tồn tại” y như bước ra từ lòng đất. Ngài ẵm một đứa trẻ đang ngủ yên lành trên đôi tay vươn dài. Gương mặt của thần bình thản và đầy thiện cảm. Khuôn mặt của thần như nói với những người đang bước đến: “Giờ thì các người, con của ta, sẽ sống không phải lo âu. Đây là món quà quý ta tặng cho các người – hạt ngô thần. Khó khăn và nguy hiểm lắm ta mới đoạt được nó từ lòng đất!”. Hai bên bàn thờ chạm nổi hình các thầy Tư tế sùng kính ngắm phép mầu đang được thực hiện trước mắt họ.

Hồi hộp lại ngự trị Tug-Anseng. Nghệ nhân tạo nên di tích này đã bỏ ra biết bao công sức vĩ đại! Chàng hiểu rằng nguy hiểm của việc tính toán không đúng. Chàng nhớ lại cảm giác mà mình đã sợ khi cầm chiếc rìu, đã phải chú tâm trên từng nét chạm. Chỉ cần sai một điểm thì toàn bộ tượng đá sẽ hỏng, không thể nào sửa được. Lỗi này rất dễ phạm: chỉ cần vài nhát đục không đúng! Chàng trai nhớ lại, biết bao nhiêu con người phải nỗ lực phi thường để đưa tảng đá từ mỏ đến đây. Mỏ đá nằm cách xa Nivanna-Tracbolai trên sườn núi lửa đã tắt. Phải đưa đá từ sườn núi xuống sông, đặt lên một chiếc bè chắc chắn. Sau đó kéo đá ngược dòng sông về kinh thành. Không! Không có một mẫu đá nephrit nào có thể so sánh

được với giá trị của khối đá này! Bất giác Tug-Anseng thấy lúng túng. Chàng cảm thấy chính công việc chinh phục khối đá khổng lồ bướng bỉnh, buộc nó phải theo ý chí của người sáng tạo, hấp dẫn chàng hơn sự kiêu diễm và tỉ mỉ chính xác trong các tác phẩm của AhShooch. So với đá nephrit, mọi cái ở đây đều thô, nhưng đồ sộ và hoành tráng. Ở đây, nghệ nhân chiến đấu với khối đá bất động, nỗ lực chiến thắng nó chứ không sử dụng tính chất biến đổi như nước của đá nephrit.

Tug-Anseng đi quanh bàn thờ vài lần, xem xét bức tượng từ nhiều vị trí. Chàng luôn phải kiềm tiếng kêu thán phục bất giác muốn bay ra khỏi miệng của mình. Tác phẩm mới tuyệt làm sao! Và nghệ nhân tài ba biết chừng nào! Ông ta tìm được những cách giải quyết giản dị và hiệu quả tuyệt vời! Giá mà được làm học trò của ông ấy!

Ah-Shooch chăm chú theo dõi chàng trai, ông nhỏ nhẹ hỏi chàng có thích bức tượng này không.

– Vâng, – nhà tạc tượng trẻ nhiệt tình trả lời. – Con rất thích. Ai đã tạo ra cái bàn thờ này hả thầy?

– Tugrutah, ông ấy mất cách đây vài năm. Chúng ta đi tiếp, còn nhiều bức tượng để con khâm phục!

Hai thầy trò đi qua một đầm cạn. Vô số cóc đang nhảy trong đầm. Trả lời cho sự ngạc nhiên của Tug-Anseng, lão nghệ nhân nói:

– Đây là thức ăn thiêng của các thầy Tư tế. Đó là bí mật!

Vật thứ hai mà Ah-Shooch đưa học trò đến xem không gọi cho chàng trai cảm giác đặc biệt nào, mà nếu có, thì chỉ là sự thờ ơ. Đó là bức tượng lớn của quốc vương. Ông ngồi xếp bằng trên đài cao và lơ đãng nhìn qua đầu họ về phía xa. Hai tay ông buông trên gối, cằm vương trượng ngấn thể hiện quyền lực vô biên của mình. Mặc

dù bức tượng đức vua ngồi có tính nghệ thuật cao, đường nét sắc sảo, nhưng bức tượng hoành tráng này không gọi cho Tug-Anseng một rung động nào.

Ah-Shooch không hỏi nhà điêu khắc trẻ một lời nào và đưa chàng đi tiếp. Họ đi qua một hồ nước nhỏ, quanh hồ lau sậy mọc um tùm. Chàng trai thấy ba di tích nằm gần như cạnh nhau.

Từ trước đến giờ chàng chưa nhìn thấy vật gì như vậy. Ba bức tượng đầu người khổng lồ, đội mũ chơi bóng, đứng trầm mặc trên nền đất đỏ lợt. Ba chiếc đầu thanh niên, hình như những chiếc đầu này là của ba người khổng lồ đang yên nghỉ đâu đó trong lòng đất, họ nhô đầu lên để quan sát. Các chàng trai mỉm cười, nét mặt của họ bình thản, nhân hậu.

– Cái gì thế này? – Tug-Anseng bất giác thì thào, chàng bị sự quyến rũ kỳ lạ của các bức tượng làm say mê, – cái gì thế này hả thầy?

Ah-Shooch cũng chìm vào suy tư, ông chậm rãi trả lời:

– Trước hết con cần xem chúng đã. Nên biết rằng mỗi bức tượng cách nhau 13 năm. Bức thứ nhất – gần đây nhất – do ông trưởng quản điêu khắc làm cách đây 10 năm. Tất nhiên là về việc thực hiện, chỉ việc thực hiện thôi chứ không phải ý tưởng. Ông ta cũng được các nghệ nhân khác giúp đỡ. Những công trình này thường là phải làm gấp!

Tug-Anseng bắt đầu xem xét bức tượng cũ nhất ở bên trái. Chàng nhanh chóng tính ra là nó được làm cách đây 36 năm, trước khi chàng ra đời rất lâu. Đi một vòng quanh tượng, Tug-Anseng nhận thấy là mặt sau của tượng hầu như không được gọt đẽo: mép dưới của chiếc mũ được đánh dấu bằng vài rãnh sâu và những lọn tóc lộ ra ở phía dưới. Nghĩa là tượng đài chỉ để xem từ phía trước. Tai và con người của mắt được tạo theo truyền thống cũ, chúng

không làm chàng vừa lòng, bởi vì các thầy của chàng đã dạy chàng theo những thành tựu mới. Về mặt này, chiếc đầu giữa có khá hơn. Nhưng vài đường nét không tự nhiên, kiểu tạo khác thường của chiếc đầu cho thấy tượng đài được làm cách đây hơn 20 năm.

Chiếc đầu do Ah-Shacan thực hiện làm chàng kinh ngạc hơn tất cả. Tug-Anseng có cảm giác biết chàng trai này, đã gặp chàng ta trong thành phố. Chiếc mũi bự, ngắn, cánh mũi rộng, cái miệng đầy sức mạnh với đôi môi mím chặt, chiếc cằm cương nghị, cặp chân hình bán nguyệt đều đặn, đôi mắt mở to – tất cả những điều này tạo nên vẻ sinh động, độc đáo. Ngay cả trong các chi tiết trang trí của chiếc mũ cũng nói lên óc thẩm mỹ hoàn hảo và nghiêm khắc của nhà tạc tượng.

Tug-Anseng nói với Ah-Shooch:

– Con thích nhất chiếc đầu do thầy trưởng quản điêu khắc làm, – chàng thật thà công nhận, – mặc dù hai chiếc đầu kia cũng là tác phẩm của những nghệ nhân xuất sắc. Nhưng thầy ơi! Tại sao tất cả chỉ có một ý tưởng kỳ lạ: chỉ mô tả đầu không có thân, mà lại to lớn khác thường như vậy?

– Chẳng lẽ con chưa bao giờ nghe về Lem-Hoolom?

Ah-Shooch hỏi lại.

– Chưa bao giờ!

Nhà điêu khắc già bỗng nhìn quanh, mặc dù chung quanh họ không có ai, ông bắt đầu kể bằng giọng nhỏ lại:

– Đây là cánh đồng thiêng. Tất cả tượng đài ở đây đều dâng tế cho các vị thần hoặc cho những hiện thân của họ trên mặt đất. Đồng thiêng có ý nghĩa huyền bí sâu sắc. Những chiếc đầu này cũng vậy. Chúng được thể hiện qua cách các chàng trai đã được nhập hồn thần Ishim – thần lương thực trẻ tuổi linh thiêng. Con người sẽ không tồn tại được nếu thiếu lương thực. Con còn quá trẻ

và không nhớ được ngày lễ kỷ niệm vị thần này lần trước, ngày lễ mà mười ba năm mới có một lần. Các thầy Tư tế, vâng theo ý thần, sẽ chọn một chàng trai hoàn hảo dựa theo những dấu hiệu huyền bí mà chỉ họ mới biết. Suốt năm chàng trai sẽ là vị thần Ishim sống. Trong suốt mười hai tháng người ta dựng hình tượng của chàng trai, hình tượng đó có phép mầu đảm bảo cho chúng ta được mùa trong mười ba năm tiếp theo. Đây là ngày lễ long trọng và vĩ đại. Con đợi không lâu đâu, chỉ hai năm nữa thôi, con sẽ thấy tất cả những nghi lễ bằng chính mắt mình, bởi vì giờ đây con đã trưởng thành và là thành viên đủ quyền hạn của cộng đồng. Nhưng vẫn chưa hết. Mười ba năm – đó là một phần tư của vòng thiêng năm mươi hai năm. Khi vòng này kết thúc thì các năm sẽ được tính lại từ đầu. Nếu các thầy Tư tế cho biết là sự chuyển tiếp qua vòng mới được kết thúc thuận lợi (cuối mỗi vòng có thể là ngày tận thế và tất cả mọi sinh vật sẽ chết) thì tất cả sẽ được thay đổi: quần áo, dụng cụ gia đình, các ngôi đền được sơn lại, những hình tượng cũ thể hiện hồn của Ishim sẽ bị phá hủy. Nếu trời đất cho phép, con sẽ sống đến các ngày vĩ đại đó, nó sẽ đến sau 15 năm nữa!

Ah-Shooch im bật, lấy lại hơi vì đã nói dài. Tug-Anseng bị xúc động: nhiều điều quá quan trọng mà chàng không biết... Sớm mất cha là như vậy!

– Nhưng tại sao chỉ thể hiện có chiếc đầu của thần? – Cuối cùng chàng hỏi. – Điều này có ẩn ý gì?

– Rất quan trọng, – người thầy trả lời. – Cái đầu – đó là tượng trưng, mẫu mực thiêng liêng của thực phẩm quý báu, tất cả mùa màng tương lai sẽ sinh sôi nảy nở từ đó. Còn thân thể là cái không đáng kể, nó chẳng khác gì một cùi ngô chỉ để giữ hạt ngô!

– Tại sao lại đội mũ hỏ thầy? – Chàng trai lại hỏi.

– Điều này tự con sẽ hiểu khi chứng kiến cảnh hành lễ!

Trên cánh đồng xuất hiện ba thầy Tư tế, họ khiêng những chiếc lư hương đang bốc khói. Nhìn thấy họ, nhà điêu khắc già vội vã nói:

– Đi thôi, Tug-Anseng, – ông nói, – mặc dù chúng ta được thầy Thượng tế cho phép đến đây, nhưng dù sao chúng ta cũng không được cản trở công việc của những người phụng sự thần thánh! Con đã lớn đủ để quyết định: việc nào lớn hơn con hơn, tạc những bức tượng đồ sộ hay những bức tượng nhỏ! Giờ đây ta đợi câu trả lời!

– Thầy tha lỗi cho con, – Tug-Anseng trả lời ngay lập tức, – những bức tượng này, – chàng chỉ những chiếc đầu khổng lồ, – đã quyết định số phận của con. Con muốn được tạc bức tượng đồ sộ. Con xin thầy tha lỗi cho con vì quyết định này.

Ah-Shooch có thái độ bình thản đối với quyết định của Tug-Anseng. Chàng trai vô cùng ngạc nhiên.

– Ta đã cảm giác điều này từ lâu, – ông nói, – và đã đề nghị Ah-Shacan nhận con làm trợ lý. Con là một học trò tốt. Ta còn mong con sẽ tỏ ra là một thợ cả tốt hơn nữa.

Tug-Anseng cảm động cảm ơn Ah-Shooch, nhưng người thầy không quan tâm và bước nhanh xuống dốc.

Trên đường về thầy và trò hoàn toàn im lặng. Chỉ trước khi chia tay tại ngã ba đường, Ah-Shooch nói, mắt không nhìn chàng trai:

– Con đã là thợ cả, theo tục lệ cổ truyền, đã đến lúc con mang bó củi đến một nhà nào đó. Con đã mang chưa?

Tug-Anseng đỏ bừng mặt. Theo phong tục, khi muốn cưới cô gái, chàng trai phải mang bó củi đến nhà cha mẹ vợ tương lai, sau đó cha mẹ hai bên sẽ giải quyết vấn đề này.

Nhưng Tug-Anseng không có cha.

– Thưa thầy, con vẫn chưa nghĩ đến điều này, – chàng trai trả lời ấp úng.

– Này, nếu con vừa lòng ai, ta rất vui được thay cha con trong lễ cưới. – Ah-Shooch hứa.

Khi nghe những lời này, trong ý thức của chàng trai bừng sáng lên khuôn mặt đáng yêu của Nam-Suc. Tug-Anseng run lên.

– Con cảm ơn thầy, – chàng vui sướng nói, – con cảm ơn thầy vì tất cả!

– Con hãy nhớ rằng, bất cứ người nào trong thành phố chúng ta cũng rất vui sướng được gọi con là rể, – Ah-Shooch âu yếm nói. – Và hãy nhận lời khuyên cuối cùng của ta: hãy lấy vợ nhanh lên. Còn sáng sớm mai con đến nhà thầy AhShacan xin được ông ấy giúp đỡ!

Không thèm nghe thêm những lời cảm ơn lúng túng của chàng trai, Ah-Shooch đi về phía nhà mình. Tug-Anseng đứng hồi lâu ở ngã ba đường trong nỗi suy tư sâu lắng.

Hồi sinh sau cái nóng ban ngày, cỏ bốc mùi tươi mát. Dời lên đường ăn đêm, đây đó vọng lại tiếng kêu chít chít.

Đường mòn mờ mờ trong ánh rục rỡ của sao đêm.

Chàng trai không ngủ suốt đêm. Sáng hôm sau Tug-Anseng bàn với mẹ và đeo bó củi đến nhà của Ah-Shooch. Những người đi đường thấy bó củi hỏi cưới, họ thông cảm mỉm cười với chàng trai. Đợi cho Nam-Suc ra khỏi nhà, Tug-Anseng trang trọng đặt bó củi cạnh bếp lò. Cô gái reo lên khe khẽ, mặt và cổ nàng ửng đỏ. Lấy tay che mặt, Nam-Suc lao vội vào nhà. Bừng sáng nụ cười hạnh phúc, Tug-Anseng quay ra, đi nhanh đến nhà thầy trưởng quản điêu khắc.

CHƯƠNG VI

CUỘC GẶP GỠ

Sao-Lorenzo. Mexico.

Em rơi vào trái tim anh sao lâu quá!

• **R.Obregon Morales. Những dòng của huyền thoại cổ.**

Đám cưới của Tug-Anseng và Nam-Suc diễn ra rất vui. Ah-Shooch vui mừng nhận lời cầu hôn của chàng điêu khắc trẻ. Không giấu nổi sự phấn khởi, Osh-Tro khóc lên vì vui sướng, bà nhớ lại đám cưới ngày xưa của mình. Khuôn mặt của cô dâu, chú rể ngời sáng.

Trong đám cưới của anh trai, lần đầu tiên Shang thấy Tiang – bạn gái của Nam-Suc. Từ ngày đó Shang bắt đầu mơ ước được gặp Tiang, chàng luôn mơ thấy đôi mắt to hoang dã của nàng.

Ngày tháng của chàng nông dân Shang cũng như của Tiang, cô gái bị cuộc đời bắt buộc trở thành chủ của ngôi nhà mồ côi, ngập đầy công việc. Thời gian trôi qua, cho đến khi chàng trai tình cờ gặp lại cô gái.

Làng Tahcum-Tracang của Tiang và Hochtung của Shang nằm kề nhau. Nhưng giữa chúng là những cánh rừng nhỏ và những cánh đồng đã gieo hạt. Một lần già làng Hochtung cử Shang mang một bình lớn mật ong tươi đến cho thầy Tư tế già Trachil ở làng bên. Tin rằng thầy Tư tế đang đợi, chàng trai miễn cưỡng lên đường. Quá đổi kinh ngạc, khi đến Tahcum-Tracang và sau khi hỏi thăm đường đến được nhà của Trachil, chàng thấy Tiang đứng

cạnh đó.

Cô gái trấn tĩnh trước, nàng lập tức nhận ra Shang, nhưng làm như không biết.

– Chàng cần gì ở đây?

– Đây là nhà của thầy Tư tế, tôi cần gặp ông ta có chút việc!

– Vâng, đúng là nhà của thầy Tư tế, nhưng ông ấy đang ở điện thờ. Chàng cần gì?

– Đây là bình mật ong mà trưởng làng Hochtung gửi cho thầy Tư tế. – Chàng trai đưa bình cho Tiang.

– Để ở đây! – Nàng ra lệnh và nói tiếp bằng giọng nhẹ nhàng. – Có lẽ chàng đã mệt, đường từ Hochtung đến đây không gần. Ngồi nghỉ chút đi!

Mừng rỡ, Shang vội vàng ngồi xuống cạnh lối vào. Ý nghĩ phải về sớm thôi thúc chàng, nhưng chàng vẫn chưa kịp làm quen với cô gái mà chàng ưa thích.

– Nàng là con gái của thầy Tư tế? – Shang hỏi. Tiang làm như nhận ra chàng trai.

– Em gặp chàng ở đâu rồi đó, – cô gái trầm ngâm nói, – nhưng không thể nào nhớ được.

– Nàng là bạn của cô dâu trong lễ cưới của anh TugAnseng. – Shang nhắc nàng. – Tôi nhận ra nàng ngay!

– Vâng, vâng. Giờ thì em nhớ rồi!

– Tug-Anseng rất hạnh phúc! – Shang nói.

– Nam-Suc rất hạnh phúc! – Cô gái bác lại. – Bởi vì chị ấy đã yêu anh của chàng từ lâu!

– Vậy sao? – Chàng trai chân thành ngạc nhiên. – Ông trời sắp đặt mới đẹp làm sao!

– Làm sao mà Tug-Anseng trở thành thợ điêu khắc được? – Các

chàng là nông dân mà, chàng ấy cũng phải như chàng chứ?

Shang không nhận thấy rằng cô gái vô tình đã để ý đến mình. Chàng lắc đầu và chậm rãi trả lời:

– Đây là câu chuyện kỳ lạ! Khi chúng tôi còn nhỏ, Tug-Anseng lúc nào cũng nặn đồ chơi bằng đất sét. Một lần thầy Thượng tế gặp chúng tôi đang chơi, ngài tiên đoán rằng tương lai rực rỡ đang chờ chúng tôi, rằng Tug-Anseng sẽ trở thành thợ điêu khắc. Cha mẹ chúng tôi rất mừng vì những lời này. Mười năm sau ngài cho thợ cả Ah-Shooch đến nhà tôi, xem những đồ chơi của Tug-Anseng và nhận anh ấy làm học trò. Tug-Anseng trở thành thợ điêu khắc như vậy đó. Giờ đây anh ấy là thợ cả và là con rể của nghệ nhân. Chính thầy trưởng quản điêu khắc Ah-Shacan đã chọn riêng anh ấy. Đây là vinh dự vĩ đại đối với con trai của một người nông dân bình thường.

– Còn tương lai của chàng? – Cô gái bỗng nhiên hỏi. Sau đó, hiểu rằng câu hỏi này có thể làm Shang buồn, Tiang hơi bối rối.

Chàng trai không nhận ra điều này. Chàng vẫn nhìn Tiang với cặp mắt vui sướng. Shang nói:

– Hạnh phúc của anh Tug-Anseng đủ cả cho tôi. Tôi hạnh phúc vì điều này.

– Chàng có trái tim nhân hậu, Shang à. Vì vậy, chàng sẽ được yêu mến. – Cô gái tin tưởng đặt tay lên vai Shang. – Cũng như mọi người đều yêu mến Trachil. Ông ấy già nhưng rất tốt. Em giúp ông làm việc nhà, bởi vì ông hoàn toàn cô đơn. Em tên là Tiang và sống ở cạnh đây với ông chú Maash.

Shang hiểu câu cuối là dấu hiệu chia tay, chàng đứng dậy, lúng túng nói:

– Tôi về... Nhưng tôi... muốn được gặp lại nàng. Có được không? Đôi mắt Tiang bỗng sáng long lanh, chàng trai bất giác hồi hộp.

– Chàng chưa gặp được Trachil, vì vậy ngày mai chàng phải đến đây. – Cô gái dịu dàng nói. – Có lẽ thầy Tư tế muốn cảm ơn già làng của chàng. Có thể sáng mai em sẽ ở đây.

Em thường đến đây lắm. Thôi, tạm biệt!

Nàng quay người lại, lai váy dài của nàng xoay nhanh.

Tiang biến vào nhà.

Chàng trai không nhớ mình về đến làng như thế nào, chàng luôn thấy cặp mắt long lanh của cô gái, dáng người mảnh mai, mềm mại của nàng. Trong tai của chàng lúc nào cũng vang lên giọng nói trong trẻo của Tiang.

Sao Hôm lấp lánh trên đỉnh ngọn cây. Mát Shang hướng về phía vị thần.

“Hỡi vị thần nhân hậu và tráng lệ, hãy cho con phép màu để cô gái này sẽ là vợ của con! Con xin người, cho con niềm hạnh phúc này! Tất cả những vật tể của con sẽ thuộc về người – hãy để Tiang trở thành vợ của con, chỉ cô ấy chứ đừng là người khác!”.

Đóm lửa sao nhấp nháy mọc cao lên trên trời chiều, cú rúc vang lên. Mọi vật đều trở nên hạnh phúc và hứa hẹn kết quả tốt đẹp.

Hình như sự ưu ái của nữ thần đã thành hiện thực. Trưởng làng không nghiêm khác với Shang như chàng vẫn lo. Nghe xong câu chuyện mật ong đã được đưa đến, nhưng vẫn chưa gặp được thầy Tư tế, già làng Hochtung nhắc: “Sáng mai con lại đến đó và phải đợi gặp cho được thầy Tư tế! Nói là mật do ta biếu và gửi lời thăm hỏi của ta đến thầy. Cũng có những người khác biếu quà, cần để Trachil thông thái biết đây là quà của ta!”.

Shang không giấu được nỗi vui mừng. Mọi việc đã được xếp đặt mới tuyệt làm sao! Chàng sợ già làng quở trách vì đã ở lâu. Khi trưởng làng đã nổi giận thì khó mà qua được làng bên. Nhưng sự việc đã ngược lại: chính già làng lại cử chàng đi Tahcum-Tracang

lần nữa. Đây không phải là do chàng cầu xin ư! Chàng trai biết ơn nhìn ngôi sao Hôm.

Hầu như suốt đêm Shang không ngủ. Vừa chợp mắt trong giấc ngủ ngắn, chàng thấy xuất hiện khuôn mặt tươi cười của Tiang. Là một điều là trong buổi gặp hôm qua, cô gái không cười lấy một lần. Còn trong giấc mơ thì anh thấy nàng vui vẻ, dịu dàng. Chàng trai vùng dậy, uống nước và thở dài. Chàng lại nằm xuống: đêm dài quá! Chừng nào mới bình minh!

Trời rạng sáng. Shang vội vàng rửa mặt, ăn điểm tâm và lập tức lên đường.

Sáng nay mặt trời rực rỡ quá! Chim hót líu lo, gió nhẹ ban mai đầy hương thơm tươi mát. Con đường đến TahcumTracang quá ngắn đối với chàng trai lòng tràn ngập niềm vui đang vội vã đến gặp người yêu.

Nhưng những bất hạnh và bất ngờ đang ẩn náu phía trước, phía sau và quanh ta!

Bước vào nhà của thầy Tư tế, Shang nhìn thấy một ông già khô quắt, nhỏ thó ở cửa. Trachil ngồi trên ghế băng và sưởi nắng. Thấy chàng trai, ông niềm nở chào và hỏi có phải chàng đã đem mật đến hôm qua. Khi Shang nhiệt tình chuyển lời chúc của già làng, Trachil nhờ chàng chuyển lại lời cảm ơn. Nhìn thấy vẻ mặt buồn hiu của vị sứ giả đang chuẩn bị ra về, già Trachil cười:

– Bé Tiang đâu, – ông gọi và nhìn vào nhà, – con không ra chào khách của chúng ta sao?

Tiang đỏ mặt, bối rối xuất hiện. Ngờ ngạc nhiên như Shang cũng hiểu là cô gái đang đợi chàng. Nàng mặc chiếc váy mới, cổ đeo vòng hạt carin thơm phức. Tiang bẽn lẽn chào chàng trai.

– Ngồi xuống đi, sứ giả của trưởng làng! – Ông lão tiếp tục. – Giờ đây Tiang sẽ mời chúng ta bánh ngô nóng với mật ong của con.

Hãy dần bụng trước khi về!

Shang cảm thấy những chiếc bánh ngô nướng vội của Tiang ngon một cách kỳ lạ. Mật ong đặc, thơm, ăn với bánh thật là tuyệt! Cả ba ăn rất ít. Thầy Tư tế già dẫn dắt câu chuyện là chính. Shang kính cẩn và trả lời ngắn gọn những câu hỏi của ông. Tiang hầu như im lặng, thi thoảng nàng ngược nhìn chàng trai, và mỗi lần như vậy chàng trai thấy nóng bừng cả người.

Khi bữa ăn kết thúc và Shang chuẩn bị chia tay, Trachil giữ chàng lại, ông giao cho chàng một chiếc lọ đất nhỏ.

– Con đưa chiếc lọ của ta cho già làng. – Ông nói. – Nói với già làng hãy xoa chân bằng loại dầu này vào ban đêm, lúc đó chỗ xương gãy sẽ không đau.

Shang cẩn thận cất lọ dầu vào khố, cảm ơn ông già và quay đi. Chàng nghe tiếng Trachil:

– Tiang à, hôm nay con quên đem nước cho ta. Con đi lấy nước đi! Cùng đường với vị khách của chúng ta, chàng sẽ giúp con.

Trống ngực đập thình thình, Shang cúi chào ông lão tốt bụng lần nữa và im lặng sánh đôi cùng cô gái. Khi đến suối, họ bắt đầu trò chuyện.

Ôi, những buổi trò chuyện triền miên bên suối! Cả ngàn đời mọi người tình đều cảm ơn tiếng róc rách của suối, vì đã hứa hẹn những buổi gặp mãi nguyện. Ngày hôm ấy Trachil phải đợi nước khá lâu... Nhiều lần chàng trai tiến cô gái gần như đến tận nhà thầy Tư tế, nhưng nước cứ như trêu người, đến phút chót lại bị đổ chỉ còn nửa bình, không thể đem về cho thầy Tư tế được. Rốt cuộc, khi cặp uyên ương thống nhất là cách nhật, vào buổi chiều họ sẽ gặp nhau bên suối, lúc đó bình nước mới được đưa vào nhà.

Đặt bình nước xuống, Tiang ôm cổ già Trachil và áp nhanh má đầy đặn của mình vào khuôn mặt nhăn nheo của ông.

– Ông tốt quá và hiểu thấu lòng con! – Nàng sôi nổi nói thầm.

– Có thể, – thầy Tư tế già trả lời với nỗi đau xót bất ngờ, – nhưng lòng tốt sẽ chết cùng con người, không còn lại gì hết.

– Vẫn còn sự tưởng nhớ đến lòng tốt. – Cô gái suy tư trả lời. – Theo con, đó là điều tốt nhất có thể còn lại của con người...

Xúc động hiện lên khuôn mặt ông lão, Trachil quay đi và nói nhỏ:

– Con phải trở về nhà từ lâu rồi, chú con đi làm sắp về rồi đó!

Sau bữa cơm tối, khi ông chú và lũ trẻ đã đi ngủ, Tiang quì rất lâu trước bức tượng nhỏ Đức mẹ của các thần, nàng thầm khấn đến diên công: “Hỡi Đức mẹ toàn năng, hãy cho chàng trai này làm chồng của con, chỉ của con mà thôi!

Hãy dành Shang cho con, mãi mãi là của con!”.

Gương mặt của Đức mẹ các vị thần, với nụ cười cứng đờ trên môi, rộng lượng nhìn người cầu nguyện.

Sáng hôm sau già làng Hochtung nhận được chỉ thị chọn hai mươi người để chuyển tảng đá khổng lồ lên khu thờ, tảng đá này đã được đưa đến ranh giới kinh đô trên một chiếc bè lớn. Trong số người đó có Shang. Ba trăm người, được lựa từ các làng lân cận tới, suốt 12 ngày đêm cật lực kéo tảng đá bất trị từ bè lên bờ. Sau đó theo một con đường đặc biệt chuyển tảng đá lên cao nguyên Giũa. Trong khi đưa lên, hai lần đá lăn xuống dưới, sáu người bị chết và gấp đôi số người đó bị tàn tật.

Thầy Tư tế Mishpitiacuc chỉ huy toàn bộ công việc. Ông không biết nghi ngờ là gì và cũng không cho người khác nghi. Khi khối đá đã được đưa lên cao nguyên và đặt gần những chiếc đầu khổng lồ, Anaib-Ungir xuất hiện trên khu thờ, ông im lặng quan sát người làm. Một lần Shang cảm thấy thầy Thượng tế nhìn mình với

ánh mắt kỳ lạ. “Không lẽ ông ấy còn nhớ mình?” – Chàng ngạc nhiên nghĩ. Nhưng sau khi suy nghĩ, chàng cho rằng mình nhầm. Đã mười năm, không lẽ thầy Thượng tế nhớ hết từng đứa bé mà ngài đã gặp trên đường!

CHƯƠNG VII

TRÙNG PHẠT NACAHAON

Sao-Lorenzo. Mexico.

Họ trùng phạt những người này như vậy đó.

• “Popole-Vuh”

Đá được chở về trong ánh đuốc chiều tối. Cùng với mọi người Shang lê bước về nhà. Quá căng thẳng vì tiêu hao sức lực và thiếu ngủ thường xuyên, chàng trai mệt mỏi tắm rửa rồi đi nằm. Giấc ngủ nặng nề lập tức nuốt chửng chàng.

Giấc ngủ đầy âu lo, chàng luôn thấy Tiang tuột khỏi tay mình, vẻ mặt nàng buồn rầu. Shang cố gắng đuổi theo nàng, nhưng đôi chân bất lực không theo ý chàng, chàng luôn vấp ngã.

Giọng oang oang của mõ làng kéo chàng thoát khỏi cơn ác mộng:

– Hỡi dân làng Hochtung, hãy đến bãi làng TahcumTracang! Hãy đến Tahcum-Tracang! Đó là mệnh lệnh của chủ nhân chúng ta! Hỡi dân làng Hochtung, hãy nhanh chân đến Tahcum-Tracang!

Sáng sớm. Những người vừa tỉnh giấc nhìn ra từ các căn nhà, họ gọi nhau, hỏi xem điều gì đã xảy ra. Nhưng mõ làng đã đi khỏi và không ai hiểu được điều gì. Lửa bếp nổ lách tách đó đây. Những người mẹ và vợ chăm chỉ vùi vĩa nấu ăn trước lúc lên đường.

Shang nuốt vội vài miếng bánh ngô và chạy đến TahcumTracang. Dân làng Hochtung cũng chuẩn bị đến đó, chàng nghĩ rằng sẽ gặp được Tiang.

Dù đã vội hết sức, nhưng khi đến làng Tahcum-Tracang, Shang thấy bãi đã chật người. Ngoài dân địa phương, ở đây còn có dân các làng khác. Tất cả đều hướng về khoảng trống giữa bãi, họ nói chuyện rì rầm. Từ những câu nghe được, Shang hiểu rằng chẳng ai biết gì cả.

Chen lấn trong đám đông, chàng trai đưa mắt tìm Tiang. Shang đã gặp may. Chàng thấy cô gái, nàng đứng cạnh một người đàn ông lớn tuổi, có lẽ là chú của nàng cùng hai đứa bé trai và gái. Cố gắng len lỏi, Shang đến được sau lưng Tiang và chàng cũng nhìn vào bãi trống ở giữa. Giờ đây trước mắt chàng là mớ tóc dày xõa đầy vai của Tiang. Shang rất muốn sờ vào những lọn tóc đó, nhưng lý trí giữ chàng lại.

Ông chú nói nhỏ điều gì đó với Tiang, nàng quay đầu về phía ông. Lúc này Shang nhận thấy rằng nàng xanh xao, hốc hác, hai má lốm vào. Sự lo lắng thay vào chỗ của cảm giác vui sướng. Nàng bị bệnh chăng? Mớ tóc tuyệt diệu được chải một cách cầu thả, chiếc váy cũ... Sao vậy? Nhưng chàng không dám hỏi khi có mặt ông chú.

Như cảm nhận được nguyện vọng thầm kín của chàng trai, Maash bắt đầu lấn về phía trước. Ông tách khỏi cháu gái. Tiang và bọn trẻ vẫn đứng chỗ cũ. Shang tranh thủ dịp tốt.

– Tiang! – Chàng gọi nhỏ. – Chào nàng!

Cô gái không nhúc nhích, hai tai nàng ửng đỏ, có nghĩa là nàng đã nghe thấy lời chàng. Nàng không quay lại và im lặng y như không nghe thấy gì.

– Nàng có sao không, Tiang? – Chàng trai thất vọng hỏi, không để ý gì đến những người xung quanh.

Bọn trẻ quay lại, bé trai ngạc nhiên nói:

– Tiang, người ta nói với chị đó! Chị không nghe sao?

Cô gái quay lại và ném cho Shang cái nhìn hờn dỗi.

– À, chàng đó à! – Tiang lạnh lùng nói. – Chàng biến đi đâu vậy? Hình như mười ngày trước chính chàng đã muốn đến nơi đây?

Tiang tội nghiệp không nhận ra rằng đã để lộ bí mật: nàng buồn nhớ, vắng chàng nàng tính từng ngày! Nhưng Shang hiểu rõ và niềm vui tràn ngập trái tim chàng.

– Tôi không có lỗi, Tiang à! – Chàng nhiệt tình nói. – Trưởng làng cử tôi đi tìm tảng đá vĩ đại. Tôi không thể từ chối được, – Shang hạ thấp giọng, – lúc nào tôi cũng nhớ đến Trachil và nàng! Tôi luôn muốn được gặp nàng!

– Em lo cho chàng quá, có trời biết em nghĩ gì, – nàng cũng sôi nổi nói, – em nhớ quá...

Giọng trầm khàn khàn của những chiếc kèn gỗ nặng nề át những lời cuối của cô gái. Đoàn Tư tế của Thần Tâm dắt bước ra bãi trống, đi đầu là Tumeh-Sahing. Trước họ là năm tay kèn và ba tay trống. Dân làng dồn lại, nhường lối cho đám rước. Trong giây phút im lặng, Tiang nói nhỏ với chàng trai:

– Chúng ta sẽ nói sau, chàng đừng về nhé!

Shang dùng vai đẩy người bên cạnh, lấn lên trước và đứng cạnh Tiang.

Các thầy Tư tế xếp hàng thành hình bán nguyệt. Sau họ là những già làng của Tahcum-Tracang, Hochtung, Solohtren và các làng khác. Họ vận lễ phục và người nào cũng cầm chiếc giáo nặng đầu bịt mũi đá obsidian nhọn.

Tiếng kèn nổi lên, máu như đông lại. Tiếng trống khô, rõ, nổ tung ra. Âm điệu lo lắng của chúng như bóp nghẹt trái tim, báo trước một điều gì đó khác thường, ghê rợn. Tumeh-Sahing bước ra khỏi đám Tư tế, đứng giữa bãi trống và giơ tay lên. Tiếng trống ngừng bật.

– Hãy nghe đây, hỏi các thần dân của Nivannaatracbolai! –

Thầy Tư tế trình trọng tuyên bố. – Hãy tuân theo ý nguyện của vị thần vĩ đại! Thần Tâm đất nói bằng miệng của ta và miệng của các người. Trong chúng ta có một kẻ tà giáo, hắn đã vi phạm luật lệ của Tổ tiên. Hắn sẽ bị trừng phạt!

Tumeh-Sahing ngừng nói và đưa mắt lướt qua hàng người đứng trước. Ánh mắt nặng nề của ông làm mọi người tái mặt và khòm xuống. Nỗi kinh hoàng như có thể sờ được và đè nặng hai vai. Sau đó bằng giọng nói ngắt quãng, thầy Tư tế ra lệnh:

– Đưa tội nhân ra đây!

Các già làng giãn ra, hai chiến binh xuất hiện, họ xốc nách một người đàn ông. Đến trước Tumeh-Sahing, họ đẩy tội nhân quì xuống trước mặt thầy Tư tế. Một thầy Tư tế khác tách khỏi đám đông, đến cạnh Tumeh-Sahing. Ông ra lệnh cho người mới đến:

– Hãy đọc luật!

– “Không ai được uống rượu caetre khi chưa đủ 52 tuổi. – Thầy Tư tế trẻ đọc thuộc lòng bằng giọng oang oang. – Và người già đó chỉ có thể được uống một cốc theo quyết định của thầy Tư tế, nhưng không được say...”.

Tumeh-Sahing ngắt lời người đọc:

– Nacahon, người bao nhiêu tuổi?

– Ba mươi một. – Tội nhân trả lời giọng khàn khàn.

Thầy Tư tế gật đầu, ra hiệu đọc tiếp.

– “Say rượu – đó là cội nguồn và nguyên nhân của mọi tội ác và tử vong. Caetre và say rượu – nguyên nhân của mọi xung đột và chia rẽ, của mọi cơn tức giận và buồn chán ở thành thị lẫn thôn quê. Say rượu như một cơn lốc xoáy, nó phá hủy và xé nát tất cả. Nó như cơn bão nguy hại, chỉ mang đến cái ác. Sau khi say là sự cưỡng bức, ăn cắp, cướp giật, chửi rủa, đánh cãi nhau. Tất cả những điều này là hậu quả của say rượu”.

Thầy Tư tế ngừng đọc, hít một hơi dài và tiếp tục:

– Nếu con người chìm trong say xỉn, say trên đường, nếu hấn bị phát hiện trên đường lúc đang say, bước chân xiêu vẹo, ca hát âm ỉ, thì dù đi một mình hay cùng người khác, hấn cũng sẽ bị trừng phạt...

– Xin tha tội! – Tội nhân gào khóc. – Xin ông tha tội cho con!

Nacahon lê gối đến trước Tumeh-Sahing. Thầy Tư tế ghê tởm bước lùi lại.

– Người có thể được thương xót nếu uống rượu trong nhà của người và không có ai biết đến. – Tumeh-Sahing giận dữ thốt lên. – Lúc đó người sẽ được chết yên ổn! Nhưng người lại say trên đường, xúc phạm dân làng bằng những lời chửi rủa đê tiện! Không, người sẽ không được thương xót!

Quay về phía các trưởng làng đã bước ra, đứng trước hàng Tư tế, Tumeh-Sahing ra lệnh:

– Hãy cho tội nhân được chết!

Già làng Tahcum-Tracang đứng gần đó nhất, ông đập giáo lên vai tội nhân. Tiếng xương gãy khô khốc. Già làng lui bước, ông thốt lên:

– Vì mọi người của làng Tahcum-Tracang!

Tội nhân rú lên. Hết già làng này đến già làng khác đọc tên làng của mình, lần lượt đập giáo nặng lên người nạn nhân. Tiếng rú của Nacahon được thay bằng tiếng rên, sau đó tắt hẳn. Nacahon đã bất động, nhưng hình phạt vẫn tiếp tục.

Mọi người đứng nhìn sự việc diễn ra với sự đồng tình khác nghiệt. Cuộc hành hình không làm ai kinh hãi hoặc sợ sệt, kể cả những người còn trẻ. Không ai né nhìn qua chỗ khác. Đối với mọi người thời đó, say rượu là một trong những tội ác khủng khiếp nhất, và người uống rượu bất hợp pháp biết rõ việc gì sẽ đợi họ.

Cuối cùng thầy Tư tế trưởng của Thần Tâm dắt đưa tay lên. Những già làng đã mệt mỏi lùi ra sau các Tư tế đang đứng bất động. Tumeh-Sahing tuyên bố:

– Tội nhân đã bị trừng phạt! Nhưng hấn bị tước quyền được chôn cất! Vứt xác hấn cho chó rừng ăn!

Các vệ binh khiêng xác Nacahon đưa vào thung lũng. Mọi người chậm rãi ra về, tiếng trò chuyện vang lên. Các trưởng làng và các thầy Tư tế, dưới sự chỉ huy của Tumeh-Sahing, cũng rời khỏi pháp trường.

Tiang quay lại với Shang.

– Chàng bạn thật à? – Nàng dịu dàng hỏi. – Còn chúng em rất lo cho chàng!

– Nàng muốn không, ta sẽ đưa nàng đến chỗ tảng đá? – Chàng trai trả lời.

– Tất nhiên, muốn chứ!

– Chiều mai ta sẽ đón nàng ở chỗ suối lấy nước, không thể sớm hơn được. Nàng đến được chứ?

– Được, em sẽ đợi!

Chàng trai vui sướng vội vã theo người làng. Tiang nhìn theo chàng rất lâu. Mắt nàng long lanh những giọt nước mắt hạnh phúc: Cuối cùng người mà nàng yêu cũng đã đến với nàng.

CHƯƠNG VIII

ĐÊM TRĂNG

Sao-Lorenzo. Mexico.

Buổi sáng chúng ta quay về thành phố!

• R.Obregon Morales. “Những dòng tình yêu.”

Lòng đầy hồi hộp và âu yếm, Shang chờ Tiang tại nơi hẹn bên suối. Trời tối từ lâu. Trăng ló ra khỏi các ngọn cây trên bầu trời trong vắt, cao hơn nữa là sao Hôm đang lấp lánh. Làng đã ngủ yên, không một tiếng động, bình yên bao phủ xung quanh. Suối róc rách hiền hòa.

Đây là một đêm kỳ diệu – đêm hẹn hò đầu tiên của họ! Ánh trăng lấp lánh trên dòng suối và trên lá đa bóng loáng. Trong rừng đom đóm bay thành những vòng tròn, những đốm sáng đỏ-vàng-xanh. Ve kêu râm ran, xa xa chim chích nhại say mê hát. Hoa đêm tỏa mùi thơm ngây ngất.

Cô gái lặng lẽ xuất hiện. Nàng cũng hồi hộp chờ đợi cuộc hẹn này. Tóc của Tiang được chải cẩn thận, chảy xuống đôi vai gầy. Những nét vẽ mới in trên da còn rất rõ. Chiếc váy xanh đậm mới, thắt lưng lớn bằng da nai và chuỗi hạt thơm tạo cho nàng bộ lễ phục hấp dẫn.

Tiang xuất hiện và bắt đầu nói nhanh để vượt qua sự bối rối và rụt rè, bởi vì đây là cuộc hẹn đầu tiên trong đời nàng!

– Nào, chàng cho em xem tặng đá của chàng chứ? Có thật nó bự lắm không?

Shang muốn ôm lấy nàng, lập tức thổ lộ tình yêu. Lúc này nàng đẹp quá! Đôi mắt mênh mông long lanh vì xúc động, cặp môi hồng hé mở, những lọn tóc xoăn tỏa xuống đôi vai...

– Tặng đá to nhất mà anh thấy trong đời mình, – Shang thuyết phục. – Bây giờ chúng ta đến đó, thật ra cũng hơi xa!

Đôi trai gái lên đường. Đường mòn chạy ngoằn ngoèo giữa những hàng cây, thỉnh thoảng ánh trăng lọt qua tán lá dày, rọi xuống, đường khá tối. Nhưng cả hai đều đi nhanh và vững bước, vì họ là cư dân của rừng. Với lý do giúp đỡ nên lát sau Shang cầm tay cô gái, Tiang để yên không phản đối. Bàn tay nhỏ, ấm của cô gái nằm yên trong những ngón tay khỏe mạnh của chàng và đôi khi run lên như muốn nói điều gì.

Lúc đầu họ đi trong im lặng. Cuộc gặp gỡ bất thường và sự tĩnh mịch xung quanh làm họ bối rối. Shang cất tiếng đầu tiên, chỉ lên ngôi sao Hôm, chàng nói:

– Buổi tối lần đầu tiên anh gặp em, anh đã cầu xin ngôi sao cho anh được gặp em lần nữa. Và mong ước của anh đã thành sự thật!

– Kỳ diệu quá! Còn em cho rằng đây là ngôi sao bảo hộ của em. Buổi tối em thường nhìn sao và thổ lộ với sao những hy vọng và ước muốn của mình. Mới đây em đã cầu xin sao...

Tiang nghẹn lại. Nhưng tối hôm nay chỉ cần nửa lời là Shang đã hiểu cả. Chàng dừng lại, dịu dàng kéo cô gái về phía mình và hỏi:

– Nàng cũng xin cho chúng mình gặp lại?

– Vâng, Tiang thì thầm, nàng giấu mặt vào ngực chàng.

Mùi thơm nhẹ, dịu và sự hồi hộp làm mờ đầu óc chàng trai. Tất cả đối với chàng đều khó tin.

– Tiang yêu quý, anh yêu em ngay từ lần gặp đầu tiên, anh không thể sống một ngày mà không nghĩ về em. – Shang sôi nổi thì thầm, chàng ôm chặt cô gái. – Nhiều khi anh có cảm giác lúc thì

em giận anh, lúc thì lạnh nhạt...

– Em yêu chàng ngay từ đầu, khi gặp chàng ở đám cưới... Lúc chàng biến mất, em cho rằng chàng không thích em, em rất buồn.
– Tiang thú nhận.

Cặp tình nhân ngồi trên một thân cây đổ. Sự ngượng ngịu biến mất. Giờ đây họ thèm khát kể cho nhau nghe từng phút sống thiếu người mình yêu, hồi tưởng những chi tiết nhỏ nhất nhất của các cuộc gặp gỡ...

– Ngày mai anh sẽ đến gặp chú của em để hỏi em làm vợ. – Chàng trai hạnh phúc nói.

– Không được, Shang! Chú không bao giờ đồng ý đâu! Ai sẽ nấu ăn cho chú và lũ trẻ mồ côi? Ai sẽ chăm lo nhà cửa? Chúng ta phải đợi cho con gái của chú lớn lên. Bốn năm nữa nó có thể làm công việc nội trợ, lúc đó em sẽ được tự do!

Chúng ta cần phải đợi, Shang à... Cái chính là chàng đừng bỏ em trong thời gian đó, bốn năm trôi qua nhanh thôi mà...

– Nhanh ư? Bốn năm, nguyên cả bốn năm! – Chàng trai xịu mặt lại. – Thời gian quá dài... Anh không thể bỏ em, có muốn cũng không được! Em là cả cuộc sống của anh. Thiếu em anh sẽ là gì? Một cây khô, suối nước cạn, bếp lò đã tắt!

Nhưng anh sợ...

– Sợ gì hả chàng?

– Anh không biết. Bỗng nhiên anh lo sợ cho em... Y như có điều gì đó sẽ xảy ra... Sợ em bỏ anh, sợ có điều gì đó bất hạnh sẽ đến với em. Gần đây anh lại thấy ác mộng. Em đi đâu đó xuống nước, sâu lắm. Anh cố kéo em ra khỏi hố mà không được, chân tay anh nhũn như bông. Điều gì đó có thể xảy ra với em, em có thể sẽ yêu người khác...

Tiang tránh ra, mặt tái xanh, nhưng giọng nàng vẫn đều và

cứng như trước:

– Đừng lo cho em, chàng yêu à, em mạnh và biết lo cho mình!
Em không bao giờ bỏ chàng đâu, chàng nghe không, không bao giờ!

Shang lắc đầu ngờ vực.

– Nếu có gì xảy ra cho em, – Tiang hỏi, – Chàng sẽ làm gì?

– Không biết. – Chàng trai bối rối trả lời.

– Còn em thì biết. Nếu có gì xảy ra với chàng, em sẽ trả thù!

– Trả thù ai?

– Trả thù người nào phá hạnh phúc của chúng ta! Bất kỳ ai!
Bất kỳ cô gái nào xen vào giữa chúng ta, kể cả công chúa. Chàng
hãy biết như vậy!

Shang cười khẽ và chàng lại kéo Tiang vào mình.

– Không có cô gái nào xen vào giữa chúng ta đâu, em yêu quý à,
bởi vì anh nghĩ rằng không có ai đẹp hơn em đâu! Mãi mãi chúng
ta sẽ bên nhau. Nhưng bốn năm thì quá lâu...

– Mà cũng có thể là ba năm thôi! Em gái của em sẽ lớn nhanh
và chóng hiểu. Mà giờ đây chàng vẫn chưa có những đồ vật quý để
làm sính lễ. Đám cưới của Tug-Anseng vừa mới xong... Rất hay là
Ah-Shooch không say mê quà và đã chia một nửa quà cưới cho
chàng rể. Chú của em không vậy đâu.

– Điều này đúng. Chúng ta rất nghèo. Nhưng anh không thể
thiếu em được!

– Chúng ta sẽ thường gặp nhau. Chính chàng đã nói là không ai
có thể chia cắt chúng ta mà!

Lần đầu tiên tự Tiang ôm lấy chàng trai. Họ im lặng hồi lâu, ép
sát vào nhau, mắt mơ màng. Thời gian trôi qua nhanh chóng. Cuối
cùng Tiang nói:

– Có lẽ muộn quá rồi. Em phải chạy về thôi!

– Dù sao em cũng liếc qua tảng đá của anh chú! Mong rằng nó sẽ là vật chứng cho hạnh phúc của chúng ta, bởi vì nó đã chứng kiến sự khổ nhục của anh. Đi đi, dù chỉ một phút!

Họ đứng lên. Tiang vuốt ve lớp vỏ sần sùi của thân cây, nó là vật cầm lạng đã chứng kiến vòng tay ôm ấp của họ. Cô gái lén bẻ một miếng vỏ cây nhỏ để kỷ niệm và giấu vào thắt lưng.

Phải đi khá xa. Khi họ lên đến đỉnh cao nguyên, trăng đã tà, nhưng ánh trăng vẫn rực rỡ. Chàng trai và cô gái bước đến những chiếc đầu không lồ ở rìa khu đất thiêng.

Ánh trăng chiếu thẳng vào mặt những bức tượng, chúng nở một nụ cười kỳ lạ vĩnh cửu, nhưng ánh mắt của chúng lại buồn, gần như đau buồn. Môi chúng hé mở như muốn nói, nhưng không thể nào thốt ra được lời nào cả.

– Ôi, cái gì thế này? – Tiang chụp lấy tay Shang. – Chàng ơi, em sợ quá!

Chàng trai bối rối nhún vai.

– Đây là cái gì anh cũng không hiểu. Bởi vì đây là cánh đồng thiêng, tất cả các bức tượng đều dâng cho thần linh. Nếu phải sợ cái gì thì đó chính là cơn thịnh nộ của các vị thần và các thầy Tư tế. Anh không tin là có thể đến được đây. Còn các bức tượng – việc gì phải sợ, chúng chỉ là đá và yên lặng...

– Không, không, ra khỏi đây đi! – Tiang năn nỉ, giọng nàng run lên. – Em không muốn ở lại đây!

– Nào, hãy xem tảng đá của anh dù chỉ một lần. – Chàng trai cười, nói. Chàng thấy thú vị, vì cách đây nửa giờ Tiang là cô gái can đảm, nhưng giờ đây nàng lại sợ những chiếc đầu đá. Trong thời gian làm việc chàng đã quen với chúng và quên rằng lần tiếp xúc đầu tiên, chính chàng cũng ngạc nhiên. – Em thấy đó, bọn anh đã lao động như thế nào!

Một tảng đá bazan đồ sộ được đặt cùng hàng với những chiếc đầu đá, từ xa trông nó giống như quả bóng. Nó không chỉ cao hơn cô gái mà còn cao hơn cả chàng trai.

– Em biết không, bọn anh phải làm việc như thế nào để đưa được tảng đá lên đỉnh cao nguyên không? – Shang hỏi. – Lúc nào nó cũng muốn lăn xuống dưới, nhưng bọn anh còn cương quyết hơn nó!

– Đá ơi, hãy xem này, đây là vợ chưa cưới của ta! Nàng đẹp đấy chứ? – Chàng trai âu yếm sờ vào tảng đá.

Shang cười, cố gắng quay mặt cô gái về phía các bức tượng, nhưng nàng dứt khoát quay đi. Cuối cùng, chịu thua sự chống cự im lặng của nàng, Shang đưa tay cho Tiang và họ nhanh chóng chạy xuống dưới theo sườn dốc.

Trời rạng sáng. Khi chia tay, đôi uyên ương hẹn đến vài lần là ngày mai sẽ gặp lại. Nhưng sự kiện sắp tới lại cản trở cuộc hẹn của họ.

CHƯƠNG IX

NHỮNG TÙ NHÂN CỦA ĐẠI DƯƠNG

Đại Tây dương.

Hãy trang bị cho mình con thuyền cũng thủy thủ đoàn.

• **Truyện cổ “Vua Heops và những phù thủy”.**

Suembahamon mặc bộ quần áo bằng vải lanh giản dị, ngồi ở đuôi tàu dưới mái che bằng vải sặc sỡ, ông thờ ơ nhìn mặt nước. Mấy ngày qua, đại dương yên tĩnh kỳ lạ, gần như là mặt gương. Mặt trời đứng ngay trên đỉnh đầu, trời rất nóng, nhưng làn gió nhẹ đã làm giảm bớt sự oi ả.

Từ buổi sáng đây lo âu mà quan đại thần già biệt kinh đô Ai Cập Thượng xa xôi đến nay đã hơn hai năm.

Chân lý cổ “Trong hoạn nạn mới rõ lòng nhau” đã được Suembahamon chứng nghiệm trong cuộc đời mình. Hoàng đế Ai Cập Hạ đối xử tốt với Suembahamon khi ông là vị đại thần ở Fiva. Nhưng ngài thay đổi cách đối xử của mình khá nhanh chóng. Lúc đầu chủ nhân của thành Tanis (kinh đô của Ai Cập Hạ lúc đó) tiếp đón Suembahamon, như lệ thường, bằng những cái ôm thắm thiết. Hiển nhiên là ngài hy vọng rằng quan đại thần Ai Cập Thượng đến đây với nhiệm vụ ngoại giao bí mật và quan trọng. Đã có những buổi tiếp kiến bí mật và những bữa tiệc lộng lẫy như ngày hội. Một lần Nesubanebjed còn lộ liễu nói bóng gió là công chúa út – một cô gái đẹp – đồng ý trở thành vợ của vị khách quý.

Thời gian trôi đi, Suembahamon không thể nào đáp ứng những

lời tâng bốc nịnh bợ. Có lẽ đó là những dấu hiệu đầu tiên cho sự nghi ngờ. Ba tháng tiếp theo cũng không có một tín sứ nào từ Fiva đến tìm quan đại thần, cũng không thấy vị khách gửi bức thư nào về kinh thành Fiva. Vị đại diện toàn quyền bí mật của triều đình Fiva quả có nhiều bí ẩn. Hoàng đế của Ai Cập Hạ không thể dò hỏi Suembahamon, còn mật vụ của ngài cũng không nói được điều gì cụ thể: hoặc là quan đại thần bị đuổi, hoặc trốn chạy cơn thịnh nộ của pharaon Fiva.

Sau đó Suembahamon không còn tồn tại đối với Nesubanebjed. Họ chỉ chấp nhận sự cư trú của ông trong nước. Không còn một cuộc hội đàm tin cậy nào, thậm chí cũng không có một cuộc triều tiếp nào.

Suembahamon bị thừa và ngồi không, ông bắt đầu những cuộc dạo chơi dài ngày trong những khu rừng của vùng châu thổ Delta trên một con thuyền nhỏ. Nô lệ Penniut theo ông để chèo thuyền. Kẻ trốn chạy tự nguyện đi săn vịt trời, câu cá, suy nghĩ về những điều kỳ lạ của cuộc sống. Ông buồn và khao khát hoạt động. Đôi khi ông bị những cơn tuyệt vọng và buồn chán giày vò. Lòng ông âm thầm cháy bỏng nỗi nhớ vợ, các con và cuộc sống trước đây ở Fiva.

Một lần trong chuyến đi chơi xa hơn bình thường, Suembahamon gặp một nhóm nhỏ thủy thủ. Họ đang nghỉ cạnh chiếc tàu đã kéo lên bãi cát. Nhờ Penniut biết nhiều thứ tiếng, nhà quý tộc Ai Cập nói chuyện với thuyền trưởng – một người đàn ông trung niên tầm thước, chắc nịch. Bộ râu đen dày, chiếc mũi khoằm như mỏ chim cát, cặp mắt long lanh và những động tác nhanh nhẹn chứng tỏ ông là người Phinic. Quả vậy, Melcart-Mashal được sinh ra ở thành Tir vĩ đại, ông đã đi biển rất nhiều và biết nhiều.

Melcart-Mashal là người khéo kể chuyện. Suembahamon bị mê hoặc, trước mắt ông hiện ra những làn sóng của Biển Xanh vĩ đại

(Địa Trung Hải ngày nay). Vị quan đại thần như thấy sóng sủi bọt dưới mạn tàu, cảm thấy mùi tươi mát của gió biển, vị muối mặn trên môi những thủy thủ, nhìn thấy dải bờ hẹp chạy dài bên trái họ... Theo lời Melcart-Mashal, chính ông ta đã nhiều lần đi dọc bờ biển Libi trên con tàu nhỏ của mình, buôn bán với các bộ lạc ven bờ và trở về với những món lời béo bở.

Cảm thấy sự quan tâm của người đối thoại, thuyền trưởng dịu dàng nhìn vào mặt Suembahamon và ngọt ngào hỏi:

– Tại sao ông chủ không tham gia vào công việc kinh doanh với chúng tôi? Vị khách của hoàng đế vĩ đại Nesubanebjed bình thản vui thú đi săn và yến tiệc, còn những người đi biển chúng tôi thì gánh hết những bận rộn và lo lắng. Chỉ có một điều yêu cầu ông chủ – bỏ ra một ít tiền mà sau vài tháng sẽ được hoàn lại với số lời...

Suembahamon suy nghĩ. Báu vật, chủ yếu là đá quý, mà ông mang theo đã nhanh chóng ra đi, thậm chí là quá nhanh chóng. Ông sẽ sống ra sao nếu của cải đi hết? Ai sẽ giúp ông ở cái xứ sở này? Tại sao ông không liều thử? Nếu mất số tiền này thì điều không tránh khỏi sẽ đến nhanh hơn vài ngày mà thôi!

– Cho tôi một ngày suy nghĩ, – vị cựu đại thần Ai Cập ngập ngừng nói, – và cho biết: tôi tìm ông ở đâu?

Melcart-Mashal, cúi gập người, thuyết phục vị quan là sẵn sàng đợi thêm ba ngày nữa. Sau thời hạn này, ông nói thêm giọng buồn bã, họ phải lên đường để kịp gió thuận. Suembahamon có thể không lo ngại, y biết vị khách của pharaon ở đâu, chỉ cần cho giờ hẹn thuận tiện.

Trên đường về, Penniut – nhân vật tin cậy của chủ nhân trong suốt thời gian trốn chạy – cố gắng thuyết phục Suembahamon là người Phinic nói chung không đáng tin cậy, đặc biệt là những

người lang bạt trong rừng. Vị đại thần tức giận ngắt lời Penniut và cấm hẳn nói.

Sau đó một ngày, như đã hẹn, Melcart-Mashal đến gặp Suembahamon. Quan đại thần giao cho Melcart-Mashal chiếc túi đựng 50 vòng vàng và viên ngọc rubi trong như nước. Lòng ông lại cháy lên hy vọng làm giàu.

Melcart-Mashal hai lần cẩn thận đếm số vòng và suy nghĩ.

– Số vàng này quá nhiều, ông chủ à. – Thuyền trưởng nói với sự tiếc rẻ trông thấy. – Chiếc tàu của tôi nhỏ, không thể chở nhiều hàng đến vậy. Còn giao tiền của ông cho người khác thì tôi không dám. Vì vậy tôi chỉ nhận một nửa số tiền này và viên ngọc. Nếu mọi việc tốt đẹp, – viên thuyền trưởng Phinic sùng kính chạm tay vào chiếc bùa trên cổ, – chúng tôi sẽ trở về với tiền lời, lúc đó có thể mua chiếc tàu lớn hơn...

Suembahamon miễn cưỡng nhận lại 25 chiếc vòng vàng và chúc nhà đi biển thuận buồm xuôi gió.

– Khi trở về tôi sẽ lập tức đến gặp ông chủ và thanh toán đầy đủ. Xin ông đừng lo! Và cảm ơn lời chúc tốt lành. Cầu Thần Biển và Thần Gió hùng mạnh giúp đỡ chúng tôi!

Trong chuyến dạo chơi tiếp tục theo Penniut nói làu bàu để ông chủ nghe thấy: “Gã Phinic này láu cá quá! Trả lại một nửa, tôi không thể lấy nhiều hơn. Tên lừa đảo tính rất hay, những lời này tạo nên niềm tin. Giờ đây chỉ việc chuẩn bị một trăm chiếc bao đựng tiền lời – gấp ba lần cho một vòng. Tôi sợ là sẽ đợi lâu đó!”.

Suembahamon lơ đãng nhìn bức tường lau sậy cao màu xanh, chậm chạp trôi qua con thuyền và khẽ mỉm cười. Không hiểu sao ông tin vào sự thật thà của Melcart-Mashal.

Giờ đây ngày tháng của kẻ trốn chạy trôi qua cách khác. Ngoài những ý nghĩ buồn nhớ về quá khứ còn có thêm những suy nghĩ:

Chiếc tàu của thuyền trưởng Phinic giờ ở đâu, công việc như thế nào, những người đi biển sẽ mang về những gì sau chuyến viễn du. Suembahamon rất bức vì không hỏi kỹ Melcart-Mashal về lộ trình đã dự định. Đã hai lần ông gọi Irinefer đến và trao đổi rất lâu với tài công, nhưng Irinefer suốt đời chỉ chạy tàu trên sông Nil và không thể thông báo được điều gì mới và hay cho ông chủ.

Ba tháng sau, ngược lại với mong đợi của Penniut, lúc này đã bắt đầu cay độc với ông chủ, Melcart-Mashal trở về. Chiều tối thuyền trưởng xuất hiện trước nhà của Suembahamon với hai thủy thủ còng lưng vác những chiếc bao nặng. Nhà đi biển cúi chào và bày trước mặt quan đại thần xứ Fiva: những bó lông đà điều đẹp tuyệt, những tượng thần bằng sành, vài cuộn vải sidon sắc sỡ, một chuổi hạt hổ phách lớn, một hộp đựng những loại dầu thơm quý hiếm, ba vò rượu quý đặc sánh như mật lấy từ đền thờ của thành Tir, và cuối cùng là hai bao nặng vàng cám. Thấy cử chỉ thắc mắc của Suembahamon chỉ rượu, chuổi hạt và vải, Melcart-Mashal giải thích là một số hàng, mang từ Libi về, không phù hợp với ông chủ, do đó thuyền trưởng đã đổi lấy những thứ này ở cảng.

Mắt Suembahamon sáng lên. Lòng tin và hy vọng của ông đã được đền đáp. Quan đại thần bốc một nắm vàng ròng trong hộp, không cần đếm, hào phóng đưa cho Melcart-Mashal, nhưng viên thuyền trưởng lùi lại, lắc đầu: “Không, ông chủ, tôi không cần được thưởng! Lúc này không cần! – Thuyền trưởng nói. – Nếu ông định tiếp tục buôn bán thì bây giờ cần nhiều tiền lắm. Phải mua một chiếc tàu khác lớn hơn. Sau này chúng ta sẽ tính”.

Lời đề nghị tâm cỡ rất hấp dẫn. Không cần suy nghĩ lâu Suembahamon chỉ đưa ra một điều kiện: ông và tài công Irinefer sẽ cùng đi với Melcart-Mashal để tài công của ông quen với Biển Xanh vĩ đại.

Khi bàn về số tiền cần thiết để mua hàng, nhà đi biển đề nghị

nhiều tiền hơn.

– Tiền càng nhiều thuyền càng tốt. – Thuyền trưởng thuyết phục. – Nếu mua tàu xấu thì khả năng mất cả tàu lẫn người càng lớn. Ngoài ra cần nhiều hàng cho cả hai tàu. Lần này tôi muốn đi xa hơn, đến thành phố Mới do những người đồng hương của tôi thành lập ở mãi tận phương Tây. Ở đó có thể kiếm được những đồ vật hoàn toàn kỳ lạ...

Thỏa thuận mới được nhiệt tình ủng hộ bằng ly rượu đầy. Melcart-Mashal ra về dưới sức nặng của vàng và có Irinefer đi theo. Tài công rất mừng vì nhiệm vụ mới, ông đã chán ăn không ngồi rồi.

Suembahamon lo xa vội vàng báo công việc làm ăn của ông cho hoàng đế đất nước mà ông đang ở. Ông hiểu rằng sớm muộn gì mật vụ của Nesubanebjed cũng sẽ báo cho ngài những gì đã xảy ra. Quan đại thần xứ Fiva đã chuẩn bị tặng phẩm: chuỗi hạt hổ phách để làm dịu tình hình. Ông chỉ phân vân: tặng cho ai – hoàng đế, hoàng hậu hay nàng công chúa xinh đẹp?. “Tác động của đàn bà hiển nhiên là mạnh hơn. – Viên đại thần suy nghĩ. – Nhưng quà tặng cho một người đàn bà tất nhiên sẽ làm những người khác ganh tị và tức giận, điều đó rất nguy hiểm”. Cuối cùng Suembahamon quyết định một cách khôn khéo là hoàng đế xứ Delta sẽ tự quyết định cho ai món đồ trang sức kỳ lạ này.

Tin tức đã đồn đến tai của Nesubanebjed, tính hiếu kỳ của ngài trỗi dậy. Lập tức Suembahamon được mời vào triều. Chuỗi hạt hổ phách – vật quý hiếm ở vùng này – đã được tiếp nhận một cách nồng nhiệt. Hoàng đế rất nhiệt tình với dự án của Suembahamon khuếch trương công việc kinh doanh của mình. “Nhưng, – ngài nhấn mạnh, – phải nộp vào ngân khố quốc gia một khoản thuế nhỏ sau mỗi chuyến đi thành công”. Về sau Suembahamon được biết là món quà đã đến tay một ái phi của hoàng đế.

Sau khi khách ra về, chủ nhân của Delta mới sực nhớ là không nói cho Suembahamon biết tin từ Fiva đưa đến: ở đó người ta cho rằng Suembahamon đã chết đuối. Nhưng sau khi suy nghĩ, hoàng đế cho rằng như vậy sẽ tốt hơn, ngài không biết nguyên nhân nào đã thúc đẩy viên đại thần quý tộc đến ẩn náu trong đất nước của ngài.

Giờ đây kẻ trốn chạy bắt đầu cuộc sống mới. Ông tin rằng, cuối cùng thành công cũng quay lại với mình. Suembahamon mua một cặp ngựa tốt, tuy không bằng những con ngựa xứ Fiva ngày trước. Sau buổi tiếp đón của hoàng đế, những người quen cũ lại tỏ ra quý trọng Suembahamon, viên quan đại thần tổ chức tiệc tiếp đãi họ.

Kết quả chuyến đi thứ hai vượt quá sự mong đợi của Suembahamon. Giờ đây ông đã trở thành người giàu thật sự. Chuyến đi kéo dài hơn, những người đi biển trở về sau mười tháng. Irinefer vui thích vì chiếc tàu mới, vì chuyến đi và mấy tối liền kể cho ông chủ nghe những việc đã diễn ra như chuyện thần thoại. Người tài công già mô tả khu thương mại của thành phố Mới đặc biệt sôi động, những lái buôn thuộc nhiều sắc tộc và hàng hóa đa dạng, kỳ lạ ở đây. Theo lời ông, thành phố tuy còn trẻ nhưng đã trở thành trung tâm thương mại quan trọng.

Thuyền trưởng Melcart-Mashal rõ ràng muốn kéo dài cuộc thăm hỏi, ông chờ cho đến khi Irinefer kể xong chuyện, những câu chuyện tạo nên tác động mà ông mong muốn. Melcart-Mashal bắt đầu thẳng thắn tuyên bố là muốn nhận một phần tư số lời do công sức lao động và môi giới.

Suembahamon nhăn mặt. Ý nghĩ phải chia bớt dù chỉ một phần tư số lời làm ông khó chịu. Lòng say mê vàng ngày xưa của ông ở kinh thành Fiva giờ đây lại mở rộng thêm đã hoàn toàn chiếm hữu ông. Nhận thấy nét mặt của chủ nhân thay đổi, Melcart-Mashal nói thêm với giọng nhẹ nhàng:

– Ông không cần quan tâm đến điều này, ông chủ à. Riêng tôi, tôi đã giữ lại và giao cho ông phần lớn, – nhà buôn Phinic nhấn mạnh: Những gì đã giao cho ông là của ông, chỉ là của ông!

Suembahamon im lặng hồi lâu. Trong lòng ông lẫn lộn niềm vui và nỗi buồn, tiền lời có thể còn lớn hơn. Ngoài ra ông còn khó chịu vì tên nhà buôn lấu cá tự tính toán và làm mà không hề bàn bạc với ông. Mặc dù biết tất cả, nhưng Irinefer không hiểu gì hết, tức là sự tin cậy của ông dựa vào hấn đã trở nên vô ích. Có lẽ chính trong giây phút này, lần đầu tiên quan đại thần nảy ra ý định chưa rõ ràng là sẽ trực tiếp tham gia vào chuyến đi. Rồi ông cũng tự chủ được mình, cảm ơn nhà buôn và hỏi chừng nào sẽ có chuyến đi mới và đi đâu.

Melcart-Mashal hiểu rằng giây phút nguy hiểm nhất trong buổi gặp mặt đã qua, ông nói nhanh:

– Cần trở lại Cart-Hadasht! Giờ đây tôi đã hiểu ở đó cần loại hàng gì, chúng ta có thể chở đầy hai tàu chính loại hàng này. Nhưng phải vội lên, sắp tới những người đi biển sẽ biết con đường này và tàu sẽ chen chúc nhau ở cảng của thành phố Mới.

– Được! – Suembahamon đồng ý. – Chuẩn bị đi. Ông cần bao nhiêu tiền?

Melcart-Mashal nhận tiền và ra về.

Vị đại thần gọi Irinefer đến, câu chuyện của họ lại kéo dài đến nửa đêm. Giờ đây Suembahamon đã quyết định dứt khoát tham gia vào chuyến đi sắp tới.

Trong cuộc diện kiến với hoàng đế xứ Ai Cập Hạ, ông đã giải thích cho ngài về ý định thực hiện chuyến đi dọc bờ biển Libi. Ý định này làm chủ nhân vùng châu thổ cực kỳ thích thú. Trong thâm tâm ngài đã nhiều lần mơ ước phục hưng sự hùng mạnh của Ai Cập, để những con tàu của miền Đất Đen chở cống vật từ các

thành phố bị chinh phục của Siri, Phinic đến. Nhưng là một nhà chính trị nhìn xa và kiên nhẫn, Nesubanebjudet hiểu rằng, trước hết phải thống nhất vương quốc Thượng và Hạ, nhưng lực lượng để làm việc này hiện nay chưa có. Do đó mọi việc làm, mọi cách làm để tăng sự giàu có và sức mạnh của quốc gia đều được ngài nhiệt tình ủng hộ. Ngài hứa rằng trong thời gian Suembahamon đi vắng, nhà và người nhà của vị quan đại thần sẽ được hoàng đế bảo hộ, thậm chí còn cho mười chiến binh theo bảo vệ. Nhưng Suembahamon lịch sự từ chối đề nghị này.

Khi biết ý định cùng đi của quan đại thần xứ Fiva, Melcart-Mashal hoảng sợ. Gần như sắp khóc, ông cố gắng thuyết phục Suembahamon từ bỏ ý định này. Thuyền trưởng nói nhiều về những nguy hiểm đang chờ ở phía trước, về những khó khăn và mất mát. Nhưng những lời nói như mưa chỉ củng cố thêm sự cương quyết của Suembahamon. Cuối cùng, sau khi gọi tên các vị thần Baal, Melcart, Ashtoret, Amon, Chons và hàng tá các vị thần linh khác của Phinic và Ai Cập cầu xin để họ gạt rửa khỏi đầu mình về trách nhiệm đối với sinh mạng và sức khỏe của vị quan đại thần, Melcart-Mashal đồng ý. Họ thống nhất là để Suembahamon đi trên tàu “Salim-Ball” với Melcart-Mashal, còn Irinefer đi trên tàu thứ hai “Amon hài lòng”.

Suốt ngày Suembahamon ở đuôi tàu, ngồi dưới mái che và nhìn sóng nước. Quang cảnh làm ông thích thú và không hề chán mắt. Gió thuận, buồm căng, tàu lao nhanh về phía trước, dây buồm kêu vi vu như sáo thổi. Lòng vị đại thần thấy yên tĩnh, thanh thoi và nhẹ nhàng. Họ thường vào bờ để nghỉ đêm, đậu lại một vịnh yên tĩnh nào đó, đổ bộ lên một cửa biển hoặc một dòng sông nhỏ. Đôi khi tàu dừng lại lâu hơn ở những nơi nhất định, dân địa phương kéo đến và trao đổi, buôn bán. Lúc đầu Suembahamon kiên nhẫn theo dõi những cách trao đổi và cố gắng tính phần lời của mình,

nhưng sau đó ông thấy quá phức tạp và phui tay. Nhận thấy điều này nên Melcart-Mashal yên tâm, quan hệ của họ trở lại thân mật.

Các vùng lân cận và thiên nhiên của thành phố Mới thu hút Suembahamon, ông bắt đầu nghiêm túc suy nghĩ: nên định cư luôn ở đây chưa? Sáng sớm, khi tàu vào CartHadasht, một quang cảnh khó quên trải rộng trước mắt quan đại thần. Trên bán đảo lớn, cách lục địa một eo đất hẹp, nhô lên một quả đồi khổng lồ. Thành phố được xây dựng trên đỉnh đồi – một cụm nhỏ những ngôi nhà màu trắng, so với Fiva, Memphis hoặc các thành phố của châu thổ sông Nil, nó hoàn toàn nhỏ bé. Thành phố được ngăn cách với lục địa bằng bức tường thô nhưng khá chắc. Phía dưới Birsa là những cánh rừng đẹp chạy theo sườn đồi xuống thấp. Trên eo đất cũng có những tòa nhà, có lẽ đó là kho cảng. Gió nhẹ mát thổi từ đất liền đến, mang đầy hương vị ngọt của cây cỏ. Mặt trời ban mai rạng rỡ, trời xanh cao vút. Tất cả làm cho tâm hồn Suembahamon tràn ngập sự ngạc nhiên và thán phục.

Đứng bên cạnh và như hiểu được ý của chủ nhân, Melcart-Mashal thở dài nói: “Đây là nơi mà tôi muốn được kết thúc những ngày cuối của đời mình! Nếu như thần Baal và Puam rộng rãi với tôi và tôi được giàu có thì nhất định tôi sẽ định cư ở đây, xây cho mình một ngôi nhà tuyệt đẹp ở đó. – Thuyền trưởng giơ tay chỉ sườn bắc của quả đồi. – Ông nghĩ xem, Cart-Hadasht chỉ mới thành lập 30 năm trước, nó như một đứa trẻ, nhưng thành phố sẽ lớn lên và biến thành khổng lồ. Dần dần nó sẽ vượt cả thành phố mẹ – Tir vĩ đại. Ông chủ à, ông hãy tin rằng đứa trẻ sơ sinh này hứa hẹn một tương lai lớn mạnh, thậm chí là vĩ đại! – Ngừng một lúc, nhà đi biển nói tiếp. – Chúng tôi, những cư dân của thành Tir, thường gọi thành phố này là Cart-Hadasht. Cái tên này luôn mang đến hạnh phúc và thành công. Chúng tôi tin rằng...”.

Khi tàu vào cảng, Suembahamon nhận thấy rằng, hình như

thiên nhiên quan tâm đến an toàn của Cart-Hadasht. Từ phía biển: những mỏm đá dựng đứng mọc lên từ khắp nơi, cửa cảng – nơi duy nhất thuận tiện để đổ bộ – có thể dễ dàng bảo vệ bằng hai hoặc bốn tháp canh. Còn phần yếu nhất – đường tiếp cận từ phía đất liền – đã được bức tường bảo vệ.

Khi chiếc “Salim-Baal” và “Amon hài lòng” vào trong cảng, Suembahamon kinh ngạc vì số lượng tàu đậu ở đây. MelcartMashal nói đúng: thành phố này về sau sẽ thịnh vượng vì giờ đây đã lôi cuốn được bấy nhiêu tàu về nơi này.

Thuyền trưởng đã lên bờ. Suembahamon ở lại tàu. Ngắm nhìn sự tấp nập trên cảng và lần đầu tiên trong cuộc hành trình ông cảm thấy mệt mỏi, buồn chán. Không! Ông sinh ra không phải để đi buôn! Ý nghĩ là ông phải chạy ngược chạy xuôi, đếm các bó, các bao, đổ mồ hôi vì lao động làm ông thấy chán. Có thể ông chỉ là một nhà du lịch, nhưng nhà buôn thì không thể được. Quả là uống công, ông là một đại thần bẩm sinh mà lại tham gia vào công việc hạ đẳng như thế này. Tốt nhất là ông cứ đưa tiền cho thuyền trưởng Phinic như trước và đứng qua một bên. Suembahamon thở dài và bước vào phòng.

Tuy nhiên hai giờ sau, tâm trạng của quan đại thần đã thay đổi. Melcart-Mashal xuất hiện cùng một thanh niên lịch sự – viên quan của vua thành Cart-Hadasht. Viên quan cúi chào và thông báo cho vị đại thần Ai Cập rằng chủ nhân thành Cart-Hadasht mời Suembahamon đến chơi trong suốt thời gian lưu lại thành phố. Rõ là trong hai giờ qua Melcart-Mashal đã kịp làm nhiều việc.

Thay đổi lễ phục, Suembahamon cùng viên quan – Adgerbaal – đi vào thành phố. Melcart-Mashal ở lại tàu.

Vừa bước lên bờ, Adgerbaal lịch sự thông báo rằng những người mới đến thành phố thường phải dâng vật tế cho nữ thần Tanit

hùng mạnh – người bảo trợ cho thành phố, nếu đức ông không phản đối thì cũng sẽ làm như vậy. Lúc đầu Suembahamon thoáng có ý nghĩ ngại ngùng vì không có vật tế, nhưng ngoái lại, ông thấy một thủy thủ đi sau cầm chiếc lông chim. Nhà buôn khôn khéo đã lo việc này. Cảm giác khó chịu ban đầu của quan đại thần đối với các vị thần lạ đã biến mất, ông đồng ý viếng thăm thần địa phương.

Adgerbaal đưa Suembahamon đến ngôi đền nhỏ nằm ở chân đồi, chàng giải thích đây là thánh điện Tanit – vị nữ thần bảo hộ đường đi của tất cả các thủy thủ. Vị thánh chính của thành phố – bức tượng thần được đưa đến từ thành Tir xa xôi – nằm trong điện Biris.

“Có thể sau này đức ông sẽ được gặp chính Tanit-PeneBaal-Elissa”, – viên quan nói một cách mơ hồ.

Trong đền mờ tối và mát. Hai ngọn đèn tỏa ánh sáng yếu ớt. Bức tượng người phụ nữ có cánh mặc y phục dài, ôm mặt trắng trước ngực, đã gây cho Suembahamon cảm giác xấu xí và man rợ vì được tô màu một cách thô thiển. Ông quen với những tác phẩm tinh tế, mỹ lệ của các nghệ nhân Ai Cập. Sau khi giao chiếc nhẫn vàng và hai con chim bồ câu cho thầy Tư tế và ném hạt trâm vào than đỏ của lò đốt, Suembahamon rời khỏi đền.

Càng lên cao, quang cảnh càng mênh mông và hùng vĩ. Nước vịnh màu xanh-lục, cát vàng, những cây sồi non – tất cả làm cho Suembahamon say mê. Dọc đường đi ông ngắt một lá cỏ, vuốt nó giữa các ngón tay và khoan khoái ngủi.

Hoàng đế, đúng hơn là lãnh chúa của Cart-Hadasht tiếp vị khách Ai Cập với sự niềm nở hiếm thấy. Ngài bộc lộ với Suembahamon ngay trong lần gặp đầu tiên:

– Chúng tôi ít được đón những vị khách quý tộc như thế này.

Còn quan đại thần mà đi buôn thì tôi mới gặp lần đầu tiên trong đời! Hạnh phúc và thịnh vượng của thành phố chúng tôi hoàn toàn phụ thuộc vào thương mại...

Ngài ngập ngừng và nói tiếp với giọng của một học sinh mẫu mực:

– Và phụ thuộc vào cả chủ nhân của chúng tôi – hoàng đế thành Tir vĩ đại. Vì vậy chúng tôi rất vui mừng được tiếp đón vị khách quý như ông! Hi vọng rằng ông sẽ thích vùng này. Chúng tôi sẽ cố gắng để chuyến thăm Cart-Hadasht lưu lại cho ông những kỷ niệm đáng nhớ!

Lãnh chúa giữ lời hứa. Khách được dành riêng ba phòng trong cung điện và vài người hầu lanh lợi. Suembahamon được vui chơi giải trí thoải mái: những bữa tiệc với vũ nữ thành Tir, những diễn viên tung hứng, nhào lộn, những cuộc dạo chơi ngoại thành. Một lần ông được xem con thú lạ của sa mạc: trên bốn chân dài như cà kheo là thân mình nhỏ với cục bướu kỳ lạ ở giữa, chiếc đầu nhỏ trên cái cổ cong kỳ quặc, nhịp nhàng lúc lắc theo từng bước chân dài. Suembahamon đã nghe về con lạc đà, nhưng ông chưa bao giờ nhìn thấy. Dân Phinic gọi nó là “gimel”. Phản ứng của con thú càng làm ông kinh ngạc: khi người hầu cố ý làm nó tức giận, gimel phun hai đồng nước bọt đặc dính suốt từ chân đến đầu người để ghẹo nó.

– Gimel là trợ thủ vô giá trong các cuộc hành trình trên sa mạc.
– Adgerbaal giải thích. – Nó ăn cả những cành gai cứng nhất và có thể nhịn uống từ 3 đến 7 ngày. Nó cảm nhận được bão cát trước vài giờ. Gimel dễ tự ái, chính ông đã thấy rồi đó. Không ai được đánh nó và không ai lừa được nó đi, ngoài chủ nó. Gimel chạy nhanh hơn ngựa. Phải quen mới cưỡi được nó, bởi vì những bước chạy dài làm người cưỡi buồn nôn giống như lúc tàu biển bị sóng lắc. Đức ông có muốn cưỡi thử không?

Nhìn bộ quần áo trắng như tuyết của mình,

Suembahamon từ chối. Ông có cảm giác là con thú này lập tức sẽ ném ông xuống đất và phun nước bọt vào ông không thương tiếc.

Vài ngày sau Melcart-Mashal xuất hiện, nét mặt đầy vẻ thỏa mãn, thuyền trưởng thông báo rằng số hàng đã bán hết. Giờ đây cần quyết định mua thứ gì cho chuyến về. Buổi trò chuyện đã tạo ra bước ngoặt mới trong cuộc đời của người Ai Cập chạy trốn.

Trò chuyện với Suembahamon, lãnh chúa Cart-Hadasht nhận thấy rằng, buôn bán với vùng châu thổ là công việc ít lời. Phải tìm những con đường mới và những vùng đất mới. Những thủy thủ dũng cảm nhất đã đến được đảo Sương mù và xa hơn nữa, đến bờ biển của xứ hổ phách. Giờ đây các con tàu phải đến đó.

Là người tìm kiếm phiêu lưu và là kẻ lãng du không mệt mỏi, Melcart-Mashal lập tức say mê. Thiếc, khai thác ở quần đảo Sương mù, được sử dụng ở tất cả các nước của Nội hải (Địa Trung Hải). Nếu chở về được một tàu thứ kim loại này, thì sẽ phát to. Sau đó ông có thể yên tâm định cư ở thành phố Mới, tương lai của ông sẽ được đảm bảo. Nhưng đường đến quần đảo Sương mù rất xa và nguy hiểm: tàu phải vượt qua Cột Malcart (Gibraltar) và đi theo Ngoại hải (Đại Tây Dương). Nguy hiểm rình rập người thủy thủ ở khắp nơi, và cũng có thể chết đuối ngay ở vùng cảng an toàn nhất. Hải tặc có thể cướp tàu ở ngay Nội hải. Nhưng buôn bán ở vùng Nội hải rất ít lời.

Melcart-Mashal bắt đầu thuyết phục Suembahamon quyết định hướng đi mới.

– Ông chủ có thể yên tâm ở lại Cart-Hadasht. Chúng tôi sẽ thực hiện chuyến đi mua thiếc ở quần đảo Sương mù. Nếu có thể kiếm được một ít hổ phách ở đó thì thật là tuyệt. Sau khi bán hết hàng ở Cart-Hadasht, tàu sẽ đưa ông chủ về nhà, về lại châu thổ. Lãnh

chúa nói đúng, rất nên đi đến quần đảo Sương mù!

Sau một lúc thuyết phục, Suembahamon đồng ý. Khả năng lợi nhuận cao đã hấp dẫn ông.

Melcart-Mashal triển khai hoạt động sôi nổi. Boong cả hai tàu được đóng thêm ván. Sóng ở Ngoại hải lớn và có thể dễ dàng tràn vào tàu. Ông dễ dàng thỏa thuận với Arnt Aletna – một tài công giàu kinh nghiệm người thành Tir, đã từng đến quần đảo Sương mù, với số tiền công cao chưa từng thấy. Thực phẩm, nước uống được đưa lên tàu, những loại hàng quý hiếm cho cuộc đi xa được chuẩn bị. Hai tuần sau tàu nhổ neo lên đường.

Vào những ngày cuối trước khi khởi hành, vị quan Ai Cập lại bị nỗi nhớ quê ngự trị. Ông luôn nghĩ về ngôi nhà thân yêu ở thành Fiva. Suembahamon hầu như bị mất ngủ và trong những đêm dài ông luôn suy nghĩ làm thế nào để xin được pharaon tha thứ, được quay trở về với gia đình ông.

Và ông bất ngờ quyết định: ông phải tự chỉ huy chuyến thám hiểm đến quần đảo Sương mù! Sau cuộc du hành này, có được nhiều tiền, ông có thể xin diện kiến chủ nhân xứ Ai Cập Thượng và xin được tha tội! Nếu ông mang về được vài cục hổ phách tốt thì một nửa triệu đing sẽ đứng về phía ông. Những câu chuyện phiêu lưu của ông có thể sẽ làm pharaon vui thích. “Xong, quyết định!” ông sẽ đi cùng Melcart-Mashal.

Khi Suembahamon thông báo ý định của ông cho lãnh chúa Cart-Hadasht, ngài bình thản như nghe thông báo về một cuộc dạo chơi nhỏ ra ngoại thành. Chủ nhân của thành phố Mới đề nghị nhà quý tộc Ai Cập ghé thăm thành phố khi trở về, và ông hứa.

Khi nghe quyết định này, Melcart-Mashal cười mỉa và nhận xét ông chủ sắp trở thành “chúa biển” thực thụ. Suembahamon không hiểu lắm về sự hóm hỉnh của nhà buôn và không để ý đến lời nói

của Melcart-Mashal. Lần này Suembahamon muốn đi trên tàu “Amon hài lòng” với Irinefer.

Tàu đi mười ngày đêm hoàn toàn thuận lợi cho đến Cột Melcart. Lúc đầu không có gió, những mái chèo sơn vàng khua động mặt nước lấp lánh. Roi vọt của các giám quản đã buộc trạo nô chèo hết sức lực. Về sau buồm căng gió và tàu chạy không cần phải chèo. Tất cả đều hứa hẹn chuyến hải hành bình yên và thành công.

Khi những bức tường cao bên phải bờ vịnh và những đồi xanh bên trái từ từ lùi lại, biến mất ở phía sau, đường vào Ngoại hải mở ra, lòng của Suembahamon đầy lo lắng. Những đợt sóng khổng lồ ném con tàu như một miếng vỏ bào, lúc này nhà quý tộc Ai Cập mới nhận thức được rằng ông đã quyết định một việc liều lĩnh và nguy hiểm. Đây hoàn toàn không phải là Biển Xanh vĩ đại – theo cách gọi của người Ai Cập, hoặc là Nội hải – theo cách gọi của người Phinic. Đây hoàn toàn khác – hùng vĩ và khủng khiếp!

Những lúc đi trên Biển Xanh vĩ đại, mặc dù không thấy bờ, nhưng Suembahamon vẫn nhận thấy bờ ở đâu đó. Còn ở đây chỉ có mênh mông trời, biển, vô tận và vô tận, cái vô tận gây nên sự kinh hãi làm lạnh cứng tâm hồn, chỉ muốn úp mặt vào boong tàu để không nghe, không thấy. Chiếc tàu thứ hai cũng chẳng hơn gì, trên bộ ngực hùng vĩ của đại dương nó quá ư nhỏ bé, như hạt cát trên sa mạc! Hải âu bay theo tàu cất tiếng kêu lạnh lạnh như tiếng khóc đưa tang.

Nhưng con người thích nghi được với tất cả. Dần dần Suembahamon trở lại bình tĩnh, đưa mắt nhìn xung quanh và làm cho tài công phát chán vì câu hỏi sắp đến quần đảo Sương mù chưa. Arnt Aletna chỉ trả lời ậm ờ một cách mơ hồ hoặc nói gọn: tùy trời.

Tai họa đến sau đó một ngày.

Bão nổi lên hoàn toàn bất ngờ. Gió bắc mạnh đột ngột, mây đen vần vũ trên trời, mưa xối xả. Chiếc tàu của MelcartMashal lập tức mất dạng. Theo lệnh tài công thủy thủ hạ buồm, nhưng cũng không giúp được gì. Chiếc “Amon hài lòng” trở thành món đồ chơi của gió và sóng. Tàu bị cuốn trôi nhanh vùn vụt. Suembahamon đóng cửa phòng dập đầu cầu khẩn mong được cứu thoát và sau đó rơi vào hôn mê.

Bão lặng sau đó một ngày. Tài công và Irinefer đến chỗ ông chủ với những tin bất an, họ bị trôi xa về phía nam.

Theo tài công thì nơi này chưa ai đến bao giờ. MelcartMashal có thể đã chết hoặc mất tích. Sóng cuốn trôi ba thủy thủ, tàu bị hỏng nặng. Chỉ còn nhờ trời và nhờ phép lạ.

Biển lặng, những cánh buồm bất lực ử rũ. “Amon hài lòng” theo một dòng chảy bí mật nào đó, chậm chạp trôi về phương nam. Mặt trời mọc mỗi lúc một cao, nóng hầm hập. Cũng may nước và thực phẩm trên tàu còn nhiều. Theo đề nghị của Arnt, khẩu phần ăn bị giảm xuống. Giờ đây Suembahamon ở trên boong suốt ngày. Mặt biển mênh mông vô hạn đã mê hoặc ông.

Chán nhìn sóng nước, vị đại thần xứ Fiva cầm lấy chỉ thảo thư – món quà chia tay của hoàng đế Ai Cập Hạ. Đây là cuốn sách cực hiếm – tuyển tập thơ của nữ hoàng Hatshepsut-Ninsut-Ra vĩ đại. Chậm rãi mở sách ra, Suembahamon bắt đầu đọc những dòng thơ quen thuộc và yêu thích:

Khi nghĩ đến tình yêu,

Trái tim đập bốn lần.

Đi như người bình thường, không muốn,

Vội vàng phi đến chốn xích xiềng.

Khi nghĩ về chàng, trái tim ơi, kiên nhẫn:

Đập chậm hơn, ít nhất bốn lần.

Suembahamon rời mắt khỏi dòng chữ, lơ đãng nhìn mặt đại dương chói nắng.

... Phải, rõ ràng những lời đồn đã được truyền khẩu từ đời ông đến đời cháu trai, từ đời bà đến đời cháu gái, là đúng. Nữ hoàng đã yêu kiến trúc sư trưởng của mình – chàng Senmut đẹp trai! Và những dòng thơ này là bằng chứng! Và ông đã xây một đền thờ nguy nga, đẹp kỳ lạ dâng cho bà. Có thể là tự ông đã cản những vần thơ nổi... Không có gì đáng ngạc nhiên là Hatshepsut, theo truyền thuyết, đã bị đầu độc... Những bức tượng của nữ hoàng đã bị đập bỏ theo lệnh của người kế nhiệm, tên trên các phù điêu bị cạo sạch. Nhưng cặp tình nhân này đã để lại sự tưởng niệm vĩnh cửu: bà đã để lại những công trình hoành tráng bởi lòng khao khát thường xuyên của mình đến thế giới, còn ông đã để lại những vần thơ bốc lửa từ nghệ thuật và cái chết đau khổ của mình...

Irinefer lặng lẽ bước đến, cúi chào và cố gắng dững cảm thông báo: “Ông chủ à, tài công Arnt nói rằng một cơn bão đang đến! Chúng ta phải làm gì?”.

CHƯƠNG X

HAI CUỘC GẶP BÊN SUỐI

Sao-Lorenzo. Mexico.

*Nơi suối trong trườn mình xuống dưới, Nơi đá xám nước mắt
mài mòn.*

• A.K.Tolstoi.

Suối không chỉ là nơi gặp gỡ của những cặp tình nhân, mà còn là nơi bàn tán của các bà hàng xóm lăm chuyện khi giặt đồ. Đôi khi ở đây cũng xảy ra những việc khác quan trọng hơn, mặc dù lúc đầu nó chẳng có vẻ gì quan trọng cả.

Buổi sáng Tiang ra suối lấy nước, nàng thích lấy ở một chỗ riêng trên đầu suối. Từ xa Tiang đã thấy một bóng người nhỏ thó kỳ lạ bên suối. Theo tầm vóc thì đây là một đứa trẻ, nhưng theo chiếc mũ có lông chim dài trên đầu thì đây là người lớn. Đến gần hơn, cô gái hiểu rằng trước mặt nàng là người lùn. Ông ngồi trên phiến đá bằng và cúi xuống một cách khó khăn, ông đang làm gì đó với gót chân trái.

Nghe tiếng bước chân, người lùn quay lại, bắt nhả nhìn Tiang bằng cặp mắt đen và hỏi với giọng khó chịu:

– Người cần gì ở đây?

– Tôi đi lấy nước như lệ thường. – Cô gái trả lời. – Nhưng nếu làm phiền ông thì tôi sẽ đi chỗ khác.

Người lùn nhồm dậ định đi, nhưng bất giác rên lên và lại ngồi xuống tảng đá. Khuôn mặt nhỏ nhăn nheo của ông méo đi vì đau

đón, nước mắt ứa ra.

Cô gái nhân hậu không chịu được, nàng bỏ bình xuống và đến gần người lùn. Sự bất lực và đau đớn của ông làm nàng xúc động.

– Ông đau lắm à, – nàng quan tâm hỏi và chút xíu nữa thì nói thêm “ông lùn”, nhưng đã kịp giữ lại, – thưa ông?

– Ta bị lông nhím đâm vào gót chân, nó gãy và đầu nhọn vẫn còn trong đó, – người lùn nói, – ta không thể rút ra được.

Vậy đó!

– Để tôi giúp ông nhé?

– Người thử đi!

Người lùn đưa chân ra. Cô gái cúi xuống. Rút được đầu gai này không phải là chuyện dễ. Đầu gai gãy ngập sâu trong gót chân, chỉ nhô ra một chút xíu. Xung quanh đầu gai bắt đầu sưng. Tiang mấy lần lấy móng tay rút chiếc gai, nhưng bị tuột. Người lùn im lặng chịu đựng, nhưng mỗi lần Tiang rút gai, ông lại nghiêng răng.

Cuối cùng Tiang quyết định cúi đầu xuống, lấy răng cắn chặt đầu gai. Chiếc gai bật ra.

Người lùn định đứng lên, nhưng cô gái giữ lại.

– Ông phải ngâm chân vào nước lạnh để khỏi sưng và bớt đau. – Nàng nói. – Ông ngồi đây nhé, không ai đến đây đâu, ông sẽ được yên. Tôi chạy về làng, đến chỗ thầy Tư tế, ông ấy là một thầy lang kinh nghiệm. Có lẽ sẽ có loại thuốc nào đó cho ông...

– Được, – người lùn nói, – đi đi, ta đợi.

Tiang may mắn gặp Trachil ở nhà. Nghe cô gái hỗn hển kể, ông lão vỗ vai nàng và đưa một chiếc lọ nhỏ đựng thuốc và miếng bông gòn.

– Xúc thuốc này lên gót chân, – ông lão nói, – và đưa lọ thuốc cho lão lùn của con. Có lẽ đó là Cuocu – hề của vua. Lần đầu tiên

trong đời ta có dịp giúp một nhân vật quan trọng như vậy. Chạy nhanh lên, những người như thế thường nóng tính lắm!

Người lùn ngồi yên chỗ cũ, chân ngâm trong nước, trầm ngâm nhìn đám cây rậm rạp bên kia suối. Nghe tiếng chân, ông quay lại và bất giác nhận xét:

– Người chạy vội lắm hả?

Tiang không trả lời. Trong lòng nàng lẫn lộn sự bức bối và thương hại. Quì xuống, nàng cẩn thận xoa thuốc, đắp bông gòn và băng chân bằng miếng vải sạch.

Người lùn cẩn thận bước thử, chân đã bớt đau, ông thấy thoải mái. Người lùn dừng lại, ông nói:

– Cảm ơn cô gái! Cô đã giúp Cuocu – tên hề của vị vua vĩ đại. Ta không bao giờ quên người giúp ta và kẻ hại ta.

Vì vậy, cô luôn có thể được ta giúp. À, cô tên gì?

– Tôi tên Tiang, thuộc tộc Socan. Tôi sống ở làng TahcumTracang.

– Tạm biệt cô nương Tiang, chúc cô mạnh khỏe và hạnh phúc!

Cuocu quay lưng định đi, Tiang thốt lên:

– Khoan đã ông Cuocu! Chăm lấy thuốc và xúc lần nữa trước khi ngủ tối. Thầy Tư tế Trachil dặn vậy.

Người lùn cầm lấy lọ thuốc, cảm ơn lần nữa và chậm chạp đi khuất. Cô gái nhìn theo ông hồi lâu. Mặc dù mặc khối thù sang trọng, chuỗi hạt vỏ sò và chiếc mũ cắm lông chim dễ màu xanh trời, nhưng cô gái thấy Cuocu chỉ là đứa trẻ đáng thương chứ không phải là viên quan quan trọng, cận thần của đức vua Nivannaa-Tracbolai. Trái tim nhạy cảm mách bảo nàng rằng, vẻ quan trọng, khệnh khạng của con người nhỏ thó này chỉ là chiếc mặt nạ mà sau đó che giấu sự yếu đuối. Nàng thấy thương hại

Cuocu.

Ba ngày sau người lùn xuất hiện ở suối nước. Tiang đi lấy nước và lúc chuẩn bị ra về, phía sau nàng vang lên tiếng kêu the thé:

– Chào cô Tiang! Thuốc của cô giúp ta rất nhiều. Cô thấy đó, bây giờ ta đi lại hoàn toàn bình thường!

Cuocu bước ra từ lùm cây bên kia suối. Ông nhanh nhẹn băng qua suối, đến cạnh Tiang và rút từ thắt lưng ra chuỗi vỏ sò sặc sỡ. Ông đưa chuỗi hạt cho Tiang:

– Đây, cầm lấy. Ta tặng cho cô do cô đã trị bệnh cho ta!

– Không phải tôi chữa bệnh cho ông mà là thầy Tư tế Trachil. Ông ấy cho thuốc và dặn cách chữa. Chuỗi hạt đẹp này phải đưa cho ông ấy, mặc dù ông ấy không thích và không đeo đồ trang sức. Tôi có thể chuyển quà của ông cho Trachil để tỏ lòng cảm ơn.

Cuocu vội vàng giấu chuỗi hạt ra sau lưng.

– Ta không biết Trachil nào hết! – Ông tức tối la lên. – Chỉ có cô giúp ta chứ không thầy Tư tế nào hết. Ai dùng răng rút đầu gai ra khỏi chân ta? Không lẽ Trachil? Cô nhận chuỗi hạt đi và đeo nó vào, nếu không ta vớt nó xuống nước!

Tiang miễn cưỡng nở nụ cười.

– Ông Trachil của tôi, – nàng chậm rãi nói, – rất già và rất tốt bụng. Ông ấy đáng tuổi ông của tôi. Ông đừng có bực!

– Dù sao cô mới là người chữa bệnh cho ta, nhưng ta cũng tin thầy Tư tế Trachil là người tốt bụng. Nào, cô nhận quà đi!

Tiang nhận quà và đeo vào cổ. Người lùn hài lòng ngắm nhìn cô gái.

– Cô càng đẹp hơn, ông nói, – món đồ trang sức này rất hợp với cô!

Tiang đỏ mặt, cúi thấp người, cảm ơn và cầm lấy bình nước định

đi.

– Khoan đã, – Cuocu nói, – ngồi lại với ta một chút. Ta muốn nói chuyện với cô.

Cô gái ngoan ngoãn ngồi xuống tảng đá. Người lùn đứng bên cạnh, im lặng.

– Sao ngài lại bị gai đâm? – Tiang phá tan sự im lặng.

– Thứ nhất, đừng gọi ta là “ngài”, vì ta không cao quý đến vậy và tuổi tác của ta cũng chưa già, – người lùn ngồi xuống cạnh Tiang và nói nhanh, – chỉ cần gọi ta là Cuocu. Thứ hai, cô nên biết rằng cuộc sống trong cung điện của ta không ngọt ngào lắm đâu. Tất nhiên ta ăn ngon hơn nhiều quan đại thần, ta ngủ trên giường êm đệm đẹp và thường được gặp đức vua vĩ đại. Nhưng ta là món đồ chơi. Nực cười và đau xót! Im đi, im đi! – Cuocu nói khi nhận thấy dấu hiệu phản ứng của Tiang. – Đừng nói là cô nghĩ khác. Ta tin là cô nhân hậu, do đó mới nói cho cô nghe, chỉ nói với cô thôi! – Ông nhấn mạnh. – Bởi vì ta hoàn toàn cô đơn. Ta không có người thân, không có bạn bè, ta không thể chia sẻ cùng ai. Đôi khi ta thấy thất vọng và đau khổ, đi lang thang trong rừng một, hai ngày. Lúc đó ta như con thú dại băng qua rừng rậm, không để ý gì trước mặt, ta đã đạp phải lông nhím. Nhưng giờ đây ta lại cảm ơn nó, vì nhờ nó mà ta có được người bạn. – Người lùn đưa tay cho Tiang.

Tiang lặng lẽ siết chặt bàn tay. Cuocu đứng dậy.

– Thỉnh thoảng ta sẽ đến thăm cô. – Ông nói. – Và chúng ta sẽ luôn gặp nhau ở suối, ta không muốn vào làng.

Người lùn quay đi và nhanh nhẹn chạy lon ton đến đường cái. Thân hình nhỏ bé của ông thật đáng thương và dễ làm mủi lòng người. Mắt cô gái ngấn lệ, nàng âu yếm vuốt ve chuối hạt.

Tiang kể chuyện cho Trachil và Shang nghe. Quan điểm của hai

người rất khác nhau. Thầy Tư tế tỏ ra vui mừng vì thành tích của cô con gái nuôi, còn chàng nông dân trẻ thì tức giận. Chàng chứng minh hồi lâu cho cô gái thấy rằng không được nhận quà và yêu cầu cô không được gặp gã lùn nữa. Những lời lẽ dịu dàng của Tiang đã an ủi chàng và Shang không còn ghen với Cuocu.

Vài ngày sau diễn ra một cuộc gặp khác không kém phần quan trọng đối với Tiang. Cuộc gặp xảy ra ở gần suối.

Lấy xong nước, cô gái đi về làng. Một nhóm người khiêng kiệu đi ngược lại phía Tiang. Trên kiệu là một người sang trọng, bởi vì những chiếc lông chim trên mũ của y có màu lục lấp lánh. Phu kiệu đi nhanh qua cô gái. Tiang lễ phép cúi đầu, không dám nhìn những người đi qua giống như những phụ nữ bình dân khi gặp các quan. Tiang vô cùng kinh ngạc, vì sau đó vài phút nàng nghe thấy những bước chân đuổi gáp theo mình. Cũng chính chiếc kiệu đó xuất hiện trước mặt nàng, nhưng không có người theo hầu. Đuổi kịp cô gái, phu kiệu bước chậm lại y như muốn đi cạnh nàng, thành ra Tiang giống như người thắp tùng vị khách quý phái.

Cô gái bước đi, đầu cúi xuống không để ý đến những người đi bên cạnh. Tiang bước nhanh hơn để tách khỏi chiếc kiệu, nhưng phu kiệu dễ dàng theo kịp nàng.

Cuối cùng cô gái quyết định nhìn lên kiệu. Trên kiệu là một thanh niên lớn hơn Tiang vài tuổi, dáng vẻ ngạo mạn, chiếc mũ, những chiếc vòng đá nephrit và chuỗi hạt, chiếc quạt trong tay – tất cả đều toát lên vẻ sang trọng và chức quan cao. Y không ngại ngừng nhìn chòng chọc vào mặt cô gái với nụ cười nửa miệng. Có lẽ y sẽ là một thanh niên đẹp trai nếu miệng không quá rộng với đôi môi tái, mỏng...

Đỏ mặt vì bối rối, Tiang quay đi và bước chậm lại. Nhưng chiếc kiệu vẫn đi bên cạnh nàng. Tất cả lại như lúc đầu, nhưng giờ đây Tiang cảm thấy cái nhìn đang gắn chặt vào mình như lớp màng

nhện keo dính.

Những ngôi nhà đầu tiên xuất hiện. Thấy người khách lạ sang trọng trên chiếc kiệu, bọn trẻ con xúm lại thành đám đông cạnh Tiang. Chàng thanh niên quất roi lên vai phu kiệu, y hỏi bọn trẻ:

– Làng của các cháu tên gì?

– Tahcum-Tracang! – Bọn trẻ đồng thanh đáp.

Kiệu dừng lại và nhanh nhẹn quay lui. Bọn trẻ chạy theo, Tiang thở phào nhẹ nhõm.

Tiang không kể cho ai về cuộc gặp gỡ kỳ lạ này, nhưng lòng nàng lắng đọng nỗi lo lắng và cay đắng.

CHƯƠNG XI

CUOCU, TÌM ĐI!

Sao-Lorenzo. Mexico.

*Tìm và không thấy,
Thấy và không giao...*

• R.L.Stevenson.

Tiang nấu canh đậu. Mặt trời đã đi hơn nửa đường và đang vội vàng đi nốt nửa đường còn lại. Xung quanh vắng lặng. Đàn ông và thiếu niên đã ra đồng. Chơi chán, bọn trẻ con lăn ra ngủ dưới bóng cây. Trong nhà, phụ nữ bận rộn cạnh bếp lò.

Bỗng nhiên ai đó đụng vào vai cô gái. Tiang quay lại và thấy Cuocu.

Lần này người lùn ăn bận rất quý phái. Chiếc khố của ông được thêu chỉ đỏ sang trọng, khăn đội cắm chiếc lông chim trắng dài, trên ngực là chuỗi dây mới. Người lùn cười vui vẻ.

– Chào Tiang! – Ông nói. – Ta mang đến cho ân nhân một tin vui. Cô sắp trở thành lệnh bà quý phái và giàu có.

Tiang đứng lên, bối rối nhìn vị khách bất ngờ.

– Chào, Cuocu! Sao ông lại đến đây? Chính ông đã nói là sẽ không vào làng kia mà, chỗ gặp là ngoài suối. Việc gì xảy ra vậy?

– Có, nhưng không phải với ta mà là với cô! Cô không nghe ta vừa nói sao? Cô sắp thành người quý phái và giàu có!

– Ông nói sao, Cuocu?

Người lùn ngồi xa bếp lò và kể:

– Hôm qua nhị hoàng tử gọi ta đến, không phải thái tử đâu mà là Hang-Noc-Ping. Ngài nói với ta rất nhã nhặn: Ta biết, mặc dù tên người là chú lùn, nhưng người đi nhanh lắm, Cuocu à. Người cũng rất nhanh trí và láu cá, ta nhờ người đến làng Tahcum-Tracang tìm giúp ta một cô gái, Ngài tả cô rất đúng, và tìm hiểu cô ta tên gì, ai là người thân của cô ấy. Đi tìm cô gái đi, nhanh lên. Khi ra về ta hỏi những cận thần của hoàng tử, họ cho biết là mới đây Hang-Noc-Ping thấy một cô gái mà ngài rất thích. Ngài quyết định lấy cô gái đó làm vợ. Đúng là cô, phải không?

Cô đã gặp hoàng tử?

Tiang đứng bất động, nhìn trân vào một điểm. Bất hạnh đổ sập lên đầu, làm cô choáng váng. Ôi, Shang, làm sao bây giờ?

– Tôi thấy vị quan đại thần trẻ, nhưng nào biết đó là hoàng tử.
– Tiang trả lời, người nàng run lên không hiểu có nên tin Cuocu hay không. Sau đó, khi nhớ lại cái nhìn ngạo mạn, ngang ngược của Hang-Noc-Ping, nàng quyết định.

– Này, Cuocu, – Tiang dịu dàng đung tay ông, – tôi muốn nói với ông điều này mà chưa ai biết. Trước đây ông đã hứa giúp tôi...

Như bị ngợp hơi, nàng im lặng và sau khi lấy sức, Tiang nói tiếp:

– Tôi đã yêu một chàng trai làng bên. Chúng tôi đã hứa sẽ thành vợ chồng sau hai hoặc ba năm nữa. Còn vị hoàng tử của ông ngay từ đầu tôi đã thấy ghét. Tôi thà chết chứ không làm vợ ông ấy đâu. Giúp tôi đi, Cuocu!

Trong cơn bối rối, chú lùn đứng lên, chạy lon ton quanh bếp lò. Niềm vui, mà ông vừa thông báo, biến mất trên khuôn mặt ông, và lập tức xuất hiện nhiều nếp nhăn nhỏ.

– Ta giúp cô được gì chứ? – Cuối cùng ông cũng thốt thành lời. –

Ý của hoàng tử là luật cho tất cả, chú của cô cũng vậy thôi. Ông ta sẽ rất vui khi nghe tin này. Suy nghĩ đi, cô sẽ là vợ của hoàng tử. Thực ra là vợ thứ ba, nhưng vẫn là vợ của hoàng tử.

– Tôi đã nói hết rồi, Cuocu à. – Tiang nói cương quyết. – Nếu ông không giúp được tôi thì thôi. Tôi sẽ chết, đừng lo!

Trong cơn tuyệt vọng, con người nhỏ bé vô tay:

– Ôi, các người, những người trẻ tuổi, không biết giá trị của cuộc sống. Chết là hết. Còn người yêu của cô sẽ làm gì? Cũng chết ư? Không, đừng nói, đừng nghĩ đến cái chết. Ta không đủ sức giúp cô, điều duy nhất ta có thể làm được là giả bộ đang tìm cô. Bởi vì không ai biết ta quen cô. Nhưng cũng chỉ hai ngày là cùng. Sau đó ta không còn tác dụng nữa... Làm gì bây giờ?

Tiang ngẩng đầu lên.

– Tôi đi gặp ông Trachil. Thầy tư tế và thầy lang đã trị bệnh cho ông. Đó là ông già thông thái, có thể ông ấy sẽ nghĩ ra điều gì. Nào cùng đi, Cuocu!

Người lùn lắc đầu từ chối.

– Không, lúc này chúng ta không được đi chung. Ta sẽ đi dạo trong làng như đang tìm cô. – Và không đợi trả lời, Cuocu thất vọng nói tiếp. – Chiều ta quay về cung và nói là chưa tìm được. Ngày mai ta tiếp tục đến đây và cuối cùng tìm ra cô. Ngày mai chúng ta sẽ bàn. Đến chiều hoàng tử sẽ biết tên cô và người thân của cô. Ta không làm gì được hơn. Đi tìm thầy tư tế đi!

Bỏ dở mọi công việc, Tiang chạy đến nhà của Trachil. Người lùn đi loanh quanh Tahcum-Tracang, ông cố gắng đi cách xa nhà của Maash.

Thầy tư tế thiu thiu ngủ như mọi ngày, phơi thân mình xương xẩu ngoài nắng. Nghe xong câu chuyện ngắt quãng của Tiang, ông hỏi:

– Con yêu ai? Chàng thanh niên mang mặt đến phải không? À, vậy. Tất nhiên ta biết. Chàng ta tên gì? Shang hả? Ô, ta sẽ giúp con...

Trachil suy nghĩ và sau vài phút im lặng, ông nói:

– Có thể chiều mai Cuocu sẽ nói với hoàng tử là đã tìm thấy ý trung nhân của ngài. Đừng sợ gì hết. Ta sẽ giúp con, mọi việc sẽ tốt. Hôm nay con gặp Shang chứ?

– Dạ, chiều nay chúng con gặp nhau. – Tiang then thùng nói nhỏ.

– Đưa chàng đến đây ngay. Đừng sợ, ta giữ nó không lâu đâu. Đừng nói gì với nó về sự việc đã diễn ra, nếu không nó sẽ làm những điều ngốc nghếch. Các con là những người đang yêu, nhất định sẽ như những con chim mắc bẫy. Sau đó các con đi chơi suốt đêm cũng được, lúc đó hãy kể hết cho nó nghe. Còn bây giờ thì đi làm đi và đừng lo gì hết. Còn nữa, chừng nào chú con về thì lập tức đưa chú con qua đây. Ông ấy sẽ ở đây không lâu đâu và sẽ không gặp thằng Shang của con. Đừng sợ!

Tiang quì xuống và áp má vào đầu gối nhọn hoắt của ông già, nước mắt tràn ra.

– Con cảm ơn ông, ba lần cảm ơn ông, ông thông thái và tốt bụng. Ôi, nếu ông có thể giúp con tránh khỏi được cuộc hôn nhân đáng ghét này...

Trachil vuốt tóc cô gái:

– Đi đi, đừng hoảng sợ, hôn lễ sẽ không có và con sẽ sinh cho thằng Shang cả đàn con khỏe mạnh, dễ thương. Về nhà đi!

Tiang nhồm dậy, cúi chào thầy tư tế, chạy vội về với tâm trạng hoàn toàn khác. Nàng tin vào sự thông thái của Trachil. Còn ông lão, nhìn theo nàng, lắc đầu và nói khẽ:

– Tội nghiệp, tội nghiệp con gái của ta! Còn biết bao nhiêu đau

khô đang chờ con! Không thể tránh phần số được.

Buổi chiều, Maash đến, ông chào thầy tư tế một cách kính cẩn pha chút sợ sệt. Trachil mời ông ngồi và bắt đầu không cần úp mở:

– Ông Maash, một hạnh phúc lớn sẽ tuột khỏi tay ông. Nhưng ông đừng buồn mà phải vui. Vài ngày nữa, thậm chí có thể ngày kia ông sẽ có cuộc cầu hôn bất ngờ. Ông phải đưa người đó đến thẳng chỗ ta. Không được nói “Được” hay “Không”, tất cả đều do trời định. Trời đã thấy trước điều này, sẽ quyết định và thông báo cho ta biết. Chỉ có ta mới nói được ý của trời! Nhớ đấy!

Người nông dân lại kính cẩn cúi chào, hơi bối rối và ngập ngừng hỏi:

– Tôi có thể biết ngay bây giờ là hạnh phúc gì mà lại tuột khỏi tay tôi?

Trachil trầm ngâm cân nhắc, có đáng nói cho Maash biết không. Cuối cùng ông quyết định là những lời nói mập mờ có thể làm Maash hoang mang. Ông nói:

– Tại sao không? Hoàng tử Hang-Noc-Ping muốn lấy cháu gái ông làm vợ nhỏ. Nhưng các vị thần không muốn và không cho phép! Như vậy đó.

Trên môi Maash xuất hiện nụ cười khó tin:

– Hoàng tử? Ông tha lỗi cho tôi, không thể có được! Thậm chí ngài còn chưa biết nói. Và ngài lấy cô gái bình dân làm gì?

– Ta đã nói với ông là việc này sẽ không có. Còn bây giờ thì về đi, đã đến giờ cầu nguyện buổi chiều rồi đó!

Maash ra về, bàng hoàng đến sững người.

Shang xuất hiện sau đó ít phút. Chàng trai lạng lẽ bước vào. Gương mặt chàng cho thấy sự thỏa mãn vì cuộc gọi bất thường này, nhưng hơi lo lắng.

– Ngồi xuống đi! – Trachil bảo.

Chàng trai lắc đầu.

– Thưa ông, con không được ngồi trước mặt ông! Con đứng được rồi.

– Thôi được! – Thầy tư tế đồng ý. Nhìn thẳng vào mặt chàng trai, bất ngờ ông hỏi gay gắt. – Nào, nói đi, con có yêu Tiang không?

Shang rùng mình, câu hỏi quá bất ngờ và bộc trực.

Nhưng sau đó, lấy lại can đảm, chàng trai đáp nhỏ:

– Dạ, con yêu cô ấy... hơn cả cuộc sống...

– Được rồi! Còn bây giờ hãy nói cho ta biết: con có bỏ nó không nếu nghe điều gì xấu về Tiang?

Lần này chàng trai trả lời tức khắc. Mắt chàng rục sáng, hai tay nắm chặt, toàn thân vươn về phía trước, chàng tức tối nói:

– Ai có thể nói xấu nàng? Tiang là một cô gái tốt!

– Có thể ta không có ý như vậy, – ông lão chậm rãi nói, chăm chú nhìn chàng trai, – ta nhắc lại theo cách khác. Điều gì sẽ xảy ra nếu con biết rằng cuộc hôn nhân với Tiang sẽ mang bất hạnh đến cho chồng nó? Con vẫn yêu nó như trước chứ?

– Mặc kệ bất hạnh, chỉ cần Tiang là vợ của con. Chàng trai không ngần ngại trả lời.

Những nếp nhăn trên mặt ông lão giãn ra thành nụ cười.

Giây phút im lặng.

Sau đó Trachil nói:

– Đừng nghĩ là ta thử con! Đơn giản là ta xem cuốn sách tiên tri, ta đã đọc được những lời tiên đoán không hay và muốn báo trước cho con biết. Bây giờ con đi chơi với nó đi. Tiang sẽ kể cho con nghe. Nhưng con đừng lo, sẽ không có gì xấu cho nó đâu. Hãy tin

chắc rằng sẽ không có gì xấu cho Tiang đâu! Nếu ta có nói điều gì không đúng như vậy là bởi ta đã già, mắt ta nhìn kém, ta có thể lầm. Con đi đi!

Chàng trai lo lắng, không để mất thời gian, chạy vội đến chỗ hẹn.

– Một Lem-Hoolom thực sự nhất. – Trachil lẩm bẩm nhìn theo chàng trai. – Giá mà Anaib-Ungir đừng nhìn thấy chàng! Tội nghiệp Tiang, cô gái tội nghiệp! Nhưng ta sẽ xem cuốn sách Thiêng, ta cần chuẩn bị và chọn ngày lành.

Trachil rút cuốn bản thảo ra từ chiếc hộp mây, lật sách và kê gân ngọn đèn rồi chăm chú đọc.

CHƯƠNG XII

NGÀY PASUNG

Sao-Lorenzo. Mexico.

Kẻ bần cùng – dấu hiệu của nó,

Kẻ nghèo – dấu hiệu của nó,

Người bình dân bất hạnh,

Người đáng thương.

- **Những lời tiên đoán của các ngày trong bản thảo Maya ở Cav.**

Hôm sau Tiang nói với Cuocu là có thể thông báo cho hoàng tử biết. Vui mừng vì giọng nói bình thản của cô gái, người lùn lao vội về cung điện. Lập tức ông được đưa đến gặp Hang-Noc-Ping. Nhận được tin vui, hoàng tử thưởng cho tên đầy tớ tận tụy chiếc vòng quý lấy từ tay của mình. Sau đó đã xảy ra những gì, những chỉ thị nào đã được truyền đi, Cuocu rất muốn biết nhưng không được. Đức vua cho gọi chàng hề đến. Sau cuộc đàm thoại lâu và mệt mỏi với trưởng đoàn buôn được cử đi xa, chủ nhân của vùng Đất Đỏ muốn được nghỉ ngơi và giải trí. Suốt buổi tối Cuocu đùa giỡn, uốn éo và trêu chọc hết người này đến người khác, nhưng trong lòng người lùn chất đầy lo lắng.

Sau những lời bí ẩn được xem là tiên tri của thầy tư tế, Maash đâm lo. Ông đi làm trễ và về sớm, ngồi lâu gần nhà, kín đáo nhìn đứa cháu gái. Nó có gì đặc biệt đâu? Nó vẫn là đứa bé gái! Tại sao hoàng tử muốn lấy nó, mà ngài chưa bao giờ thấy nó, chưa nghe

nói về nó? Ngài cần gì nó? Không lẽ các quan đại thần sang trọng lại không có con gái đẹp? Mặt khác, thầy tư tế không bao giờ nói sai. Không chỉ dân làng Tahcum-Tracang đến xin lời khuyên thông thái của ông mà cả dân các làng khác cũng đến. Rồi còn người lùn của vua, có lẽ không phải vô tình mà ông ta lảng vảng gần nhà của họ. Có lẽ ông ta đã tặng bức sắc đẹp của Tiang với hoàng tử? Tất nhiên có cháu rể là Hang-Noc-Ping thì vinh dự không thể tưởng tượng được. Khi đó Maash sẽ không phải làm việc, chỉ ngồi trong mát và ăn những món sơn hào hải vị. Nhưng Trachil lại nói là điều này sẽ không có! Không, những lời tiên đoán này không phải dành cho cái đầu nông dân thật thà. Mặc, sao cũng được, chỉ cần mau kết thúc thôi!

Sứ giả của triều đình xuất hiện vào ngày thứ ba, lúc xế chiều. Già làng Tahcum-Tracang đi cùng sứ giả để tỏ lòng kính trọng. Maash hiểu rằng đây là nhân vật quan trọng, quần áo sang trọng của vị khách cũng nói lên điều đó. Vừa bước vào nhà, trưởng làng đưa mắt liếc nhanh đến cảnh Tiang đang chơi với đứa em gái nhỏ. Tất cả đều lặng im khi có mặt vị khách.

– Chúng ta cần nói chuyện với ông, ông Maash! – Già làng nói giọng khô khan. Ông có vẻ không hài lòng hoặc lo lắng. – Chúng ta ra ngoài, ở đó tiện hơn!

Maash cúi gập người vâng lời.

– Chào người, Maash. – Sứ giả chậm rãi nói khi cả ba đã ra khỏi nhà, – Hang-Noc-Ping, ông chủ của ta và của người dành cho người một vinh dự vĩ đại. Ngài đặt bó củi dính hôn vào bếp lò của người.

Nói xong những lời trang trọng, sứ giả thò tay vào khố rút ra một bó cây nhỏ, khô, bằng nhau, mỗi cây chỉ lớn bằng ngón tay út. Đó là biểu tượng chất đốt mà theo phong tục, chàng rể đem đến nhà cô dâu. Ông khinh mạn đưa cho người nông dân. Cả hai vị

khách chăm chú nhìn Maash, chờ đợi tiếng reo mừng, bồi rối hoặc sợ hãi phát ra từ ông.

Họ quá đỗi ngạc nhiên. Maash đứng đỗi hết chân này qua chân kia, đầu cúi xuống, nuốt xong nước bọt, ông nói lí nhí:

– Thưa, vinh dự này không phải dành cho tôi! Trachil nói là trước hết các ông hãy đến chỗ ông ấy...

Sau khi nghe những lời từ chối không khéo léo của người nông dân, mặt sứ giả bùng đỏ sừng sủa như con gà tây. Ngài mắng:

– Đây, đồ nhà quê, người không hiểu ai là người dành cho người vinh dự này à? Người hãy quì xuống và nhận bó củi dính hôn một cách trang trọng, đồ thần lẩn đuôi bự! Bởi vì đây là của hoàng tử đưa đến, hiểu chưa? Hoàng tử Hang-Noc-Ping!

Sứ giả lại đưa bó củi nhỏ cho người nông dân. Maash vẫn không đưa tay nhận, ông ngoan ngoãn quì xuống và thì thào:

– Các ông hãy đến chỗ Trachil, ở đây tôi không làm được gì hết... Đây là ý trời... Hãy đến chỗ Trachil...

Từ nãy giờ vẫn đứng yên, trưởng làng bỗng nắm tay sứ giả trước khi ngài nổi cơn thịnh nộ và nói nhanh:

– Khoan đã đức ông, chúng ta thử xét xem! Trachil hoàn toàn không phải là cha của một cô gái nào khác như ngài nghĩ, đó là thầy tư tế đền thờ của chúng tôi. Vì vậy không phải Maash từ chối vinh dự vĩ đại dành cho ông ấy mà chỉ đề nghị trước hết phải đến gặp thầy tư tế. Sự tận tụy với các vị thần đáng được khen chứ không đáng trách. Nhưng Maash này, chẳng lẽ ông không hiểu là, theo tục lệ, trước hết phải nhận bó củi, cảm ơn người mang đến, sau đó mới tới đền ca ngợi thần linh?

Được trưởng làng động viên, Maash đứng dậy và kính cẩn nói:

– Tôi biết phong tục, thưa trưởng làng, và tất nhiên muốn được làm như ông nói. Nhưng Trachil thông thái đã báo cho tôi cách đây

bốn ngày là nếu các ông đến hỏi cưới, tôi không được trả lời và phải đưa các ông đến đó. Tôi đã làm vậy. Ông ấy nói đó là ý trời.

Giờ đây đến lượt trưởng làng ngạc nhiên.

– Sao? – Già làng thốt lên. – Cách đây bốn ngày Trachil đã biết là chúng tôi sẽ đến ư?

– Thưa đúng vậy! – Maash khẳng định. Sự bối rối và sợ sệt của ông dần dần biến mất. Thầy tư tế quả là thông thái nếu ông ta biết trước tất cả những sự kiện kỳ lạ này.

– Không thể được! – Sứ giả nóng nảy quát. – Chính ta biết nhiệm vụ này mới trưa hôm nay. Làm sao mà gã tư tế nhà quê của các người biết được ý nghĩ và dự định của các đấng tối cao?

– Bây giờ chúng ta đến đó và khắc rõ, – già làng đề nghị, – còn Maash, hãy bình tâm và quên đi những điều gì chúng tôi nói. Nếu cần chúng tôi sẽ quay trở lại cùng Trachil, ông ấy sẽ cho hay những việc gì phải làm tiếp.

Tene-Tuvuic – sứ giả và già làng đi về phía nhà của Trachil. Tiang kín đáo nhìn cha nuôi của mình. Trái tim cô đập nhanh: liệu có thành công hay không mà thầy tư tế già hứa chắc với nàng như vậy?

Trên mặt Maash còn đọng lại nét lo lắng, nhưng ông không nói lời nào, và Tiang cũng làm như không biết điều gì. Giấu kín nỗi lo của mình, Tiang lặng lẽ chuẩn bị cơm tối.

Già làng và sứ giả của hoàng tử đi trong im lặng, suy tư. Cuối cùng Tene-Tuvuic cất lời, giọng bực bội:

– Ta không hiểu việc này ra làm sao! Công việc hết sức quan trọng. Ta phải đối xử như thế nào với con phù thủy nhà quê mặt hạng? Nếu cần ta sẽ đến gặp chính thầy thượng tế! Maash phải nhận bó củi, sau đó là quà cưới. Người dễ dãi với bọn nhà quê quá, trưởng làng à. Chúng không chịu nghe lời người, chúng ta sẽ kiếm

người khác cương quyết hơn...

– Không, ngài không đúng! – Già làng Tahcum-Tracang ôn tồn phản đối. Hình như lời buộc tội trực tiếp của vị đại thần không làm ông lo lắng. – Thứ nhất, tôi không biết gì về mục đích chuyến đi của ngài, ngài chỉ đề nghị dẫn đến nhà một người nông dân tên Maash có đứa con gái là Tiang. Thứ hai, thầy tư tế của chúng tôi quả đúng là thông thái. Không chỉ dân làng chúng tôi mà cả các thầy tư tế khác của Nivannaa-Tracbolai cũng đến gặp thầy để xin được chỉ bảo. Do đó nếu thầy bảo Maash đừng nhận bó củi thì điều này phải có nguyên nhân. A, nhà của ông ta kia rồi, chúng ta sẽ biết ngay bây giờ thôi!

Họ thấy Trachil đang đọc cuốn sách dài cạnh đèn. Vừa thấy khách, ông lão đặt sách xuống và cố gắng đứng lên.

– Tôi chờ các ngài từ hôm kia! Trachil nói giọng hơi mỉa mai. – Mời ngồi nghỉ, và cả tôi nữa. Một lão già như tôi thì khó mà đứng được trước cả những vị khách đáng kính như thế này. Vì vậy, mời ngồi!

Khách ngồi xuống ghế băng. Trachil nói thẳng với TeneTuvuic.

– Tôi biết vì sao ngài đến Tahcum-Tracang. – Thầy tư tế nói, không để cho sứ giả thốt lên được lời nào. – Đây là vinh dự vĩ đại không chỉ cho Maash mà còn cho cả làng chúng tôi. Tôi cũng đã được hạnh phúc nếu điều này có thể được thực hiện. Nhưng điều này sẽ không có! Không, tôi không có quyền để nó xảy ra...

– Tại sao? – Tene-Tuvuic chỉ kịp sững sốt thốt lên.

– Tiang là cô gái tốt, trong trắng, nhưng nó sinh vào ngày Pasung!

Trachil ngừng bật và buồn rầu nhìn sứ giả.

– Thì đã sao? – Sứ giả tức tối hỏi, rõ là ngài đang chờ câu nói tiếp.

– Ngài làm sao vậy? Ngài không nhớ định mệnh của những ngày thiêng ư? – Thầy tư tế nổi giận. Dưới ánh mắt đăm đăm của ông, sứ giả đành cúi đầu xuống.

– Ta học hành kém, trí nhớ của ta tồi.. – Sau phút im lặng, Tene-Tuvuic bực bội cầu nhàu. – Người chỉ mới nhắc là ta nhớ liền... Ta hiểu vì sao...

– Đàn ông sinh vào ngày Pasung sẽ dững mãnh như beo. – Trachil bắt đầu nói bằng giọng cứng và vang. – Miệng của hắn sẽ đẫm máu, tay chân của hắn sẽ đẫm máu. Hắn sẽ là kẻ chiến thắng, hành hạ, đàn áp, là kẻ mang lại cái chết...

– À, tất nhiên ta nhớ rồi!

Tene-Tuvuic cố cắt ngang, nhưng thầy tư tế tiếp tục, không đếm xỉa gì đến lời của sứ giả.

– Phụ nữ sinh vào ngày Pasung sẽ là người đáng ghét, đầy thù hận, kẻ gieo rắc sự lộn xộn. Á sẽ là kẻ vô sinh suốt đời, không hề biết sự mang nặng đẻ đau. Á mang bất hạnh và chết yếu đến cho chồng! Đó là những người sinh vào ngày Pasung. Vậy ngài có muốn cho hoàng tử chết sớm hay không? Ngài thực sự muốn đưa người phụ nữ như vậy vào nhà của đức vua xứ Nivanna-Tracbolai?

Lúc này sứ giả mới hiểu ra. Mồ hôi lạnh rịn ra trên trán ngài. Tene-Tuvuic đưa hai tay lên trời như cầu khẩn:

– Ôi! thầy tư tế thông thái, ta làm sao biết được việc này!

Ta chỉ là bề tôi của hoàng tử...

– Giờ thì ngài đã hiểu tại sao khi biết về cuộc hôn nhân tương lai, tôi đã đề nghị đến ngay chỗ tôi? Nếu Maash chỉ cần nhận bó củi thì bóng của tử thần đã hạ xuống hoàng tử Hang-Noc-Ping!

Tene-Tuvuic run lên vì sợ hãi. Nhiệm vụ mà lúc đầu ngài cảm thấy nhẹ nhàng và vinh dự thì giờ đây bỗng trở thành gánh nặng.

Vài phút trôi qua căng thẳng.

– Trachil thông thái, chứ làm sao ông biết được là hoàng tử muốn lấy cô gái này? – Già làng tò mò hỏi.

– Tôi đoán trên những hạt đậu thần nói về những việc tương lai, – thầy tư tế dũng cảm nói, – chúng cho tôi biết tất cả. Lúc đó tôi mới kiểm tra ngày sinh của Tiang...

– Nhưng ở đây có thể có điều gì đó nhầm lẫn. – Đã trấn tĩnh được đôi chút, sứ giả nói. – Tại sao ông lại tin chắc là cô gái sinh vào ngày Pasung?

Trachil cười khinh mạn. Già làng trả lời thay cho ông:

– Trachil là thầy tư tế, ông ta phải biết ngày sinh và số phận của cả làng. Đúng không, thầy thông thái?

– Tất nhiên. Mà còn hơn vậy nữa. Hầu như cả làng này đều sinh trong trí nhớ của tôi. Ví dụ, ông trưởng làng sinh vào ngày Traping. Tôi đã khá già...

– Cảm ơn ông, nhà tiên tri thông thái! – Tene-Tuvuic nói. – Ta sẽ trình báo tất cả cho hoàng tử, tùy ngài quyết định. Thôi tạm biệt!

Những vị khách không mời vội vàng rời khỏi nhà của thầy tư tế.

– Tùy ngài quyết định! – Ông lão nhắc lại bằng giọng mỉa mai. – Hấn làm như ta không biết sẽ thế nào! Mọi ham muốn của Hang-Noc-Ping sẽ tan biến khi ngài cảm thấy nguy hiểm cho mình...

Khi đã đi xa, già làng hỏi Tene-Tuvuic:

– Ngài thực sự trình báo tất cả cho hoàng tử?

– Sau khi gặp thầy thượng tế Anaib-Ungir, – Vị sứ giả không gặp may trả lời bức bối. – Ta không tin lắm những lời của ông tư tế già mà các người cho là thông thái.

Trưởng làng định phản đối, nhưng kiềm lại và im lặng nhún

vai.

Tiang xuất hiện ở nhà của Trachil vào buổi tối. Cô gái tội nghiệp nóng lòng muốn biết kết quả cuộc viếng thăm của những vị khách quý phái.

– Yên tâm đi ngủ đi, con gái à, – già Trachil dịu dàng nói, – và quên đi tất cả. Cuộc hôn nhân này không làm con lo lắng nữa đâu. Con sẽ không là vợ của hoàng tử, mà của một anh chàng làm ruộng bình thường.

CHƯƠNG XIII

CÓN BẢO

Sao-Lorenzo. Mexico.

Mặt đất tối sẫm và mưa đen bắt đầu rơi xuống...

• “Popole-Vuh”

Tene-Tuvuic phải áp dụng không ít mưu mẹo để tránh khỏi mắt của hoàng tử trong buổi tối hôm đó. Sau một đêm mất ngủ đầy lo lắng, quan đại thần dậy sớm và bí mật ra khỏi cung điện, vội vàng đến chỗ thầy thượng tế.

Không để ý đến sự phản đối của những người hầu, sứ giả của Hang-Noc-Ping lao vào phòng, nơi Anaib-Ungir đang trao đổi với nữ thượng tế của đền thờ thần Cóc vĩ đại – Đức mẹ của các vị thần.

– Làm sao mà ngài lại để vật tế thần của ta, cô gái NamSuc đi lấy chồng? – Ish-Can-Leosh giận dữ nói. – Các tư tế của ngài phải theo dõi sự trình tiết của nàng chứ?

Anaib-Ungir thản nhiên nhún vai.

– Có cần phải lo lắng như vậy không, thưa bà Ish-CanLeosh, vì một chuyện con con? – Ông bình tĩnh nói. – Đúng là con gái nhà tạc tượng đã làm học trò của cha mình say mê nhanh đến bất ngờ. Tất nhiên giờ đây cô ấy không xứng đáng với vinh dự cao quý nữa. Nhưng chẳng lẽ không còn cô gái nào khác? Mà đúng ra theo dõi Nam-Suc phải là những nữ tư tế của bà và chính bà chứ không phải những thầy tu của thượng tế...

– Ông Beleng-Hish sẽ làm khác chứ không như vậy! – Cuối

cùng Ish-Can-Leosh bực bội trách móc.

– Có thể, – Anaib-Ungir vẫn ôn tồn đồng ý, – nhưng ánh mắt của ông rục lên, – bà cần đợi cho đến khi ông ấy làm thượng tế. – Sau một thoáng im lặng, như nhớ ra điều gì, vị tu sĩ lại nói tiếp. – Cháu gái của bà là cô gái trong trắng tuyệt vời và đã đến tuổi thành niên. Chẳng lẽ cô ấy không vượt được Nam-Suc? Thực ra, cô ấy mới xứng đáng là vật tế cho Đức mẹ vĩ đại của các vị thần.

Ish-Can-Leosh thở dài, sợ hãi và xấu hổ. Đòn phản công đã đánh trúng chỗ. Nữ thượng tế hiểu rằng không có vật tế nào tốt hơn cháu gái của bà. Nhưng lương tâm của bà chống lại dữ dội. Mầm non duy nhất trong gia đình bà sẽ bị chính tay bà mổ thịt! Bị ý nghĩ hành hạ, nữ thượng tế kéo dài câu trả lời. Anaib-Ungir không rời mắt khỏi Ish-Can-Leosh. Dưới ánh mắt sắc nhọn tàn nhẫn này, lần đầu tiên nữ thượng tế thấy mình bất lực. Nhưng trước khi đôi môi bà phát ra câu nói định mệnh: “Tôi đồng ý”, thì thầy thượng tế đã nhìn thấy Tene-Tuvuic.

Ông quay lại:

– Điều gì đã xảy ra với hoàng tử Hang-Noc-Ping, thưa ông? – Anaib-Ungir niềm nở hỏi. – Và tôi có thể giúp được gì?

– Ô, nhà thông thái nhất trong các nhà thông thái, – TeneTuvuic lúng túng nói, ngài hiểu rằng mình vào không đúng lúc, – xin lỗi vì tôi xuất hiện bất ngờ. Hoàng tử Hang-NocPing và cả nhà ngài đều khỏe. Cảm ơn ngài...

Anaib-Ungir ra hiệu cho viên quan nói ngắn gọn. TeneTuvuic hoàn toàn bối rối nói một mạch:

– Lấy vợ là cô gái sinh vào ngày Pasung có tốt không?

Đang theo đuổi những ý nghĩ ảm đạm của mình, IshCan-Leosh cũng phải ngạc nhiên ngẩng đầu lên và nhăn mặt. Anaib-Ungir nhìn tín sứ của hoàng tử với sự thương hại rõ rệt.

– Đó, đó là sự sao nhãng học tập. – Ông nói giọng dạy đời. – Người nào muốn lấy cô gái sinh vào ngày này? Cô ta sẽ vô sinh và là kẻ giết chồng! Ông kiếm dâu cho con trai ông, sao lại không tìm hiểu ngày sinh của cô ấy!

Kinh nghiệm cung đình nhắc Tene-Tuvuic rằng, chấp nhận khó chịu về mình tức là đưa hoàng tử thoát khỏi trò cười và hơn nữa sẽ đảm bảo công danh cho ông sau này. Ông cúi đầu tỏ vẻ thú nhận là con trai của mình đã phải lòng một cô gái bình dân và năn nỉ xin được cưới cô ấy. Nhưng ông đã quyết định tìm hiểu thân thế cô dâu tương lai ở chỗ thầy tư tế địa phương và biết được điều này. Nhưng chưa thật tin lời thầy tư tế nên ông mới hỏi Anaib-Ungir.

Cả thầy tư tế cao cấp và Ish-Can-Leosh đều tạm quên sự hục hặc của mình, họ đồng tình khuyên Tene-Tuvuic “gột rửa sự ngốc nghếch” khỏi đầu đứa con trai. Không lẽ con người có thể chống lại các thần? Hơn nữa lại chọn cô gái bình dân sinh vào ngày Pasung? Bọn thanh niên giờ đây kỳ lạ thật! Ngày xưa không ai dám nói đến chuyện này, cha mẹ đặt đâu, con ngồi đó...

– Đưa con trai ông đến cho tôi. – Anaib-Ungir bất ngờ nói. – Tôi sẽ cho nó làm bề tôi của thần linh trên đảo IsokitocPeteng. Chỉ hai tháng là nó sẽ quên những trò ngu ngốc của mình và trở thành chàng trai mẫu mực.

Vị cận thần của hoàng tử không biết làm sao để có thể thoát được tình huống này. Ý nghĩ về việc con trai của mình phải làm người hầu trên hòn đảo tế thần rừng rợn làm cho ngài kinh sợ. Tene-Tuvuic đã gặp may. Ah-Mash, được đệ tử đỡ, đang vội vã bước vào.

– Thừa tư tế vĩ đại, điềm dữ rồi. – Ông nói phều phào và bước đến chỗ Anaib-Ungir. – Sắp có bão, cơn bão khủng khiếp mà suốt đời tôi chưa từng thấy. Cần chuẩn bị chống lại tai họa...

– Sớm quá đó, ông Ah-Mash, đối với mùa này, – Thầy thượng tế nói, nhưng khuôn mặt nhăn lại của ông cho thấy ông lo lắng vì tin này. – Tin tức của ông có đúng không?

– Có thể tin được, thưa ông. Trọng khối trên đây hạ xuống bốn nấc, và chính tôi cũng cảm thấy được cơn bão đang đến: khó thở. Điều này những người trẻ các ông không thể hiểu được...

– Bốn nấc! – Anaib-Ungir hoảng sợ nhắc lại. – Điều này chưa bao giờ có!

– Tôi đã nói với ông là chưa bao giờ có mà, tôi sống già từng này tuổi... – Ah-Mash trả lời.

Gương mặt xanh tái chứng tỏ ông lão rất mệt. Ông dựa hẳn vào người học trò.

– Tôi mệt quá. – Ông thì thào. – Nhưng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ..., đã báo trước.

Thầy tư tế già bất ngờ ngất xỉu, ngã vào tay người học trò đang luống cuống. Anaib-Ungir và Ish-Can-Leosh vội vàng đặt Ah-Mash xuống sàn nhà cấp cứu. Tene-Tuvuic lặng lẽ bước ra khỏi phòng.

– Về cung gấp! – Ngài ra lệnh cho phu kiệu. – Chạy hết tốc lực!

Trên đường đi vị đại thần đứng cây nghĩ rằng mình đã bị rơi vào tình huống này là do tính đỏng đảnh của hoàng tử. Bằng mọi cách phải kéo Hang-Noc-Ping ra khỏi trò cưới xin rắc rối này. Thầy tư tế già của Tahcum-Tracang đã hoàn toàn đúng, không những Anaib-Ungir mà cả nữ thượng tế của đền thờ Đức mẹ của các vị thần cũng khẳng định điều này. Tin về cơn bão sắp đến có thể sẽ giúp hoàng tử quên đi ham muốn lấy thêm vợ. Lại còn phải nghĩ về số phận của con trai mình nữa chứ! Anaib-Ungir – con người rất hà khắc – có thể đưa Cuisis tội nghiệp đến đảo Dao Đá lửa ghê rợn. Không phải ai cũng có thể thoát được nơi đó. Mà nếu có thể về

được thì cũng hoàn toàn bị biến đổi, không một cha mẹ nào muốn như vậy.

Trong cung điện, những người vừa nhìn thấy TeneTuvuic liền thở phào nhẹ nhõm, không giấu giếm vì hoàng tử đã nổi tam bành, truyền cho tìm Tene-Tuvuic và đòi lập tức phải vào hầu. Tene-Tuvuic vội bước vào phòng của hoàng tử, lễ phép cúi chào và đứng yên trước mặt ngài.

– Chớ người đi đâu? – Hoàng tử găm lên. – Tìm người khắp nơi mà không thấy. Khi nào người đưa vợ mới của ta đến?

– Thần đi lo công việc do ngài giao, thưa ngài, – vị cận thần nhỏ nhẹ trả lời, – và cô gái Tiang sẽ không là vợ của ngài! Nếu ngài cho phép, thần sẽ tìm cho ngài người vợ khác...

– Sao lại không thể? Việc gì đã xảy ra? – Hoàng tử lo lắng thốt lên, – Cô ấy bị bệnh?

– Thưa ngài, không. Cô ấy vẫn bình thường. Nhưng các nhà thông thái đều nói là cô gái sinh vào ngày Pasung sẽ đem bất hạnh đến cho chồng...

– Cô ấy sinh vào ngày Pasung! – Hang-Noc-Ping lảm bảm bằng một giọng kiêu chế và chìm vào những suy nghĩ nặng nề.

Hoàng tử không cần hỏi thầy thượng tế về số phận của những người sinh vào ngày này hay ngày khác. Ngài học không đến nỗi kém và đặc biệt say mê bảng tử vi. Ý nghĩa của ngày Pasung, Hang-Noc-Ping nhớ thuộc lòng. Dù Tiang có đẹp đến đâu thì ngài cũng không vì đó mà hy sinh cuộc đời mình.

– Hy vọng là người chưa giao bó củi đính hôn? – Cuối cùng ngài dò hỏi. – Ta không muốn có quan hệ với những cô gái như vậy!

– Thưa hoàng tử, không thể đưa được. – Tene-Tuvuic hoảng sợ, ngài nghĩ thậm chí ngày Pasung rủi ro đã cứu mình. – Thần chưa nói với cô ấy một lời.

Viên cận thần kể cho chủ nhân của mình nghe tất cả, cố ý giấu chuyện đưa bó củi dính hôn cho Maash. Theo lời Tene-Tuvuic thì khi vừa xuất hiện ở Tahcum-Tracang, viên cận thần đã được mời đến nhà của Trachil.

– Thầy tư tế già thông thái quá! – Hoàng tử thốt lên. – Có lẽ ông ta có viên ngọc bói màu nhiệm, nên đã đoán được cuộc hôn nhân bất ngờ này để cảnh báo cho ta. Phải thưởng công cho ông ấy! Ông ấy đã cứu ta thoát khỏi tai họa lớn! Tene-Tuvuic, hãy coi chừng, không được kể chuyện này cho ai hết, nếu không người sẽ mất đầu đó!

Vị cận thần chấp tay khấn:

– Thưa ngài, sao lại kể được? Sự tận tụy của thần đối với ngài là vô hạn, thần hiểu được điều đó. – Ngừng một lát Tene-Tuvuic nói tiếp. – Ngoài ra thần vô tình biết được ở chỗ thầy thượng tế là sắp có bão, cơn bão lớn chưa từng có. Điều này không thừa đâu.

– Bão tố? – Hang-Noc-Ping gặng hỏi. – Nếu các thầy tư tế đã tiên đoán thì thường là sẽ xảy ra. Tai họa cho ruộng đồng của ta. Phải suy nghĩ, chúng ta cần làm gì bây giờ?

Gọi ngay quan quản lý đến cho ta!

Trong khi hoàng tử nghị họp cùng các cận thần, AnaibUngir vào cung điện gặp quốc vương. Trước mặt vị chủ nhân của vùng Đất Đỏ, thầy thượng tế vẫn bình thản như mọi khi, ngài thông báo cho vua biết tin bão khẩn cấp, lời nói của ngài vẫn bình thường như thông báo công việc hàng ngày. Phản ứng của vua xứng đáng với chức vị cao quý của ngài. Không một thớ thịt nào rung động, y như được tạc bằng đá, quốc vương nghe tin buồn và lập tức ra lệnh gọi các quan thủy nông, lính hỏa tốc, quan quản lý cung điện và những già làng lân cận. Khi mọi người đã tập trung, đức vua ra vài chỉ thị ngắn gọn, rõ ràng. Sau đó tất cả các quan bắt tay ngay vào

công việc được giao. Lính hỏa tốc vội vàng lao nhanh đến các thành phố và các làng xa xôi.

Cơn bão ập đến không có dấu hiệu gì báo trước: bầu trời trong, thậm chí quá xanh, mặt trời rực rỡ, gió sớm nhẹ thổi từ những ngọn núi nhanh chóng tắt lịm đi. Không khí bất động, lá cây rũ xuống. Trong rừng động vật vội vã tránh xa bờ biển.

Đến trưa, nhiệt độ bầu không khí tăng lên rõ rệt. Kinh thành và các làng lân cận giống như một tổ kiến khổng lồ bị xói tung lên vì sự sôi động khác thường. Khắp nơi mọi người đều tất bật: người lo đắp bờ gia cố, người lo mang lương thực đã chế biến từ kho đưa vào núi, người lo tìm cách bảo vệ cánh đồng đã xuống hạt – ai cũng cảm thấy ngột ngạt, khó thở. Mồ hôi chảy ròng ròng trên mặt, trên lưng. Nước do bọn trẻ con mang đến trong những chiếc bình cổ hẹp không làm dịu được cơn khát. Chỗ này, chỗ kia vang lên tiếng la hét, tiếng thở hổn hển, và có những người ngã quỵ xuống đất. Mọi người vội vàng đưa người ngã vào bóng mát, không có thời gian để chăm sóc người bệnh hoặc người chết. Quốc vương thành Nivanna-Tracbolai và cả những già làng xuất hiện ở những nơi bất ngờ nhất, động viên những người làm việc và trừng phạt những kẻ làm biếng. Trong các đền thờ những nghi lễ cũ, huyền bí, được tiến hành một cách long trọng.

Bức màn xám bằng phẳng từ từ che kín bầu trời, không khí càng oi bức hơn. Những vùng xung quanh bị màn sương mù đục, bất động che phủ: những tòa nhà ở khu đồi không còn thấy rõ. Oi bức đến nỗi không chịu được. Ai đó đã thốt lên là bắt đầu tận thế rồi. Một thầy tư tế đứng gần đó nói với người tuyệt vọng: “Điều đó không thể có được! Ngày mà thần linh phán quyết cuộc sống trên trái đất còn hai năm nữa mới đến! Bây giờ chỉ là cơn bão lớn. Yên tâm đi, hỡi con người bất hạnh. Hãy làm việc đi, nếu không người sẽ bị trừng phạt để làm gương!”

Cuối cùng đức vua ra lệnh:

– Ngừng làm việc và tản ra tìm chỗ ẩn nấp.

Trong lòng ngài cay đắng thú nhận là còn nhiều việc chưa làm, đồng thời theo bản năng, chính ngài cũng muốn chạy trốn vào một nơi nào đó để tránh tai họa đang ập đến, vì ngài hiểu được nỗi kinh sợ của những người khác. Hơn nữa nếu bão đến lúc mọi người đang làm việc thì sẽ có những hy sinh vô ích.

Tiang làm việc cùng dân làng Tahcum-Tracang, nhưng lòng nàng lo sợ cho người yêu của mình và già Trachil. Shang ở làng của mình, cách xa nàng, còn già Trachil đang nằm ở nhà, già bị mệt từ sáng. Khi trưởng làng vừa cho nghỉ, cô gái lao vội về hướng Hochtung, nhưng mới đi được vài bước Tiang đảo mặt quay lại, đi về nhà của thầy tư tế. Chính ông đã cứu nàng thoát khỏi cuộc hôn nhân đáng ghét, ông đã giữ nàng cho Shang, giờ nàng lại bỏ mặc ông lão đáng thương một mình! Không, nàng cần ở bên cạnh ông.

Cô gái như một mũi tên bay vào nhà ông chú, liếc nhanh và thấy tất cả ở đó bình yên: Maash đang ngồi trên đất, tay ôm chặt bọn trẻ đang chúi vào lòng ông. Không để mất thời gian giải thích, nàng quay ra và biến mất. Ông chú yên lặng nhìn theo Tiang. Từ lúc nói chuyện với thầy tư tế, ông hơi sợ cô cháu và để nàng hoàn toàn tự do.

Khi cô gái lao vào nhà của già Trachil, trái tim nàng bỗng rộn ràng vui sướng, hạnh phúc. Shang đang ngồi xỏm cạnh giường ông lão, thấm nước lên ngực của già Trachil.

– Ôi, Shang! Chàng ở đây! – Cô gái mừng rỡ thốt lên.

– Vừa mới nghỉ việc, anh vội vàng đến đây. Anh lo cho nàng và già Trachil quá. Mẹ đã an toàn ở nhà anh TugAnseng. Họ đang lo cho Nam-Suc, chị ấy chờ em bé!

– Mọi việc sẽ tốt thôi, Shang yêu à! Trước đây cũng đã từng có

bão rồi. Sức khỏe của già bảo hộ chúng ta ra sao?

Bỗng mí mắt của thầy tư tế già mở ra, ông nhìn Tiang và nói thều thào:

– Ta đã đỡ rồi. Chà ngực mạnh hơn nữa, đưa cho ta rượu thuốc trong quả bầu nhỏ...

Chàng trai lập tức chà mạnh ngực và tay của ông lão, Tiang cho ông uống rượu thuốc. Má ông lão hồng lên, hơi thở đều và sâu hơn.

Tiếng động âm âm bỗng vang lên khắp nơi, y như một con ong khổng lồ bay vào phòng. Tiếng động ngày càng mạnh và sau đó là tiếng gió rú.

– Bão đã đến! – Thầy tư tế nói. Tha tội cho chúng con, hồi thân linh, hãy tha tội!

Chàng trai và cô gái lao vào nhau theo bản năng, họ chết lặng trong vòng tay ôm chặt.

Giờ đây tiếng động đã biến thành tiếng gầm rú liên tục, xé nát không gian. Tiếng cây gãy răng rắc, rồi cây thứ hai, thứ ba... thứ mười... Gió trở nên lạnh sau cái oi bức nặng nề, thổi thốc vào nhà... Trời tối như ban đêm...

Trong màn sương mù giăng kín đại dương, những người ở gần bờ biển kinh hoàng nhìn thấy một cột nước khổng lồ bốc lên, xoáy điên cuồng. Cột nước bốc lên cao mãi, cao mãi, rồi cuốn vào những đám mây đen đang trôi nhanh, cắm luôn vào đó. Chiếc vòi rồng khổng lồ, khủng khiếp di chuyển từ biển vào đất liền. Trận bão, mà Ah-Mash tiên đoán, đổ vào vùng Đất Đỏ.

CHƯƠNG XIV

NHỮNG NGƯỜI TỪ ĐẠI DƯƠNG ĐẾN

Bờ vịnh Mexico. Mexico.

Rõ ràng là họ đã cắt biển và đến đó...

• “Popole-Vuh”

Rừng nhiệt đới rậm rạp chạy dài đến mặt nước vịnh (2000 năm sau được gọi là vịnh Mexico). Lá cây và dây leo che kín mặt đất, chỉ riêng ở nơi cửa sông đổ vào vịnh, trên bờ có khoảng cát trắng lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Từng đợt sóng êm ái, bình thản chạy về đông, vỗ vào một công trình kỳ lạ làm bằng tre đang lắc lư trên mặt nước. Đó là một chiếc thuyền buồm, trong đó có hai xác người nằm bất động: họ sống hay chết?

Chiếc thuyền gác mũi lên bãi cát, chiếc thuyền đầu tiên đến lục địa châu Mỹ. Thuyền lúc lắc như phân vân: ở lại đây hay tiếp tục cuộc hải hành, cuối cùng một con sóng mạnh đẩy hẳn thuyền lên bờ cát.

... Khó khăn lắm Suembahamon mới thoát khỏi cơn mê. Một điều gì đó mạnh mẽ kéo ông về với bản thân, không để một lần nữa rơi vào nơi sâu thẳm tối đen. Điều làm ông lo lắng đưa ông về ngay với ý thức: con thuyền đã hết bị sóng nhồi lắc, ông cảm thấy mùi tươi mát của cây cỏ được sưởi nắng mặt trời và vị ngọt khoan khoái

đến xao lòng của nước sông. Cái khát hành hạ ông đến cùng cực. Uống, uống! Đâu đây có nước, rõ là nước sông ngọt có thể uống được chứ không phải nước biển mặn chát...

Gắng hết sức nhồm dậy, Suembahamon thấy cửa sông ngay bên cạnh. Ông cố lặn qua mạn thuyền và bò trên cát. Đối với ông khoảng cách mười bước chân dài như vạn dặm. Suembahamon bò ngoằn ngoèo như con giun, lết đến bờ vịnh, cúi mặt vào làn nước và uống. Nước mát làm ông như phát điên. Thân thể khô kiệt cần nước. Không thỏa mãn với những ngụm nước nhỏ, Suembahamon bò xuống nước, cả người ông ngập trong làn nước quý.

Đã cơn khát, Suembahamon bò lên cát nóng, ông nhắm mắt và thiếp đi. Sức lực và nhận thức của ông hồi phục nhanh đến kỳ lạ. Một giờ sau ông thức giấc và lập tức thấy đói. Tựa người lên cùi chỏ, Suembahamon ngẩng đầu xem xét xung quanh: ông đang ở đâu và đến đây bằng cách nào?

Dòng sông và cây cối xanh um xung quanh hoàn toàn xa lạ đối với Suembahamon. Xa xa có cái gì đó giống như rừng rậm của đất nước Punt mà Suembahamon đã từng đọc trong câu chuyện hải hành của nữ hoàng Hatshepsut. Nhưng chiếc “Amon hài lòng” hoàn toàn không đi về hướng này.

Vậy lúc đó tàu ở đâu?

Giờ đây Suembahamon có thể nhớ lại rõ ràng. Ông ngồi trên boong khi Irinefer nói là cơn bão đang đến. Sau đó một người thành Tir đến năn nỉ ông chủ xuống dưới, bởi vì một thứ gì đó khủng khiếp lắm đang đến. Suembahamon cương quyết từ chối, ông muốn xem cơn bão bắt đầu, vào trong lúc nào chẳng kịp.

Gió lặng hoàn toàn. Mặt biển bao la như đông cứng lại, căng thẳng chờ đợi điều gì đó bất thường chưa từng có. Những đàn cá cạnh tàu bỗng nhiên biến mất, chim săn cá cũng không xuất hiện.

Chỉ có chiếc “Amon hài lòng” chậm chạp tiến về phía trước, trôi theo dòng chảy bí ẩn. Mặt trời ngả nhanh về phía tây, chìm trong màn sương làm Suembahamon có cảm giác như cả bầu trời là một thỏi vàng đỏ khổng lồ.

Thủy thủ nhanh nhẹn hạ cả hai cánh buồm, bịt kín tất cả các lỗ trên boong tàu, trừ một cửa hầm, họ im lặng chờ chỉ thị của tài công. Nhưng tài công hình như đã quên tất cả, ông đứng ở mũi tàu, trầm ngâm nhìn mặt biển.

Ngọt ngọt càng tăng. Suembahamon thấy khó thở, toàn thân ông nhom nhóp mồ hôi. Giờ đây ông đã cảm thấy nỗi kinh hãi khó hiểu nào đó đang đến, và muốn trốn chạy. Cố gắng kìm nén ý muốn của mình, Suembahamon gọi tài công. Cuối cùng tài công cũng thoát được ách nặng nề để ra chỉ thị ngắn gọn cho một thủy thủ đứng gần đó rồi chậm rãi bước đến chỗ ông chủ. Người thủy thủ biến vào cửa hầm và đem ra một túi nhỏ đưa cho tài công. Đáp lại ánh mắt băn khoăn của Suembahamon, tài công cau có nói:

– Sóng sẽ bắt đầu ngay bây giờ, sau đó là gió. Nếu những đợt sóng đầu tiên không nhấn chìm chúng ta, không bẻ gãy con tàu thì bão sẽ cuốn nó đi. Tôi không biết bão sẽ hoành hành bao lâu, chúng ta sẽ ở đâu. Vì vậy mọi người cần ăn no và khỏe. Tôi sẽ phân phát cho mỗi người một nắm chà là khô..

Tài công thò tay vào túi bốc ra một nắm lớn chà là khô dính và đưa cho Suembahamon. Sau đó chia cho Irinefer và mình, ra lệnh phân phát cho tất cả.

Suembahamon khó chịu nhai từng quả ngọt lịm, nhả hạt ra. Ông hoàn toàn không muốn ăn, nhưng ông hiểu rằng giờ đây tất cả đều hi vọng vào tài công và nghiêm chỉnh chấp hành lệnh của ông ta. Thủy thủ thì ngược lại, bất ngờ nhận được quả ngọt, họ thích thú ăn và trở nên tươi tỉnh hơn.

Mặt đại dương yên lặng bắt đầu nổi sóng. Những đợt sóng nhỏ từ hướng đông xô đến, nước như sôi lên. Nhưng vẫn chưa có gió, không khí đặc quánh như có thể cắt được. Sau đó xuất hiện những con sóng bạc đầu nhỏ, chiếc tàu bắt đầu chồm lên, lúc nghiêng qua bên này, lúc ngả qua bên kia.

– Ông chủ, xem kìa, – tài công nói, – mây đen sẽ xuất hiện ở chỗ đó. Một giờ nữa, chúng ta hoặc là sẽ bị trời giết hoặc là bão sẽ cuốn chúng ta đi và ném lên một vùng bờ nào đó!

Một cơn gió nhẹ thổi đến cuốn bay tà áo của Suembahamon rồi lặng tắt. Trong cảnh im lặng khủng khiếp đến nghẹt thở này, những đỉnh sóng bạc dâng cao lên, hình như do mặt trời đang lặn, trở thành màu đỏ máu. “Vừa rồi tàu chạy về hướng nam, giờ đây mũi tàu quay về hướng tây, – bỗng nhiên quan đại thần hiểu, – nghĩa là nó tiến gần đến cửa vào địa phủ [2], nơi mà con rắn khủng khiếp – con xà tinh háu đói Apop – đang đợi họ”. “Hãy cùng thế giới đến phương tây” – lời hát tiễn đưa người quá cố. Và như vậy họ đang ở ngưỡng cửa của tử thần. Cầu xin Amon-Ra vĩ đại phù hộ họ! Ông mang theo tập thơ của Hatshepsut làm gì, sao không đem cuốn “Cầu nguyện”!

Suembahamon quì xuống và nhiệt tâm cầu nguyện. Irinefer lập tức làm theo. Tài công khinh bỉ nhìn họ: “Sao những người Ai Cập này sợ chết đến thế!”, – ông nghĩ rồi lại nhìn bầu trời phía đông.

Con mắt sắc sảo của người thủy thủ đã nhận thấy một dải đen chuyển động nhanh ở phía đó. Mây đen lao về phía họ như một con chim quái dị giang đôi cánh mỗi lúc một rộng hơn. Đỉnh mây sáng lên màu đỏ đồng bởi những tia nắng mặt trời vừa khuất vào sóng biển. Mây đã phủ kín phần tư vòm trời. Trong màn đêm ma quái chốc chốc lại lóe lên những tia chớp trắng xanh, nhưng không nghe tiếng sấm. Dưới mây là mưa xiên xiên dày đặc, chạy từ phía này qua phía khác, y như chiếc chổi khổng lồ quét trên đại dương.

Gió giật bất ngờ ập đến. Gió mỗi lúc càng mạnh, ép nặng ngực, khó thở. Tài công nắm lấy Suembahamon, kéo đến cửa hầm, theo sau là Irinefer đang hoảng sợ. Họ chui xuống hầm tàu, những người khác đã ở đó, cửa hầm lập tức được đóng chặt. Chút ánh sáng cuối cùng biến mất. Bóng đen dày đặc trùm lên tất cả.

Một đợt sóng khủng khiếp nâng con tàu lên cao vút và lập tức ném nó xuống vực thẳm không đáy. Vỏ tàu rung lên, kêu rảng rác y như sắp vỡ ra. Suembahamon cảm thấy mình đang ở trong vực thẳm xanh đen, sôi sùng sục. Một đợt sóng mới lại chộp lấy chiếc tàu, đưa lên. Gió lồng lên điên dại như bứt ra khỏi dây xích, âm âm át hết mọi tiếng động: tiếng rên, cầu nguyện và nguyên rủa của những người đi biển, át cả tiếng mưa rơi và tiếng sấm nổ khô đập liên hồi vào đại dương. Cột buồm, bánh lái và đồ nghề bị thổi bay trong chớp mắt. Chiếc “Amon hài lòng” biến thành thứ đồ chơi bất lực của thiên nhiên.

Cơn bão khủng khiếp, hoành hành suốt hai ngày đêm, bỗng nhiên lặng hẳn. Nó nổi lên bất ngờ và kết thúc cũng như vậy. Những người đi biển từng trải gọi đó là “Mất bão”. Tài công đã leo lên boong tàu và không quay trở lại. Có thể ông bị một cơn sóng bất ngờ cuốn đi hoặc bị thủy quái vô hình bắt được, không ai biết thực hư ra sao.

Cuối cùng bão tắt. Suembahamon lên boong, ông sửng sốt. Khi ngồi trong hầm tàu nhà quý tộc mong đợi con tàu sẽ được quăng lên bờ hoặc lọt vào vùng âm phủ tối tăm, nơi mà họ sẽ nghe những tiếng nói khủng khiếp của các vị thần. Nhưng giờ đây ông vẫn thấy cảnh đại dương mênh mông, không có dấu hiệu gì của đất liền. Bão đã đưa họ đến đâu? Không lẽ chiếc “Amon hài lòng” lại đi một vòng lớn thay vì đi thẳng về phía trước?

Suembahamon nhìn quanh, tàu bị gió mạnh xô đẩy, trôi giạt vô định. Nỗi buồn bóp nghẹt trái tim vị quan Ai Cập. Thánh thần đưa

ông đi đâu và để làm gì?

Giờ đây Irinefer thay tài công chỉ huy con tàu, ông bận rộn cùng thủy thủ dựng lại cột buồm. Dùng hai mái chèo lớn họ cột lại thành một hình tam giác. Buồm được làm bằng vải bạt sọc. Tàu tăng tốc thấy rõ. Ăn một ít thức ăn còn lại và uống vài ngụm nước ngọt cuối cùng, sức khỏe của họ khá lên. Mọi người nghỉ ngơi trên boong tàu và chìm vào giấc ngủ nặng nề: căng thẳng đã qua!

Tài công đến cạnh Suembahamon, nét mặt phong sương của ông lộ vẻ lo lắng.

– Ông chủ, làm sao bây giờ? Nước ngọt hết cả rồi, thức ăn chỉ còn một bao bột mì và nửa bao chà là khô. Chúng ta đã ở ngoài biển khơi hơn hai mươi ngày.

– Ta không biết, – quan đại thần bất lực đáp, – người là tài công, hãy tự giải quyết lấy...

Irinefer lui bước, ngồi xuống và vắt óc suy nghĩ, ông cũng không biết phải làm gì. Thần ác đã làm mờ đầu óc viên tài công thành Tir khi ông lên boong lúc có bão. Suốt đời Irinefer chỉ đi tàu trên dòng Hapi vĩ đại, ở đó mọi việc đều đơn giản: nước ngọt, cá và cái chính là luôn gần bờ.

Không giải quyết được gì, tài công bắt đầu lang thang trên tàu. Chiếc “Amon hài lòng” chịu được cơn bão thế này quả là điều kỳ lạ. Đáng phục thay những người đã làm ra nó! Nhưng tàu sẽ không chịu được cơn bão tiếp theo, dù là bão nhỏ...

Những ngày tiếp theo được Suembahamon nhớ đến một cách mơ hồ, rời rạc, thành những bức tranh nhiều màu, nhưng không liên kết với nhau... Một thủy thủ bị điên, la hét, chạy khắp tàu... Những giọt sương lớn đọng trên sàn tàu, ông thèm thuồng liếm chúng bằng chiếc lưỡi sừng vù... Mùi vị ngon không thể tả được của cá sống, Irinefer nhét từng miếng vào miệng ông... Những ngôi sao lạ

sáng rực trên trời đêm, những hình dáng kỳ lạ của chúng, tài công ngạc nhiên chỉ lên chúng... Điều gì sẽ đến và hiện giờ ông đang ở đâu?

Suembahamon nhồm dậy, nhìn quanh. Ông nhận ra chiếc thuyền gỗ cách mình vài chục bước, đây là chiếc thuyền trên tàu “Amon hài lòng”. Giờ đây ông nhớ lại là mới rồi ông bò từ thuyền xuống sông. Nghĩa là ông đến vùng đất lạ này trên chiếc thuyền đó. Nhà quý tộc bất giác nhìn ra biển tìm chiếc tàu, nhưng mặt biển bao la hoàn toàn trống trải.

Nỗi sợ hãi mới xâm chiếm ông: chẳng lẽ ông chỉ có một mình? Suembahamon loạng choạng bước đến chiếc thuyền và hoảng hốt lùi lại. Irinefer nằm trên đáy thuyền, gầy nhom như xác ướp, đôi mắt nhắm nghiền, môi mở rộng thành nụ cười quái dị, để lộ những chiếc răng vàng xỉn và chắc khỏe.

Suembahamon kinh hãi và thương xót nhìn hồi lâu người tài công trung thành. Irinefer đã chết? Có hai người thì họ dễ xoay xở hơn, và cả kinh nghiệm sống của Irinefer cũng rất cần thiết. Tiếc quá, đau đớn quá!

Suembahamon bỗng cảm thấy mừng rỡ. Có thể, Irinefer chưa chết mà chỉ ngất như ông vừa rồi? Ông sờ nắn thân thể của tài công: vẫn còn ấm. Hình như tim Irinefer vẫn còn đập. Nước, nước! Đó là điều cần lúc này.

Vớ vột chiếc gàu trong thuyền, Suembahamon cố gắng bước đến sông. Ông mang nước đến, đổ thành dòng nhỏ vào miệng Irinefer. Niềm vui của ông quá lớn khi Irinefer bắt đầu hớp từng ngụm nước. Mi mắt của tài công bắt đầu động đậy, cố gắng mở ra...

Bỗng một bàn tay của ai đó bịt chặt miệng Suembahamon, hai tay ông bị bẻ ngoặt ra sau. Do hoảng sợ và còn quá yếu, vị quan Ai Cập ngất đi.

VÒNG TAY CỦA MIỀN ĐẤT ĐỎ

Sao-Lorenzo. Mexico.

*Sau khi tàu cập bờ, chàng lên đất liền đi tiếp, nằm yên trên
kiệu gỗ mun.*

• **Chuyện thần thoại “Vua Heops và những phù thủy”.**

Trên một đỉnh tháp cao nằm ở rìa khu đồi, quốc vương xứ Nivannaa-Tracbolai đau xót lặng nhìn thành phố hoang tàn của mình. Ở các khu ruộng thấp, đôi chỗ còn đầy nước.

Trong rừng cây đổ ngổ ngang khắp nơi.

Cơn bão tràn qua rất nhanh, chỉ hơn một giờ, mang lại những tai họa và tàn phá nặng nề đến mức phải mất nhiều tháng lao động cực nhọc mới khôi phục lại được. Nhiều làng gần bờ biển bị thổi bay, các công trình ở kinh thành bị hư hỏng nặng, gần phân ba hoa màu bị phá hủy, hàng trăm thân dân của ngài đã vĩnh viễn đi vào cõi âm, một con trai của ngài bị chết, Hang-Noc-Ping hóa điên...

Cơn thịnh nộ của các vị thần thật khủng khiếp, mặc dù ngài đã cầu xin các đấng vĩ đại tha tội. Cho đến giờ quốc vương vẫn không hiểu, tại sao lần này họ lại trút cơn thịnh nộ...

Những ý nghĩ nặng nề của quốc vương bị ngắt quãng bởi giọng nói ngọt xót sau lưng ngài:

– Tha lỗi cho thần, thưa đức vua! Tin quan trọng...

Đức vua quay ngoắt lại và thấy viên cận thần, nhân vật được vua sủng ái như mọi người vẫn nghĩ, nhưng thật ra vua không sủng ái y. Có thể vua đối xử với viên đại thần này có nhẹ nhàng hơn so với những người khác, nhưng chỉ có vậy. Qua nét mặt lo âu của quan đại thần, đức vua nhận thấy có điều gì quan trọng đã xảy ra.

– Nói đi! – Vua ra lệnh.

– Trên bờ biển gần làng Trahung tìm thấy hai người lạ. Họ từ xa đến, thuyền có kiểu dáng lạ, còn họ thì rất hốc hác...

– Vì chuyện vặt này mà người dám quấy rầy ta sao? – Đức vua trút giận dữ lên đầu viên đại thần. – Vì những kẻ đánh cá lạ bị cơn bão vừa qua ném lên bờ ư? Chuyện nhỏ này chỉ cần trưởng làng Trahung giải quyết là được, không cần đến ta!

Đức vua ít khi thịnh nộ, nhưng hậu quả của cơn thịnh nộ thường là khá buồn cho người mắc lỗi. Nhưng vì nhận thấy tầm quan trọng của chuyện này, viên đại thần cố gắng thuyết phục:

– Bẩm đức vua, đó không phải là ngư dân, mà là những người hoàn toàn kỳ lạ: da vàng và nét mặt hoàn toàn không giống chúng ta...

– Da vàng? – Đức vua ngò vức hỏi lại, nét mặt ngài tươi tỉnh hơn. – Nếu vậy thì quả là bất thường...

– Vì vậy thần mới dám quấy rầy ngài, thưa đức vua.

– Đây không phải là điềm ư? – Đức vua thốt thành lời. – Phải bàn với thầy Thượng tế. Ngài ấy đã biết việc này chưa?

– Chưa, thưa đức vua! – Viên cận thần trả lời giọng vui vẻ. Ông cảm thấy trò chơi liêu lĩnh do mình nghĩ ra đã thắng lợi. Đức vua quan tâm đến thông tin mà ông là người đầu tiên thông báo cho vua.

– Thầy thượng tế đã biết! Giọng nói của Anaib-Ungir vang lên,

và vài giây sau thầy thượng tế xuất hiện. – Vì vậy thần mới đến đây, thưa đức vua. Hội đồng Tư tế mời ngài đến dự họp. Thưa đức vua, sự kiện này quan trọng hơn nhiều so với một số người...

Ánh mắt khinh bỉ của Anaib-Ungir lướt qua người viên đại thần.

– Được, ta sẽ đến. – Vua trả lời ngắn gọn.

Thầy thượng tế và Tene-Tung cúi chào mỗi người một kiểu, để vua ở lại một mình trên đỉnh tháp. Thầy thượng tế vội vàng ra về. Lại thêm một nỗi lo nữa. Ngài cảm nhận điều này bằng trái tim của mình.

Cuộc họp của các thầy tư tế lần này không bình thường. Không có những tranh cãi, nói chuyện ồn ào. Tai họa đổ vào đất nước, cái chết của Ah-Mash thông thái mặc dù bệnh tật vẫn tiên đoán được cơn bão dị thường, sự xuất hiện của những người lạ – tất cả những điều này đè nặng tâm hồn của từng người, buộc họ quên đi những lo lắng và ham mê bình thường. Những người họp chăm chú lắng nghe câu chuyện về những người lạ từ đại dương đến.

– Giờ đây, – người thông báo nói, – họ đang nghỉ ở nhà trưởng làng, họ ăn rất nhiều vì bị đói từ lâu.

Khi trưởng làng được lệnh đưa những người lạ vào kinh thành, trong phòng họp bỗng nhiên yên lặng. Không ai muốn cất tiếng nói đầu tiên. Mọi người dồn mắt về phía đức vua và thầy thượng tế, chờ họ nói trước. Nhưng cả hai đang trầm tư suy nghĩ, không để ý đến điều này.

Bỗng giọng nói oang oang của Tumeh-Sahing phá vỡ yên lặng.

– Thầy thượng tế còn nhớ những lời nói của mình cách đây ba tháng hay không? – Ông hỏi. – Khi tôi yêu cầu vật tế cho Thần Tâm đất, ngài đã trả lời là nó phải là đặc biệt và khác thường. Theo tôi những người lạ này xứng đáng làm vật tế cho vị thần vĩ

đại của tôi. Đúng vậy chứ, AnaibUngir?

– Sự xuất hiện của họ có phải là điềm báo trước hay không? – Đúc vua hỏi.

– Báo trước điều gì? – Thầy tư tế của vị thần khủng khiếp hỏi lại.

– Điều này ông phải tự quyết định! – Đúc vua cau có nói.

– Màu da của họ có liên quan đến màu của vị thần của chúng tôi hay không? – Giọng của Beleng-Hish ngọt ngào.

– Vậy họ phải được hiến dâng cho thần Mặt trời!

– Và họ từ phương đông đến! – Ish-Can-Leosh ủng hộ.

– Không ai biết họ từ đâu đến! – Thầy tư tế, trưởng quản lịch, thốt lên. Rõ ràng ông ta nghiêng về phía TumehSahing. – Chỉ rõ một điều là họ xuất hiện trên đất của chúng ta sau cơn bão...

– Những người lạ này có thể là điềm báo của bão. – NiangHinah nhận xét suy diễn một cách sâu sắc.

– Đừng làm tôi phải cười, Niang-Hinah. – Tumeh-Sahing bác lại. – Điềm báo gì khi chính cơn bão đã thổi giạt họ vào đây. Họ không phải là tín sứ của vị thần độc cước, mà là vật tế trong cơn thịnh nộ của ngài.

– Nếu họ là vật tế của thần Bão thì phải hiến dâng họ cho vị thần Độc cước. – Mishpitiacuc nhỏ nhẹ nói. – Ông tự mâu thuẫn rồi, Tumeh-Sahing!

– Thần Độc cước đã nhận đủ lễ vật trong những ngày qua, – Tumeh-Sahing cắt lời, – trong đó có những lễ vật đáng giá như Ah-Mash và hoàng tử Hang-Noc-Ping. Giờ đây vị thần này sẽ yên lặng ít nhất một năm. Còn Thần Tâm đất bị đói từ lâu và đang tức giận, ngài thêm khát cống vật.

Các ông muốn sau bão sẽ là động đất?

Tất cả im lặng, lo lắng. Đúng, không nên thử thách sự kiên nhẫn của Thần Tâm đất! Thầy tư tế của thần nói đúng.

– Chúng ta sẽ làm đẹp lòng Thần Tâm đất, đồng thời thỏa mãn được câu hỏi của đức vua. – Thầy thượng tế bỗng nói. – Những người khách lạ sẽ được dành cho nghi lễ Chậu thần. Lễ nghi được thực hiện trong đền ngầm và dâng cho vị thần của ông, Tumeh-Sahing! Chậu thần sẽ cho chúng ta biết sự xuất hiện của những người lạ báo trước điều gì...

– Anaib-Ungir phân tích thông thái quá! – Mishpitiacuc nói khá lớn. – Tôi nghiêng mình trước trí tuệ của ngài!

Đề nghị này quả là lối thoát tối ưu cho tình trạng hiện tại. Mọi người đồng lòng chấp nhận, kể cả những đối thủ chính của thầy thượng tế – Beleng-Hish và Ish-Can-Leosh. Cuối cùng quyết định: sau khi những khách lạ đến kinh thành, một nhóm các thầy tư tế dưới sự chỉ đạo của Tumeh-Sahing sẽ đưa họ vào thánh điện ngầm của Thần Tâm đất để làm nghi lễ. Ở đó số phận của họ sẽ được quyết định. Hội nghị kết thúc, tuy vậy người kế nhiệm của Ah-Mash vẫn cố gắng đưa ra vấn đề sửa đổi lịch. Thầy thượng tế nói: “Đây là vấn đề của tương lai”, – cắt ngang bài phát biểu dài dòng mà thầy quản lịch đã chuẩn bị.

Ba ngày tiếp theo ngập đầy những công việc cấp bách, trước hết là những đám tang. Tiếng khóc than vang khắp vùng. Hoàng tử chết do bị một cây xà đề và thầy tư tế AhMash được chôn cất rất long trọng. Linh hồn của hoàng tử được an ủi bằng cách chôn theo hai nô lệ. Các triều thần của Hang-Noc-Ping, kể cả Tene-Tuvuic và Cuocu, được chuyển vào đoàn hầu cận của thái tử – một người lặng lẽ và trầm tĩnh. Tene-Tuvuic càng tin vào ý nghĩa huyền bí của các ngày. Ông học thuộc lòng những ngày này và thề từ giờ trở đi sẽ không nói chuyện với những phụ nữ sinh vào ngày Pasung. Lúc đầu vị đại thần tránh mặt Anaib-Ungir, sợ thầy tư tế nhớ lại

lời hứa dạy dỗ đưa con lạc đường của mình. Nhưng thầy thượng tế ngập mình trong công việc nên đã quên điều này. Tene-Tuvuic dần dần bình tâm.

Sau ngày bão, Shang và Tiang ít gặp nhau. Để phục hồi những thiệt hại do bão gây nên, người lớn trong cả nước được huy động làm việc. Họ thức dậy từ bình minh và làm cho đến tối mịt. Chỉ có Cuocu được rảnh rỗi đôi chút. Thỉnh thoảng ông đến thăm già Trachil. Thầy tư tế già đã hoàn toàn bình phục sau lần đau tim nguy kịch trước cơn bão. Ông hiểu rằng mình sẽ không qua được lần đau tới, do đó ông hoàn toàn cởi mở với người lùn. Trachil kể rằng, ông cố ý nói sai ngày sinh của Tiang cho Tene-Tuvuic để hoàng tử quá cố đừng lấy Tiang. Cuối buổi nói chuyện, ông lão trầm tư nhìn lên bức tường của nhà đối diện, nói thêm: “Nhưng tôi cũng không tin là Tiang sẽ có cuộc sống hạnh phúc... Hãy bảo vệ nó ông Cuocu à, hãy giúp đỡ nó khi có thể, như vừa rồi ông đã giúp! Bởi vì tôi sắp ra đi... Đứa bé gái này quý giá biết bao đối với trái tim già của tôi, nó là kho báu thật sự! À, mà ông cầm lấy cái này, – ông lão đưa cho người lùn chiếc túi nhỏ, – đây là bột ngủ. Ông cất kỹ đi, sẽ có lúc cần nó cho con gái yêu quý của tôi... Chỉ cần bỏ chút xíu vào bình nước là con người sẽ ngủ suốt ngày. Nhớ là chỉ cho chút xíu thôi”.

Thỏa mãn và hơi sợ bởi giọng nói tiên tri của Trachil, người lùn long trọng thề là khi còn thở và khi mặt trời còn chiếu sáng thì ông sẽ là người bạn chân thật và trung thành của Tiang.

– Cảm ơn, – thầy tư tế già nói, hơi mỉm cười vì lời hứa long trọng của người lùn, – ông đã an ủi tôi!

Sau cuộc trò chuyện với Trachil, Cuocu đi tìm Tiang. Ông nói chuyện với nàng, kể về cái chết của hoàng tử, về sự xuất hiện của những người lạ. Theo lời Tiang, chỉ Cuocu tìm được Shang trên cánh đồng gần làng Hochtung. Các viên giám công cúi chào người

lùn. Cuocu truyền lời thăm hỏi của Tiang và bổ sung với giọng đầy vẻ bảo hộ: “Nếu người muốn thông báo cho cô ấy điều gì thì cứ nói. Ta có thể quay về bên đó!”

Shang không muốn Cuocu làm trung gian, chàng muốn tự mình nói với Tiang chớ không qua người khác. Cuocu về triều. Shang làm việc càng dữ dội hơn, y như chính công việc đã cản trở chàng gặp người yêu.

Mặc dù tin tức về những người lạ, rất giống con người, bị bão giạt từ đại dương vào, đã lan khắp nước, nhưng chưa ai trông thấy họ. Già làng Trahung theo lệnh trên, đưa Suembahamon và Irinefer về kinh trong những chiếc kiệu kín. Một toán mười chiến binh và thầy tư tế – tín sứ của Anaib-Ungir – đi hộ tống các phu kiệu. Gần tối đoàn người dừng lại trong ngôi nhà tạm đã chuẩn bị sẵn. Tù nhân bị nhốt trong nhà, được ăn uống và có chỗ ngủ. Các chiến binh và nô lệ bố trí chỗ nghỉ qua đêm quanh căn nhà và cất người liên tục canh đêm.

Mọi cố gắng của vị quan Ai Cập, giải thích cho những người đồng hành câm lặng, không hứa hẹn kết quả gì.

Suembahamon nói dài dòng và vô hiệu quả về đất nước Fiva, về pharaon vô địch và sự bất tử của ngài, về lịch sử ngàn đời của đất nước Kemt... Những người Ai Cập làm điệu bộ, vẽ lên cát hoặc lên tường những chữ tượng hình, bản đồ Ai Cập, Biển xanh vĩ đại – tất cả đều vô ích. Thầy tư tế làm như không nghe lời của họ và không thấy những điệu bộ của họ. Người ta cho họ thức ăn, bình nước và không để ý gì đến họ. Irinefer tinh ý nhận ra rằng, mỗi lần ăn họ đều dùng chén đĩa mới. Nhưng ông không thể biết là chén đĩa mà ông và Suembahamon đã dùng đều được bọn nô lệ chôn sâu xuống đất để không ai đụng đến được, dù là vô tình.

Suembahamon và Irinefer suy nghĩ và tranh luận rất nhiều: họ rơi vào đâu? Vị đại thần Ai Cập, nhớ đến những chuyện chu du mà

ông đã đọc, cho rằng họ đang ở chỗ những bộ lạc phương nam xa xôi huyền thoại, nơi cội nguồn huyền bí của dòng Hapi vĩ đại. Ông nhớ đến sự mô tả những con người của đất nước Punt thần bí – những người nhỏ bé mập tròn. Nhưng những người của bộ lạc huyền bí này thì lại cao lớn, chắc phải ở xa hơn bộ lạc Punt về phía nam. Dựa vào kinh nghiệm của mình, Irinefer không đồng ý với giả thuyết này. Ông cho rằng sóng đã đưa chiếc thuyền của họ đến một hòn đảo lớn ở phương tây. Bởi vì cho đến phút cuối – người tài công thuyết phục ông chủ của mình – chiếc “Amon hài lòng” vẫn chạy về hướng tây – nam. Trong một lần trò chuyện, Irinefer kể là ông đã kéo quan đại thần bất tỉnh vào chiếc thuyền gỗ như thế nào khi thấy vòi rồng khổng lồ di chuyển về phía tàu, sau đó ông cũng trèo vào theo. Tiếp theo sự việc xảy ra như thế nào, người tài công không nhớ được. Còn Suembahamon nói rằng đã thấy chúng bắt họ như thế nào. Rốt cuộc mọi câu chuyện đều kết lại bằng câu hỏi: những người da đồng này sẽ làm gì họ và họ có trở về tổ quốc mình được hay không? Không thể tìm ra câu hỏi, cả hai ngẩn ngơ hồi lâu trong sự im lặng buồn rầu.

Việc đưa những người lạ vào kinh thành được tính toán sao cho đoàn người đến đó sau nửa đêm. Dựa vào không khí mát lạnh, những người Ai Cập hiểu rằng lộ trình của họ hôm nay lâu hơn bình thường. Họ chỉ được ăn hai lần trong ngày – trước lúc lên đường và trước khi đi ngủ nên bây giờ họ cảm thấy đói. Suembahamon nhớ đến mùi đặc biệt của chiếc bánh ngô mỏng và canh đậu thơm phức mà thầy Tư tế đưa cho họ vào những buổi tối. Nước, chứa trong những quả bầu kỳ lạ đối với những người Ai Cập, đã hết từ lâu, nhưng cuộc hành trình vẫn tiếp tục. Cuối cùng sau khi lên hết một dốc cao, phu kiệu dừng lại và những tù nhân ra khỏi chiếc hộp chật chội, một quang cảnh kỳ lạ làm choáng ngợp mắt họ.

Trên cánh đồng rộng lớn một phía được bao quanh bằng những công trình gì đó, còn phía bên kia là đồng lửa khổng lồ cháy rừng rực bên cạnh những bức tượng đá đồ sộ, kỳ quái, cạnh đó là những người câm lặng đứng thành từng nhóm, một số ở trần, chỉ mặc yếm, những người khác mặc áo dài.

Tất cả như theo lệnh đưa mắt nhìn những người mới đến, vài người không giấu nổi vẻ ngạc nhiên.

Suembahamon nhanh nhẹn bước lên trước, đến gần đồng lửa và trình trọng cất giọng:

– Ta là Suembahamon, đại thần của triều Fiva, bạn của pharaon Ai Cập Hạ, đức hoàng đế vạn...

Những đôi tay khỏe mạnh chộp lấy Suembahamon, kéo ông khỏi đồng lửa và đưa đến kiệu, nơi Irinefer đang đứng lặng lẽ. Đồng thời một bàn tay bịt miệng ông lại. Vị quan đại thần hiểu ra sự trừng phạt và đành im, ông làm ra vẻ tự nhiên, không muốn đi và cũng không giải thích gì.

Vị đại thần Ai Cập không thể biết được là trong số những người tập trung ở đây có những nhân vật quyền uy nhất nước – pharaon của đất nước này, quốc vương thành Nivannaa-Tracbolai, và thầy thượng tế. Cả hai đều chăm chú nhìn những người khách lạ và mỗi người suy nghĩ theo cách riêng của mình.

Đồng lửa được đốt bằng loại củi khô đặc biệt, cháy rất nhanh. Nhiều thanh niên khỏe mạnh cầm sào dài gạt than đỏ. Tất cả đều hòa vào bóng tối đỏ hồng. Bỗng nhiên, những người Ai Cập ngạc nhiên và kinh hoàng, người đàn ông cao mặc áo trắng – Anaib-Ungir – bước nhanh đến đồng than hồng và đi lên đó. Ông cố ý bước chậm trên than đỏ còn bốc lửa xanh với đôi chân trần. Ông đi thản nhiên như trên cỏ xanh mát rượi sương sớm. Sau thầy thượng tế là đức vua, thái tử và các thầy tư tế, các trưởng làng đi thành

từng nhóm. Sững sờ vì kinh sợ nhìn buổi lễ kỳ lạ, những người Ai Cập lâm râm cầu khẩn các vị thần ở đất nước xa xôi của mình...

Than đen phủ tro xám gặp gió đêm lại hồng lên, cháy thành ngọn lửa vui vẻ giống như những viên ngọc rubi của Suembahamon.

Cú đẩy bất ngờ vào lưng vị đại thần ra khỏi sự quên lãng. Thầy tư tế đi kèm ra hiệu cho Suembahamon bước tới trước, đến chỗ đồng than... Đến bây giờ ông mới hiểu họ muốn gì. Ông lắc đầu từ chối và chỉ vào đôi chân của mình, nhưng các thầy tư tế cương quyết đẩy hai người Ai Cập tới. Suembahamon quỳ xuống, chấp tay lạy. Ông muốn thét lên, nhưng không thành lời. Irinefer không dao động, tài công dứt khoát bước lên than, nhưng mới được một bước, ông ngã xuống.

Những người mặc đồ trắng xóc nách hai người Ai Cập đẩy vào đồng lửa. Quá sợ hãi, quan đại thần ngất đi.

CHƯƠNG XVI

CHẬU THÂN

Núi ở bang Guerrero. Mexico.

Một mình ta giờ đây được vòm đá.

Một mình ta giữa đá núi âm u.

• **V. Briusov**

Mây thấp, màu xám đen đầy hơi nước, lười biếng trôi trên bầu trời. Vấp phải những nhánh núi, mây hình như nuốt chửng núi, làm tan biến núi trong hình dạng bất định của mình. Gió ẩm lạnh lúc thì giận dữ thổi không ngớt, lúc thì như lặng đi muốn trốn biệt tăm.

Một đám rước nhỏ chậm chạp di chuyển theo đường mòn hẹp giống như được dán vào sườn núi dốc đứng. Giữa đoàn người hai tá nô lệ khiêng một chiếc kiệu mà trong đó Suembahamon và Irinefer nửa ngồi, nửa nằm. TumehSahing đi trước kiệu cùng một nhóm tư tế. Nét mặt ông đầy vẻ thỏa mãn. Sau kiệu là một chục chiến binh cao lớn được trang bị những chiếc giáo nặng. Đoàn người bước đi trong im lặng, chỉ có hơi thở hỗn hển của đám nô lệ là khuấy động sự tĩnh mịch của vùng núi non.

Viên đại thần Ai Cập suy nghĩ, phân loại những sự kiện vừa xảy ra và dự đoán: họ đưa ông đi đâu bây giờ? Ông thấy ngượng vì hoảng sợ ban đầu của mình. Dễ hiểu là buổi lễ đêm hoàn toàn chỉ là nghi lễ tẩy trần bằng lửa. Nếu những người kỳ lạ này đến cung điện Fiva thì chính ông sẽ xông khói họ bằng những loại nhựa tẩy

trần. Mỗi dân tộc có một phong tục riêng. Quan đại thần rất ngạc nhiên là bàn chân của ông và Irinefer hầu như không bị phỏng. Do đó, nếu họ tuân theo yêu cầu của người cầm đầu thì giờ đây họ đã bình thân được tiếp ở nhà của chủ nhân vùng này. Suembahamon tự hứa với lòng là từ giờ trở đi sẽ tuyệt đối thực hiện ý muốn của ông già thấp người, xương xấu, có vẻ là trưởng nhóm này. Nhưng họ đưa ông vào núi để làm gì?

Cảnh núi xa lạ đối với người Ai Cập đê nặng và giày vò Suembahamon. Cũng may là mây, sương mù và màn mưa bạc phía xa đã che mờ bớt cảnh núi, đường đi, những vực thẳm và đỉnh núi cao ngất trên đường họ đi qua.

Đoàn người vượt qua sườn núi hiểm trở, con đường rõ ràng là đi xuống. Sau đó họ đi vào thượng nguồn của hẻm núi và đi dọc theo hẻm. Cuội tròn trơn tuột dưới chân làm chậm bước đi.

Một giờ sau cả đoàn dừng lại theo dấu hiệu của TumehSahing. Hai thầy tư tế bước đến phiến đá phẳng, lớn, nằm ngay cạnh vách đá thẳng đứng của hẻm và đẩy nhiều phiến đá qua một bên. Dưới đó lộ ra một lỗ tròn đen ngòm, sâu thăm thẳm. Hai thầy tư tế chui vào lỗ và biến mất trong bóng tối. Những người Ai Cập đã ra khỏi kiệu, sợ hãi nhìn cảnh biến mất này. Không lẽ họ phải vào trong đó? Thay cho ngọn lửa là nắm mô trong núi?

Tiếp theo, Tumeh-Sahing chui vào lỗ. Điều này hơi khó đối với ông lão. Hai chiến binh lực lưỡng đỡ nách ông và thấp thoáng những bàn tay của hai thầy tư tế, đã xuống trước, đưa ra giúp ông lão. Điều này làm Suembahamon yên tâm: nghĩa là hố không sâu, hơn nữa ông lão trưởng đoàn cũng chui vào đó. Họ xuống hố để làm gì?

Câu hỏi được nhanh chóng trả lời. Hai thầy tư tế nữa chui xuống hố rồi đến lượt những người khách lạ. Đúng như dự đoán của Suembahamon, hố không sâu lắm, chỉ quá chiều cao của người

một chút. Nhưng bất ngờ lại là điều khác: trong hố có một ngách hẹp, các thầy tư tế khá bất nhã đẩy những vị khách vào đó. Suembahamon bỗng cảm thấy lối đi mở rộng ra, ai đó đưa tay đỡ vị đại thần Ai Cập đứng dậy, giây sau trong bóng tối mịt mùng lóe lên ánh lửa, lúc đầu ánh lửa có vẻ sáng chói khác thường. Một thầy phụ tế đưa ngọn lửa vào cành cây dầu làm đuốc, bỗng chốc xung quanh bừng sáng. Những điều hai người Ai Cập thấy đã làm họ hết hồn.

Động cao đến mức các vòm trên biển mất trong bóng tối. Trên cao hàng trăm con doi chít chít một cách ghê rợn và lao vun vút vì sự khuấy động và ánh sáng khác thường. Trên một vách đá được đánh phẳng hiện rõ bức bích họa: một người, hoặc vị thần, ngồi co một chân lại trên chiếc bệ nhô cao giống như chiếc ngai. Thay vào chỗ cái đầu là chiếc mõm thú nhe răng giống như con báo. Vị đại thần Fiva đã nhiều lần thấy những con thú này trong chuồng thú của pharaon. Hiểu rằng đây là hình ảnh vị thần của người da đồng, Suembahamon bước đến gần bức bích họa, cúi sát đất chào. Sau giây phút ngập ngừng Irinefer cũng làm theo.

Hành động của những người Ai Cập làm cho những người da đồng vui vẻ hẳn lên, họ thì thào một cách sùng kính. Tumeh-Sahing đốt những chiếc lư hương trước bức bích họa, và xông khói những người khách lạ bằng luồng khói đen có mùi thơm dễ chịu. Sau đó đặt lư lại chỗ cũ, ông ra hiệu cho họ đi theo mình. Những người Ai Cập miễn cưỡng vâng lời.

Đi được một lúc, qua một hành lang hẹp đối diện với bức bích họa, đoàn người bước vào một gian phòng mới còn rộng hơn gian đầu. Từ trần động rủ xuống những phiến thạch nhũ quái gở, lấp lánh đủ màu đỏ, hồng khi được ánh sáng chiếu vào.

Giữa động có một chiếc chậu đá khổng lồ, nước trong lấp lánh đầy đến tận miệng. Chậu có dạng thuôn thuôn và cao cỡ phần tư

chiều cao của người.

Trên thành chậu chạm bốn chiếc đầu nhe răng của vị thần – thú mà họ vừa thấy. Không khí trong động trong lành và mát rượi: rõ là phía trên có lỗ thông ra ngoài.

Mọi người vây quanh chiếc chậu đá. Tumeh-Sahing cầm đuốc đốt những ngọn đèn đặt trên các bệ đá cao dạng trụ, trong động tràn ngập màu đỏ và trắng.

Những người ngồi bắt đầu cùng nghiêng từ phía này qua phía khác, khe khẽ hát điệu gì đó. Bài hát lúc đầu nghe nho nhỏ, dần dần lớn hơn và cuối cùng vang vang dưới vòm đá để rồi tăng thêm sức mạnh bởi tiếng vọng không thoát được ra ngoài. Trạng thái mơ màng, ru ngủ xâm chiếm những người Ai Cập. Họ cũng bắt đầu đong đưa, thậm chí Irinefer còn hòa giọng khàn khàn của mình vào dàn đồng ca mạnh mẽ.

Chủ tế Tumeh-Sahing đưa tay ra hiệu, giọng hát đột ngột dứt ngang. Vị tư tế già đứng dậy, những người khác đứng lên theo. Ông cúi đầu tha thiết cầu nguyện một tràng dài. Sau đó vị chủ tế lấy từ áo ra một chiếc túi nhỏ, mở túi lấy một nhúm bột màu nâu-xám, bỏ vào miệng và bắt đầu nhai. Các thầy tư tế lần lượt bước đến, mỗi người nhận một phần thuốc và bỏ vào miệng. Hai người Ai Cập cũng được nhận phần. Irinefer nhai thuốc một cách thản nhiên. Tuân theo giọng nói từ nội tâm sâu thẳm, Suembahamon bỏ thứ thuốc lạ ấy vào miệng, ông làm bộ ho và lập tức nhả thuốc vào lòng bàn tay, sau đó cẩn thận ném ra sau lưng. Miệng ông bị bỏng như vừa ngậm than hồng, nhưng người ông lại nghe dễ chịu.

Nhận xong phần năm thiêng nghiêng nhỏ, tất cả mọi người lại ngồi gần chậu đá, cúi đầu chăm chú nhìn vào mặt nước. Mấy phút trôi qua trong im lặng hoàn toàn.

Người tài công già là người đầu tiên bị phê thuốc. Vị tư tế của

Thần Tâm đất đã hào phóng chia cho người tài công Ai Cập phần thuốc khá nhiều. Tuy nhiên cơ thể của người tài công chưa quen với loại bột này. Irinefer bỗng cười lớn, ông đứng lên và không buồn để ý đến xung quanh, ông bước đến một góc xa của động. Irinefer nằm ngửa, cất giọng oang oang hát một bài ca cũ của những người đi biển. Không ai tỏ vẻ ngạc nhiên vì sự khác thường này của người khách lạ, chỉ có Tumeh-Sahing thoáng rời mắt khỏi mặt nước và liếc nhanh về phía người tài công.

Suembahamon bỗng thấy dễ chịu khác thường. Giờ đây ông thấy mình yêu mến tất cả hang động này, cái lễ nghi huyền bí, tất cả những người xung quanh. Như vừa uống xong một ly rượu Síp mạnh, đầu ông có cảm giác lâng lâng.

Ông thấy tiếc vì đã không nhai hết cả nhúm bột.

Sự phấn chấn dần dần xâm chiếm tất cả mọi người. Các thầy tu tế vẫn chưa rời mắt khỏi mặt nước, nhưng những động tác dữ dội bất ngờ của họ, những tiếng rú ngắn bật ra từ miệng người này hoặc người khác chứng tỏ sức mạnh thần bí đã ngự trị trong họ. Irinefer ngừng hát, nhưng vẫn nằm ngửa đôi mắt thất thần nhìn lên trên và nói lảm nhảm điều gì đó.

Bất ngờ cánh tay rắn chắc của người chủ tế ấn mạnh đầu vị quan Ai Cập vào chấu. Bất đắc dĩ, Suembahamon phải nhìn vào mặt nước trong suốt và thật kỳ diệu làm sao, hình ảnh làm xúc động trái tim mệt mỏi bị tổn thương của chính ông đang tái hiện trên mặt nước.

Rennefert, người vợ của ông đang chậm chậm bước trên con đường trong khu vườn được chăm sóc cẩn thận. Vị đại thần biết rõ khu vườn này, nó ở gần nhà riêng của ông ở Fiva... Tất cả vẫn y như ngày ông vội vã ra đi: những tia nắng mai dịu dàng, màu xanh tươi mát của cây cỏ tràn ngập khắp vườn... Rennefert không đi một mình, sau bà là đứa con gái Menertimut và bé trai

Amonpanefer. Bọn trẻ con cầm trên tay những bó hoa tươi... Bỗng nhiên đứa con gái vụt chạy lên phía trước, dừng lại trước mẹ và hỏi: “Mẹ ơi, cha của chúng con giờ ở đâu? Lâu rồi sao con không thấy cha về với chúng con”. Cặp mắt đau buồn của Rennefert nhìn vào con, bà khẽ trả lời: “Cha của các con đã qua thế giới bên kia, ông không bao giờ về với chúng ta nữa đâu...”.

Hình ảnh từ từ tan biến, nhưng Suembahamon vẫn còn kịp nhìn thấy vẻ đau buồn trên mặt con gái... Ông tiếp tục nhìn vào chậu, nhưng giờ đây trong đó chỉ là mặt nước trong suốt...

Cuối cùng vị quan Ai Cập rời mắt khỏi chiếc chậu đá diệu kỳ đã cho ông thấy đất nước xa xôi của mình và ông quay đầu lại. Vị chủ tế đang nằm dài trên cát, dòng nước bọt đặc quánh chảy ra từ đôi môi hé mở... Hai thầy tư tế thì đang ôm nhau và nói chuyện thì thầm. Những người khác kẻ thì nằm im, người thì loạng choạng đi lang thang trong động. Một người nằm vắt trên thành chậu như con nộm giẻ với tay trái nhúng vào nước.

Suembahamon chậm chậm đứng dậy. Cơn giận dữ cùng sự buồn chán xâm chiếm cõi lòng ông.

Ông trốn khỏi đất nước mình để làm gì?

Ông đến đây để làm gì, giữa những con người ghê tởm này, chúng không giống người Ai Cập, không giống người Phinic và cũng không giống người Libi? Nếu được vào biển khơi lần nữa, may ra thần linh sẽ giúp ông quay về Biển Xanh vĩ đại và cuối cùng là được về nhà...

Ông cố tình bước chậm rãi về phía Irinefer, nỗi lo sợ của Suembahamon đã thừa. Mọi người vẫn ở tư thế cũ, không một ai quay lại nhìn ông. Người tài công đang ngủ say, mọi cố gắng đánh thức ông ta đều vô hiệu.

Suembahamon bước nhanh ra cửa, ông cảm thấy cháy bỏng

thèm khát chạy khỏi nơi đây. Ông có cảm giác lơ mơ rằng chỉ một nửa đường nữa là ra đến biển, nghĩa là về đến nhà...

Nhưng ở ngách nối phòng có chấu đá với động có bức bích họa bỗng xuất hiện một thầy tư tế trẻ. Đôi mắt thủy tinh của người này nhìn thẳng vào ông và nói điều gì đó với vẻ rất nhiệt tình. Suembahamon cho rằng viên tư tế khuyên bảo hoặc là ra lệnh cho ông ở lại nơi đây, ông không thể hiểu được là người kế nhiệm của Ah-Mash đang thuyết phục ông về sự cần thiết phải thay đổi lịch. Nỗi tuyệt vọng của con thú bị dồn vào đường cùng bỗng bùng lên trong lòng Suembahamon. Với sức mạnh bất ngờ là lòng quyết tâm, vị đại thần chụp lấy cổ thầy tư tế bóp mạnh và đẩy ông này qua một bên. Viên tư tế không một phản ứng, buông người ngã xuống chân của viên quan Ai Cập.

Suembahamon bước nhanh đến cửa ra. Ông không nhớ mình đã tìm đường trong mê cung ngầm như thế nào. Nhưng vừa chui ra khỏi hố mà ông đã xuống thì một chiến binh đứng canh ở đấy đã chụp lấy vai ông khi ông vừa nhô lên khỏi mặt đất. Suembahamon bị ném lên nền đất ẩm và nằm bất động. Mọi nỗ lực vừa qua đã trở thành vô ích.

Mưa đã tạnh, bầu trời trở nên sáng sủa hơn, nhưng mọi vật xung quanh: cỏ, đá, bụi cây vẫn ướt đẫm. Gió rít buồn thảm, hoang hôn nặng nề, lạnh lẽo bao phủ núi đồi màu xám tím, giống như thần Ra vĩ đại trên quê hương thân yêu...

Khoảng một, hai giờ sau, các viên tư tế bắt đầu leo lên khỏi hố, động tác của họ mệt mỏi, hờ hững; những người trên mặt đất phải đỡ họ. Viên chủ tế là người lên cuối cùng. Vừa cầu nguyện ông này vừa ra hiệu cho những chiến binh dậy nắp hố lại. Không tin vào mắt mình, Suembahamon đếm số người leo lên và rùng mình: không có thầy tư tế đã cản đường ông và cả người tài công già Irinefer. Hai người ấy đã ở lại trong động.

CHƯƠNG XVII

TÁC PHẨM CUỐI CÙNG CỦA AH-SHOOCH

Sao-Lorenzo. Mexico.

*Trên cục thạch anh còn lại,
Ta vẽ những gương mặt mới.*

• Briuxov.

Ngôi nhà của người thợ điêu khắc tràn ngập niềm vui: Nam-Suc vừa sinh được đứa con trai khỏe mạnh, cứng cáp. Tug-Anseng có hạnh phúc được làm cha, nhưng vui sướng hơn cả là lão Ah-Shooch được làm ông.

– Giờ đây cái chết không còn đáng sợ nữa! – Ông lão nói. – Dòng dõi của chúng ta không bị mất, người nối nghiệp đã được sinh ra rồi.

Thời gian gần đây người thợ điêu khắc già nua cảm thấy mình rất yếu, ông thường bị đau dạ dày, ăn ít và gầy hốc hác. Chàng rể lo lắng theo dõi cha vợ, nhưng không nói cho vợ là Nam-Suc biết, sợ ảnh hưởng đến chuyện sinh nở của vợ. Tug-Anseng báo cho thầy trưởng quản điêu khắc biết bệnh trạng của cha vợ. Ah-Shacan vì yêu mến chàng thợ cả mới và ông già Ah-Shooch nên đã cử thầy lang tới. Xem bệnh xong, viên tư tế nhún vai nói rằng tất cả do ý trời và khuyên nên uống thuốc sắc. Sức khỏe của già Ah-Shooch có khá hơn, nhưng ý nghĩ về cái chết đã bắt rễ trong đầu ông.

Hôm nay người điêu khắc già và những người thân của ông, không ai nghĩ đến chuyện buồn. Mọi người đều phấn khởi, vui mừng vì hôm nay là ngày lễ Mehic-Utiar, sự kiện nghiêm túc đầu tiên trong cuộc đời của mỗi người.

Lễ được tổ chức trong điện thờ của dòng họ Ah-Shooch. Từ sáng sớm, điện đã được lau chùi sạch sẽ đến kỳ lạ: nhựa pom thiêng thơm phức đang tỏa những làn khói mỏng trước những bức tượng thần bằng đất sét, gỗ và đá nephrit, những vòng hoa tươi treo khắp nơi, sàn đất được rải một lớp mỏng cát xanh mỏng. Một viên tư tế trẻ đã được phái đến đang thành tâm khẩn vái.

Trong nhà của đứa trẻ sơ sinh mọi chuyện cũng được chuẩn bị kỹ lưỡng không kém. Khi trời còn mờ tối, những người bà con và hàng xóm đã tụ tập đến đây, các bếp lò thì rục lửa và mọi người bắt đầu chuẩn bị cho ngày lễ. Vô số bánh ngô mỏng đã nướng được xếp cẩn thận vào những chiếc vỏ bầu để giữ nóng. Ba con gà tây, một đùi hươu và vô số chim bồ câu đã được chiên giòn. Cá tươi thì nhiều vô kể với cả một biển nước xốt cà chua trộn ớt. Trong điện thờ của dòng họ, hoa tươi kết thành chuỗi và cắm vào những chiếc lọ. Hoa có màu sắc sắc sỡ và tỏa hương thơm ngát.

Đúng giờ – gần chính Ngọ – đoàn rước lễ long trọng đi từ nhà của người thợ điêu khắc già đến điện thờ. Già AhShooch đi đầu, tay ẵm đứa cháu trai. Ông muốn tự mình đưa cháu đến nơi thiêng liêng. Sau ông là vợ chồng Tug-Anseng và Nam-Suc. Người mẹ trẻ rất hồi hộp vì lễ nghi và vì cuộc thăm viếng điện thờ, đây là lần duy nhất trong đời người phụ nữ được quyền bước vào điện thờ. Shang được chọn đóng vai mecur (thay em trai của mẹ), vì vậy chàng đi sau cha mẹ của đứa bé. Chàng là ông Ah-Shacan, ông là niềm vinh dự cho đứa trẻ vì mối quan hệ với Ah-Shooch và Tug-Anseng. Sau đó là các khách mời xếp hàng đúng theo tuổi tác và thứ bậc. Do đó Tiang tuy là khách mời, nhưng nàng phải đứng

rất xa người yêu của mình.

Khi đoàn rước bước vào điện thờ thì ở đó đã đầy khách. Già Ah-Shooch hãnh diện nghĩ thầm, chưa có buổi lễ MehicUtiar nào lớn bằng buổi lễ của cháu ngoại ông hôm nay.

Sau lễ cầu nguyện cho cuộc sống và hạnh phúc của đứa bé, viên tư tế đã đặt tên cho nó.

Giờ đây đứa bé có tên là Cangah-Reca. Cái tên đẹp đẽ này đã làm già Ah-Shooch và nàng Nam-Suc vô cùng sung sướng.

Đến thời điểm quan trọng nhất của buổi lễ. Sau khi dâng lễ vật cho thần: bánh rán nhân thịt, bánh ngô và vỏ cây sơn đỏ, trên đó đặt một hạt cườm bằng đá nephrit, sau khi dâng rượu thánh baltre, Tug-Anseng ẵm con trai đến gần chiếc bàn nhỏ. Cạnh bàn là Shang đã chuẩn bị làm lễ.

Người cha từ từ đi quanh bàn theo đường đi của mặt trời, còn mecur lần lượt cầm các vật trên bàn đưa cho đứa trẻ thấy. Đó là những vật thu nhỏ: chiếc giáo và chiếc gậy đào, bó lao, chiếc rìu, mũi chàm, hạt cườm bằng đá nephrit, bắp ngô và những vật khác; chúng tượng trưng cho các nghề nghiệp nhất định. Ví dụ: xấp vải nhỏ tượng trưng cho nghề buôn, bình đất sét – nghề gốm v.v... Người ta cho rằng năng khiếu và nghề nghiệp tương lai của đứa bé phải được phát hiện trong buổi lễ Mehic-Utiar. Do đó tất cả đều chăm chú theo dõi từng động tác và biểu hiện trên mặt Cangah.

Qua một vòng đầu không có kết quả, đứa bé thờ ơ với tất cả mọi vật. Tug-Anseng đi vòng thứ hai quanh bàn, chàng bước chậm hơn. Shang nói to, giải thích ý nghĩa của từng đồ vật.

– Đây là chiếc giáo, – chàng nói, – chủ của nó sẽ là một chiến binh khỏe mạnh và dũng cảm. Giáo là công cụ nghề nghiệp của người chủ. Cangah, con có muốn trở thành chiến binh hùng mạnh và dũng cảm hay không?

Đến khi đưa ra hạt cườm bằng đá nephrit, đứa bé bị hấp dẫn bởi bề mặt nhẵn bóng và lấp lánh của hạt cườm, nó mỉm cười và vươn tay như muốn cầm lấy món đồ chơi.

Tiếng reo nổ bùng ra trong điện thờ. Gương mặt già của Ah-Shooch bừng sáng, còn ông Ah-Shacan thì nói lớn:

– Cangah sẽ là thợ điêu khắc đá và sẽ là nghệ nhân như ông ngoại và cha của nó! Nó đã cho thấy rõ điều này!

Buổi lễ kết thúc. Tug-Anseng đưa con cho vợ, Nam-Suc âu yếm ôm con vào lòng. Mọi người ra khỏi điện thờ, gật đầu chào già Ah-Shooch và Tug-Anseng, họ mang quà đến cho đứa bé và mecur là người nhận quà.

Lúc này Shang mới có dịp chạm nhanh vào tay Tiang và nhìn mặt người yêu. Tim chàng nghẹt lại, sau đó rạo rức hẳn lên, nàng đẹp làm sao!

Đoàn khách vui vẻ, ồn ào trở về nhà của già Ah-Shooch. Ngôi nhà nhỏ của ông không đủ chỗ tiếp khách, do đó bữa tiệc được tổ chức ngoài trời, dưới bóng mát của cây. Tất cả ngồi trên những tấm vải gai lớn trải trên cỏ. Rất tiếc là lúc này Shang cũng không được ở cạnh Tiang. Mecur phải ngồi cạnh cha đứa bé.

Đến giữa buổi tiệc, khi chuyện trò nổ như bắp rang, viên tư tế Mishpitiacuc bỗng xuất hiện. Ông lặng lẽ đến cạnh Ah-Shooch, chúc mừng ngày vui của nhà điêu khắc và nói rằng, thầy thượng tế muốn gặp ông vào ngày mai. Nhận thấy già Ah-Shooch có vẻ lo lắng, viên tư tế hiền lành nói thêm rằng vì có đơn đặt hàng mới. Điều này làm lão nghệ nhân yên tâm. Cả ngày hôm nay phải là ngày hạnh phúc của ông!

Mishpitiacuc ngồi cạnh nhà điêu khắc. Chàng thanh niên Shang cúi người tiếp thức ăn cho ông ta: chân gà tây xốt cà chua và bánh ngô đắng. Viên tư tế liếc nhanh chàng trai và nói thầm với

già Ah-Shooch:

– Chàng trai này là ai vậy? Cậu ta thật đẹp và cân đối tuyệt vời, hẳn là xuất thân từ một gia đình quyền quý?

– Đây là một người nông dân bình thường, em của con rể tôi. Tên cậu ta là Shang, dòng họ Caab.

– Tức cậu ta sống ở làng Hochtung?

– Vâng, thưa ông.

– Theo trí nhớ của ta thì chính ngài Anaib-Ungir đã quyết định số phận cho Tug-Anseng. Ngài đã nhận biết tài năng của Tug-Anseng khi nó còn là một đứa trẻ và bố trí để nó làm học trò của ông. Thầy thượng tế của chúng ta quả là nhà thông thái! Tug-Anseng là một thợ cả giỏi, ta nghe nói ông Ah-Shacan rất hài lòng và hy vọng nó là con rể tốt của ông. Vả lại ông cũng đừng trả lời, tự ta đã thấy việc này.

Ah-Shooch lịch sự gửi lời cảm ơn thầy thượng tế. Khi trưởng làng Tahcum-Tracang đến, Mishpitiacuc nhanh nhẹn đứng lên.

– Đừng tiễn ta, ông Ah-Shooch, cứ tiếp khách đi! Ngày mai nếu thấy khỏe và có thời gian thì đến thăm thầy thượng tế, ngài sẽ rất mừng khi gặp ông.

Khi đi ra, thầy tư tế nhìn chòng chọc vào Tiang và bỗng nhiên mỉm cười. Cô gái đã bắt gặp cái nhìn này và co rúm người lại. Sau cuộc gặp gỡ với hoàng tử đã quá cố, Tiang sợ sự chú ý của những nhân vật cao sang. Nàng bắt gặp ánh mắt của Shang, nỗi hoảng sợ thoáng qua và tan biến. Thật may là đã có chàng bên cạnh.

Bữa tiệc kéo dài đến khuya trong ánh đèn dĩa. Rất hài lòng, trưởng làng là người cuối cùng ra về. Tug-Anseng và Shang đốt đuốc gỗ thông đưa ông đến tận nhà.

Sáng hôm sau già Ah-Shooch đến nhà của thầy thượng tế. Ông phải đợi vì Anaib-Ungir đang cầu kinh buổi sáng. Chủ nhà xuất

hiện, ông chúc mừng người điêu khắc già rất nồng nhiệt.

– Xin chúc mừng ông, Ah-Shooch mến! Đừng, đừng cúi người như vậy, chúng ta là những bạn già, giữa chúng ta không nên có những nghi lễ thừa. Cảm ơn ông đã đến nhanh, nhưng công việc quá là không thể trì hoãn được.

Ông ngồi xuống đi rồi chúng ta bàn.

– Tôi không thể ngồi khi có mặt ngài! Già Ah-Shooch nói.

– Ta nói với ông mà, ngồi xuống đi! – Nói xong ông mỉm cười dịu dàng. – Nếu ông gọi ta là ngài thì phải tuân lệnh của ta chứ. Vậy đó, lót chiếc gối này xuống đầu gối, được rồi! Này, ông rất bận việc phải không?

– Nữ tư tế đáng kính Ish-Can-Leosh đã giao cho tôi làm bức tượng thần hài nhi, nhưng tôi vẫn chưa tìm được viên đá có kích thước cần thiết.

– Tốt lắm, tức là công việc chưa vội lắm. Việc của ta tuy là đơn giản đối với ông, nhưng phải gấp, tối đa chỉ một tháng phải làm xong mười lăm bức tượng, vật liệu bình thường, đá nephrit hoặc đá da rắn...

– Chúng sẽ thể hiện cái gì và kích thước ra sao? – Người thợ già quan tâm hỏi.

– Tượng chỉ cần lớn bằng lòng bàn tay, còn nét mặt là của người tư tế khi dâng tế vật. Ông làm được chứ?

– Thời gian gấp quá, – suy nghĩ một lúc Ah-Shooch trả lời, – nhưng nếu có người phụ việc đánh bóng thì kịp.

– Con rể của ông sẽ là người phụ. Ta sẽ chỉ thị cho AhShacan để nó làm. Ông nhận đá ngay bây giờ trong kho, chọn những viên cần thiết, ta sẽ cho người đưa đá về nhà ông. À, mà còn điều này nữa, ông sẽ làm thêm một tượng bằng loại đá này...

Từ chiếc hộp tre bên cạnh, thầy thượng tế lấy ra cục đá hoa

cương thon, dài, màu vàng đỏ và đưa cho nhà điêu khắc.

Cặp chân mày của già Ah-Shooch nhướng lên, ông ngạc nhiên vì nhiệm vụ bổ sung này. Chăm chú nhìn cục đá, người điêu khắc già hỏi:

– Có thể cho tôi biết được không, thưa đức ông, tại sao ngài lại chọn loại đá lạ này cho bức tượng thứ 16? Đá hoa cương đòi hỏi những kỹ thuật hoàn toàn khác để làm chúng...

– Những bức tượng này cần thiết cho lễ thiêng. Đó là điều mà ta muốn nói với ông. – Anaib-Ungir nói. – Còn một điều nữa, tượng đá hoa cương thì không cần đánh bóng, mà ngược lại, nếu bề mặt của tượng hơi nhám thì tốt hơn...

Giờ đây ông rõ chứ?

– Bức tượng đá hoa cương này cũng có nét mặt của thầy tư tế? – Người thợ già Ah-Shooch phân vân hỏi tiếp.

Viên thượng tế suy nghĩ.

– Người khách lạ này là ai tự ta cũng không biết. – Cuối cùng ông lẩm bẩm như ý nghĩ tự bật thành lời. Sau đó như sực nhớ ra, Anaib-Ungir chỉ thị ngắn gọn với giọng cương quyết như trước. – Hãy làm như thế này: nét mặt của tượng sẽ là mặt của người lạ kia chứ không phải là của viên tư tế, nhưng phải có cái gì đó khác lạ. Đó là điều vì sao ta không muốn bức tượng được đánh bóng.

– Tôi hiểu. – Người thợ điêu khắc già đáp và đứng lên. – Cho phép tôi bắt tay vào việc, thưa đức ông!

– Bắt tay vào việc ngay đi, cầu trời phù hộ cho ông! Ông có thể lấy thêm một cục đá nephrit trong kho, đó là quà của ta cho ông, Ah-Shooch à. Lúc xong việc, mà ta tin là sẽ đúng hạn, ông sẽ được nhận phần lương thực dự trữ trong năm coi như là phần thưởng.

Cúi đầu chào và lẩm bẩm mấy lời cảm ơn, người thợ già rời khỏi nhà thầy thượng tế. Ông đến kho, nơi chứa một số đá, chọn ra 16

viên đá đúng theo yêu cầu. Chúng sẽ được nô lệ của đèn mang về nhà ông. Khi người nghệ nhân già về đến nhà thì đã có đá và chàng rể Tug-Anseng đang ngạc nhiên chờ ông về để hỏi.

Sau khi tắm và ăn xong, già Ah-Shooch kể cho con rể nghe tại sao chàng được bố trí làm việc và họ cần phải làm gì. Chàng rể rất quan tâm đến bức tượng thứ 16 bằng đá hoa cương và suy nghĩ rất lâu về nguyên do tại sao lại phải khác những bức tượng kia.

– Có thể bức tượng này sẽ tạc theo một trong số những người khách lạ mà cả thành Nivannaa-Tracbolai đang thì thào bàn tán. – Cuối cùng thì chàng cho là như vậy. – Nghe nói da họ có màu thật lạ...

– Không lẽ các thầy tư tế lại mang những người lạ ra làm vật tế? – Ah-Shooch cảm thấy hoảng sợ. – Này, suy nghĩ cho kỹ điều con vừa nói. Không lẽ chuyện đó là thật? Tốt nhất là hãy làm việc đi.

Chưa bao giờ trong đời mình người thợ già làm việc tận tụy và nhanh như vậy. Ông ráo riết vẽ bằng mũi chạm, bặt những chỗ lỗi không cần thiết, nhanh chóng hoàn chỉnh khuôn mặt của tượng. Tug-Anseng cần mẫn giúp cha chạm khắc và đánh bóng. Khi công việc gần kết thúc, Ah-Shooch cũng đã kiệt sức, ông xanh xao và gầy rộc hẳn đi.

– Có lẽ đây sẽ là tác phẩm cuối cùng của cha. – Một buổi chiều ông nói với con rể. Ông tiếp tục nói khi thấy dấu hiệu phản đối của nhà điêu khắc trẻ. – Cha rất vui vì trên đời đã có bé Cangah, sau này nó sẽ là người kế nghiệp của cha.

Con hãy bảo bọc nó và Nam-Suc!

Bức tượng thứ 16 do Tug-Anseng làm. Ah-Shooch cho rằng làm trên vật liệu cứng sẽ có ích cho chàng. Bức tượng thật sinh động và khác thường.

Thấy hàng được thực hiện đúng thời hạn, viên chủ tế Anaib-Ungir chép miệng một cách thích thú và bắt đầu xem xét các tượng. Ông tỏ vẻ rất thích chúng.

– Cho ta gửi lời cảm ơn ông lão đáng kính và chúc ông ấy khỏe mạnh, – thầy thượng tế nói với Tug-Anseng khi chàng đem hàng tới, – và nếu ông ấy bị mệt thì phải báo cho ta biết ngay. Cần phải bảo vệ những người tài giỏi như Ah-Shooch. Còn con thì ta rất quan tâm, ta sẽ giao công việc quan trọng cho con đúng thời điểm của nó.

Tug-Anseng đỏ mặt vì vui sướng và bối rối.

– Cảm ơn đức ông. – Chàng thốt lên và cúi chào.

– Không có gì. Tạm biệt!

Những bức tượng này không phải là tác phẩm cuối cùng của lão Ah-Shooch. Sau khi nghỉ ngơi vài hôm và khi thấy mình đã hơi khỏe, Ah-Shooch liền bắt tay vào công việc mới. Từ viên đá da rắn kỳ diệu mà viên chủ tế tặng, ông tạc một pho tượng hình người phụ nữ đang ngồi. Đó là một mệnh phụ phu nhân với y phục sang trọng, tay cầm chiếc gương, nét mặt rất giống Nam-Suc.

– Con thấy không, – ông nói khi đưa cho con gái xem bức tượng đã hoàn thành, – chồng của con không làm cho con trở thành một mệnh bà quý phái, nhưng cha già thì lại làm được. Đừng quên cha nghe con!

Đôi môi nhợt nhạt của người thợ điêu khắc già nở nụ cười nhẹ nhàng, âu yếm và buồn bã.

CHƯƠNG XVIII

CÁI CHẾT CỦA TRACHIL

Sao-Lorenzo. Mexico.

Đây là hồi tưởng về tôi mà tôi để lại cho bạn. Nó sẽ là sức mạnh của bạn.

• “Popole-Vuh”

Trachil không thể có mặt ở điện thờ dòng họ của AhShooch, nơi ấy ông là thầy tư tế của làng, cũng như trong buổi lễ Mehic-Utiar ở nhà người thợ điêu khắc. Đã mấy ngày nay, người tư tế già không đi lại được, những cơn đau ngực và tuổi già sức yếu đã không cho phép ông lão rời khỏi giường. Nhưng ông cấm không cho dân làng TahcumTracang đến thăm ông, kể cả trưởng làng, cấm tất cả, chỉ trừ Tiang.

Vào sáng hôm lễ cô gái dậy sớm và chạy ngay đến chỗ ông lão. Tiang bón cháo cho ông, đặt bầu nước mới bên cạnh giường và hẹn chiều sẽ quay lại. Suốt một ngày mệt mỏi và kéo dài như vô tận, Trachil chỉ có một mình. Ông suy nghĩ về quá khứ và đúc kết về cuộc đời mình. Ông biết thế nào cũng sẽ chết nhưng ông không sợ điều này. Thỉnh thoảng ông nhắc bầu nước lên và cố gắng uống vài ngụm nước sôi. Sau đó ông lại nhìn vào ánh nắng đang chậm chậm chuyển dịch trên bức vách đối diện và ông lại nhắm mắt nằm bất động.

Những hình ảnh tản mạn, riêng lẻ trong quá khứ lướt qua, ghép nối lại thành một bức tranh kỳ quặc. Chàng trai nhanh nhẹn và

cân đối, chính ông thời còn trẻ, lần đầu tiên trong đời được tham gia vào một đám rước long trọng. Mặt trời lúc đó mới rục rỏ làm sao! Chính hôm đó Trachil đã gặp cô gái, người đã để lại hạnh phúc và đau khổ cho tuổi trẻ của ông. Những chiếc răng hơi lớn trắng bóng lên khi cười, cặp mắt long lanh mênh mông nhìn ông một cách chân thành và âu yếm... Đúng, Nghic đã thành người vợ chung thủy của ông nếu như... Ông rùng mình, trước mắt ông hiện lên những hình ảnh xa xôi, thân thể mảnh mai của nàng cứng đờ sau cơn co giật trước khi chết, hai tay dang ra bất lực cùng vẻ đau đớn vô hạn trên khuôn mặt hốc hác. Để đặt Nghic vào mộ, người ta đã phải cột tay nàng lại.

Cơn bạo bệnh diễn ra thật nhanh và thật tàn khốc. Sau này người em trai của Nghic kể lại rằng nàng luôn miệng gọi tên Trachil trong cơn hấp hối, như hy vọng ông sẽ cứu được nàng. Có lẽ chính vì vậy mà ông đã quyết định vào Trường đào tạo Tư tế, ông muốn trở thành thầy lang, muốn mọi người không phải chết như nàng... Ông đã trở thành thầy tư tế, cứu sống nhiều người, nhưng ông vẫn không thoát khỏi căn bệnh mà ông cho là kẻ thù của cá nhân ông.

Việc này ông đành bất lực!

Nghic lại xuất hiện trước mắt ông, vui vẻ, vô tư và sống động... Cô gái trêu chọc Trachil, hắt nước vào mặt ông và cười như nắc nẻ... Tiang rất giống nàng. Vì vậy ông gắn bó với Tiang.

Ông lão khó nhọc thở dài. Số phận Tiang làm ông lo lắng, ông chết quá sớm, ông sẽ không còn giúp được gì cho nàng. Mà liệu còn sống thì ông có thể giúp được gì hơn? Cơn co giật đau đớn hiện lên trên mặt ông lão. Có lẽ không...

Nhưng vẫn có thể, dù sao cũng có thể...

Những bóng đen của quá khứ lại chậm chạp diễu qua trước mắt

ông thành chuỗi dài: cha, mẹ, các anh em, thầy giáo của Trường Tư tế nổi tiếng, những người quen... Biết bao nhiêu người mà ông yêu quý và căm ghét. Ông biết rõ họ... Đây, họ đang đứng trước mặt ông như còn sống, nhưng thực ra họ đã chết từ lâu. Ông sống lâu hơn tất cả, ông quá già, nhưng bây giờ đã đến lượt ông. Thì đã sao, ông sẵn sàng, chỉ cần giúp được Tiang. Phải giúp đỡ Tiang, nhưng ông bất lực. Rõ ràng đây đúng là số phận.

Buổi tối cô gái bước vào nhà. Trachil nằm bất động và lặng lẽ. Cô gái hoảng sợ: không lẽ ông lão đã chết? Tiang vội vàng thổi lửa, cầm đèn bước đến giường, nàng mừng rỡ thấy nhẹ nhõm khi mí mắt lúc đầu tưởng như vô sinh của ông lão bỗng động đậy. Ông lão mở mắt và nhìn chằm chặp vào cô gái đang lo lắng.

– Không, ta còn sống, – ông lão thều thào, – đừng lo! Con ngồi xuống đây và kể cho ta nghe về ngày lễ đi.

Tiang ngoan ngoãn bắt đầu kể chuyện, nhưng rõ ràng là thầy tư tế không để ý đến câu chuyện. Vài phút sau ông lão hỏi:

– Shang có ở đó chứ?

Cô gái bối rối và buồn vì câu hỏi của ông lão. Nàng chỉ kể cho ông lão nghe là Shang đã tiến hành nghi lễ cho xem đồ vật như thế nào, nhưng nàng cố gắng giấu nỗi lo của mình. Tiang trả lời ngắn gọn:

– Vâng, chàng là mecur...

– Tốt! Nghe đây con gái, ta muốn tặng con món quà cuối cùng. Con biết đó, ta không giàu có và trong cuộc đời không bao giờ theo đuổi sự giàu có, do đó đừng mong lão có cái gì đặc biệt...

– Con không cần gì đâu, – Tiang ngắt lời, giọng như muốn khóc, – chỉ mong ông sống lâu với chúng con thôi!

– Không, con yêu quý, điều đó không được. Sáng mai con đến gặp trưởng làng và nói là ta đã chết. Sáng con đừng đến đây, nghe

không, đừng đến. Cứ đi thẳng đến chỗ trưởng làng Tahcum-Tracang. Ta sẽ chết đêm nay...

Nước mắt rơi lã chã nhưng Tiang cố nuốt tiếng nức nở.

– Hãy cố sống cho hạnh phúc, dù số phận có khắc nghiệt đến đâu đi nữa! Con là đứa bé có nghị lực, con có thể vượt qua mọi thử thách, trong cuộc sống của mỗi con người có rất nhiều thử thách. Giờ thì đứng lên và đến bức vách bên trái, ở đó có chiếc túi nhỏ bằng da màu đỏ, tìm lấy nó.

Cô gái vâng lời và sau đó quay lại giường của người sắp chết với chiếc túi. Trachil nhìn chiếc túi.

– Mở ra đi, trong đó có gì không?

Tiang mở túi và lấy ra ba cục nhựa nhỏ màu tối. Nàng lặng lẽ đưa cho thầy tư tế già.

– Quà của ta cho con đó, cất kỹ đi. Nào ai biết, có thể sau hai, ba năm nữa con sẽ cần đến nó... Con có thích loài kiến không?

Lúc đầu cô gái tưởng ông lão mê sảng, nhưng sau đó nhớ ra rằng cha của Shang có tên là Sanic-kiến. Bất giác nàng rút tay khỏi cục nhựa, y như sắp ném đi, và thốt lên:

– Đây là bùa để yểm Shang? Không đâu ông ơi, chàng yêu con lắm mà!

Nụ cười yếu ớt trên đôi môi già tái nhợt.

– Ô không, không phải cho nó. Nếu con bị nguy hiểm đe dọa, – thầy tư tế im lặng, cái im lặng đầy ý nghĩa, – lúc đó con sẽ dùng loại thuốc này. Con bỏ nhựa cây vào nước sôi, thêm một ít mật và để nguội, sau đó rắc vào một ít thịt băm nhỏ, tốt nhất là thịt hươu non hoặc gà tây con. Cần thận đổ thuốc lên vật gì đó, lập tức kiến sẽ đến đây...

– Con cảm ơn! – Tiang nói nhỏ. – Nhưng con không cần loại thuốc khủng khiếp này... Con không cần quà gì hết...

Nàng đặt túi nhựa qua một bên, quì xuống cạnh giường và ôm lấy thân thể già nua khô héo. Tiang run lên vì lo lắng, nước mắt tuôn rơi.

– Đừng đi ông ơi, đừng đi! Không có ông con cô đơn lắm, con sẽ làm gì đây?

– Con sẽ có nhiều việc lắm, con gái à! Lối thoát này rồi ai cũng phải đến... Đừng khóc, và về đi. Ta mệt và cần ở lại một mình. Đừng quên món quà cuối cùng của ta. Con sẽ cần đến nó đó!

Tiang từ từ đứng lên và vụt chạy ra khỏi nhà với chiếc túi. Suốt đêm nàng không chợp mắt và khóc. Theo lệnh của Trachil, sáng hôm sau Tiang đến nhà trưởng làng. Bị đánh thức theo thỉnh cầu của Tiang, trưởng làng Tahcum-Tracang bước ra, nhíu mày:

– Có gì vậy? – Ông nghiêm khắc hỏi.

– Thưa ông, thầy tư tế Trachil sai tôi thông báo cho ông là ông ấy đã chết hồi đêm.

– Ông ấy báo mộng cho cô à? – Già làng quan tâm hỏi.

– Không, thưa ông. Tối qua ông ấy nói với tôi tất cả và ra lệnh cho tôi thông báo cho ông sáng nay.

– Được rồi. – Sau phút im lặng, trưởng làng nói. – Đi làm việc đi!

Quả nhiên người liên lạc của trưởng làng tìm thấy Trachil đã chết. Ông lão chết ngay sau khi Tiang đi khỏi.

Đám tang của viên tư tế già được tổ chức hết sức long trọng. Không những dân làng Tahcum-Tracang yêu mến, kính trọng ông, mà cả người của các làng khác cũng vậy, ông lo lắng cho họ, chữa bệnh cho nhiều người. Trong số những người có mặt, ngoài trưởng làng Hochtung và quan cận thân Tene-Tuvuic, người vẫn chưa quên lời răn dạy của Trachil về ngày Pasung, còn có cả chú lùn Cuocu.

Shang tranh thủ dịp này để gặp mặt Tiang, nhưng cô gái đang

chìm đắm trong đau buồn, nàng không nói gì với Shang cũng như với Cuocu.

Tiang giấu kín món quà cuối cùng của Trachil trong kho thực phẩm.

CHƯƠNG XIX

CỔ GẮNG CUỐI CÙNG

Vùng phụ cận Sao-Lorenzo. Mexico.

Và họ đã thất bại ở chỗ này.

• “Popole-Vuh”

Sự yên tĩnh của Tumeh-Sahing bỗng nhiên bị khuấy động.

Một viên tư tế trẻ của Thần Tâm đất chạy vào điện thờ, hỗn hển thông báo người khách lạ mặt đã chạy trốn. Đó là ngày Acbale, vào giữa tuần trăng đầu tiên của mùa thu.

Cơn thịnh nộ của thầy tư tế già không bút nào tả nổi. Sau tất cả những lễ nghi đã thành công tốt đẹp, ông thấy trước những điều tuyệt diệu và vĩ đại. Người khách lạ đến từ biển sẽ đóng vai trò chính trong buổi lễ long trọng này. Thầy đại tư tế của thần âm phủ đã lơ mờ đoán ra rằng, Suembahamon đến được đây là một điều kỳ diệu, ông ta là cư dân của một miền đất bí ẩn xa xôi bên kia đại dương. Nhưng thầy chủ tế tàn nhẫn và nghiêm khắc không muốn tìm hiểu về người khách lạ, không muốn biết những điều mới.

Ngay lập tức, các phụ tế và những người giữ đền được phái đến mọi hẻm hóc trong kinh thành với mệnh lệnh: tìm bắt và đưa kẻ đào tẩu về lại điện thờ. Ngày đầu tiên việc truy tìm không có kết quả. Lúc ấy Tumeh-Sahing mới dẹp lòng kiêu hãnh, báo cho thầy thượng tế của vùng biết chuyện.

Anaib-Ungir nhăn mặt giận dữ khi nghe tin, nhưng ngài kiềm chế được mình, không quở trách thầy tư tế của đền Thần Tâm đất.

Suy nghĩ giây phút, ngài nói:

– Kẻ đào tẩu không thể đi xa được, hấn không biết ngôn ngữ và phong tục của chúng ta. Hấn sẽ đi ra biển, nhưng một mình hấn thì sẽ không đến biển được. Dân vùng Đất Đỏ không ai giúp hấn đâu. Như vậy hấn vẫn còn đâu đây, có lẽ đang lẩn trốn trong các cánh rừng xung quanh Nivannaatracbolai. Chúng ta sẽ tìm hấn ở đó!

Thầy thượng tế đã đoán đúng vài phần nhưng cũng không đúng một phần.

Sau khi từ điện thờ trong núi trở về, Suembahamon ở trong căn nhà dành riêng cho mình vài ngày. Không ai quấy rầy, mỗi ngày ba lần có một đứa bé mang thức ăn đến cho ông. Viên quan Ai Cập nhận thấy rằng, vào buổi trưa lúc trời nóng nhất thì xung quanh vắng lặng như tờ, ngay cả người gác cũng ngủ gật dưới nắng.

Lợi dụng điều này, đợi cho người gác ngủ say, Suembahamon nhẹ nhàng đi qua và cố ý bước chậm rãi ra cửa đền. Suembahamon nhận thấy các viên tư tế rất sùng bái thần thánh nên ông liền đóng vai một kẻ sùng tín. Ở mỗi gian nhà ông đều cúi lạy, làm như thành tâm cầu khẩn, nhưng đưa mắt lên xem xét xung quanh. Dần dần ông ra đến được cổng lớn và đi ra mà không gặp sự cản trở nào. Kẻ đào tẩu gặp may: xung quanh các ngôi đền, sôi động vào những ngày lễ, giờ đây vắng lặng.

Trước đây Suembahamon đã biết phần chính của thành phố nằm trên đồi cao. Bây giờ ông phải nhanh chóng rời xa kinh thành, tìm cách đi xuống dưới. Suembahamon vô cùng mừng rỡ khi đi chừng được hơn trăm bước, ông thấy sau bức tường là rìa cao nguyên và xa xa là dải rừng sặc sỡ.

Quần áo của Suembahamon đã cũ rách, giờ đây ông mặc chiếc áo khoác của tư tế, rộng và trắng, do đó những người đi lấy nước

và phu khuân vác không để ý đến ông. Ngay cả sau này khi được hỏi, họ cũng chân thật thề thốt rằng không trông thấy ai lạ. Suembahamon vội vã rời khỏi khu trung tâm, nhanh chóng ra ngoài thành.

Đúng như thầy thượng tế dự đoán, người khách lạ đã trốn vào rừng và ẩn mình trong đó. Viên quan Ai Cập bước nhanh qua những con đường đầy bụi, bỏ qua hai làng nhưng vẫn chưa đến rừng. Trời tối, trên cao xuất hiện những đám mây bông nhỏ – dấu hiệu của cơn mưa sắp kéo đến.

Suembahamon mệt lử, cơn khát đang giày vò ông.

Cuối cùng trước mặt đã xuất hiện bức tường cây cao ngất. Một dòng suối nhỏ chảy róc rách, người khách lạ khoan khoái uống, rửa mặt bằng nước mát lạnh và đi vào rừng.

Là người thành thị, Suembahamon hình dung rừng của vùng Đất Đỏ cũng giống như khu vườn trong khu nhà của ông ở Ai Cập, hoặc là những rừng sồi mà ông đã thấy ở Cart-Hadasht. Ở đây, mặc dù là chưa phải rừng rậm nhiệt đới, nhưng nó hoàn toàn khác hẳn. Vượt qua những bụi cây rậm, vị quan Ai Cập khó nhọc len lỏi giữa những thân cây bám đầy dây leo chằng chịt. Trong rừng hoang ông không thể tìm được chỗ đặt chân. Mỗi bước đi đều phải nỗ lực. Ẩm ướt làm khó thở, mùi cây ngậy ngất làm Suembahamon chóng mặt.

Cuối cùng ông cũng tìm được chỗ nghỉ chân: một cây cong lớn gãy khúc như bị đổ, tạo nên chỗ ẩn như một căn lều. Bẻ cành cây, Suembahamon làm thành chiếc giường cạnh gốc cây và nằm nghỉ.

Ở vùng nhiệt đới bóng tối đến rất nhanh. Cùng lúc với bóng đêm, mưa cũng bắt đầu rơi trên cành lá. Cái cây – lều bảo vệ cho kẻ đào tẩu được một lúc, nhưng mưa vẫn không ngớt và dần dần chiếc áo khoác bằng vải bông ướt đẫm, dính vào người ông đến khó

chịu. Viên quan Ai Cập buồn rầu nghĩ đến những bộ quần áo dày bằng len mà ông thường mặc ở nhà.

Bóng đêm bỗng ngập đầy những âm thanh ma quái.

Tiếng chim đêm xa lạ rúc lên. Hình như có con thú gì xông qua rừng từ phía phải – heo rừng? Có cái gì đó sột soạt ngay bên cạnh – rắn? Suembahamon co rúm người, chân rụt lại. Hoàn toàn đơn độc, khó chịu và khủng khiếp, lúc thì Suembahamon thiếp đi trong cơn buồn ngủ chốc lát, lúc thì ông ngồi bật dậy với trái tim đau buốt.

Trời sáng, mưa đã tạnh, nhưng gió lại nổi lên. Cuối cùng kẻ đào tẩu cũng chìm vào giấc ngủ mệt mỏi. Khoảng hai giờ sau ông tỉnh dậy, người lão đảo, bụng đói cồn cào. Giờ đây nhìn những đám mây đen nặng trĩu bay vùn vụt trên ngọn cây, viên quan Ai Cập cảm thấy sự vô nghĩa và vô vọng của cuộc chạy trốn. Dù ở đây không có chó săn đánh mùi và dẫn người đuổi theo ông, nhưng sớm muộn gì ông cũng bị bắt lại. Ở trong rừng ông sẽ chết đói... Suembahamon nhìn quanh, ông không biết một thứ cây nào ăn được hết! Ông còn nhớ là trong làng nhỏ ven biển ông được ăn một loại quả lê mọng nước và rất ngon. Nhưng tìm quả đó như thế nào nếu không biết nó, nó có trong rừng không, nó ở trên cây hay trong bụi?

Toàn thân đau nhức, đầu thì nặng trĩu, nhưng Suembahamon phải đứng dậy và cẩn thận bước ra phía bìa rừng. Lá cây ướt đầm lại dội nước xuống người ông. Ra khỏi rừng ông dừng lại để thở và định vắt khô quần áo. Đói và lạnh đã đưa ông trở về cảm giác trong ngôi nhà an toàn ở đền Thần Tâm đất, trở về với những chiếc bánh ngô nóng hàng ngày. Suembahamon hiểu rằng ông không thể đi xa được. Trong màn sương sớm, những quả đồi của kinh thành hiện lên mờ mờ. Phải đi thôi, ông lê bước mà không biết đi đâu, vừa né tránh các làng mạc, vừa nghỉ mệt trong những chỗ trú tình cờ. Cuối cùng cái đói đã thắng tất cả những ham muốn, Suembahamon quyết định: lê bước ra ngoài đường và đứng đợi.

Phía xa xuất hiện một bóng người đi rất nhanh. Viên quan Ai Cập liền cất tiếng kêu và lao về phía người ấy, ông quì xuống, hai tay vươn ra với dáng điệu cầu khẩn.

Shang dừng lại, ngay sau đó nỗi sợ hãi trên mặt chàng nhường chỗ cho sự bối rối. Chàng ngạc nhiên nhìn mặt người lạ: da vàng, mũi dài và cằm nhọn. Đặc biệt đôi mắt thất thần đã làm chàng sợ hãi. Xét về quần áo, trước mặt chàng là một thầy tư tế, nhưng các thầy tư tế lúc nào cũng sạch sẽ, còn người này thì đầy đất, quần áo rách nát. Mà thầy tư tế thì có bao giờ quì trước mặt thường dân.

Shang nhớ lại các câu chuyện về những người lạ mặt bị cơn bão đưa đến, họ là khách của vua vùng Đất Đỏ. Còn người này từ đâu ra, chỉ một mình, không có ai đi kèm?

Suembahamon vẫn quì và nói:

– Ô, chàng trai tốt bụng, hãy giúp đỡ kẻ đói mệt này! Hãy sưởi ấm hắn bằng trái tim nhân hậu của chàng, bằng tia nắng rực rỡ của thần Ra! Cho tôi được nghỉ cạnh lò lửa, cho tôi được ăn!

Viên quan Ai Cập không hiểu rằng mình nói bằng tiếng Ai Cập là thứ tiếng xa lạ đối với chàng trai này.

Giờ đây chàng trai đã chắc rằng, trước mặt mình là một người lạ. Nhưng ông ta muốn gì? Thấy chàng không hiểu, người lạ lấy tay chỉ vào miệng và bắt đầu cắn.

Ông ta muốn ăn, – Shang nghĩ, – thì đi với ta, mẹ ta sẽ cho ăn. Không biết người này có ăn được thức ăn của mình...

Shang đỡ người khách lạ đứng dậy và dẫn đi. Được vài bước, Suembahamon bỗng dừng lại, chỉ tay về phía kinh thành và lắc đầu.

– Tôi không muốn về đó, chàng trai tốt bụng à, ở đó tôi không được yên. Hãy giấu tôi ở chỗ vắng người và cho tôi thức ăn... – Ông nói nhanh.

Shang hiểu những dấu hiệu theo kiểu của mình, nhưng gần đúng sự thật.

– Ông ta không muốn về Nivannaa-Tracbolai, rõ rồi. Mình sợ là ông ấy đã vi phạm điều cấm. Tiếc là già Trachil đã mất! Ông ấy sẽ hiểu là cần phải làm gì. Nhưng già luôn dặn là phải giúp đỡ người cầu xin...

Chàng trai cố gắng giải thích là họ không đi về kinh thành mà về nhà trong làng. Suembahamon hiểu được, ông yên tâm và im lặng đi theo Shang.

Ngôi nhà của bà Osh-Tro nằm ngay bìa làng, không ai nhìn thấy người khách lạ được đưa vào nhà. Bà Osh-Tro đang bận rộn cạnh lò lửa, bà khẽ kêu lên khi thấy người lạ bước vào.

– Khẽ chú mẹ! – Shang đề nghị. – Người khách lạ này cần được ăn và sợ bị nhìn thấy. Chúng ta phải cho ông ta ăn.

Mẹ nấu nhanh lên!

Chàng trai bắt vị khách cởi áo ướm ra và đưa cho ông quần áo cũ của Tug-Anseng. Nửa giờ sau khách đã khoan khoái ngón ngấu bánh ngô nóng và xúp đậu. Mệt lử và ấm áp, ăn xong ông đứng dậy trình trọng cúi người cảm ơn bà Osh-Tro và sau đó là Shang. Chàng trai chỉ chiếc giường của mình. Không cần mời lần thứ hai, Suembahamon ngã xuống giường và lập tức chìm vào giấc ngủ say. Bà Osh-Tro cùng con trai nhẹ nhàng bước ra khỏi nhà.

– Làm gì với ông ta bây giờ? – Người mẹ hỏi. – Ông ấy yếu như một đứa trẻ. Con đã tìm thấy ông ấy ở đâu thế?

Shang kể lại cuộc gặp gỡ và đề nghị chưa vội nói cho ai biết việc này. Chàng dự tính sẽ gặp Tug-Anseng để hỏi ý kiến, còn bây giờ chàng phải ra đồng.

Năm ngày sau Tumeh-Sahing gặp viên chủ tế. Lần này viên chủ tế của Thần Tâm đất bình thản và tự tin tuyên bố:

– Kẻ đào tẩu không thể trốn trong rừng. – Ông nói. – Ở đó không có thức ăn. Ngoài ra những cánh rừng gần đây đã được lục soát kỹ. Tức là hoặc hấn đã chết, hoặc đã có phép màu nào đó mà chúng ta không biết. Cũng có thể hấn đã về được xứ sở của hấn...

Thầy thượng tế cười mỉa:

– Thế điều gì ngăn cản hấn thực hiện việc ấy?

– Có thể hấn đã tìm được loại cỏ thần nào đó. – Thầy tư tế già ngờ vực nói.

– Không, ta nghĩ đơn giản hơn. Ta nói hấn trốn vào rừng, ta công nhận là không đúng. Nhưng có người dân thường nào cho hấn ở không? Bởi vì chúng ta giữ kín chuyện người lạ đã trốn chạy. Bây giờ đây chúng ta phải thông báo cho các làng về việc này. Ai tìm được hấn sẽ có thưởng xứng đáng.

Shang đã mắc sai phạm không thể tha thứ được. Chàng không gặp người anh và cũng không nói gì với Tiang vì không muốn làm người yêu lo, nàng đã quá đau buồn vì cái chết của Trachil.

Những lúc rảnh rỗi chàng trai đều đến với người khách lạ, cố gắng tìm hiểu thứ ngôn ngữ kỳ lạ này. Suembahamon đã biết gọi tên Shang, còn chàng đã học được gần trăm từ Ai Cập: “thức ăn”, “giấc ngủ”, “nước”, “rừng”... Họ vẫn chưa nói chuyện được với nhau, nhưng viên đại thần thành Fiva cứ nói bằng tiếng Ai Cập những thứ đồ mà Shang chỉ, sau đó kiên trì lặp đi lặp lại cách phát âm của chàng trai. Những khái niệm trừu tượng và động từ thì khó hơn. “Đi”, “nằm”, “bơi” còn có thể chỉ bằng động tác, nhưng những từ “Nguồn gốc quý tộc” thì rất khó giải thích. Những buổi học sinh động đã làm họ gần nhau hơn.

Suembahamon không còn nghĩ đến tương lai. Ông thấy tốt và hy vọng rằng các thầy tư tế đã quên ông. Viên quan Ai Cập cho rằng những sự quan tâm của bà Osh-Tro và Shang là dĩ nhiên.

Nhưng việc người lạ đến nhà Shang không phải là không có người biết. Chàng trai và bà mẹ không nghe thông báo của Anaib-Ungir, nhưng đã có người lập tức thi hành theo thông báo đó.

Trời gần tối, khi ba người trong nhà đang ăn cơm, Tumeh-Sahing bỗng xuất hiện, sau ông là cả tá người hầu ở đền thờ.

– Bắt lấy kẻ lạ mặt! – Thầy tư tế của Thần Tâm đất ra lệnh.

Những người hầu tóm lấy Suembahamon. Shang bèn lao vào giải vây và bị quật ngã xuống sàn nhà.

– Hãy đốt căn nhà này cùng những kẻ tội lỗi! – Viên tư tế ra lệnh.

Những người hầu lôi vị khách Ai Cập đi, một số khác nhanh nhẹn trói bà Osh-Tro và Shang lại, cả hai lúc đó đang chờ người vì sợ hãi.

– Dừng lại!

Bỗng nhiên, thượng tế Anaib-Ungir lực lưỡng xuất hiện. Ông giận dữ vừa nói vừa chỉ tay:

– Không được động đến bà ấy và chàng thanh niên kia!

Quay về phía thầy tư tế của Thần Tâm đất, thầy thượng tế nói một câu gì đó mà không ai hiểu được.

Khuôn mặt đang phùng phùng tức giận của Tumeh-Sahing bỗng tái xám, ông hoảng sợ liếc nhìn Shang và cúi đầu. Người hầu bèn đặt Suembahamon đang rên rỉ lên kiệu và nhanh nhẹn khiêng đi. Tumeh-Sahing vội vã theo sau, đầu vẫn không dám ngẩng lên.

Thượng tế Anaib-Ungir cởi trói cho Shang và không nhìn người phụ nữ, rồi oai vệ bước ra khỏi căn nhà.

NHỮNG ĐỈNH NÚI TRÊN ĐẢO USOKITOC-PETENG

La-Venta. Mexico.

*Và khi ấy họ bắt đầu tế thần... Tất cả các đức ông của Shibalba
say sưa cảnh tượng này.*

• “Popole-Vuh”

Làn gió nhẹ và nóng làm lay động những cây sậy cao màu vàng. Từ xa cảnh tượng giống như những đợt sóng dài chạy trên cây cỏ. Các thầy tư tế và những người phục vụ bao quanh Suembahamon, đoàn người đi trên đầm lầy mênh mông đã vài giờ. Con đường mòn ngoằn ngoèo lúc thì chạy dọc bờ một hồ nước nhỏ, lúc thì dọc theo những mô đất nhô ra khỏi đám rêu màu nâu đỏ, khi thì vòng theo những tiểu đảo của đất liền. Dù đang buồn rầu, nhưng viên quan Ai Cập cũng nhận thấy, bình nguyên lau sậy mênh mông này chẳng giống vùng rừng châu thổ trên dòng Hapi thân yêu của mình. Ngay cả bầu trời ngập nóng ngọt ngào ở đây cũng có màu xám ảm đạm chứ không xanh ngút ngàn như ở Ai Cập.

Tinh thần của Suembahamon đã suy sụp, ông không muốn gì cả, ông chỉ muốn được yên tĩnh. Những cuộc phiêu bạt liên miên trên miền đất lạ đã lơ mơ làm ông nhận thức được rằng, những hy vọng trước đây của mình đều vô ích. Ông không hiểu được gì cả, không ai có ý muốn nói chuyện với ông, họ chỉ ra hiệu cho ông phải làm gì. Xứ sở mà ông đã lạc vào, dân ở đây và cả những hành động

của họ tất cả đều xa lạ và khó hiểu đối với ông. Chỉ có người thanh niên mà ông đã gặp trên đường chạy trốn, là tốt bụng, chỉ có người này là muốn giúp ông và muốn biết về ông. Nhưng tại sao những ông thầy tư tế dã man này lại trừng phạt Shang và mẹ của chàng vì lòng tốt của họ!

Tất cả ở đây đều bất thường, đều kỳ lạ. Lúc đầu ông và người tài công già Irinefer được ngồi kiệu, còn giờ đây ông bị xua đi như con bò thiến kiệt sức, đói rách tả tơi. Đi đâu? Để làm gì?

Suembahamon thường suy nghĩ đến sự kỳ lạ của xứ sở này. Dụng cụ làm việc của họ đều làm bằng đá, cả dao và mũi giáo cũng bằng đá giống như loại thủy tinh tòi của người Phinic. Kim loại, ngay cả đồng thường chứ đừng nói gì đến đồng thau hoặc sắt, họ không hề biết đến. Còn vàng? Chính mắt ông đã thấy trên núi, dưới đáy suối trong vạt nơi họ tạm dừng chân, có nhiều hạt vàng tự nhiên sáng lóa. Ông đã lao đến để nhặt những hạt quý, hơi thở trở nên hỗn hển vì lòng tham đang trỗi dậy. Hy sinh vạt áo, ông gói kho báu lại và mang theo. Những kẻ xung quanh nhìn ông như nhìn một kẻ man rợ ở sa mạc Libi... Không, ở đây họ không biết giá trị của vàng! Ông thích thú ôm chặt những viên đá vô bổ như một đứa trẻ. Nhưng lão thủ lĩnh gầy còm đã bước đến, lão giật lấy gói đá quý, xem xét và vung tay ném kho báu xuống vực. Nghe tiếng la của người Ai Cập, những người xung quanh cùng cười hô hố. Thật là một bọn man rợ, bọn thô鄙 và ngu ngốc làm sao! Cái duy nhất họ quý là những viên đá màu lục, không phải ngẫu nhiên mà những nhân vật quan trọng đều đeo chúng. Nếu như ông có ở đây những viên ngọc thạch, những mẫu đá khổng tước đã chìm sâu dưới đáy Ngoại hải..., có thể nhờ những viên đá đó mà ông sẽ mua được tự do cho mình, sẽ trở thành vị quan đại thần quyền quý ở đây?

Nỗi buồn xa xứ lại xâm chiếm lòng ông. Không, ông không cần

tài sản gì ở đây, không cần gì hết, chỉ cần trở về Kemet thân yêu! Ở nơi đó mới sung sướng làm sao! Trong nỗi buồn nhớ khôn nguôi Suembahamon bỗng đọc thăm bài thơ:

*Ta bất lực chỉ còn tay trắng,
Bởi vì tim không ở chỗ ban đầu.
Pta oi hãy đến,
Đưa ta về Memfis thân yêu.
Cho ta được ngắm người mãi mãi,
Suốt cả ngày tim rộn ước mơ.
Trong ngực ta không còn tim nữa,
Bệnh tật gặm mòn cơ thể của ta.
Ta đã điếc, mắt không nhìn thấy được,
Giọng của ta méo mó, khàn khàn.
Hãy chỉ đường, ta sẽ đến nơi đâu...*

Tên đầy tớ của đền đi bên cạnh Suembahamon vừa ghé tởm vừa lo sợ liếc nhìn ông: tên này lại lắm bảm những câu thần chú của mình. Nhưng vô ích thôi! Cầu Thần Tâm đất vĩ đại, khủng khiếp và hùng mạnh, ba lần hùng mạnh! Thần sẽ chiến thắng mọi thần dù cho bọn chúng mạnh đến đâu đi nữa!

Xa xa xuất hiện một khối màu lục, vươn cao lên trên đường chân trời bằng phẳng màu xám và đám lau sậy màu vàng. Khi lại gần người ta thấy rõ những tán cây lớn, ở giữa nhô cao một đỉnh núi màu đỏ rực. Chắc chắn đây là hòn đảo dài phủ đầy cây cối. Tim người Ai Cập đập mạnh. Một niềm hy vọng mong manh xuất hiện: “Nỗi đau khổ của ta sẽ được kết thúc nơi đây và ta sẽ được bình yên...”.

Bất ngờ giữa đám lau sậy một dòng sông lững lờ xuất hiện, mặt sông óng ánh màu bạc. Bến sông được đóng tạm bằng những tấm

gỗ, dưới nước là mười chiếc thuyền độc mộc đang đậu. Suembahamon và Tumeh-Sahing được đưa lên một chiếc thuyền có hai người hầu cầm chèo. Những người còn lại leo lên các thuyền kia. Người thủ lĩnh ra hiệu và đoàn thuyền xuôi dòng.

Thuyền bơi không lâu, khoảng một giờ sau đến đảo mà trước đó người Ai Cập đã nhìn thấy. Hòn đảo chia sông thành hai nhánh nhỏ. Mọi người lên bờ và đi theo con đường đầy cát hồng. Hai bên đường những cây cổ thụ khổng lồ vươn cao, chằng chịt dây leo và phủ đầy rêu xù xì. Tất cả bước đi trong cảm lạnh y như sợ quấy rầy những cư dân huyền bí ở đây. Viên quan thành Fiva chợt nhớ lại câu chuyện cổ về hòn đảo thần mà một nạn nhân đắm tàu đã dạt vào đó, ông nghĩ: “Không biết rấn có râu mình phủ đầy vàng và ngọc xanh có xuất hiện hay không?”.

Sau hai trăm bước chân, Suembahamon nhìn thấy đỉnh của ngọn núi đỏ từ xa và con đường đang đưa mọi người đến đó. Khi đến gần, đường nét của ngọn núi rõ hơn. Viên quan Ai Cập mới biết rằng, đây không phải là ngọn núi bình thường như ông đã nghĩ lúc đầu, mà là một ngọn núi nhân tạo khổng lồ. Những hào sâu và bờ cao lần lượt nối nhau chạy dài từ đỉnh đến chân núi. Công trình này giống như bông hoa loa kèn khổng lồ có miệng loa úp xuống đất.

Cuối con đường là một bãi đất rộng rãi đầy cát hồng nhỏ. Tượng đài bày khắp nơi: những phiến đá phẳng có tạc hình các vị thần, những tảng đá lớn giống như bàn thờ trong các ngôi đền ở Ai Cập; có những bức tượng thật cầu kỳ. Quanh bãi đất là rừng rậm, mà ngọn núi đỏ vượt cao lên trên các ngọn cây.

Suembahamon hiểu rằng mình đang bị đưa đến một đền thờ nào đó và ông buồn bã chờ đợi một nghi lễ mới. Ông còn phải chịu bao nhiêu lần tẩy rửa nữa đây? Ngoài ra ông còn nhớ, tất cả những hành động của đám người này chẳng lần nào kết thúc một cách tốt

đẹp cả, khi thì Irinefer bị tác động xấu của thuốc, khi thì ông bị bỏ trong hang động ngầm. Không, dứt khoát lần này ông sẽ không ăn, không uống, chừng nào chưa rời khỏi cái xứ quái quỷ này.

Các thầy tư tế xung quanh vượt lên trước Suembahamon vài bước và rẽ qua một bên, buộc người khách phải đi theo họ. Họ dừng lại, tách ra nhường lối. Suembahamon nhìn thấy điều làm lòng ông sống lại hy vọng.

Phía trái bãi trống có sáu cây nhỏ và cao, được chôn chặt vào đất, chúng được trang trí một rãnh kỳ quặc và sơn màu rực rỡ. Đứng trước những cây cọc là một người đàn ông vai rộng. Trên người ông không có thứ gì ngoài chiếc khố đơn giản. Ông ta chăm chú nhìn Suembahamon một lát và viên quan Ai Cập đã nhớ ra là đã thấy người này, ông ta là người đầu tiên đi qua than đở. Có thể đây là vị lãnh chúa hoặc là thầy thượng tế. Chẳng lẽ ông đã không còn bị ruồng bỏ; và những chủ nhân của xứ sở này, cuối cùng, cũng đã nhận ông vào tầng lớp của họ? Nếu vậy thì ông phải tỏ lòng cảm ơn! Và thế là ông bắt đầu nói nhanh những lời chúc tụng. Trong bầu không khí yên lặng xung quanh, tiếng của ông trở nên yếu ớt, ngượng ngập và đầy vẻ nịnh hót. Theo hiệu lệnh của người đứng trước mặt mình, viên đại thần Fiva liền nín lặng.

Thượng tế Anaib-Ungir đứng yên, hai tay chấp sau lưng. Từ sau cây gỗ một người hầu bước ra, kính cẩn đưa cho ông này chiếc giỏ nhỏ. Anaib-Ungir đặt giỏ xuống chân, cúi xuống và từ từ lấy ra sáu chiếc rìu màu xanh lục được đánh bóng loáng. Trên bề mặt nhẵn bóng nổi rõ những hình chạm khắc. Suembahamon chú ý nhìn những động tác bí ẩn của vị tu sĩ. Vẫn đứng yên, thầy thượng tế cắm rìu vào cát mềm, lưỡi chìa lên trời, xếp thành hình bán nguyệt.

Suembahamon nhận thấy những chiếc rìu được cắm đúng theo vị trí các cọc gỗ. Điều này là gì vậy?

Những bức tượng đá tạc hình người trong giỏ được lấy ra. Các tượng đều giống nhau, chỉ khác màu do vật liệu. Ở phía trái hàng rào từ các chiếc rìu, Anaib-Ungir cầm ba bức tượng trắng, lùi lại một chút là năm bức tượng màu lục xám. Sau đó ông đi về phía phải của các bức tượng, ở đó có bốn bức tượng bày thành hình bán nguyệt, trong số đó chỉ có một bức tượng trắng. Tiếp theo là hai bức tượng: một màu lục xám và một hầu như xanh dương. “Không, chẳng lẽ tượng này làm bằng lam ngọc? – Ông ngạc nhiên: – Sao ở đây lại có loại đá quý này? Mình chưa bao giờ thấy họ có loại đá nào giống lam ngọc!”. Thầy thượng tế bố trí các bức tượng để chúng hướng về trung tâm bãi trống, như đang chờ đợi điều gì.

Sau cùng, Anaib-Ungir bước vào khoảng trống ở giữa, cẩn thận rút ra một bức tượng đá màu trắng phớt hồng và đặt vào tim. Thầy thượng tế nhớ lại lão già, Ah-Shooch đã tạc tượng này và quả thực, nó giống hệt ông đến nỗi ngay cả người lạ cũng nhận ra. Bức tượng giống Anaib-Ungir được đặt vào vị trí trông sang bức tượng giữa của nhóm phải, tức là vào chỗ của Tumeh-Sahing đang đứng.

Các tượng cuối cùng được lấy ra khỏi giỏ, nó được làm bằng đá hoa cương màu hồng thẫm, bề mặt nhám xù xì. Viên quan Ai Cập bất gặp vài ánh mắt tò mò đang nhìn về phía mình, hình như các thầy tư tế đang so sánh tượng này với người khách lạ, ông phát hoảng. Nhưng đây là buổi lễ gì nhỉ?

Thầy thượng tế đặt bức tượng bằng đá hoa cương kế bên chiếc rìu ở giữa. Tượng quay lưng về phía ông ta và mặt thì hướng về những tượng khác, y như chúng chăm chú ngắm nhìn sân khấu đang mở ra trước chúng. Cuối cùng Anaib-Ungir đứng lên, hài lòng nhìn quang cảnh đã bài trí. Ô, tác phẩm cuối cùng của già Ah-Shooch cũng đã thành công không kém những tác phẩm trước! Ông lão này quả là một nghệ sĩ tuyệt vời!

Theo hiệu lệnh của thầy thượng tế, tất cả lùi lại mấy bước về

phía các cọc gỗ. Ai đó nhẹ nhàng, nhưng kiên trì kéo người Ai Cập theo mình và đặt lưng ông vào cây cọc giữa. Cạnh đó là Anaib-Ungir, những người khác đứng thành hình bán nguyệt cạnh họ. Thầy thượng tế quay nghiêng người, hướng về phía Tumeh-Sahing:

– Thần Tâm Đất vĩ đại đang chờ hiến tế! Bắt đầu!

Tumeh-Sahing rút con dao dài đeo ở khố ra và chậm chậm bước đến gần con người từ đại dương đưa tới.

Đến lúc này Suembahamon đã hiểu, những hình nhân xung quanh và lưỡi dao trong tay thầy tư tế đã nói lên việc gì sẽ đến. Nỗi kinh hãi, ghê tởm lẫn căm thù lóe lên trong lòng. Chúng đưa ông làm vật tế! Irinefer bị bỏ trong lòng đất, còn ông là người khách lạ quan trọng và quyền quý hơn nên mới phải đưa đến đây, ở điện thờ chính để tế lễ. Vị quan Ai Cập diên tiết nhìn xung quanh. Những quái thai của thần Set đang nhìn ông một cách thèm khát, không một dấu hiệu nào của sự thương xót hoặc thông cảm. Ta muốn sống! Tại sao lại giết ta? Tại sao?

Tumeh-Sahing bắt đầu bước đến và đưa tay lên làm một động tác quen thuộc: rạch lồng ngực vật tế. Đến đây trái tim già cỗi, mệt mỏi của Suembahamon không còn chịu đựng được nữa, một cơn đau dữ dội bỗng xuyên qua ngực ông. Viên quan Ai Cập đưa tay trái run rẩy đặt vào chỗ trái tim và ngã xuống.

Tumeh-Sahing đứng sững người vừa ngạc nhiên vừa buồn bã vì chưa kịp đâm! Thế này là thế nào? Đám đông luống cuống nhìn thầy tư tế của Thần Tâm đất và xác chết dưới chân ông. Thần đã không chịu nhận vật cống?

Giọng nói của thầy thượng tế đã phá tan sự yên lặng nặng nề:

– Hãy kính cẩn và run sợ trước phép mầu của Thần Tâm đất vĩ đại! Tất cả hãy xem!

Anaib-Ungir chỉ vào khuôn mặt vẫn còn nét kinh hoàng trước cái chết của Suembahamon.

– Thân đã nhận lễ vật và đã để lại dấu ấn của mình trên đó.

Các thầy tư tế lần lượt quì xuống.

NHIỆM VỤ MỚI CỦA TUG-ANSENG

Sao-Lorenzo. Mexico.

Không dễ gì tạo được gương mặt của Hun-Ahpu, nhưng nó đã được làm tuyệt hảo...

• “Popole-Vuh”

Từ những đám mây đen dày che kín bầu trời, mưa xuân tuôn đổ thành dòng như thác. Năm nay các vị thần nước thật hào phóng, tất cả đều báo trước mùa này bội thu.

Tug-Anseng ngồi ở phòng ngoài và đang ngắm bức tượng “Hài nhi đang khóc”. Cha vợ của chàng quả là một nghệ nhân vĩ đại! Sự yếu ớt của sinh vật nhỏ bé cùng niềm tin vào sự bảo vệ toàn năng của đôi tay người mẹ, thật xúc động trái tim biết bao! Ah-Shooch mất cách đây một tháng, ông ta đi lặng lẽ như một ngọn đèn cạn dầu. Sự ra đời của đứa cháu và công việc làm gấp cho thầy thượng tế là sức sống và năng lực cuối cùng của đời ông.

Cả gia đình phải gánh chịu sự mất mát ấy một cách nặng nề. Nam-Suc lang thang trong nhà như một chiếc bóng, nàng hốc hác, ủ rũ và câm lặng. Công việc đối với Tug-Anseng trở nên vô nghĩa, ngay cả bé Cangah dường như cũng trở nên lặng lẽ và buồn bã, như hiểu rằng không bao giờ nó còn được thấy ông ngoại nữa.

Tug-Anseng gửi tặng tác phẩm cuối cùng của Ah-Shooch, pho tượng Nam-Suc, cho điện thờ của đảo Usokitoc-Peteng. Không hiểu sao chàng cảm thấy bức tượng này, kiệt tác của người nghệ

nhân già đã mang lại bất hạnh cho gia đình chàng. Trong số tất cả những tác phẩm của nhà điêu khắc chỉ còn lại bức tượng hài nhi, giờ đây chàng điêu khắc trẻ thường ngắm bức tượng và lại ngạc nhiên về nghệ thuật kỳ diệu của người quá cố.

Một người học trò của Ah-Shacan xuất hiện ở cửa, khắp người ướt đầm. Chàng giũ quần áo và khi thấy Tug-Anseng, chàng niềm nở nói:

– Thầy trưởng quản điêu khắc gọi anh!

Chàng thợ cả ngạc nhiên đứng dậy, gạt đầu dặn dò NamSuc và bước ra. Dọc đường Tug-Anseng cố tìm hiểu lý do của cuộc gọi bất ngờ này, nhưng chính chàng học trò này cũng không biết gì.

Thầy trưởng quản điêu khắc niềm nở đón Tug-Anseng, thậm chí còn dịu dàng nữa. Ông hỏi thăm người cha trẻ, hỏi bé Cangah có khỏe không, Nam-Suc như thế nào, sau đó mới nói:

– Trưa mai con hãy đến chỗ thầy thượng tế.

Tug-Anseng hiểu rõ nguyên tắc này: hỏi thăm người lớn tuổi hơn mình, mà lại là bề trên, là không được phép. Nhưng chỉ thị này của Ah-Shacan có vẻ bất thường, do đó chàng không giấu được vẻ ngạc nhiên. Thầy trưởng quản thú nhận:

– Ta cũng không biết điều gì hơn, không đoán ra được. Có thể ngài Anaib-Ungir muốn giao cho con tác phẩm mới nào đó bằng đá nephrit. Ông ta rất quý ông Ah-Shooch, còn chiếc rìu do con làm, ông ấy rất thích...

– Nhưng con làm tượng đá lớn đã lâu rồi, thưa thầy, – Tug-Anseng phản đối, – và ngài thượng tế biết rõ điều này mà.

– Tất nhiên là biết. Ông ấy luôn biết mọi việc. Nhưng lần cuối, khi ngài Anaib-Ungir giao cho ông già Ah-Shooch làm các bức tượng thì con là người giúp việc.

– Mà những bức tượng đó được đưa đến đền thờ nào vậy? – nhà

điều khắc trẻ quan tâm hỏi.

Ah-Shacan nhún vai:

– Ta không biết. Các thầy tư tế hiếm khi nói cho chúng ta biết số phận của những đồ vật mà chúng ta làm ra. Có lẽ dùng cho một bàn thờ nào đó... Có thể năm tháng trôi qua cho đến khi một người nào đó trong chúng ta sẽ thấy chúng. Và cũng có thể không bao giờ thấy được... Ngày mai con đến chỗ thầy thượng tế, nếu có thể, sau này con sẽ kể cho ta nghe ông ấy cần con làm gì.

Trên đường về Tug-Anseng suy nghĩ về mục đích cuộc gặp ngày mai, nhưng chàng không tài nào đoán được gì.

Mùa mưa sắp hết. Ngày hôm sau người thợ điêu khắc trẻ đến nhà thầy thượng tế, sau khi báo cho người hầu biết là mình đã đến và đang ngồi chờ ở lối vào. Tug-Anseng ngạc nhiên vì chàng được gọi rất nhanh, chỉ sau khoảng nửa giờ. Thầy tư tế Anaib-Ungir gật đầu đáp lại chàng trai đang cúi gập người, ông chăm chú nhìn chàng thợ điêu khắc. Chàng trai cố giấu sự tò mò, ngược nhìn thầy thượng tế: lực lưỡng như thân cây gụ, cái cổ và gương mặt bình thản bất động, cặp chân mày cong và rậm, đôi mắt lạnh lùng, đôi môi mím chặt cứng ngắc, chiếc mũi khoằm của loài thú dữ có đường nét mạnh mẽ – tất cả dường như được tạc từ loại đá bazan đặc biệt màu sẫm. Thân hình hộ pháp ở trần bị những nếp mỡ ở ngực và bụng làm xấu đi. “Mẫu người oai vệ quá, – người thợ trẻ thầm nghĩ – đây là con người mà mình sẵn sàng tạc vào đá”.

Vị chủ tế Anaib-Ungir cất lời sau phút im lặng, giọng ngai kẻo dài:

– Người là học trò của nghệ nhân Ah-Shooch nổi tiếng và là con rể của ông ấy, đúng không?

– Đúng vậy, thưa đức ông! – Tug-Anseng trả lời.

– Những bức tượng của các người thật là tuyệt. – Nét mặt của

thầy thượng tế lộ vẻ mơ màng và thỏa mãn.- Và chúng đã hoàn thành tốt công việc linh thiêng được giao. Còn bức tượng “Người đàn bà quý phái cầm chiếc gương soi” đã được đưa đến đảo Usokitoc-Peteng mới đây là do Ah-Shooch hay người làm?

Một nỗi sợ hãi khó hiểu xuất hiện trong lòng Tug-Anseng. Ông Ah-Shooch đã tạc tượng Nam-Suc trong tác phẩm cuối cùng của đời mình. Không biết con người nguy hiểm này muốn gì?

– Đó là tác phẩm cuối cùng của cha vợ con, – chàng trả lời, cố giữ giọng bình thản, – và cả bức tượng cũng do ông ấy làm, con chỉ phụ đánh bóng thôi. Con không phải là thợ đá nephrit.

– À! Nhà tạc tượng Tug-Anseng, người có biết bức tượng quý bà này được làm theo mẫu người nào đó, mô tả ai hay chỉ là sự tưởng tượng của Ah-Shooch?

– Đó chỉ là nảy sinh từ ý tưởng sáng tạo của ông ấy và nó không giống ai hết. – Chàng thợ tạc tượng cứng rắn trả lời.

– Không lẽ vậy? – Viên thượng tế Anaib-Ungir ngạc nhiên vô cùng. – Tất cả những ai đã trông thấy bức tượng này đều đồng ý rằng nó giống vợ người như hai giọt nước.

Do đó ta nghĩ rằng chính người đã làm...

“Họ định chọn Nam-Suc làm vật tế Đức mẹ của các thần, – Tug-Anseng chán nản nghĩ, – mình đã cảm nhận được là bức tượng này sẽ mang bất hạnh đến cho gia đình mình... Nhưng giờ đây nguyên nhân chính của bất hạnh là vì ta đã gửi chân dung vợ mình đến đền thờ trên đảo”. Chàng nói:

– Không, thưa đức ông, đó là sáng tạo của cha vợ con. Có lẽ ông ấy vô tình làm nó giống con gái mình. Khó nói lắm, con thì không thấy sự giống nhau. Nhưng đây là tác phẩm vĩ đại bằng đá nephrit, điều này thì con...

– Một sự khiêm tốn vô ích, nghệ nhân Tug-Anseng à. – Thầy

thượng tế phản đối. – Ta còn nhớ rõ chiếc rìu đá nephrit do người làm, đó là tác phẩm hạng nhất. Chính vì nó mà người được nhận danh hiệu thợ cả, đúng không?

Tug-Anseng cúi gập người xuống, cố giấu khuôn mặt. Chàng cảm thấy rờn rợn, quả thật thầy tư tế vĩ đại đã biết tất cả.

– Nhưng tất cả những điều đó đều không quan trọng lắm. – Anaib-Ungir tiếp tục. – Khi hỏi về bức tượng mà người gửi đến đảo Usokitoc-Peteng, ta chỉ muốn biết là người có khả năng truyền đạt sự giống nhau của khuôn mặt vào bức tượng hay không. Ta nhớ là người có khả năng này, nói cách khác là đã có. Nhà người trở thành thợ tạc tượng là do ý ta. Mười một năm trước ta đã gặp một cậu bé nặn tượng em trai mình, ta ngạc nhiên vì tài năng của cậu ấy và ra lệnh đưa nó đến học nghề nặn tượng. Người còn nhớ buổi gặp mặt đầu tiên của chúng ta không, Tug-Anseng?

– Vâng, thưa đức ông, con luôn chịu ơn đức ông! – Nhà điêu khắc trẻ trả lời. Khi viên chủ tế Anaib-Ungir chuyển qua đề tài khác, nỗi lo cho Nam-Suc trong lòng chàng nhẹ đi. Tug-Anseng bình tĩnh tiếp tục trò chuyện. Chàng cảm thấy sắp có công việc mới.

– Hay lắm. – Thầy thượng tế tiếp tục. – Khả năng kỳ lạ của người, đã làm ta ngạc nhiên, có còn không? Chiếc đầu cậu em mà nhà người đã nặn rất giống cậu ấy. Ông Ah-Shooch quá cố cũng có tài như vậy, ta thấy điều này không chỉ trên bức tượng mệnh phụ quý phái mô tả vợ người, mà còn ở một tác phẩm khác. Trong số các tượng thầy tư tế ta đã đặt vừa rồi có một tượng mô tả ta hoàn toàn chính xác. Tất cả các thầy tư tế đều thấy sự giống nhau đó. Tài năng này rất quý, ít gặp lắm... Ta cảm giác rằng người có tài năng này. Thật ra những đồ vật này không được để lọt vào tay người lạ, chúng có thể bị yểm bùa.

– Con không bao giờ nghĩ đến điều này, – Tug-Anseng thật thà

thú nhận, – nhưng cho phép con hỏi đức ông: không lẽ những đường nét này lại quan trọng đến vậy?

– Đúng, trong nghề tạc tượng đôi khi khả năng này rất cần. Ta giao cho người: cố gắng nặn lại chiếc đầu của em trai người, tất nhiên là ở tuổi hiện nay và đem bức tượng đến cho ta sau hai ngày. Người làm được chứ?

– Tất nhiên, thưa đức ông! Lệnh của ngài sẽ được thực hiện chính xác.

– Tuyệt lắm! Chúng ta sẽ xem người còn giữ được tài năng thời thơ ấu hay không. À, người hãy thể hiện Shang với chiếc mũ chơi bóng thiêng!

– Nhưng thưa đức ông, – nhà tạc tượng rụt rè định phản đối, – em trai của con chỉ là một dân quê mộc mạc, nó chưa bao giờ và không thể tham gia vào môn thi đấu này được...

– Không quan trọng, – thầy tư tế khô khan nói, – hãy làm như ta đã nói!

– Thưa đức ông, hai ngày nữa con sẽ đem tác phẩm đến.

– Được, người có thể về!

Tug-Anseng cúi chào và bước ra. Chàng vội vã đến gặp thầy trưởng quản Ah-Shacan, kể về cuộc gặp gỡ với AnaibUngir và nhiệm vụ lạ lùng được giao.

Thầy trưởng quản điêu khắc của thành Nivannaatracbolai im lặng hồi lâu. Khuôn mặt của ông như gầy rộc và già đi. Cuối cùng ông thở dài và nói:

– Biết làm sao được, mỗi bông hoa sinh ra, lớn lên và héo tàn theo số phận đã định. Con đã được giao một công việc lớn và vinh dự. Tug-Anseng à, nó sẽ mang đến cho con niềm vui cũng như đau buồn! Tuy nhiên nhiệm vụ của chúng ta là vâng lời vô điều kiện. Đó là những gì ta có thể nói được với con. Hãy cố gắng làm tốt công

việc mà ngài thượng tế đã giao.

Tug-Anseng trở về nhà lòng đầy lo lắng. Ah-Shacan đã không giải thích cuộc gặp gỡ với Anaib-Ungir mà còn nói bóng gió rất rõ về một nỗi buồn nào đó.

Tug-Anseng không nói cho vợ và Shang biết. Đến gần tối chàng về nhà mẹ và chậm rãi nói chuyện với những người thân, lén nghiên cứu khuôn mặt của em trai. Nét đẹp trẻ trung, lòng nhân hậu, ý chí và nhiệt tình của em trai thể hiện trên từng đường nét, nó lôi cuốn và làm cho Tug-Anseng vui mừng. Chàng hình dung Shang trong lễ phục của vận động viên chơi bóng thần và bỗng đứng ngạc nhiên: đứa em trai trông mới tuyệt làm sao! Nhưng đây là môn chơi của các thầy tư tế và giới quyền quý...

Sáng hôm sau Tug-Anseng bắt tay vào việc. Chàng hoàn thành tác phẩm chỉ sau vài giờ và lập tức đem đến cho Anaib-Ungir.

Bỏ miếng vải ướt ra, thầy thượng tế chăm chú xem xét rất lâu bức tượng. Môi ông nở nụ cười vui sướng.

– Tác phẩm được làm tốt lắm, giống tuyệt vời! Còn ở đây, – thầy thượng tế chỉ vào phần trước mũ, – cần đặt dấu hiệu thiêng mà người sẽ được hướng dẫn. Ba ngày nữa, sau khi tẩy trần và ăn chay, người sẽ bắt tay vào công việc thực sự, nghệ nhân Tug-Anseng à. Ở khu đất thờ có một tảng đá lớn, người sẽ tạc tảng đá thành bức tượng này. Khi chưa xong việc người sẽ không được gặp bất kỳ một ai, ngoài những người thợ phụ do Ah-Shacan chọn. Và hãy nhớ rằng, nhiệm vụ của người là một bí mật vĩ đại. Nếu người nói ra thì chính người và cả những người thân của người sẽ chết!

Tug-Anseng tái mặt. Chàng nhớ lại cuộc dạo chơi ngày trước với thầy trên vùng đất thiêng, những chiếc đầu đá khổng lồ ở đó và lời giải thích của Ah-Shooch. Giờ đây nhà tạc tượng trẻ đã hiểu tất cả.

CHƯƠNG XXII

TUYỂN LEM-HOOLOM

Sao-Lorenzo. Mexico.

Chúng ta đi xuống hạt.

• “Popole-Vuh”

Vụ xuống hạt đang vào thời điểm bận rộn nhất. Shang về nhà trễ, mệt rũ rượi. Chàng chỉ còn đủ sức tắm rửa và ăn. Khi vừa nằm lên đồng thân ngô khô phủ lớp vải thô, chàng đã chìm vào giấc ngủ say. Buổi sáng bà mẹ phải lay rất lâu Shang mới thức giấc. Đã lâu chàng không gặp Tiang mặc dù nhớ nàng da diết.

Đến tối chàng trai ngạc nhiên khi nghe được câu chuyện của mẹ kể về sự biến mất của người anh trai mà chị NamSuc vừa báo ban sáng. Theo lời của chị Nam-Suc thì chiều hôm qua Tug-Anseng nói là chàng phải làm việc ngoài thành khá lâu, chàng lấy dụng cụ cần thiết và ra đi, nét mặt đầy lo âu và sầu muộn. Điều này khác với tính cách của chàng. Nam-Suc gửi con cho người hàng xóm và chạy qua nhà mẹ chồng. Nhưng chính bà Osh-Tro cũng không giải thích được gì hơn.

– Chị ấy phải hỏi thầy trưởng quản điều khắc chứ không nên hỏi mẹ. – Shang nói. – Chúng ta làm sao biết được công việc của họ!

– Ah-Shacan không muốn nói với nó, – bà mẹ bối rối trả lời, – do đó nó mới lo lắng.

Ăn xong chàng trai đứng lên, vươn vai và ngáp. Chàng cảm thấy

nỗi lo sợ của mẹ và chị dâu không có cơ sở.

– Thọ điều khắc luôn gắn liền với các thầy tư tế cùng những bí mật của họ. – Shang nói. – Mẹ còn nhớ chuyện anh con được thử thách chứ. Lúc đó chúng ta cũng lo: anh con ở đâu? Thì ra anh ấy ở một mình trong rừng để làm chiếc rìu thiêng. Bây giờ có lẽ cũng vậy, anh ấy phải làm một việc gì tương tự. Đừng lo mẹ à, xong việc là anh ấy về ngay thôi mà!

Trong giấc mơ Shang thấy mặt trăng tròn và Tiang mỉm cười bên cạnh tảng đá khổng lồ mà chàng chỉ cho nàng. Bà Osh-Tro thì trở mình hết bên này qua bên kia và thở dài, suốt đêm không chợp mắt. Đối với người mẹ, đứa con trai trưởng thành, đã lập gia đình, vẫn là đứa trẻ yếu ớt làm bà lo lắng.

Người ta nói trái tim người mẹ có tài tiên đoán là không đúng. Giờ đây bà Osh-Tro không cần phải lo cho TugAnseng mà phải lo cho đứa con trai thứ đang ngủ cạnh bà mới đúng.

Tối hôm đó thầy Niang-Hinah đến dinh của thầy thượng tế. Sau vài câu chào hỏi lịch sự, thầy tư tế của thần Ngô trẻ tỏ ý lo ngại:

– Thưa Anaib-Ungir, còn một năm ba tháng nữa là đến ngày đại lễ xuống hạt thiêng. Do đó bây giờ cần nghĩ đến việc tuyển Lem-Hoolom. Trong hội nghị tư tế ngài đã nói rằng việc này do tôi đảm nhiệm. Ngài cho phép tôi bắt đầu tìm kiếm chứ?

– Không, không cần đâu. – Thầy thượng tế nói. – Chàng trai làm Lem-Hoolom đã có. Ta tìm được chàng lâu rồi, cách đây hơn mười năm và chú ý theo dõi chàng. Ông chỉ cần bắt lấy và tuyên bố ý của thần Ngô là xong.

– Đó là ai? – Niang-Hinah ngạc nhiên vì sự sáng suốt của thầy thượng tế. Nghĩ trước mười năm về ngày lễ xuống hạt thiêng! Anaib-Ungir vĩ đại thật là thông thái và sáng suốt!

– Chàng ta tên Shang, nông dân tộc Caab, sống ở làng Hoctung.

Anh của chàng, là nhà điêu khắc Tug-Anseng, đã bắt đầu công việc cho vụ xuống hạt vĩ đại.

– Sự tính toán của ngài làm tôi kinh ngạc! – Thầy tư tế của thần Ngô trẻ Ishim thú nhận. – Ngài suy tính tất cả. Thưa ngài, thưa đức ông, chúng tôi là thứ gì? Chỉ là lũ sâu bọ ngu dốt bò trên mặt đất!

– Vậy mà vẫn chưa nghĩ hết được mọi việc. – Anaib-Ungir nhận xét. – Nhưng quan trọng không phải là việc đó. Ta mừng là đã giúp được ông trong việc chọn Lem-Hoolom quan trọng này. Ông có thể tin tưởng vào sự lựa chọn của ta, tuy nhiên, Niang-Hinah à, nếu ông có những ứng viên khác thì ta không phản đối...

– Thưa, ngài nói sao? – Thầy tư tế hoảng hốt. – Thứ nhất, tôi không có ứng viên nào hết; thứ hai, nếu có thì sự lựa chọn của ngài, tôi tin chắc là tốt nhất. Không, không và không! Tất cả sẽ đúng như ngài đã tính. Hết sức cảm ơn ngài đã quan tâm đến nhu cầu cho vị thần của chúng ta.

– Vì công việc chung của chúng ta! – Anaib-Ungir trả lời ngắn gọn. – Ta không xứng đáng với lời cảm ơn nào hết!

Sáng sớm Shang ra đồng. Như mọi gia đình khác trong tộc họ, mảnh đất của gia đình chàng nằm khá xa làng và cứ sau ba năm lại lùi xa hơn nữa. Đất bạc màu cần được nghỉ ngơi, vì vậy sau ba năm canh tác khu đất được bỏ hoang cho cây mọc và họ chọn khu đất khác. Chàng trai cầm cây gậy chọc lỗ, lưng đeo giỏ hạt giống, vừa đi vừa nghĩ đến tương lai. “Một năm nữa Tiang hết lo cho lũ trẻ, – chàng nghĩ, – lúc đó ta có thể cưới nàng. Mẹ ta đã già quá rồi, càng ngày càng yếu và bận rộn, trong nhà cần có người nội trợ trẻ. Ta có thể không phải ở rể ba năm ở bên nhà vợ, vì chú Maash không phải cha của nàng, chỉ là bà con xa chứ không phải trực tiếp từ tộc họ mẹ. Tuyệt quá, hàng ngày ta được thấy nàng, nàng sẽ lo việc bếp núc và quần áo cho ta...”

Say sưa trong ý nghĩ dễ chịu, Shang nhận thấy đám đông đang tụ tập cạnh ruộng mình. Chàng trai ngạc nhiên vô tình bước nhanh lên. Điều gì xảy ra vậy?

Chín thầy tư tế y phục trắng đứng cạnh ruộng của Shang. Trên ngực thầy tư tế đầu tiên đeo chiếc đĩa hơi lõm lấp lánh dưới nắng mai. Trên đầu thủ lĩnh – Niang-Hinah – đeo chùm lông kesal dài màu xanh dương-lục. Cách nhóm thầy tư tế một quãng là đám đông hiếu kỳ. Tất cả im lặng và chăm chú nhìn về phía Shang.

Khi chàng trai vừa đến chỗ đám đông, các thầy tư tế cất lời hát long trọng ca ngợi thần Ngô trẻ trung. Họ hát:

*Ngài hiện lên từ lòng đất,
Khỏe mạnh, cân đối, trẻ trung!
Hai lần chào ngài, ba lần chào ngài,
Chủ nhân Ishim trẻ, chủ nhân của chúng ta!
Bắp ngô – đầu ngài long lanh nắng,
Lá, tay ngài trinh trắng như hoa,
Quần áo ngài rực rỡ tựa kesal!*

Thủ lĩnh của nhóm đến gần Shang và hỏi nhỏ:

- Chàng tên gì, hỏi chàng trai xinh đẹp?
- Tên tôi là Shang, nông dân tộc họ Caab. – Con trai của bà Osh-Tro sững sốt trả lời.

Niang-Hinah cúi chào, các ngón tay trái chạm đất.

- Ba lần chào ngài, người hạnh phúc được thần tuyển chọn! Những tôi tớ trung thành vui mừng được chào ngài!

Chàng nông dân trẻ kinh hoàng chết lặng.

- Đúc ông, – chàng lấp bắp, – ông nhầm rồi...
- Không, ta không nhầm, – Niang-Hinah ngắt lời, – ngài là

Shang, được tuyển làm thần trẻ Ishim! Xem đây!

Ông đứng thẳng lên và đưa chiếc đĩa đeo ở cổ ra. Shang nhìn vào đó, nhưng chỉ thấy hào quang phát ra từ bề mặt nhẵn bóng. Bỗng nhiên chàng cảm thấy buồn ngủ, đầu thấy đê mê dễ chịu. Chàng nghe thấy giọng nói êm ái của vị thủ lĩnh tư tế:

– Ngài sẽ đi với chúng ta, thừa chủ nhân, ngài bình yên đi với chúng ta, những tội tớ khiêm nhường của ngài, đến ngôi đền của ngài và nghỉ ngơi! Ngài hãy đến đó. Ô, đức ông, ngài đã cất bước. Ô, chủ nhân của chúng ta!

Những nông dân kinh ngạc thấy chàng trai, trong vòng vây của các thầy tư tế, chậm chạp bước đi, ngược về phía kinh thành vĩ đại, tay vẫn còn cầm cây gậy chọc lỗ và giỏ hạt giống.

CHƯƠNG XXIII

ĐOÀN ĐIỀU HÀNH

Sao-Lorenzo. Mexico.

Đó là điều họ đã thực hiện sau khi suy nghĩ, sau khi tính toán...

• “Popole-Vuh”

Bỗng nhiên Tiang lo lắng, bồn chồn.

Đã hai tuần nay nàng chưa gặp Shang. Lúc đầu cô gái cho rằng chàng bận công việc đồng áng, Shang lao động rất nhiều, lo làm cho hết công việc mùa xuân, làm xong chàng sẽ đến gặp nàng ngay. Nhưng ngày lại qua ngày, vụ gieo hạt đã kết thúc mà chàng vẫn biệt tăm. Lúc đó nỗi lo âu bắt đầu xuất hiện, lúc đầu mờ nhạt và không rõ ràng, về sau nó trở thành nỗi ám ảnh không thể nào rút ra được. Tiang kiêu hãnh và chân thật, nàng nhận thấy người yêu của mình cũng vậy. Vì vậy nàng không hề nghĩ là Shang có thể say mê người khác và quên nàng. Nhưng thế tại sao chàng biến mất, việc gì đã xảy ra với chàng? Đêm đêm nàng nhìn ngôi sao Hôm rất lâu và hy vọng rằng, ý trung nhân của mình cũng đang ngắm sao Hôm như lời hẹn ước của họ. Ngôi sao bình thản nhấp nháy đã xoa dịu lòng cô gái, thậm chí nàng cảm thấy như nghe được giọng nói của chàng, nhưng sau đó nỗi lo lắng lại xâm chiếm lòng nàng. Nỗi nhớ nhung đã bóp nghẹt trái tim son trẻ của nàng.

Nỗi lo càng dần vất nàng hơn vì Tiang không thể chia sẻ được với ai. Ông chú và hàng xóm đã trở thành người lạ từ lâu, già

Trachil thông thái và tốt bụng thì đã chết, còn Cuocu có lẽ đã quên nàng hoặc quá bận. Nàng phải làm gì bây giờ? Đến Hoctung dù chỉ để nhìn căn nhà của chàng? Không thể được!

Cuối cùng Tiang sự nhớ đến Nam-Suc. Thực ra nhờ Nam-Suc mà nàng quen được Shang. Nếu chàng bị bệnh thì có lẽ Tug-Anseng phải biết, và tất nhiên Nam-Suc cũng phải biết. Gần tối, khi việc nhà đã bớt, Tiang đến thăm Nam-Suc.

Xóm của những người tạc tượng, về phân bố, trực thuộc làng Tahcum-Tracang, nhưng lại cách xa làng và gần kinh thành hơn. Những người tạc tượng sống cách biệt với mọi người, có quan hệ đặc biệt với các thầy tư tế và giới quý tộc, kể cả vua, vì vậy họ ít giao dịch với những người làm ruộng. Tiang đến đó chỉ hai lần, và cả hai lần đều đặc biệt: ngày cưới của Tug-Anseng và ngày lễ đặt tên của Cangah. Vì vậy, nàng bước vào xóm với bản chất rụt rè của mình.

Khi bước vào nhà người tạc tượng, Tiang ngạc nhiên vì sự im lặng bao trùm tất cả. Trước kia ngôi nhà này sáng rực, ồn ào và đầy tiếng cười. Bất ngờ Tiang vấp phải chiếc ghế băng.

– Ai đó? – Giọng lo lắng của Nam-Suc vang lên. Nàng rời khỏi chiếc nôi, bé Cangah khóc thét lên.

– Em là Tiang đây, xin lỗi vì quấy rầy chị. Em đến xem anh chị sống ra sao.

Người phụ nữ trẻ bước đến chỗ cô gái, ôm lấy nàng và không thốt một lời. Tiang hoảng hốt khi thấy Nam-Suc khóc.

– Chị cùng bé Cangah sống tẻ lắm, Tiang à. – Nam-Suc trả lời, nàng thấy được an ủi đôi chút. – Anh Tug-Anseng phải đi làm việc gì đó gấp lắm nên chỉ có hai mẹ con ở nhà. Cũng may là các thầy tư tế còn nhớ đến công lao của cha nên hàng tuần có gửi đồ ăn đến...

– Những người bên chồng không đến thăm chị sao? – Cô gái hỏi, trái tim nàng như ngừng đập.

Nam-Suc thở dài.

– Họ cũng đang gặp bất hạnh, Shang, chú em của anh Tug-Anseng đã bị mất tích. Cô có nhớ chú ấy không, còn bà Osh-Tro thì bị bệnh nặng vì nhớ các con. Hàng ngày chị phải chạy đến Hochtung để chăm sóc bà...

– Shang đi đâu? – Tiang hốt hoảng hỏi, cố kiềm chế lòng mình. Toàn thân nàng run lên vì lo sợ, nhưng Nam-Suc đang mải suy nghĩ nên không để ý.

– Một số người trong làng thấy và kể rằng: khi chàng đi làm ruộng, các thầy tư tế xuất hiện và bắt chàng đi. Chị không tin lắm. Nếu các tu sĩ cần ai thì họ cho người đi gọi, họ không tự đến gặp một nông dân bình thường đâu.

– Có thể nào chàng đã phạm luật? – Tiang hỏi và kinh sợ khi nhớ lại sự trừng phạt Nacahon.

– Không, Shang không phải là người như vậy! Hơn nữa lúc đó phải có chiến binh và phải đưa đến trưởng làng chứ... – Vậy bây giờ chàng ở đâu? – Tiang hét lên và bật khóc.

Đôi vai gầy của nàng run lên vì nức nở, mặc dù nàng cố kìm lại.

Cuối cùng thì Nam-Suc đã hiểu, nàng âu yếm sờ vào lưng bạn.

– Em yêu Shang lắm hả? – Người phụ nữ trẻ khẽ hỏi. – Chị không biết điều này.

– Chúng em yêu nhau! Chàng hỏi em làm vợ đã một năm rồi, – Tiang sụt sịt, – em khuyên chàng đợi... Ôi, Nam-Suc, em sợ lắm...

– Đừng sợ! – Người phụ nữ trẻ phân tích. – Có thể họ cử Shang đi làm việc gì đó. Giờ chị mới nhớ, năm ngoái nó cùng với mọi người đi kéo tảng đá lớn về. Có lẽ giờ đây nó cũng đi làm việc gì đó

như vậy...

– Nhưng chị cũng đã lo cho anh Tug-Anseng đó, mặc dù thợ điêu khắc vẫn thường đi xa nhà. – Tiang bực bội phản đối. Nước mắt đã khô, khuôn mặt nàng ửng hồng. – Chị nói đi, có thanh niên nào khác của làng Hoctung bị các thầy tư tế đưa đi không?

– Không, chị không nghe về việc đó. – Nam-Suc thú thật.

– Đó, em đúng mà! Ở đây có điều gì khác nữa. Thôi em phải về, tạm biệt! Em nhờ chị, nếu chị thấy Shang hoặc chị nghe gì về chàng, xin cho em biết ngay nhé.

Hai người bạn gái chia tay một cách lạnh nhạt. Trong lòng người nào cũng bực bội vì người kia không biết được gì. Tiang chậm rãi về nhà, dọc đường nàng lại khóc thầm, còn Nam-Suc thở dài, quay vào chăm Cangah.

Trong lúc đó tại một phòng của đền thờ thần Hải nhi, Shang đang nằm sấp trên nền đất và rên rỉ tuyệt vọng. Chàng không hiểu sao họ đưa mình đến đây, làm sao mình lại cam chịu đi theo các thầy tư tế. Ý nghĩ về đám ruộng chưa được xuống hạt, mẹ và Tiang lại không biết mình ở đâu, như lửa thiêu đốt lòng chàng. Chàng trai nhớ lại những câu chuyện của các cụ già về chiếc gương thần mà các thầy tư tế đeo trước ngực trong những trường hợp đặc biệt. Người nói chuyện với chàng đã đeo chiếc đĩa gì đó sáng bóng. Có lẽ chàng đã bị phù phép. Tại sao một nông dân bình thường như chàng lại ở trong đền thờ?

Shang đứng lên nhìn quanh. Mặc dù đây chỉ là một trong những phòng phụ của đền, nhưng bề rộng của phòng và đồ trang trí xa xỉ trong phòng làm chàng kinh ngạc. Trước đây chàng chỉ thấy những điện thờ quê mùa giản dị có mái lá như những ngôi nhà thôn quê bình thường. Ở đây những bức tường phủ hồ, sơn màu rực rỡ. Thần Ngô trẻ từ những chiếc lá thon, dài, nhìn ra mỉm cười

nhân hậu. Quốc vương thành Nivanna-Tracbolai quì trước thần, hai tay đưa lên cầu nguyện. Trần nhà bằng gỗ bào nhẵn toát ra mùi thơm dễ chịu. Cửa gỗ bịt vải dày màu lục, khung vải chuyển động như cánh cửa, tất cả đều xa lạ đối với chàng.

Tiếng ồn vọng đến. Bức rèm được nhắc lên, hai chàng trai trẻ trong y phục người hầu bước vào. Một người bưng bầu cháo ngô nóng bốc hơi, người kia – bình nước. Cả hai cúi rạp người trước Shang và đặt thức ăn lên sàn nhà. Khi họ đã quay lưng chuẩn bị đi, chàng trai kêu lên:

– Đứng lại! Các người cho tôi biết, tại sao lại đưa tôi đến đây?

– Hãy bình tâm, thưa đức ông vĩ đại, và hãy vui vẻ! Đừng hỏi chúng tôi gì cả.

Người nói lại cúi gập xuống trước chàng trai.

– Hãy khoan dung và rộng lượng với chúng tôi, hãy ban tặng cho chúng tôi những món quà của ngài!

– Tôi không phải là đức ông. Máy ông nói gì vậy? Tôi có thể ban tặng thứ gì? Đây là sự nhầm lẫn...

Nhưng những người ấy không nghe lời Shang, họ biến mất sau cánh cửa. Cánh cửa chuyển động cọt kẹt rồi đóng kín lối ra, yên lặng lại trùm lên tất cả.

Chàng trai miễn cưỡng uống vài ngụm nước suối lạnh. Chàng không thể ăn được. Shang cảm thấy mình là con thú nhỏ yếu ớt lọt vào một cái bẫy khôn khéo nào đó, điều này ám ảnh, giày vò chàng. Đi lòng vòng trong nhà một lát, Shang lại nằm xuống sàn nhà và thiếp đi.

Rõ ràng là có người theo dõi chàng. Sau đó một lúc Shang cảm thấy tay ai đó chạm nhẹ vào vai mình. Chàng quay lại và thấy một thầy tư tế cao, gầy, đang lặng lẽ xuất hiện cạnh mình. Shang vội vàng đứng lên và cúi chào.

– Sao ngài không ăn, thưa đức ông? Niang-Hinah hỏi. – Chẳng lẽ họ đưa cho ngài bánh cũ? Điều gì làm cho ngài lo buồn?

– Tôi không phải là đức ông... Tôi không muốn ăn. – Chàng trai hồi hộp trả lời. – Ngài hãy cho tôi biết, tôi ở đây để làm gì?

– Shang à, các thần trao cho ngài vinh dự là làm LemHoolom, hiện thân sống của thần Ngô trẻ. – Thầy tư tế nói chậm rãi và rõ, y như nhét từng lời vào ý thức của chàng trai. – Vì vậy, từ nay trở đi ngài là đức ông và là chủ nhân của chúng ta. Tất cả mọi ý muốn của ngài sẽ được thực hiện vô điều kiện. Hãy tăng cường sức lực, sau khi tắm và thay y phục sẽ có một bữa tiệc lớn...

Chàng trai bối rối im lặng. Những điều nghe thấy không thể nhập được vào ý thức của chàng.

– Vài tháng nữa sẽ tổ chức lễ cưới cho ngài, thưa đức ông. – Niang-Hinah tiếp tục. – Bốn cô gái xinh đẹp nhất thuộc những tộc họ danh giá nhất sẽ trở thành vợ của ngài. Ngài không phải lao động mệt nhọc, chỉ vui chơi yến tiệc và thỏa mãn...

– Nhưng tại sao thần lại chọn tôi? – Shang bàng hoàng thở hắt ra.

Bỗng nhiên chàng nhớ lại cái nhìn sắc bén của thầy thượng tế khi mọi người đặt tảng đá khổng lồ xuống vùng đất thiêng. Chính lúc ấy số phận của chàng đã được quyết định, nhưng chàng không thể ngờ đến tương lai kỳ lạ này...

– Chỉ có họ mới biết được! Và chính vị thượng tế đã thực hiện ý chí của các bậc chúa tể. Khi ngài còn nhỏ, đang vô tư chơi đùa cùng anh trai, đức ông Anaib-Ungir đã biết ngài sẽ là Lem-Hoolom. – Niang-Hinah bất cần tiết lộ.

Trước mắt chàng trai sáng lên bức tranh buổi trưa oi ả xa xưa, khi anh Tug-Anseng và chàng trò chuyện với hai thầy tư tế. Người lớn tuổi hơn chính là Anaib-Ungir.

Chuyện đã lâu lắm rồi và cũng bắt đầu từ đó.

– Vậy tôi có thể lấy cô gái ở làng Tahcum-Tracang chứ? – Shang hỏi.

– Cô gái dân dã ấy ư? – Thầy tư tế của thần Ishim ngạc nhiên. – Ngài cần gì cô ấy, thưa đức ông?

– Tôi yêu cô ấy! – Shang thét lên.

– Ngài được cả tộc chúng ta yêu quý, ngài đem đến sự giàu có và thịnh vượng! – Niang-Hinah nói giọng lên lớp. – Những vật nhỏ mọn, như cô gái bình dân ấy, không đáng cho ngài để ý đến. Đừng nghĩ đến việc nhỏ nhặt ấy, thưa đức ông! Bây giờ bọn hầu sẽ giúp ngài tắm rửa và mặc y phục xứng đáng với chức vị của ngài. Tôi sẽ chuẩn bị thuốc uống tăng lực ngay lập tức để ngài có thể thực hiện hoàn mỹ những nhiệm vụ mới. Hãy tin tôi, việc này không dễ đâu!

Nói xong, Niang-Hinah cúi chào và lui ra, để chàng trai ở lại với những bối rối khôn cùng. Shang hoàn toàn không biết phải làm gì.

Trong phòng bên cạnh viên tư tế Mishpitiacuc đang đợi. Nhìn thấy Niang-Hinah, ông nhướng mày tỏ ý hỏi.

– Tệ lắm! – Niang-Hinah trả lời câu hỏi không lời. – Chàng ta lo lắng và nghĩ đến một cô gái dân dã nào đó. Phải cho uống nước thần thôi.

Cả hai thầy tư tế bắt tay vào chế biến thần dược. Họ đã nhiều lần tiếp xúc với những con vật tế không hiểu gì đến sứ mạng cao quý của mình. Hiện thân của vị thần trẻ phải luôn bình thản và vui sướng, nếu không buổi lễ sẽ mất ý nghĩa và ngô sẽ mọc kém hoặc mất mùa. Giờ đây trạng thái tinh thần của chàng trai này sẽ ảnh hưởng đến sự thịnh vượng của toàn bộ dân tộc Olmec trong mười hai năm tới.

Hai thầy tư tế đổ nước sôi vào bột cacao nghiền nhỏ, sau đó lọc qua vải trắng thô, đổ thêm vào đó bột của một loại hạt cây tươi. Cả

phòng nồng mùi ngậy ngát, mắt của những người chế thuốc sáng lên. Cuối cùng họ nhúng lưỡi dao lớn bằng đá obsidian đầy vết máu khô, dụng cụ giết con vật tế thần, vào thuốc ba lần. Không phải ngẫu nhiên thứ thuốc mê này được gọi là nước dao tế.

Viên tư tế Niang-Hinah vỗ tay gọi người hầu và ra lệnh:

– Đưa nước thần này vào cho đức ông trẻ của chúng ta và phải theo dõi để ngài uống cho hết!

Sáng sớm, khi vàng thái dương chưa xuất hiện, những người truyền tin vội vàng đến khắp các nẻo đường của các làng quanh kinh thành, họ vui mừng thông báo:

– Hỡi thần dân của Báo thần hãy vui lên! Vị thần trẻ trung, người nuôi dưỡng và ân nhân của chúng ta đã xuất hiện! Đức ông Ishim trẻ tuổi đã đến! Hãy nhanh chân đến đền thờ của ngài để chào mừng ngài và xin phúc của ngài! Hãy nhanh chân đến Nivannaa-Tracbolai, đó là lệnh của đức vua và thầy thượng tế của chúng ta!

Những người nông dân, vui mừng vì được nghỉ bất ngờ do lệnh này, vội vàng rời khỏi nhà. Lập tức các con đường dẫn đến kinh thành đông nghẹt người. Vừa bàn tán vừa vui cười, mọi người tiến về khu đồi xa xa.

Tiang cùng dân làng Tahcum-Tracang tiến về Nivannaa-Tracbolai. Cô gái không thể ở nhà một mình với những ý nghĩ đang hành hạ mình. Ngoài ra, trong lòng nàng sôi động hồi tưởng về cuộc gặp bất ngờ với Shang trên bãi đất khi trừng phạt Nacahon. Lúc đó người yêu của nàng cũng biến mất rất lâu và nàng đã đau khổ, tưởng tượng ra mọi nỗi lo sợ. Mối nàng mấp máy nụ cười yếu ớt, nàng còn giận cả chàng nữa. Giờ đây nàng không như vậy, chỉ mong được gặp Shang và nói với chàng đôi lời, tất nhiên chàng sẽ giải thích nguyên nhân vắng mặt và tất cả sẽ lại tốt đẹp.

Do gần kinh thành nên dân làng Tahcum-Tracang chiếm được chỗ tốt hơn so với các làng khác, họ đến Nivanna-Tracbolai trước tiên, đứng ở hàng đầu trước đền thờ, gần hàng rào bảo vệ lối đi. Tiếng cười đùa dần dần lắng xuống. Tất cả đều thấy long trọng và hồi hộp chờ buổi lễ bắt đầu.

Từ chỗ đứng của mình Tiang thấy rõ đền thờ vị thần trẻ, nó hoang vắng và câm lặng. Bỗng bức rèm dài che cửa lay động, thầy Niang-Hinah bước ra bãi trống trước điện, chung quanh ông là các thầy tư tế. Ông im lặng cầu khẩn vài phút, đầu ngẩng lên trời. Nắng mai chiếu sáng đỉnh đền thờ và chảy tràn xuống đất. Đoàn các vị tư tế bước xuống tam cấp, đi vài bước và quay mặt lại đền thờ. Họ đồng ca vang lên bài hát ca ngợi vị thần thánh thiện. Mặt trời soi sáng cửa đền, từ đó bước ra một nhóm các thầy Tư tế mà đi trước là chàng trai cao, gầy như trần truồng với một chùm lông kesal dài trên đầu.

Đám đông la vang, át cả tiếng hát của các thầy tư tế. Nhiều người không giấu nổi những giọt nước mắt vui mừng: chính mắt họ đã thấy sự xuất hiện của vị thần trẻ, hứa hẹn cho họ được mùa và cuộc sống bình yên, tự do, không còn đói khát và chán nản.

Vị thần sống chậm rãi đi qua đám đông. Chàng trai bước đi, miệng nở nụ cười gượng gạo và không nhìn một ai, các thầy Tư tế quanh chàng hào phóng ban tặng những lời chúc tụng. Đám rước lễ đi qua những đường phố chính của kinh đô, thăm cung điện và trở về đền thờ.

Khi chàng trai xuất hiện ở cửa đền thờ, trái tim Tiang ngừng lại giây lát, sau đó thì đập liên hồi. Nàng đã nhận ra Shang. Do vậy mà các thầy tư tế mới phải đưa chàng từ ruộng về... Chàng là người được thần Ngô tuyển lựa, việc gì sẽ đến với chàng?

Đám rước đi ngang qua chỗ Tiang đứng. Lấy hết sức lực, y như

trong một giấc mơ đau đớn khủng khiếp mà nàng muốn thoát ra, cô gái lao đến trước mặt một chiến binh, tuyệt vọng hét lên:

– Shang! Shang ơi!

Chàng trai nhìn nàng với cặp mắt trống rỗng, vô hồn, mặc dù nụ cười vẫn không rời khỏi môi. Vị thần như không thấy Tiang, ông nhìn xuyên qua cô gái như nhìn qua dòng nước trong.

– Hãy tống cổ đứa con gái này đi, nó đã phạm tội bất kính! – Mishpitiacuc đi sau Shang ra lệnh, lập tức đôi tay khỏe mạnh của một chiến binh nắm lấy Tiang và thô bạo quăng nàng ngã lăn ra đất. Những người xung quanh giã ra, họ nhìn Tiang bằng ánh mắt khó chịu.

Khi cô gái đứng dậy thì đám rước đã đi xa. Một đám người đi theo nàng. Giọng hát của các thầy tư tế vang vang, đe dọa trong đầu óc quay cuồng của Tiang, nàng bật khóc.

– Đừng khóc, Tiang yêu quý, đừng khóc! – Một giọng lo lắng thì thầm vang lên bên nàng. – Ta sẽ giúp nàng.

Cô gái quay khuôn mặt sưng vù lên vì khóc, nhìn người vừa nói. Cuocu đang đứng cạnh nàng.

– Ông có nhìn thấy người được vị thần trẻ chọn không?

– Ta đã nhận ngay ra Shang. – Người lùn trả lời.

– Thế ông giúp gì được cho tôi? – Tiang nghi ngờ hỏi.

– Nàng muốn gì? – Cuocu hỏi lại.

– Trước hết là phải gặp chàng để nói chuyện. Chàng không nhận ra tôi nữa...

Cả hai đứng rất lâu trên bãi vắng. Con người nhỏ bé cố hết sức an ủi cô gái. Cuối cùng Cuocu long trọng hứa là sẽ tìm cách đưa cô gái đi gặp Shang một lần.

CHƯƠNG XXIV

CUỘC GẶP MẶT

Sao-Lorenzo. Mexico.

...Giờ đây ngày và đêm ta sống với nỗi đau này...

• **D. Golsuorsi. Bông hoa sẫm màu.**

Tiang phải đợi hơn hai tuần Cuocu mới có thể thực hiện lời hứa của mình. Trong những ngày chờ đợi, nàng như sống trong một giấc mơ nặng nề, nàng ngơ ngẩn khi nấu ăn, như một chiếc máy chăm sóc người chú và lũ trẻ, lẫn lộn khi đi lấy nước, giặt quần áo và dệt vải. Nàng giống như bị bệnh nặng đến mức Maash đã định đi mời thầy lang.

Chú lùn xuất hiện bất ngờ như mọi khi. Ông đợi Tiang ngoài suối và khi thấy không có ai mới chui ra khỏi bụi cây.

– Ta đã có tin chàng. – Cuocu nói, ông không muốn gọi chàng là Shang nữa. – Chàng bị giữ trong đền thờ thần Ngô. Ta tin rằng các thầy tư tế đã cho chàng uống một thứ thuốc bùa nào đó. Họ nói với ta là chàng tàn tạ và thờ ơ với tất cả, nhưng chàng nghe lời các thầy tư tế một cách vô điều kiện.

– Việc gì sẽ đến với Shang sau đó? – Cô gái cố nén giọng hỏi, nàng run lên vì lo lắng.

– Việc tuyển người làm Lem-Hoolom mười ba năm mới có một lần, – người lùn bối rối nói, – và không ai biết gì ngoài các thầy tư tế. Các cụ già nói với ta rằng, quanh năm Lem-Hoolom không làm gì hết, chỉ đi chơi, dự tiệc do những người quyền quý tổ chức, nghe

nhạc, ca hát...

– Rồi sau đó? – Cô gái năn nỉ khi thấy Cuocu ngừng kể.

– Sau đó, – người lùn ngập ngừng nói, – người ta sẽ cưới cho chàng bốn thiếu nữ đẹp nhất, quyền quý nhất kinh thành...

– Ôi, ôi! – Tiang ngạc nhiên rên rỉ và bật khóc.

Im lặng một lát, lau khô nước mắt, Tiang lại nói:

– Nhưng cuối cùng người ta sẽ làm gì Lem-Hoolom? Bởi vì nếu không có gì xảy ra thì Lem-Hoolom trước Shang hẳn phải còn sống ở Nivannaa-Tracbolai. Ông ta bây giờ chỉ khoảng ba mươi tuổi thôi.

– Sau một năm Lem-Hoolom biến mất. Đi đâu, không ai biết hết. Đúng ra, – Cuocu chữa lại, – chuyện này có lẽ chỉ các thầy tư tế biết thôi.

– Tôi cần gặp chàng! – Cô gái nói sau một phút suy nghĩ. – Tôi cần gặp Shang và nói chuyện với chàng. Ông nói chàng bị nhốt ở đâu?

– Những ngày qua cậu ấy lo lắng và khó ngủ. Khi người ta hỏi nguyên nhân, cậu trả lời là ở trong phòng đá bị ngạt thở, vì từ trước đến giờ đều ngủ trong nhà lá thoáng gió. Do đó ban đêm họ phải đưa cậu ấy ra sân đền thờ...

– Ông phải đưa tôi đến đó, ông Cuocu à. – Tiang nói và cầm tay người lùn. – Đừng quên là ông đã hứa danh dự giúp tôi. Khi nào chúng ta đến đó?

– Đó là một sự điên rồ! – Cuocu phản đối. – Cô không hình dung được điều đó nguy hiểm như thế nào đâu! Cậu ấy ngủ trong lồng, chung quanh những người hầu mang vũ khí canh gác ngày đêm.

– Tôi không nghĩ đến chuyện cứu Shang. – Cô gái nói giọng cương quyết. – Có thể chàng thích vinh dự mà người ta đã ban tặng cho chàng. Nhưng tôi muốn nói chuyện với chàng, muốn được

nghe chính chàng nói ra. Ông giúp tôi chứ?

Người lùn nhăn mặt, khuôn mặt nhỏ bé của ông toát lên sự thất vọng. Nhưng thấy ánh mắt van xin của Tiang, rốt cuộc Cuocu đầu hàng.

– Thôi được! – Ông vung tay nói. – Nếu vậy không nên chậm trễ. Ban ngày ta cần phải làm việc, đến tối khi mọi người đã ngủ và sao Hôm đã mọc, chúng ta sẽ gặp nhau ở đây. Trước nửa đêm, sau khi đổi gác, chúng ta sẽ đến đây và cô sẽ biết phải làm những gì.

Cuocu nhớ lại thứ bột mà Trachil đã cho, ông quyết định dùng nó để cho lính canh uống. Nếu những người ấy ngủ thì ông và Tiang sẽ dễ dàng thực hiện kế hoạch. Còn nếu thuốc không có tác dụng thì..., lúc đó phải nghĩ điều gì đó tại chỗ.

Trở về nhà mình, Cuocu lấy gói bột ra, chia thành vài nhúm nhỏ và gói vào vải. Suy nghĩ một lát, người lùn chia thêm một nhúm nữa và gói riêng bằng miếng vải da. Phần còn lại ông giấu vào chỗ cũ.

Cầm túi bột nhẹ bồng Cuocu đắm chiêu nhìn bầu trời. Ông lẩm bẩm một mình. “Ta muốn biết, làm thế nào đổ được thứ thuốc của Trachil vào nước cho những con rắn dê tiện này uống?”.

Công việc quả thật không dễ dàng. Càng phức tạp hơn là thuốc phải được những tên gác thay ca uống vào lúc nửa đêm, nhưng chúng phải đủ tỉnh để đến chỗ gác. Nếu chúng ngủ trước khi đến chỗ gác thì mọi cố gắng của ông đều vô ích và ông sẽ bị nghi ngờ. Tuy nhiên điều cần nghĩ là phải đến đền thờ thần Ngô trẻ, quyết định sẽ nảy ra lúc đi đường. Cuocu luôn tin vào nguyên tắc của mình và lần này nguyên tắc đó không phản ông.

Ẩn mình gần phòng của những người hầu, Cuocu nghe lỏm được là sau nửa đêm hai thanh niên Pocoh và Nohon sẽ gác cạnh lồng

của Shang. Còn rất ít thời gian để ông có thể nhận biết hai người này.

Cuocu phải bắt đầu thực hiện kế hoạch ngay. Đợi cho Pocoh đến gần đồng tượng đất sét nằm giữa những đồ vật dùng dâng tế, chú lùn liền đưa hết vật này đến vật khác ra ánh sáng với nét mặt suy tư.

Như ông dự tính, hành động kỳ lạ này đã làm chàng hầu trẻ ngu ngốc chú ý. Hắn đến gần để xem và cuối cùng ngập ngừng hỏi:

– Ông làm gì vậy?

Cuocu làm bộ rùng mình sợ hãi và miễn cưỡng đáp:

– Xem quà dâng cho vị thần trẻ.

– Điều đó tôi thấy rồi, – Pocoh nói cộc lốc – nhưng ông xem chúng để làm gì?

Người lùn bối rối và sau đó thở dài, buồn bã trả lời:

– Người tinh ý lắm, chàng trai à. Ta khó mà giấu được người. Ta đành nói thật cho người biết, nhưng xin người: chúng ta hãy tránh xa những đôi tai lắm điều!

Họ lùi xa khoảng mười bước, rồi đứng lại trong bóng mát của căn nhà và Cuocu bắt đầu:

– Người biết không, hồi vị tu sĩ thông thạo, ta là người của ngài tư tế vĩ đại và đôi khi thầy Anaib-Ungir danh tiếng cũng sẵn sàng tán dóc với ta. Tháng trước ngài bị đứt râu chuỗi hạt nephrit lớn. Khi thu lại những hạt rơi mới biết là thiếu hai hạt lớn nhất. Mọi cuộc tìm kiếm đều vô ích và thầy Anaib-Ungir vĩ đại rất buồn. Lúc đó ta nghi là người nào đó trong số những người hầu đã giấu chúng. Nhưng ai giấu và ở đâu? Ta suy nghĩ rất nhiều về việc này. Ta muốn trả lại cho đức ông những vật quý đã mất. Kẻ trộm không thể giấu hạt cườm trong người hoặc ở nhà, vì như vậy dễ bị phát hiện lắm...

Cuocu nghỉ một lát, liếc mắt nhìn tên hầu. Pocoh há miệng ra nghe, mắt rục sáng sự tò mò và ham muốn.

“Cá đã cắn câu”, – người lùn nghĩ.

– Hai hôm trước ta nhớ ra rằng, khi mất hai viên ngọc có một tên nô lệ trẻ đang nặn bức tượng thân Ngô trẻ, sau đó bức tượng được đưa đến đền này. Chiều qua ta thấy tên nô lệ đó quanh quẩn gần chỗ để đồ vật tế. Với đầu óc thông minh của mình, vị tu sĩ đáng kính, tất nhiên là người đã hiểu tên khốn đó giấu những hạt cườm trong bức tượng còn ướm, và hấn kiểm tra xem những hạt cườm đó còn nguyên tại chỗ hay không. Một thời gian sau việc này sẽ bị lãng quên, hấn sẽ trộm hoặc xin thầy tư tế bức tượng đó và hấn sẽ là chủ của vật báu.

Người gác liếm đôi môi khô và hỏi bằng giọng khàn khàn:

– Vậy ra ông kiểm bức tượng đó? Nhưng làm sao biết được bức tượng nào có giấu hạt cườm. Có thể phải đập vỡ vài trăm cái để tìm, tội phạm thượng nặng lắm.

Cuocu nhìn quanh và hạ giọng nhỏ hơn:

– Việc là thế này, ta không cần đập cái nào hết. Có một loại thuốc thần cho phép ta nhìn xuyên qua đất sét dễ như nhìn qua nước, ta chỉ cần xem hết cái này đến cái khác thôi. Mà việc này tốt nhất là làm vào ban đêm, dưới ánh trăng, lúc đó phép màu sẽ hiệu nghiệm hơn. Nhưng khổ một nỗi là nếu ta xem một mình thì cả đêm cũng không kịp, phải làm gấp...

– Tôi sẽ giúp ông. – Pocoh nói dứt khoát. – Nhưng cả hai chúng ta sẽ cùng mang vật quý trả cho thầy thượng tế.

Cuocu vung tay, nét mặt lộ vẻ vui mừng:

– Cảm ơn người, anh bạn. Tất nhiên là sẽ cùng đi đến chỗ thầy thượng tế, ngài sẽ hào phóng thưởng cho người, và biết đâu đó sẽ nhận người làm người hầu cận. Người xứng đáng với vinh dự này.

Nhưng các bạn của người sẽ ganh tỵ...

– Kệ cho chúng ganh tỵ. – Người hầu hăng hái nói, rõ là điều nhỏ nhặt này không làm hấn sợ. – Đêm nay tôi gác trong sân, ông cho tôi uống nước thần đi, tôi sẽ cố gắng tìm những hạt cườm.

Nhưng người lùn cần cả hai kẻ gác uống thuốc ngủ. Làm sao để Pocoh kéo cả Nohon vào cuộc.

– Hôm nay người trực một mình? – Cuocu cẩn thận hỏi.

Vẻ mặt của Pocoh tối lại.

– Không, – hấn bối rối nói, – ông đừng lo, còn một đứa nữa gác với tôi, nó tên là Nohon. Nó là người tốt, có thể tin nó được.

– Tuyệt lắm! – Người lùn vui sướng thốt lên. – Chúng ta sẽ cho nó biết và để nó giúp chúng ta. Ba người làm sẽ nhanh hơn nhiều.

Nhưng người hầu của đền thờ vị thần Ngô trẻ sợ mất dịp may thăng cấp, Pocoh ngập ngừng hỏi:

– Lúc đó cả ba cùng đến gặp thầy thượng tế ư? Nhưng chỉ có hai hạt cườm thôi mà?

Cuocu cười độ lượng:

– Chủ nhân thông thái của ta biết phân biệt đầu óc thông minh với ngọn đèn lò mờ. Cứ để Nohon cùng làm, hấn cũng sẽ được thưởng, nhưng không nhiều đâu.

Pocoh gọi Nohon đến, người lùn kể ngắn gọn cho tên hầu nghe. Niang-Hinah không gặp may trong buổi trực tối nay, tên hầu thứ hai còn đàn hơn tên đầu, hấn há miệng nuốt từng lời của câu chuyện do Cuocu bịa đặt. Hấn nôn nóng muốn thử sức mạnh của thần dược.

– Cho chúng tôi thuốc đi và chúng ta bắt đầu công việc.

– Hấn nói.

Cuocu cần đợi thêm nửa giờ nữa, viện cố đang còn trắng, ông

thuyết phục các chàng trai đợi cho đến lúc tối mịt.

Giao bột cho họ xong, người lùn thấy nhẹ cả người. Ông vội vàng quay về, ông đã mất quá nhiều thời gian và cần phải có mặt ở cung điện, bởi vì người ta có thể phát hiện ra sự vắng mặt của ông và lúc đó ông lại phải bịa ra vài câu chuyện thần thoại mới. Cuocu cảm thấy đầu óc mình hoàn toàn bị cạn kiệt và không thể bịa thêm được chuyện gì nữa.

Cũng may là không ai phát hiện sự vắng mặt của Cuocu. Phần thời gian còn lại người lùn không rời khỏi thái tử, ông suông sã xía vào câu chuyện của các triều thần, nói năng một cách xác xược và đồng thời an ủi chủ nhân của mình.

Đến giờ cầu nguyện buổi tối, thái tử đến chỗ quốc vương để tham gia buổi lễ. Cuối cùng con người nhỏ bé cảm thấy được tự do, ông đã kiên nhẫn chế riễu thái tử để ngài không chịu được và đuổi ông đi. Cuocu chỉ cần vậy.

Lòng nhẹ nhàng, Cuocu rời khỏi phòng và đi tìm Tiang.

Ông hy vọng gặp nàng ở nhà.

Hôm nay Tiang sống trong sự bồn chồn. Thất vọng lấn át cả hy vọng, sau đó lại xuất hiện sự ngờ vực tâm tối. Lúc thì nàng cảm thấy Cuocu không làm được việc gì, lúc thì nàng ước mong đêm nay sẽ có chuyện thần kỳ, nàng sẽ được gặp người yêu và trò chuyện cùng chàng. Cuocu giữ lời hứa với Trachil, không nói cho Tiang biết về bột ngủ, vì vậy nàng không thể ngờ được là người đỡ đầu đã quá cố lại giúp được nàng trong lúc này.

Làm xong việc nhà, cô gái cho bọn trẻ, đã mệt lử vì chạy nhảy suốt ngày, đi ngủ. Nàng chuẩn bị đến chỗ hẹn. Hoàn cảnh rất thuận lợi cho nàng: cũng như những đàn ông của Tahcum-Tracang, trong những ngày này, chú của Tiang nghỉ đêm ngoài ruộng đang gieo hạt. Nàng cẩn thận tắm rửa, mặc chiếc váy mới và

chải mớ tóc tuyệt đẹp của mình. Tiang ra khỏi nhà, hướng về chỗ hẹn. Nhưng mới đi được vài bước nàng đã gặp người lùn đang vội vàng chạy đến.

– Ông nghĩ ra điều gì chưa? – Tiang hỏi hộp hỏi.

– Có. Nàng sẽ được gặp Shang và nói chuyện với chàng ta. – Cuocu tuyên bố giọng vui sướng, mặc dù trong thâm tâm ông vẫn nghi ngờ sự thành công của kế hoạch.

Tiang lao về phía trước nhanh đến nỗi người lùn năn nỉ một cách tội nghiệp:

– Đừng vội Tiang! Ta không thể theo kịp nàng, mà không có ta nàng sẽ không làm được gì đâu, thậm chí cũng không tìm ra chỗ nữa.

Cô gái bước chậm hơn. Suốt quãng đường ngắn còn lại họ đi trong im lặng. Tiang thầm lựa chọn những lời mà nàng sẽ nói với người yêu, còn Cuocu suy nghĩ, những người hầu có uống thuốc đúng lúc và thuốc có tác dụng hay không. Khi nghĩ rằng, những thằng ngốc này có thể vội vã và ngủ trước khi đổi gác, người lùn đổ mồ hôi lạnh.

Trăng đã lên khá cao khi họ đến gần đèn thờ vị thần Ngô trẻ. Cuocu để cô gái trong bóng tối của tòa nhà, còn ông cẩn thận rón rén tiến về phía sân, nơi để chiếc lồng nhốt người tù. Tim ông tràn đầy niềm vui khi thấy thuốc của Trachil quả thật là công hiệu: cả hai tên hầu đều ngủ say. Nohon rõ là đã uống thuốc sớm hơn, hấn nằm lãn gần cửa đèn, Pocoh nằm ngáy gần đồng hồ dăng tể, tay trái còn cầm chắc một bức tượng đất sét. Vài bức tượng đã bị đập vỡ gần chỗ hấn ngủ.

Cuocu xem xét, lắc chân Pocoh để kiểm tra xem hấn ngủ có say không, người hầu vẫn ngáy o, o. Chú lùn nhỏ thó luôn nhanh đến, ẩn sau bóng của chiếc lồng. Ông cẩn thận xem xét và lắng nghe

một lúc, xung quanh yên lặng như tờ.

Chiếc lồng mà Shang ngủ ban đêm là một chiếc cũi khá chắc chắn bằng gỗ lim, cây to bằng cườm tay người lớn. Khoảng cách giữa các cây chỉ đủ để cho không khí và ánh sáng xuyên qua, nhưng không thể đưa được cốc chén qua khe hở này.

Cuocu căng thẳng suy nghĩ, ông có nên gọi Shang dậy, chuẩn bị cho chàng gặp Tiang hay là báo cho cô gái biết tất cả. Rồi ông lại nghĩ rằng giọng nói của ông sẽ làm Shang hoảng sợ, người tù có thể la lên và mọi việc sẽ hỏng bét, bởi vì Cuocu tin rằng trong đền vẫn còn những thầy Tư tế chưa ngủ. Ông thở dài và đi tìm Tiang.

Trái tim đập điên cuồng, Tiang bay về phía chiếc lồng, bám chặt vào đó, điên dại dùng con dao nhỏ bằng đá obsidian cứa những chiếc dây chắc cột cửa lồng. Cuocu chụp tay cô gái. Với sức mạnh phi thường, Tiang giật ra và tuyệt vọng tiếp tục chiến đấu với những sợi dây to khỏe. Người lùn thấy rằng phải tốn nhiều thời gian để cắt những chiếc dây này.

Theo ông thì ý định này vô ích và nguy hiểm.

– Cô làm gì vậy? Để làm gì? – Ông giận sôi lên.

– Tôi muốn cứu chàng, ông không hiểu sao? – Tiang gằn như thét lên.

Nohon cục cựa, lăn nghiêng qua một bên, nói lảm bảm và ngủ tiếp. Động tác bất ngờ này làm Tiang sợ hãi. Nàng lặng người giây lát, lợi dụng cơ hội này, Cuocu lấy tay bịt miệng cô gái, ông nói nhỏ vào tai Tiang:

– Cô hiểu cho, nếu cô cứu Shang bây giờ thì ngày mai họ sẽ bắt lại chàng. Nhất định họ sẽ bắt lại dù chàng có trốn ở đâu đi nữa. Còn chúng ta sẽ bị giết, sẽ bị giết! Mà cô cũng không kịp giải thoát cho Shang. Các thầy Tư tế sẽ chạy đến bây giờ. Nói chuyện với Shang nhanh lên, chúng ta phải rời khỏi nơi đây!

Lúc đầu Tiang cắn tay người lùn, nhưng sau đó một cơn run bất ngờ lan khắp người nàng. Cuocu hiểu rằng lời nói của ông đã có tác dụng. Cánh tay cầm dao của cô gái bất lực hạ xuống, con dao rời ra, Tiang lặng lẽ khóc. Cuocu bước ra, lo lắng nhìn quanh. Nén sự hồi hộp, cô gái lẩn vào bóng chiếc lồng, bám vào các thanh gỗ và thì thầm:

– Shang! Shang yêu quý! Chàng nghe em nói không? Em là Tiang đây!

Bị say thuốc, chàng trai đang thiêm thiếp trên ổ lót trong lồng. Giọng nói nhỏ trong đêm tác động đến Shang mạnh bất ngờ. Chàng vẫn còn cảm nhận giọng nói của Tiang như giấc mơ, nhưng những hồi ức ngọt ngào và đau khổ đã thức dậy trong lòng Shang, chàng ngẩng đầu và hỏi nhỏ:

– Ai đó?

Những giọt nước mắt lớn chạy dài trên má cô gái. Nàng bám chặt hơn vào lồng và trả lời:

– Em là Tiang đây! Chàng không nhận ra em sao?

– Có, có! – Shang thì thầm. – Làm sao nàng đến được đây?

– Một người bạn đưa em đến...

Tiang nhìn quanh và thấy Cuocu đứng xa xa.

– Người mà ngày xưa đã giúp chúng ta đó. Ông ta đang canh chừng... Chàng nói nhanh lên, làm sao để cứu chàng?

– Không được cứu ta... Ta là hiện thân của thần tốc lực và sẽ là thần... Ở đây ta thấy tốt, thấy tốt...

Giọng nói của chàng trai gián đoạn, thấy rõ trong đó có cuộc đấu tranh nội tâm. Tuổi trẻ, tình yêu, cuộc sống tuy có khó khăn, nhưng tự do thời trước vẫn gọi chàng quay lại, vẫn gọi ý chí của chàng. Nhưng những lời đầu độc đều đều thường xuyên của các

thầy Tư tế và thuốc mê lại mạnh hơn. Chàng thanh niên nhiệt tình trước kia không còn nữa. Trước mặt Tiang là một hình nhân ngoan ngoãn tuân theo ý nguyện của người khác.

Tiang cố gắng thức tỉnh người yêu lần cuối, nàng thở dài hỏi:

– Chàng có nhớ buổi gặp đầu tiên của chúng mình không?

Chàng có nhớ cái đêm trong rừng không?

– Không. – Chàng uể oải trả lời. – Mà việc gì ở đó vậy?

Cô gái lùi lại như bị một đòn vào ngực. Nàng bám móng tay vào lòng bàn tay để kìm tiếng kêu sắp bật ra khỏi cổ. Nước mắt lập tức ngừng chảy. Bọn chúng đã làm gì Shang của nàng? Cho chàng uống thứ gì để chàng từ chối tự do, tình yêu và từ chối Tiang của chàng, để chàng quên tất cả?

– Nàng còn ở đây sao? – Chàng trai hỏi. – Nói mau và về đi, ta buồn ngủ quá!

Trái tim cô gái muốn nát ra vì đau đớn khi nghe những lời nói tàn nhẫn này. Shang ngày xưa cầu xin nàng đừng về, năn nỉ thêm từng phút giây gặp gỡ... Còn người này lại đuổi nàng về. Nhưng trước khi về nàng phải biết ai đã gây ra việc này.

– Chàng ơi, sao chàng lại rơi vào chỗ này? – Tiang hỏi giọng không thay đổi. Giọng nàng dịu dàng và ấm áp.

– Anaib-Ungir chọn ta khi ta còn là một đứa bé. – Shang thờ ơ trả lời. – Từ đó đến giờ ngài theo dõi ta và quyết định rằng ta xứng đáng với vinh dự cao quý này... Nàng còn muốn gì nữa?

Tiang lại ép sát vào các cây gỗ.

– Chàng hãy hứa với em trước linh hồn của cha chàng là sẽ không lấy một cô vợ nào dù là quyền quý nhất! Chàng nghe em nói chứ, Shang? Vì những kỷ niệm của chúng ta, hãy hứa là sẽ không lấy vợ!

– Được! – Chàng trai trả lời giọng ngái ngủ và nằm gọn vào ổ lót. – Ta hứa! Ta không cần ai hết, các người chỉ là những kẻ ồn ào, phiền phức! Chúc ngủ ngon, Tiang!

Không trả lời, cô gái quay lại chỗ Cuocu, nắm lấy tay người lùn, kéo ông chạy theo mình.

Họ im lặng rời khỏi khu đồi. Đi được nửa đường về Tahcum-Tracang bỗng nhiên Tiang ngã quỵ và khóc nức nở. Người nàng run lên trong cơn co giật làm người lùn lo sợ, bối rối.

– Bình tĩnh nào, Tiang. Đừng khóc! – Ông nhìn đôi vai gầy của cô, bất lực nói. – Hãy cho già Cuocu biết đi, chuyện gì vậy?

– Cuocu ơi, hôm nay tôi mất người yêu rồi! Đây là một người khác hoàn toàn xa lạ. Đây không phải là Shang ngày xưa. Nếu không nghĩ đến việc báo thù kẻ đã ăn cắp Shang của tôi thì tôi đã kết thúc cuộc đời mình cùng nỗi đau khổ này. Nhưng tôi phải sống, tôi muốn trả thù, tôi phải trả thù!

– Được, – người lùn chậm rãi nói, – cô sẽ làm việc này. Nhưng bây giờ phải bình tĩnh, ngủ và nghỉ ngơi. Đi nào. Ta đưa cô về nhà.

Ông mò trong khố chiếc túi nhỏ đựng bột của Trachil.

May quá, vẫn còn một gói nhỏ. Cũng như thầy Tư tế già thông thái, ông đã thấy trước số phận cay đắng của cô gái, nhưng giờ đây Cuocu mới thấy rõ điều này. Người lùn đỡ tay Tiang, họ chậm chạp lê bước về làng.

Gần đến nhà của Maash, người lùn đòi uống nước. Tiang đưa cho ông bình nước. Cuocu làm bộ uống và đổ gói bột vào đó. Ông đưa lại bình nước cho Tiang và nói:

– Cô uống cho tỉnh táo đi, cảm ơn. Nước ngọt quá!

Không nghi ngờ gì, Tiang uống luôn mấy hớp. Cuocu từ biệt, hẹn ngày mai sẽ đến và vội vã ra về. Ông kiệt sức vì hồi hộp và mệt mỏi.

Tiang bước vào căn nhà yên lặng. Nàng lặng lẽ nằm xuống chiếu, lắng nghe hơi thở của bọn trẻ đã ngủ say. Nàng định không ngủ và buồn rầu nghĩ là mình sẽ khổ sở biết bao từ giờ cho đến sáng, nhưng nàng lại nhanh chóng thiếp đi với ý nghĩ nặng nề.

CUỘC HÀNH TRÌNH XA XÔI

Sao-Lorenzo. Mexico.

Chúng ta phải lên đường...

• “Popole-Vuh”

Sau lễ cầu nguyện buổi sáng, các thầy tư tế phát hiện thấy hai người gác ngủ ngon lành cạnh lồng giữ hiện thân của vị thần Ngô trẻ, một con dao nằm trên mặt đất, một dây thừng buộc cửa bị cửa đứt.

Chuyện xảy ra ban đêm trở thành câu đố đối với NiangHinah và những người trợ thủ của ông. Bị đập dậy bằng những cú đá mạnh, Pocoh và Nohon không nhớ gì hết. Loại thuốc mạnh của Trachil làm họ quên hết chuyện xảy ra ban ngày. Những bức tượng đất bị bể cũng không giúp ích gì cho các thầy tư tế. Họ không hề nghĩ rằng một cư dân nào đó của Nivannaa-Tracbolai lại định cứu tuyền nhân của thần Ngô trẻ.

Niang-Hinah xin ý kiến của thầy thượng tế, sau những cân nhắc kỹ lưỡng, họ cho rằng âm mưu bất thành xúc phạm đền thờ và buổi lễ sắp tới là do các môn đồ của đền thờ thần Mặt trời thực hiện. Sự đối đầu thường xuyên của Beleng-Hish với Anaib-Ungir, tham vọng chiếm chức vụ

Thượng tế của ông, sự khó chịu của ông đối với NiangHinah, đệ tử yêu quý của Anaib-Ungir: tất cả những điều này làm sáng tỏ giả thuyết trên. Mặt khác, ý tưởng phạm tội của các tu sĩ là đại bất

kính. Sau khi trao đổi, các thầy tư tế quyết định tăng gấp đôi số người gác, cho người theo dõi Beleng-Hish, còn chuyện kỳ lạ đêm qua thì phải quên đi. Do lười biếng Pocoh và Nohon bị đuổi khỏi đền và giao cho quan quản nông, phạt chúng làm những công việc đặc biệt nặng nhọc. “Khi phạm lỗi, – Anaib-Ungir trao đổi riêng với quan quản nông, – những chàng trai này sẽ bị đánh bằng gậy và chỉ đánh vào đầu”. Bằng phương pháp này thầy thượng tế hy vọng là sẽ nhanh chóng gột rửa đầu óc của kẻ phạm lỗi.

Cuocu sống với nỗi lo lắng kỳ lạ trong ba ngày đầu sau cuộc phiêu lưu đêm trước. Ông luôn giạt mình và sợ sệt nhìn quanh, chờ đợi sứ giả của thầy thượng tế đến tìm. Thậm chí chú lùn không muốn gặp Tiang, mặc dù ông rất lo cho nàng. Nhưng không có ai tìm ông, không nghe một tin đồn nào hết và cuối cùng Cuocu cho rằng, nhờ một phép màu nào đó mà cuộc đột kích táo bạo của ông đã không bị phát hiện. Bằng các thủ thuật lòng vòng Cuocu hỏi về Pocoh và Nohon, ông được biết là họ bị đuổi khỏi đền. Điều này làm ông hoàn toàn yên tâm.

Một tuần sau, lợi dụng cơ hội thuận tiện người lùn đến thăm Tiang. Ông gặp cô gái đang bận bịu cạnh bếp lò. Trái tim nhỏ bé của chú lùn đau khổ khi ông nhìn thấy nàng. Tiang có vẻ tươi tỉnh, mặt nàng đầy đặn, hai má đỏ hồng, tay cô làm việc khéo léo, tự tin.

Thế là thế nào? Cuocu bối rối. Lúc đầu ông thoáng nghĩ là Tiang đã có ý trung nhân mới và thậm chí ông còn giận thay cho Shang. Nhưng sau câu hỏi thăm dò, ông hiểu rằng cô gái không nhớ gì về những sự việc của đêm ấy, không nhớ gì về việc tuyển chọn Lem-Hoolom mới. Tiang chỉ nhớ được trận bão và cái chết của Trachil.

Nàng không lần nào nhắc đến tên Shang và người lùn tin chắc vào sự kỳ diệu của thứ thuốc mà thầy tư tế già đã giao cho ông trước khi chết. Chỉ đến giờ đây Cuocu mới thật sự hiểu tại sao những người hầu của đền thờ im lặng: chính họ cũng không nhớ

được gì.

Sau buổi trò chuyện thờ ơ và nhã nhặn, Tiang từ biệt Cuocu, xin lỗi vì phải đi cho bọn trẻ ăn. Cuocu buồn bã quay về cung điện, vội vàng lấy gói bột đáng nguyên rủa ra khỏi chỗ giấu, ông chỉ yên tâm khi đã chôn túi bột trong rừng.

Hai tháng trôi qua. Kinh thành và các làng lân cận đã trở lại cuộc sống bình thường. Từ đồng đở nát do cơn bão gây nên, Nivannaa-Tracbolai dần dần được phục hồi. Tumeh-Sahing trở nên quan trọng và kiêu hãnh: nhờ sự phòng ngừa và việc thực hiện chính xác nghi lễ, những tai họa khủng khiếp đe dọa đất nước đã được ngăn cản. Còn trong đất sinh ẩm ướt của đảo Usokitoc-Peteng, hài cốt của vị quan Ai Cập nhanh chóng biến thành cát bụi của miền đất xa lạ, biến vào rễ, thân và lá của những loại cây ngoại quốc.

Cuocu đến thăm Tiang vài lần, nhưng những câu chuyện của họ ngắn ngủi. Cô gái đối xử với ông dịu dàng, rất kính cẩn. Người lùn cảm thấy nàng đang sống trong mơ, sự nhiệt tình và vui vẻ của nàng biến mất. Nhiều người nói rằng bàn tay của một vị thần ác nào đó đã chạm vào cô gái.

Tiang không nói một lời nào về quá khứ với Cuocu. Ngồi cạnh nàng, ông trao đổi vài câu ngắn ngủi, thở dài và ra về. Cuocu muốn khóc vì tội nghiệp cho Tiang. Ông nhìn thấy Shang hai lần khi chàng ăn bận sang trọng đi qua kinh thành, quanh chàng là đám đông các thầy tư tế và người hầu. Hiện thân của vị thần trông có vẻ vô tư và vui sướng. Qua câu chuyện của các triều thần, Cuocu vô tình biết được là Shang từ chối lấy vợ, điều này làm ông hơi mừng. Nhưng Cuocu không hiểu rằng việc từ chối lấy vợ của Shang làm các thầy tư tế rất vui.

Tug-Anseng trở về trước vụ thu hoạch. Chàng có vẻ kiệt sức, già đi và lo lắng. Sau khi tắm rửa và ăn uống, nghệ nhân tạc tượng

ngồi vào góc nhà, hỏi vợ vài câu: nàng sống như thế nào, sức khỏe của con trai ra sao, có tin gì về mẹ hay không. Nam-Suc trả lời dè dặt với giọng nhỏ nhẹ. Dáng điệu không bình thường vì nét mặt của chồng làm nàng hoảng sợ. Thường thì sau khi làm xong một công việc phức tạp, chàng nghệ nhân trẻ luôn vui vẻ, hăng hái và nói nhiều. Khi nàng định kể chuyện Shang và Tiang, thì Tug-Anseng xua tay ra lệnh cho nàng im lặng. Người phụ nữ ngừng lại nửa chừng như bị nghẹn. Sự im lặng tăm tối, nặng nề ngự trị trong nhà. Một lát sau người tạc tượng bước đến chiếc nôi của Cangah, lơ đãng thọt lét ngón tay dưới cằm đứa trẻ. Đứa bé cười với cha, nói ơ với vẻ mặt vui sướng. Nét mặt của con hình như làm cho lòng Tug-Anseng nhẹ đi. Nhưng tối hôm đó và cả ngày hôm sau chàng lại lầm lì và cau có. Qua lời những người vợ của các thợ phụ, Nam-Suc biết rằng tất cả đều đã trở về, nhưng họ không nói gì về công việc đã làm, chỉ một người lộ bí mật cho vợ biết là họ đã thề im lặng...

Sự trở về của người thợ điêu khắc trùng với một sự kiện khác, làm nhiều cư dân của kinh thành lo lắng. Đoàn buôn do quốc vương Nivannaa-Tracbolai cử đi năm ngoái đã trở về từ cuộc hành trình xa xôi. Ngày hôm sau, trưởng đoàn buôn Saapit được đức vua tiếp trong bầu không khí tin cậy. Buổi gặp mặt chỉ có thái tử và Tene-Tung tham dự.

– Tàu hoàng thượng, cuộc hành trình đã hoàn thành tốt đẹp, – Saapit báo cáo ngắn gọn, – chỉ có một phu kiệu bị chết bởi sự bất cẩn do đạp phải rắn độc. Tất cả hàng hóa đưa về đã được nhập kho của ngài.

– Người nhận được gì ở Aiarsa? – Nhà vua hỏi.

– Tàu, năm chiếc đĩa tuyệt đẹp bằng đá hematit, hai mươi tám viên nephrit, hai mươi gánh obxidian màu lục chất lượng hảo hạng, bốn mươi gánh đất sét trắng. Ngoài ra chủ nhân của thành phố đã

gửi tặng hoàng thượng mười bình nhỏ làm bằng chất liệu đặc biệt và năm súc vải các loại.

– Tốt lắm! Ta hài lòng, rồi người sẽ được thưởng! – Chủ nhân vùng Đất Đỏ nói.

Saapit im lặng quì xuống chân ngài, nghẹn ngào. Theo lệnh vua, Tene-Tung đỡ người trưởng đoàn buôn đứng dậy.

– Đức vua thành Aiarsa xin hoàng thượng một sự giúp đỡ hữu nghị: gửi cho ông ấy một thợ điêu khắc giỏi. Đức vua muốn trang trí thành phố của mình bằng những pho tượng như của chúng ta. Ông ấy nói là Nivannaa-Tracbolai nổi tiếng nhiều thợ giỏi. – Ah-Shacan xin truyền lại lời thỉnh cầu ấy.

– Chúng ta vui mừng làm chuyện này. – Đức vua nói. – Hãy để cho dân thành Aiarsa thấy nghệ thuật cao siêu của các nghệ nhân của chúng ta. Ah-Shacan rất khen ngợi một nghệ nhân của mình, hẳn sẽ đi với ông. Sau ba ngày nữa người lại đi Aiarsa cho ta.

Trưởng đoàn buôn cúi đầu tuân lệnh, nhưng mặt ông sa sầm: mong ước được nghỉ ngơi ở nhà lại tuột khỏi tay ông. Biết bao lần ông mơ ước điều này trong những chuyện đi xa và nguy hiểm.

– Saapit, người vẫn chưa nói cho ta biết, ở Aiarsa có nhiều chiến binh hay không? – Nhà vua bất ngờ hỏi. – Chúng ta có thể chiếm thành phố được không? Đó là một thành phố giàu có, là cửa ngõ để tiến vào những vùng đất bên trong rừng núi.

– Chiến binh ở Aiarsa rất nhiều, đánh chiếm vùng ấy rất khó. – Thần luôn nhớ nhiệm vụ này, thần đã xem xét kỹ những điều quan trọng cho một cuộc hành quân. Thành Aiarsa có gần một ngàn chiến binh, lúc cần, tất cả đàn ông đều có thể cầm vũ khí. Ngoài ra, địa hình ở đó thuận lợi cho phòng thủ và khó cho tấn công...

– Ừm, vậy phải tạm thời gác lại việc này thôi. – Đức vua thành

Nivannaa-Tracbolai thở dài nói.

Quay về phía con trai ngồi đằng sau, nhà vua nói:

– Nhưng hy vọng rằng, nếu không phải ta thì con sẽ thực hiện ý tưởng vĩ đại này! Cầu mong cho sức mạnh của chúng ta lớn lên, cầu mong cho Aiarsa lọt vào tay chúng ta.

Thái tử, Tene-Tung và Saapit cúi thấp người trước nhà vua, tất cả đồng thanh:

– Vinh quang thuộc về người, tâu hoàng thượng!

– Saapit, người cứ tiếp tục quan sát, nếu ở Aiarsa có điều kiện thuận lợi cho những kế hoạch của chúng ta: sự bất mãn, tức giận, nổi loạn, thì lập tức hỏa tốc báo cho ta. Trên đường đi hãy nghĩ đến Trapulistagua, đã đến lúc cử một đoàn buôn đến đó. Giờ thì đi đi, ta cho phép người nghỉ ngơi.

Saapit lại cúi sát người xuống, hôn chân đức vua và đứng lên bước ra khỏi phòng. Khi hình dáng cao lớn của ông khuất sau tấm màn, thái tử thốt lên:

– Trapulistagua à, con chưa nghe, thưa phụ vương! Vùng này quá xa cách Nivannaa-Tracbolai.

– Đúng, đất nước này cách chúng ta rất xa. – Đức vua đồng ý. – Nhưng buôn bán với họ sẽ có lợi cho chúng ta. Ở đó có đá nephrit tuyệt hảo, cacao thì rất rẻ... Nhưng chúng ta sẽ tiếp tục đàm luận về đối tượng thú vị này trong bữa ăn. Ta thấy đói rồi.

Tene-Tung vỗ tay và ra lệnh cho người hầu vừa bước vào.

Một ngày sau Ah-Shacan báo cho Tug-Anseng đến cung điện trước nhà của Ah-Shacan. Những tên nô lệ khỏe mạnh của hoàng cung đang đợi họ bên cạnh chiếc kiệu. Cả hai nhanh chóng được đưa đến cung điện để gặp Đức vua vùng Đất Đỏ.

Nhà vua thông báo ngắn gọn cho Tug-Anseng biết ngày kia chàng sẽ lên đường cùng đoàn buôn đến Aiarsa. Chàng được giao

công việc tạc tượng ở đó.

Chàng thợ điêu khắc trẻ hồi hộp nói:

– Tâu hoàng thượng, xin cho thần hoãn lại một thời gian.

Thần muốn được có mặt trong buổi lễ xuống hạt thiêng...

– Vượt núi vào lúc ấy sẽ rất khó khăn, – nhà vua ngắt lời, – vì vậy phải đi sớm. Người lên đường vào sớm ngày kia. Đó là lệnh của ta.

Tug-Anseng im lặng cúi gập người xuống. Khuôn mặt chàng nghệ nhân trẻ như khô lại. Khi hai người tạc tượng đã đi khuất, vua nói với viên sủng thần:

– Ta không hiểu được tại sao tình cảm của kẻ bình dân đối với người thân lại mềm yếu thế. Con trai thứ của ta mất một cách vô lý trong cơn bão, nhưng không lẽ ta cho phép mình, dù chỉ một giờ, chìm đắm trong đau thương? Cái riêng phải giấu vào bên trong... Nghĩa vụ với nước nhà cao hơn tất cả!

– Tâu hoàng thượng, ngài là bậc siêu nhân, còn chàng trai kia là người trần tục bình thường. Vì vậy sức mạnh tâm linh của chàng không lớn. – Tene-Tung cố bênh vực cho người thợ tạc tượng.

Nhà vua bần khoản nhún vai:

– Dù sao ta cũng là một người cha, còn gì đau đớn hơn khi người cha phải chôn cất con mình! Vậy mà có ai nghe thấy ta than một lời đau đớn nào không? Mà câu chuyện này quả là vô ích. Ngày kia tên tạc tượng lên đường, người lưu ý thực hiện cho tốt. Còn cái đầu của Lem-Hoolom tương lai được làm tuyệt quá, nó tốt hơn những chiếc đầu trước. Chàng trai này có tài, vì vậy ta cử nó đi để làm rạng rỡ cho Nivannaa-Tracbolai. À, Saapit đem hàng và quà gì đến cho quốc vương Aiarsa? Hãy gọi ông ta đến đây ngay.

Tene-Tung cúi gập người và vội vã rời khỏi phòng. Ông ta cảm

thấy ghê sợ khi phải ở lâu bên cạnh nhà vua...

CHƯƠNG XXVI

CHƠI BÓNG

Sao-Lorenzo. Mexico.

Họ đến đây chơi bóng với chúng ta, để làm chúng ta hạnh phúc.

• “Popole-Vuh”

Vào một sáng đẹp trời Shang được đánh thức trước lúc bình minh. Hai ngày nay các thầy tư tế không cho chàng uống thuốc mê, trí nhớ của chàng dần dần được hồi phục. Những hồi tưởng buồn, nhớ cũng trở lại với Shang. Trước mắt chàng hiện lên những hình ảnh mờ nhạt: chàng và Tiang ngồi trên thân cây đổ trong rừng, cơn bão đang đến gần và họ ôm nhau trong nhà của Trachil...

Bất chợt Shang rùng mình. Chàng đã mơ hay thật sự đã nói chuyện với người yêu khi ở trong lồng ngoài sân đền thờ? Mình đã nhìn thấy cô gái, đúng hơn là đã nghe được giọng nói của nàng trong mơ hay thực tế? Chẳng lẽ nàng lại dám đến đây? Nàng nói gì và chàng trả lời ra sao? Nhưng dù cố nhớ đến mấy đi nữa thì những bóng đen lay động cũng không rõ hơn được chút nào.

Trong khi đó những người hầu, dưới sự kiểm soát của chính thầy Niang-Hinah, đang tận tụy làm vệ sinh cho Shang. Chàng trai được tắm rửa cẩn thận bằng nước ấm, sau đó họ sơn lên thân chàng những sọc đứng màu lục và nâu, mặc cho chàng chiếc khố mới bằng vải hoa. Tiếp theo những dụng cụ chơi bóng được mang đến: đệm đầu gối làm bằng da heo vùi dày và cứng, thắt lưng hình vòng cung bằng gỗ nhẹ được trang trí những chiếc mặt báo, găng

tay bằng da hươu dài đến cùi chỏ mềm và mịn. Những đồ vật này được mặc cho Shang với những câu thần chú và nghi lễ tương xứng. Cuối cùng họ đội cho chàng trai chiếc mũ da bó sát đầu với những dải đệm dày chạy từ trán đến gáy. Trước mũ gắn một miếng vỏ sò lớn, phẳng, sơn màu xanh lục.

Chàng trai đã nghe nói đến tralat-môn bóng thiêng, nhưng chưa bao giờ được tham gia, thậm chí cũng chưa được thấy. Đây là trò chơi huyền bí dành cho những người quyền quý nhất ở Nivannaa-Tracbolai và các thầy tư tế. Shang rất ngạc nhiên vì bộ lễ phục này, nhưng chàng không dám hỏi ai cả. Mặc dù được mọi người kính trọng, nhưng chàng thanh niên nông dân ngây thơ vẫn sợ các thầy tư tế, sợ những phép mầu của họ, những hành động và lời nói khó hiểu của họ.

Trong khi đó, những nghi thức long trọng chuẩn bị cho cuộc chơi đang được thực hiện trên bãi bóng. Đúng nửa đêm thầy thượng tế đến. Quốc vương và thái tử đi giữa đoàn tùy tùng đông đúc cùng một nhóm các nhà quý tộc và những già làng. Các chàng trai của đội bóng đứng riêng, họ phải ăn chay cả ngày hôm trước và được trang bị dụng cụ chơi. Tất cả đều im lặng với tâm trạng hào hứng: số phận của mười ba năm sắp tới được quyết định, chủ yếu là số phận của những vụ ngô tương lai – thực phẩm chính của bộ tộc Olmec.

Sân bóng là một dải đất dài, hẹp, được đầm cứng không có một ngọn cỏ. Mảnh đất nằm giữa hai nền đất đắp cao, đỉnh bằng phẳng. Quốc vương của vùng Đất Đỏ ngồi ở gò bên trái, giữa những cận thần của mình, còn ở gò bên phải là Anaib-Ungir và các thầy tư tế.

Nghi lễ bắt đầu bằng việc đốt lửa. Khi những ngôi sao cần thiết đã đến những vị trí nhất định, các ngọn lửa bùng lên ở bốn góc bãi. Các đồng củi khô cháy sáng rực, soi rõ sân bóng. Vài thầy tư tế

bước ra sân. Vừa hát thánh ca họ vừa đi quanh bãi từ trái qua phải theo đường đi của mặt trời. Từ những chiếc bình đất, họ rảy nước thánh tinh khiết lên nền bãi, lên sườn gò đất đắp. Các thầy tư tế đặc biệt chú ý đến hai tảng đá phẳng lớn nổi lên ở hai đầu sân chơi. Một tảng đá tạc hình con báo đang chồm lên, tảng kia tạc hình con khỉ cầm quả cầu trong tay – tượng trưng của mặt trời.

Kết thúc nghi lễ, các thầy tư tế quay về gò đất bên phải.

Bây giờ đến lượt Anaib-Ungir. Ngài đứng giữa bãi, lúc thì ngẩng mặt lên trời, khi thì cúi đầu xuống đất, làm bầm khăn vái rất lâu. Đồng thời Tumeh-Sahing cùng hai người trợ lý đi về phía trụ đá có con báo đang khiêu vũ, còn Beleng-Hish cùng hai người giúp việc đi về phía ngược lại. Khi thầy thượng tế quì xuống, những người hầu đưa cho Tumeh-Sahing và Beleng-Hish mỗi người một con chim cú, họ cắt cổ chim và rưới máu lên các tảng đá, sau đó họ đi về phía Anaib-Ungir và rưới máu lên sân chơi. Một thầy tư tế mới chạy đến đưa cho thầy thượng tế một quả bóng cao su nặng. Thầy thượng tế cầu khẩn trời đất và lấy sức lần lượt ném quả bóng về bốn góc bãi. Sau mỗi lần ném, những người hầu đặt một lư hương bốc khói đen cuộn cuộn vào chỗ bóng rơi xuống. Đó là nhựa pom cháy tỏa mùi thơm mà các vị thần rất thích. Lễ cúng sân kết thúc.

Nữ tu Ish-Can-Leosh cùng với các nữ tư tế khác xuất hiện cạnh đức vua. Bà bận chiếc áo khoác màu trắng rộng đến kỳ lạ, trên áo có thêu hình bảy con rắn đỏ ngoằn ngoèo và đội chiếc mũ hình nón bằng vải đỏ cứng.

– Ba lần chào ngài, ô thần Cóc vĩ đại. Ba lần chào ngài, ô thần Bảy rắn. – Quốc vương xứ Đất Đỏ nói và cúi thấp trước nữ tu Ish-Can-Leosh. – Xin ngài rộng lượng với bộ tộc của ngài và cho họ được mùa!

Hôm nay nữ tu Ish-Can-Leosh là hiện thân của thần Tecaima-

Poia, vị thần cổ của quả đất và mặt trăng, người cai quản các loại cây có trái và thú vật. Để trả lời, người nữ tư tế chỉ tay phải về phía dải đất. Đây là dấu hiệu đồng ý của vị thần, mà bà là tượng trưng, cho phép thực hiện nghi lễ chính tiếp theo.

Trong tiếng đồng ca, người tư tế chậm rãi và trang nghiêm cầu nguyện:

*Hỡi thần Cóc vĩ đại,
Hỡi người truyền tin tốt bụng,
Hãy ban tặng con trai của người cho chúng ta
Thần Ngô trẻ mảnh mai! Thần sẽ được nuôi và bảo vệ,
Sẽ được nhận đầy quà.
Chúng ta sẽ dâng nước cho thần – người nefrit,
Thần sẽ rất hài lòng!
Hãy ban tặng đi, hỡi thần Cóc vĩ đại,
Con trai nối dõi thần thánh của người,
Con trai quý báu của người.*

Trời hé sáng, phương đông ửng hồng. Năm thầy tư tế dưới sự chỉ huy của Niang-Hinah dẫn con người đã chọn đang run sợ, ngỡ ngác bước đến chỗ của Ish-Can-Leosh. Nữ thượng tế nhanh nhẹn mở áo khoác trùm kín chàng trai, ôm chặt lấy chàng và ngồi xuống kéo theo cả Shang. Im lặng thành kính bao trùm tất cả: nữ thần Đất thụ thai thần Ngô. Ish-Can-Leosh bắt đầu rên rỉ và nghiêng ngả từ phía này qua phía kia như người trở dạ. Chàng trai lo lắng muốn thoát ra, nhưng nữ tư tế giữ chặt chàng với sức mạnh kỳ lạ, miệng bà sùi nước bọt.

Dàn đồng ca tư tế lại cất lời:

Hãy gia ân, hỡi nữ thần Bả rấn,

Cho con trai người đến với chúng ta!

Hỡi vị nữ chúa tài ba,

Cho ngài vui môn chơi bóng,

Số phận ngài là số phận của chúng ta,

Hỡi chủ nhân của cuộc sống!

Sinh cho đời vị thân trẻ tóc xanh.

Vàng thái dương nhô lên từ chân trời. Ish-Can-Leosh đẩy mạnh Shang về phía trước và đứng thẳng lên, các ngón tay của bà duỗi thẳng ra, chia về các phía, mặt ngẩng lên nhìn bầu trời.

Những tiếng hú mừng rỡ vang khắp vùng: nữ thần Đất đã ban tặng con trai của mình cho những thần dân của vùng Đất Đỏ và ban tặng vào thời gian hạnh phúc – lúc mặt trời mọc!

Bị đẩy ngã trên nền đất, Shang nhanh nhẹn đứng dậy, sự khéo léo và mềm mại trước kia chưa hoàn toàn rời bỏ chàng. Tiếng hò reo chào mừng lại nổi lên khi chàng đứng dậy. Nhà vua cúi người bước đến chỗ chàng trai. Trên khuôn mặt vốn nghiêm khắc và cao ngạo của ngài nở nụ cười vui sướng.

– Hai lần chào người, đức ông trẻ tuổi! – Ngài nói. – Ba lần chào người! Hãy nhận lấy đồ tế khiêm tốn này từ những thần dân hiền lành của ngài!

Bằng động tác thành thạo, nhà vua đeo chuỗi hạt cườm nephrit quý báu vào cổ Shang. Dù đã quen với những bất ngờ trong thời gian vừa qua, nhưng động tác này của vị chúa tể vùng Đất Đỏ làm chàng trai kinh ngạc. Miệng Shang mấp máy, nhưng vì hồi hộp nên chàng không nói được lời cảm ơn. Thương thay một vật tế thần bất hạnh! Chàng đâu có thể biết rằng, vai trò của chàng lúc này là không được nói điều gì.

Sau đức vua là thái tử, tiếp đến là những vị quan đại thần

quyền quý nhất của vương quốc Olmec, cuối cùng là các trưởng làng. Tất cả đều nói những lời chúc mừng hiền hậu và tặng quà cho vị thần mới sinh ra. Các thầy tư tế, đứng đầu là Anaib-Ungir, chăm chú theo dõi số lượng và chất lượng quà tặng. Sau lễ xuống hạt thiêng tất cả những vật này sẽ được đưa về kho của đền thờ. Những người hiến tặng cũng hiểu rõ điều này, đóng quà tặng nhanh chóng cao lên bên cạnh Shang.

Lễ dâng tặng kết thúc. Nhà vua nắm tay Shang đưa chàng đến rìa gò đất, đứng cạnh chàng và ra hiệu bắt đầu cuộc chơi. Mặt trời đã lên khá cao, rực rỡ chiếu sáng bức tranh trải rộng phía dưới. Anaib-Ungir cùng các thầy tư tế và người nữ thượng tế đi qua gò đất đối diện.

Các chàng trai chạy ra sân, họ chia thành hai đội. Giờ đây mới thấy rõ thân thể một số người sơn màu đỏ, những người khác – màu lục. Anaib-Ungir lại lầm rầm khấn vái và ném quả bóng nặng vào giữa sân. Buổi chơi bắt đầu.

Các đấu thủ nhanh nhẹn ném bóng, lúc về phía này, khi về phía kia. Quả bóng lúc thì bay vọt lên cao, gần đến đỉnh gò đất, lúc thì nặng nề đập xuống nền đất. Căng thẳng theo dõi trận đấu, đôi khi khán giả đồng thanh reo lên động viên hoặc ngạc nhiên vì một cú ném đặc biệt thành công theo ý họ. Có lúc nét mặt họ nhăn lại chứng tỏ có điều gì đó làm họ không thích.

Lúc đầu Shang thích thú xem quang cảnh kỳ lạ đối với chàng, nhưng sau đó chàng thấy chán. Chàng không hiểu các đấu thủ muốn giành điều gì, trò chơi thiêng liêng này đối với chàng là vô tích sự.

Shang cảm thấy khát. Trong một thoáng chàng thấy tội nghiệp cho những người đồng niên với chàng đang chạy lăng xăng ở dưới, họ phải thường xuyên vận động dưới nắng nóng trong bụi khô mù mịt. Chàng vô tình liếm đôi môi khô. Động tác của Shang chỉ

thoáng qua, nhưng không tránh khỏi cặp mắt của nhà vua, mặc dù lúc nào ngài cũng có vẻ chăm chú theo dõi trận đấu.

Không quay lại, đức vua nói nhỏ:

– Thần Ngô khát rồi, hãy cho ngài uống nước!

Lập tức một người hầu đưa cho Shang chiếc cốc nephrit đầy nước. Chưa bao giờ nước suối lạnh đến vậy. Chàng trai thâm ngạc nhiên: làm sao người ta có thể giữ được nước lạnh khi trời nóng như thế này? Quả là kỳ diệu!

Hai bên Shang xuất hiện hai người hầu cầm bầu nước lớn. Họ đổ nước chảy thành dòng lên vai chàng. Bất giác Shang nghiêng người dưới dòng nước mát để nước chảy khắp người.

Chàng trai nhìn người hầu tỏ ý cảm ơn, còn họ thì vui vẻ mỉm cười.

Làm thần Ngô quả là tốt!

Sau khi hiện thân của thần Ngô trẻ đã dịu cơn khát, nước được dâng cho vua. Ngài cúi chào Ish-Can-Leosh, vị nữ thần nước, rồi uống. Tiếp đến nước được dâng cho thái tử và truyền cho tất cả những người có mặt, trừ các đấu thủ.

Tiếng hò reo náo nhiệt vang lên từ sân chơi, những cầu thủ sọc đỏ giành được bóng và đưa đến đích – một tảng đá tạc hình con khỉ. Sự sôi động lắng xuống, các cầu thủ chờ ra tại chỗ như những bức tượng được tạc bằng đá đỏ. Bụi mù từ từ lắng xuống. Mặt trời đã ở đỉnh đầu.

Lời hát uy nghiêm của các thầy tư tế vang vang:

Thần Bấy rắn sinh ra ngài,

Thần Cóc vĩ đại ban tặng ngài cho chúng ta,

Ngài lớn lên như chàng trai cân đối,

Thần Bấy rắn cho ngài ăn.

*Các vị thần cho ngài uống,
Tắm mát ngài bằng hơi thở của mình.*

Điều tiên đoán đã diễn ra:

Thần Mặt trời chiếu vàng đầu ngài.

Đầu ngài cúi xuống, nặng nề.

Thời gian yên tĩnh, nghỉ ngơi.

Ngài sẽ còng xuống, khô héo.

Thần Ngô, hãy nghỉ ngơi cho khỏe!

Các cầu thủ tản về hai phía ngược nhau của sân bóng và đứng cạnh tảng đá. Niang-Hinah và Beleng-Hish bước từ gò đất xuống. Beleng-Hish đi thẳng đến tảng đá tạc hình con khỉ, còn thầy thượng tế của đền thờ thần Ngô trẻ thì bước đến gò đất mà nhà vua đang đứng. Đến gần Shang, ngài cúi đầu chào và cầm tay chàng. Cả hai cùng đi xuống, đến gần cột đá tạc hình con báo, nơi những cầu thủ mặc áo màu lục kính cẩn cúi gập người trước chàng trai. Từ đó, Niang-Hinah chậm rãi đưa tuyến nhân của thần Ngô trẻ đi quanh sân bóng. Khi đến gần Beleng-Hish, hai cầu thủ từ đội Mặt trời chộp lấy vai Shang và giật mạnh làm chàng trai ngã xoài ra đất, dưới chân thầy tư tế của thần Mặt trời. Thầy tư tế tay phải cầm dao bằng đá obxidian màu sẫm, cúi xuống theo nghi lễ kẻ bẫy vạch trên nền đất tính từ thân thể của chàng trai. Những vạch này tượng trưng cho những dòng máu bắn ra từ chiếc đầu bị chặt đứt của người chiến bại.

Nhưng lễ nghi bỗng bị phá vỡ. Shang không quen với những hành động thô bạo đối với mình, tinh thần chống cự và chiến đấu trỗi dậy trong chàng. Bất ngờ Shang vùng dậy, đẩy lùi hai đấu thủ đứng bên cạnh và nắm chặt cánh tay cầm dao của Beleng-Hish, không cho ông cúi xuống.

Tất cả mọi người đều sững sờ.

Anaib-Ungir là người đầu tiên trấn tĩnh lại, ông ta quát Niang-Hinah bằng thứ tiếng bí hiểm khó hiểu, sau đó nói nhỏ với Mishpitiacuc đứng bên cạnh: “Cần phải cho hiện thân của thần uống liên tục “nước dao”.

Thầy tư tế của thần Ngô đến cạnh Shang, ông nói với chàng bằng giọng nhỏ nhẹ và an ủi. Chàng trai bỏ tay của thầy tư tế thần Mặt trời và thở dài, đảo mắt nhìn những cầu thủ mặc áo sọc đỏ quanh mình và nằm dài xuống đất trước Beleng-Hish. Beleng-Hish vội vàng vạch bầy sọc và ra lệnh cho chàng trai đứng dậy. Lễ chơi bóng kết thúc. Các thầy tư tế thở dài nhẹ nhõm.

Những người hầu của đền thờ thần Ngô vây quanh Shang và nhanh chóng đưa chàng rời khỏi sân bóng. Mọi người ra về và sôi nổi bàn tán sự kiện bất ngờ đã xảy ra.

– Đây là điềm xấu, dấu hiệu không tốt. – Tumeh-Sahing nói với các thầy tư tế của mình. – Chúng ta chưa bao giờ để xảy ra việc này và không thể xảy ra được. – Ông nhìn về phía Niang-Hinah đang vội vàng lẩn tránh. – Như ai đó đã trả nợ vì vi phạm nghi lễ!

– Không thể tha thứ lỗi của Anaib-Ungir được! BelengHish tức giận nói. – Sao lại đưa đến buổi lễ thiêng một con lợn chưa được huấn luyện như thế này!

Các viên tư tế của thần Mặt trời gật đầu đồng ý. Họ cũng thấy khó chịu vì sự việc đã xảy ra vào cuối buổi lễ. Ngoài ra, những người theo Beleng-Hish cũng ủng hộ mỗi ác cảm của ông đối với thầy thượng tế.

– Vị thần Ngô này có thể là một chiến binh tuyệt vời trước đây, – thái tử mơ màng nói với đức vua, – thầy thượng tế có thể đã nhận xét tốt hơn. Bởi vì chàng trai này là tuyển nhân của ông ấy.

– Cây cối tốt sẽ cho được mùa.- thầy thượng tế nói với Ish-Can-

Leosh. – Thưa bà, vị nữ thần Bảy rấn, đã sinh ra một đứa con tuyệt vời, ta cho rằng việc xảy ra vừa rồi có ý nghĩa tốt.

LỄ XUÔNG HẠT THIÊNG

Sao-Lorenzo. Mexico.

Và thân thể của Hun-Ahpu bị mất đầu...

• “Popole-Vuh”

Gần ba tháng trôi qua. Vụ mùa đã được thu hoạch. Các vật cống tế cho vua và các đền thờ được đưa về Nivanna Tracbolai. Giờ đây nông dân chuyển qua làm các công việc xây dựng. Các thầy tư tế chuẩn bị cho ngày lễ gieo hạt thiêng. Đây là nghi lễ quan trọng nhất, được tổ chức mười ba năm một lần, nó đòi hỏi sự chuẩn bị đặc biệt cẩn thận. Rất nhiều việc phụ thuộc vào ngày lễ này, do đó không được bỏ qua dù một việc nhỏ nào hoặc không làm đúng thủ tục. Cuối mùa mưa, sấm nổ rền khắp nơi, đất đói hạt giống. Vụ xuân đang đến gần.

Bà Osh-Tro chết mà không được gặp mặt các con trai. Tug-Anseng đi công cán xa đến thành phố Aiarsa, không có tin gì về chàng. Cả làng chỉ nói về Shang, người đã trở

thành tuyền nhân của thần Ngô trẻ nhân hậu. Người làng liên tục đến thăm mẹ của Shang, họ ngạc nhiên vì hạnh phúc đã dành cho số phận của bà. Họ kể về những buổi lễ long trọng mà ở đó họ thấy Shang, họ quan tâm đến bà, mang quà đến đầy nhà. Dân làng Hochtung rất hãnh diện và vui sướng vì hiện thân của vị thần trẻ là người đã sinh ra và lớn lên ở Hochtung. Bà Osh-Tro chết với nụ cười sung sướng trên môi, bà hãnh diện vì số phận may mắn

của đứa con trai thứ. Nam-Suc có mặt trong những giây phút cuối của bà Osh-Tro, người trưởng làng đã cho tổ chức đám tang rất trọng thể.

Nhưng Tiang lại bị thử thách nặng nề. Trí nhớ đã quay lại với nàng. Cô gái nghe được những câu chuyện về hiện thân trẻ đẹp của thần Ngô. Nàng bị những câu chuyện này thiêu đốt như cục đá bị nung trong bếp lò. Lúc thì nàng chạy như điên dại như con báo mẹ mất con, khi thì ngồi bất động hàng giờ, nhìn sững sờ lên những ngọn cây gần đó.

Trong vương quốc Đất Đỏ, các thầy tư tế biết tất cả và điều khiển tất cả. Không chỉ những thường dân mà cả những quan đại thần quyền quý nhất cũng phải phục tùng họ. Vụ gieo hạt chỉ bắt đầu sau khi nhà vua long trọng gieo hai mươi hạt giống đầu tiên trên khu đất đền thờ thần Ngô trẻ. Và giờ đây, vào mùa xuân sớm, tất cả nông dân đang nóng lòng chờ lệnh để bắt tay vào công việc.

Nhưng trong năm đặc biệt này mọi việc đều khác.

Sáng sớm, lính hỏa tốc lao vội đến các làng xung quanh. Họ long trọng báo rằng hôm nay sẽ bắt đầu lễ xuống hạt thiêng. Tất cả thần dân của vương quốc Đất Đỏ được nghỉ việc ba ngày. Hôm sau tất cả những người đàn ông trưởng thành phải tập trung trên đồi thiêng để xem buổi bình minh của “Hạt giống quý”. Sau ngày lễ phải lập tức bắt tay vào công việc đồng áng.

Những người già nhớ lại ngày lễ cuối cùng lần trước, họ cười mát và lắc đầu một cách bí hiểm. Họ biết rằng sau buổi lễ này các thầy tư tế sẽ cho phép uống nước say suốt ngày, nhưng chỉ những người lớn tuổi mới được uống.

Mọi người sẽ được hoan lạc! Đám thanh niên muốn hỏi thăm những người đã từng được thấy ngày lễ, nhưng những người này hoặc lặng thinh, hoặc cầu nhàu đuổi những người tò mò đi, miệng

nói: Đến lúc khắc biết!

Ngày lễ đầu tiên diễn ra chậm chạp. Sự nhàn rỗi không quen trở nên nặng nề. Những cuộc trò chuyện kéo dài, một số người đi qua các làng khác để thăm hỏi người thân, bạn bè. Đó chỉ là cánh đàn ông, còn đối với phụ nữ thì lúc nào cũng đầy việc ở nhà. Nam-Suc chăm con, đưa trẻ vừa biết đi, nàng hy vọng rằng khi nào bớt việc Tiang sẽ ghé qua chỗ nàng. Nhưng ngày đã tàn, đêm đến mà Tiang vẫn không xuất hiện. Nam-Suc buồn bã cho rằng ngày mai nhất định Tiang sẽ đến. Cho con ngủ xong nàng tán gẫu đôi chút với các bà hàng xóm, than phiền vì sự vắng mặt lâu ngày của chồng. Ngồi bên cạnh con Nam-Suc ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Sáng hôm sau dân chúng kinh thành và các làng lân cận kéo nhau đến đền thờ thần Ngô để tỏ lòng tôn kính vị thần thịnh vượng và cầu khẩn được mùa. Tiang cũng đi theo đám đông. Nhiều người mang theo những vòng hoa tươi được kết khéo léo, những bó mía, người thì chỉ đơn giản đem theo những chiếc bánh ngô hoặc loại thức ăn khác. Tiang cầm bó hoa nhỏ, nàng hái tại nơi mà trước đây nàng đã gặp Shang. Cô gái cảm thấy rằng khi nhìn thấy những bông hoa này, người yêu của nàng sẽ nhớ đến quá khứ dù chỉ một phút.

Nhưng hy vọng của Tiang đã vô ích. Shang xuất hiện trước đám đông chỉ giây lát. Chàng mỉm cười và bằng động tác giả tạo ban phát cho đám đông những lời chúc. Nếu hiện thân của thần có nói điều gì thì cũng sẽ bị át đi bởi tiếng la hét nhiệt tình của mọi người. Tiang tuyệt vọng quơ bó hoa, nhưng chàng trai không hề nhìn về phía nàng. Tất cả đều vô vọng, ma lực của các thầy tư tế lại thống trị chàng, thống trị hoàn toàn! Cổ nàng nghẹn lại, cô gái tái mặt và trở lui. Nàng cầm đầu chạy một hồi lâu, không định hướng, cho đến lúc vào trong rừng, nơi diễn ra cuộc hẹn đầu tiên

của họ. Lúc này cơn ghen đã dịu bớt và nước mắt trào ra. Tiang ngồi xuống thân cây già, lấy tay âu yếm vuốt ve thân cây.

Giữa trưa Shang lại được cho ăn và tắm. Trong bữa ăn các cô gái đẹp khiêu vũ trước mặt chàng. Có mặt trong bữa ăn, nhà vua nhiều lần hỏi vị thần trẻ có hài lòng thức ăn hay không, ngài có cần gì nữa không. Nhưng vị thần không muốn gì hết, ngài thích tất cả.

Sau bữa ăn trưa thịnh soạn, Shang, đức vua, NiangHinah và các thầy tư tế khởi kiệu đi về khu đồi cùng một đám rất đông người hầu. Đoàn người leo lên đồi từ phía sườn dốc đứng mà trước kia chàng trai cùng người làng đã kéo tảng đá khổng lồ lên. Nhìn tảng đá, Shang nhận thấy rằng nó đã được tạc thành bức tượng mới, chiếc đầu khổng lồ. Shang cảm thấy đường nét bức tượng rất quen thuộc với chàng, nhưng là gì thì chàng không thể nhận thức được. Phía trước cách bức tượng vài bước chân có hai cây trụ được chôn chặt xuống đất, trên đó căng một tấm vải trắng khổng lồ, kéo xuống đụng đất.

Anaib-Ungir và các thầy chánh tư tế khác đang đợi ở đây. Nhà vua nhanh nhẹn bước xuống kiệu của mình và đi đến kiệu của hiện thân thần Ngô trẻ để giúp ngài bước xuống. Nắm chặt tay chàng trai, nhà vua đưa chàng ra khỏi tấm vải, những người khác vội vàng theo ngài.

Shang luống cuống khi ra khỏi bức màn vải. Cách chàng khoảng năm mươi bước là đám đông khổng lồ chiếm gần hết khu đất thiêng. Sự im lặng của đám đông làm chàng ngạc nhiên. Chàng đã quen với những tiếng la hét chào đón khi chàng xuất hiện. Giờ đây xung quanh yên lặng kỳ lạ đến mức không thể tưởng tượng được là cạnh đó có cả một biển người.

Ở hàng đầu là thái tử, những nhân vật quyền quý của các thành phố, các quan đại thần của Nivannaa-Tracbolai, sau đó là các triều

thần và trưởng làng của cả nước. Hình dáng nhỏ bé của Cuocu hiện nổi bật bên cạnh thái tử. Nét mặt của chú lùn sa sầm không phù hợp với sự náo nhiệt và tò mò của đám đông. Mọi người đều mặc lễ phục và đeo những đồ trang sức sang trọng bằng đá nephrit, ametic và đá pha lê. Giữa đám đông và bức màn vải, gần về phía bức màn là chiếc giường gỗ cân xà cừ lấp lánh.

Các thầy tư tế chia thành hai nhóm đứng bên phải và bên trái chiếc giường. Nhà vua cúi chào vĩnh biệt thân của thần Ngô và lui về chỗ thái tử đang vội vã nhường cho ngài. Anaib-Ungir đứng trước mặt Shang, ông chỉ đóng chiếc khố nhỏ, không có bất cứ dấu hiệu chức vụ nào. Ông tập trung xông hương trầm cho chàng trai từ chiếc lư bằng đá nephrit. Sau đó Niang-Hinah tách khỏi nhóm các viên tư tế bên trái, đeo vòng lá ngô khô lên đầu tuyền nhân của thần Ngô. Thầy thượng tế trầm giọng nói:

– Thời gian trôi qua, hỡi thần Ngô trẻ, và đầu người biến thành màu vàng. Vinh quang cho người!

– Vinh quang, vinh quang cho vị thần nhân hậu, – các nhóm tư tế cất lời hòa nhịp.

– Hãy tha lỗi cho chúng tôi, hỡi vị thần trẻ mãi, vì chúng tôi chặt chiếc đầu quý giá của ngài, vì vụ mùa của chúng tôi đã chín!

– Hãy tha lỗi cho chúng tôi. – Dàn đồng ca của các thầy tư tế họa theo.

Anaib-Ungir nhẹ nhàng nghiêng qua bên trái đầu của Shang, giả động tác của người nông dân bẻ bắp ngô chín.

– Hãy tha lỗi cho chúng tôi – thầy thượng tế nói tiếp, – vì chúng tôi phơi ngài dưới nắng của thần Mặt trời, nhưng ngài biết đó, điều này đã được qui định trong trận bóng thiêng!

– Đây là ý nguyện của mẹ ngài, hỡi ân nhân muôn đời của chúng tôi! – Dàn đồng ca nhắc lại.

– Hãy tha lỗi cho chúng tôi vì công việc vĩ đại mà chúng tôi làm hôm nay! Người nhân hậu và nuôi dưỡng tất cả những thần dân của mình bằng những hạt quý của người! Nếu không có người chúng tôi sẽ chết trong đau khổ khủng khiếp, trong cái đói hành hạ. Hãy tha lỗi cho chúng tôi, nhưng chúng tôi cần cái đầu của người! Cầu xin chiếc đầu sẽ lớn lên, cầu xin chiếc đầu sẽ sinh sôi nảy nở vô hạn! Hãy cho chúng tôi cái đầu của người cho vụ gieo hạt thiêng, hãy cho chúng tôi cái đầu vô giá của người để làm lương thực.

– Hãy cho chúng tôi, hỡi vị thần nhân hậu, hãy cho chúng tôi! – Cả hai dàn đồng ca nhắc lại với giọng đơn điệu, âm đăm.

Trống gõ inh tai, tiếng gõ cuối cùng của chúng bị ngắt quãng bởi tiếng rống khàn khàn của những chiếc kèn gõ. Bốn thầy tư tế nắm chặt Shang, kéo đến chiếc giường, đặt chàng lên đó và giữ chặt chân tay của chàng. Mishpitiacuc đến gần Anaib-Ungir và đưa cho ngài chiếc rìu đá nephrit, tác phẩm đầu tiên của Tug-Anseng. Thầy thượng tế lẹ làng bước đến cạnh giường. Bằng động tác nhanh với lưỡi rìu sắc như lưỡi dao cạo, ngài chém đứt đầu Shang.

– Đã tìm thấy hạt giống quý! – Vị tu sĩ vui sướng hét lên, tay cầm nắm tóc đưa cao chiếc đầu cho mọi người trông thấy. – Đã tìm được chiếc đầu quý báu của vị thần trẻ!

– Tìm được rồi, tìm được rồi! – Các thầy tư tế lặp lại với giọng hoan hỉ.

– Chúng ta xuống hạt giống thiêng!

Anaib-Ungir thả chiếc đầu xuống cái hố đã đào sẵn ngay trước bức màn và nhanh nhẹn lấp đầy đất vào hố sau khi ném cây rìu vào đó.

– Chúng ta xuống hạt, xuống hạt! Dàn đồng ca vui vẻ cất lời.

– Hãy để ngài nghỉ ngơi, dưỡng sức, nảy mầm, trưởng thành.

Cầu cho được mùa và đầy hạt!

Các thầy tư tế nghiêng người trước gò đất nhỏ, miệng đọc thần chú.

Vài phút sau thầy thượng tế bất ngờ đứng thẳng dậy và đưa hai tay lên trời. Tấm màn rút xuống. Trước mắt đám đông xuất hiện chiếc đầu đá khổng lồ – tác phẩm cuối cùng của Tug-Anseng.

Nhà tạc tượng đã thể hiện tài năng và tâm lực của mình vào bức tượng. Cuocu rùng mình: Shang như đang sống. Đôi môi hơi dày của chàng trai hé mở, y như muốn nói điều gì đó với những người đang nhìn chàng, nhưng chiếc giường và thân xác bất động nằm trên đó nhắc lại điều gì đã xảy ra.

– Thần Ngô vĩ đại đã lớn! Anaib-Ungir thét lớn. – Giờ đây đất nước ta sẽ đầy đủ lương thực cho mười ba năm tới. Vị thần nhân từ đã sống lại, người lại cùng sống với chúng ta!

Một tiếng hú nhỏ nhẹ nhõm lan trong đám đông im lặng cho đến lúc này. Có ai đó cựa cựa, vận động chân tay cứng đờ vì phải đứng lâu.

– Giờ đây chúng ta sẽ ném thân thể đức ông của chúng ta, để chúng ta có thể cùng thưởng thức món quà của người.

Những người hầu của đền thờ thần Ngô trể khiêng chiếc giường về đền. Các thầy Tư tế cùng đám đông bước theo sau.

NHỮNG CÁNH TAY CỌ

Sao-Lorenzo. Mexico.

Và họ chôn chàng ở đó.

• “Biên niên sử của người Cactrikel”

Sau Đại Lễ gieo hạt thiêng một ngày, chú lùn Cuocu đến làng Tahcum-Tracang để thăm Tiang. Ông biết là phụ nữ không được dự lễ, và Tug-Anseng thì đang ở Aiarsa nên không thể kể cho cô gái biết điều gì, hơn nữa chú lùn lo lắng cho cô gái. Ông ngạc nhiên khi nhìn thấy Tiang giống như ngày trước. Chú lùn Cuocu hiểu là thuốc của Trachil đã hết tác dụng, cô gái đã lấy lại trí nhớ và đã biết tất cả những điều đã xảy ra.

– Thế là mọi chuyện đã chấm dứt phải không? – Nàng hỏi nhỏ khi thấy Cuocu.

Con người nhỏ thó im lặng gật đầu, cơn co thắt bóp nghẹt cổ ông, làm ông không nói được. Khuôn mặt tái nhợt của cô gái gần như biến thành màu xanh, hai tay bất lực buông thõng, đôi mắt của Tiang biến thành một hồ trống mênh mông không nước mắt.

Hai người ngồi đối diện với nhau rất lâu trong im lặng, Cuocu có thể an ủi nàng bằng cách nào?

- Ông phải giúp tôi, Cuocu à. – Cuối cùng cô gái cất lời.
- Đây sẽ là lần giúp đỡ cuối cùng, ông đừng sợ.
- Cô nói đi, ta sẽ giúp. – Người bạn trung thành của Tiang nói.

Cô gái ngồi sát vào người lùn và bắt đầu nói thầm điều gì đó vào tai người lùn. Đôi mắt Cuocu mở to sợ hãi. Nhưng khi Tiang kết thúc, Cuocu vươn thẳng người lên và dũng cảm gạt đầu. Sau vài lời thống nhất về thời gian và chỗ gặp, người lùn đứng dậy và họ chia tay.

Cuocu vội vã về cung điện. Ông đã nghĩ ra kế hoạch hành động. Mặc dù biết rõ kế hoạch hàng ngày của đức vua và thói quen của ngài, nhưng Cuocu hiểu rằng, giờ đây công việc phụ thuộc rất nhiều vào sự may mắn: đức vua có ngủ trưa như mọi ngày hay không?

Chia tay với chú lùn, Tiang lục tìm hồi lâu gói thuốc mà già Trachil đã cho. Cuối cùng nàng tìm thấy và sững sờ ngắm nhìn cục nhựa cây màu nâu-đen. Giấu gói thuốc bùa vào lưng quần, nước mắt chảy dài trên má nàng, nhưng lòng cô gái thấy nhẹ hơn.

... Các ngôi sao vẫn còn lấp lánh trên bầu trời nhợt nhạt, sáng sớm chú lùn Cuocu xuất hiện ở nhà thầy thượng tế. Khuôn mặt nhỏ quắt màu vàng của ông hình như càng nhăn nhó hơn vì sợ hãi và hồi hộp.

Bằng giọng nói run run, Cuocu yêu cầu người hầu lập tức đưa ông đến gặp thầy thượng tế Anaib-Ungir. Biết ông là cận thần của quốc vương, thầy tư tế trẻ sợ hãi và bối rối vâng lời, vẻ mặt của Cuocu làm hắn sợ.

Thầy thượng tế của vùng Đất Đỏ đã thức giấc, nhưng vẫn chưa mặc xong lễ phục, trên người ngài chỉ có chiếc khố sang trọng. Ngài ngạc nhiên nhìn vị khách bất ngờ. Cuocu cúi thấp người.

– Việc gì vậy? – Thầy thượng tế Anaib-Ungir hỏi.

Chú lùn rút từ trong áo và im lặng đưa cho thầy thượng tế xem cây vương trượng dài, hẹp bằng đá nephrit màu lục như cỏ xuân, được chạm khắc cầu kỳ. Đầu cây trượng tạc hình đầu báo đội mũ

hình chóp cao. Đó là cây quyền trượng – một trong những báu vật quan trọng và thiêng liêng nhất của quốc vương. Vương trượng có quyền lực vô cùng, tất cả đều phải run sợ trước cây gậy này. Những giọt mồ hôi lớn xuất hiện trên trán và cả trên cái đầu của thầy thượng tế. Máu bốc lên khuôn mặt tròn căng của ngài. Ngài nhìn rất lâu vào biểu tượng của quyền lực và im lặng. Cuối cùng ngài lấy tay phải nâng vương trượng và ép vào bộ ngực rộng của mình.

– Như vậy nghĩa là thế nào? – Anaib-Ungir lập cập hỏi. – Quốc vương đã băng hà?

– Không, không! – Người lùn sợ hãi nói. – Đừng nói vậy, quốc vương vẫn khỏe... Vương trượng được gửi đến ngài như là... Ngài phải một mình nhanh chóng đến gặp quốc vương, không ai được biết đến điều này. Nhanh lên, nhanh lên, thưa ngài.

Thầy thượng tế bối rối nhét cây vương trượng vào chiếc khố và vợ lấy quần áo. Cuocu nắm lấy tay ngài.

– Không. – Người lùn vẫn nói thảm như ban đầu. – Đừng mất thời gian. Hoàng thượng muốn thấy ngài như thế này, bề ngoài của ngài như thế này chứng tỏ cho đức vua thấy là ngài vội. Hoàng thượng không tha thứ sự chậm chạp của ngài đâu. Đi thôi, tôi đưa ngài đi, không xa đâu, không cần kiệu.

– Nhưng điều gì đã xảy ra? – Bất giác Anaib-Ungir vừa thì thầm hỏi, vừa theo dõi viên cận thần.

– Khủng khiếp lắm! Tôi không được nói...

– Thái tử?

Chú lùn Cuocu im lặng gật đầu. Với cái gật đầu đầy ý nghĩa này trong óc của thầy thượng tế lóe lên ý đồ danh vọng. Ngài bước nhanh. Hai người qua mặt người hầu đang há miệng vì kinh ngạc. Họ vội vã leo lên sườn đồi dốc, nơi một hẻm núi đầy cây rậm rạp

cất sâu vào khu đất thiêng. Họ đi nhanh qua khuôn mặt đá của Lem-Hoolom mới đang thờ ơ nhìn họ với nụ cười nhẹ trên môi, rồi đi xuống núi. Rừng cây nuốt mất bóng của hai người.

Đêm đó Tiang không ngủ. Nàng chế một thứ gì đó trên ngọn lửa nhỏ, ánh lửa hồng soi khuôn mặt đăm chiêu của nàng với đôi môi mím chặt. Nấu xong Tiang để nguội thuốc, rắc lên đó mấy miếng thịt gà tây băm nhỏ, cẩn thận phủ tro lên than hồng. Nàng ngược nhìn các ngôi sao, xác định thời gian và cầm bình thuốc còn ấm biến mất vào rừng cây.

Những tia nắng đầu tiên chiếu sáng ngọn cây khi chú lùn và thầy thượng tế Anaib-Ungir đi vào hẻm núi. Sương mai làm mát lạnh hai cơ thể con người đang nóng rục do phải đi nhanh. Xung quanh yên tĩnh, chỉ có những con chim hót khi mặt trời xuất hiện. Thầy thượng tế nhăn nhó: “Quốc vương sao lại chọn cái nơi khỉ gió này cho cuộc gặp mặt bí mật? Việc gì đã xảy ra với thái tử”, ngài quay đầu về phía Cuocu định hỏi về việc này.

– Ở đây! – Bỗng người lùn nói cộc lốc, tay chỉ vào thân cây cọ cao vọt lên giữa rừng cây rậm rạp.

Anaib-Ungir khó nhọc len lỏi qua cành lá, bụi cây và dây leo, tiến đến cây cọ, xem xét. Ngài tức tối quay lại nhìn Cuocu như nhìn một người điên.

– Quốc vương đâu? – Anaib-Ungir gằn giọng hỏi, mắt nhìn chòng chọc vào Cuocu. – Người nghĩ ra trò đùa gì vậy? Vào ngày nhật thực đầu tiên ta sẽ đem người ra làm vật tế, đồ quái thai! Quốc vương đâu?

– Quốc vương của ngài hôm nay, đúng ra là nữ vương, đang ở đây.- Người lùn trịnh trọng thốt lên và bất ngờ lao vào thầy thượng tế, xô ngài vào cây cọ. Ngay lập tức những chiếc dây thừng bện bằng sợi cọ trùm lên người AnaibUngir, buộc chặt ngài vào

thân cây.

Tiang là cô gái không mạnh lắm, nhưng vào ngày và giờ đó nàng trở nên mạnh và khéo léo đến kỳ lạ. Chú lùn cúi xuống đẩy chân thầy thượng tế vào gốc cây, chỉ cần vài động tác nhanh nhẹn của đôi tay thiếu nữ, đôi chân của AnaibUngir đã bị buộc cứng. Chú lùn Cuocu nhanh tay rút chiếc vương trượng khỏi khố của thầy thượng tế và chạy vụt lên sườn dốc. Tất cả diễn ra nhanh chóng. Giờ đây thầy thượng tế đã hiểu là mình bị lừa và bị dẫn dụ vào bẫy vì một mục đích bí mật nào đó.

Tiang đứng lên và bước ra khỏi bụi cây, xuất hiện trước mặt thầy thượng tế đã bị buộc cứng, mắt nàng rục sáng.

– Ta là Tiang, người phụ nữ của tộc họ Socan, đã làm việc này.
– Nàng thách thức nói, cánh mũi phập phồng, người run lên vì giận dữ. – Người muốn biết vì sao ta làm vậy không?

– Con tiện nhân, người dám... đụng bàn tay dơ dáy vào người thầy thượng tế của vương quốc Đất Đỏ? Người có hiểu sự khủng khiếp do người thực hiện chứ? Thả ta ra ngay!

– Không! – Tiang thét lên. – Không bao giờ! Người có biết vì sao ta cột người vào cây cọ bằng những dây thừng bện bằng sợi cọ? Người có biết vì sao người sẽ chết ở đây và sẽ chết một cách khủng khiếp, không ai giúp được người, người muốn biết không?

Thầy thượng tế tò mò lạnh lùng nhìn cô gái, nhưng hấn im lặng.

– Người đã cướp mất tình yêu của ta. Người đã giết chết người yêu của ta, đó là Shang – cây cọ. Giờ đây những cánh tay cọ đã xiết chặt người. Người như một con chim ăn xác chết, người đã theo dõi chàng lúc chàng còn nhỏ và đã tính toán từ lâu... Người cho chàng uống thuốc mê để chàng quên ta. Giờ đây người phải trả nợ tất cả.

– Đồ điên! – Cuối cùng Anaib-Ungir thét lên. – Đó là vật tế do thần chọn, nó cần thiết cho quyền lợi của dân tộc.

Không có Shang thì ngô sẽ không mọc, sẽ đói...

Tên của Shang từ miệng kẻ thù nói ra như ngọn roi quất lên người Tiang.

– Người hãy cứu bộ tộc bằng cái đầu của mình, còn đầu của Shang thì phải trả lại cho ta! – Tiang điên dại hét lên.

– Thả ta ra! – Thầy thượng tế lạnh lùng ra lệnh. – Loại đàn bà như người làm sao hiểu được bí mật của thần linh! – Không! Người sẽ phải ở lại đây!

Nói xong cô gái rẩy chất lỏng trong bình lên người AnaibUngir, phần còn lại nàng rắc lên đường mòn dẫn vào rừng. Thầy thượng tế điên cuồng nguyên rủa, trong khi Tiang quay mình chạy về làng bỏ mặc Anaib-Ungir.

Thầy thượng tế nín bật để suy nghĩ về hoàn cảnh của mình: Dù sao đi nữa thì ở đây cũng cách kinh thành không xa, sớm muộn gì người ta cũng đi tìm, sẽ tra hỏi tên lùn khốn kiếp và sẽ đến đây giải cứu, ta là người khỏe mạnh và có thể chịu đói khát một ngày. Trong khi mọi người đang tìm kiếm, có thể một nông dân nào đó đi kiếm củi sẽ vô tình đến đây trước...

Bỗng nhiên nạn nhân trông thấy những chấm hung-đen nhỏ xuất hiện từ rừng rậm. Lúc đầu chỉ vài chấm, nhưng sau đó số lượng tăng vùn vụt. Chúng thềm khát chạy lảng xảng gần những chiếc lá dính chất lỏng do Tiang đổ ra. Lát sau xung quanh dày đen những con bọ.

Thượng tế Anaib-Ungir bỗng thét lên. Tiếng la hét như tiếng của một người đã nhìn thấy cái chết của mình đang lại gần.

“Tai họa đen” – những con kiến ăn thịt sống – xuất hiện từ rừng sâu huyền bí. Trên đường chúng đi qua, không con vật nào còn sống được. Những con bọ khủng khiếp này không hề bỏ qua một giống vật nào trên đường đi của chúng, không con vật nào có thể

thoát khỏi chúng, từ con sâu cho đến con báo thọt, tất cả sẽ chỉ còn lại đồng xương trắng. Bị hấp dẫn bởi chất thuốc của già Trachil, bị kích thích bởi bột thịt gà tây, chúng tàn nhẫn tiến đến cống vật dành cho chúng...

Thầy thượng tế muốn bứt đứt dây buộc, nhưng nỗ lực cuối cùng của lão trở nên vô ích. Những cánh tay cọ đã ôm chặt lấy Anaib-Ungir. Một lát sau, thân thể to lớn lúc nhúc những con bọ đã bắt động.

Cuocu vội vã về cung điện. Chú lùn còn phải hoàn thành một công việc quan trọng không thể trì hoãn: trả cây vương trượng thiêng về chỗ cũ. Thiếu vật báu màu nhiệm này hầu như tất cả những hành động của quốc vương vùng Đất Đỏ sẽ bất lực trước các thần. Dù sao thì sự tạm mất của vương trượng cũng đe dọa vương quốc bằng đủ mọi tai họa. Đã phạm thánh vì tình bạn, người lùn nhất định phải trả vương trượng vào chiếc hộp dưới đầu giường đức vua.

Lần này thần may mắn cũng ủng hộ Cuocu. Nhà vua và quần thần đang cầu kinh buổi sáng trong điện thờ hoàng cung. Vài phút nữa quốc vương sẽ trở về, thay áo bào và cầm vương trượng đi ban phúc cho các thần dân của mình.

Không để những nô lệ hoàng cung trông thấy, chú lùn luồn vào buồng ngủ, rút quyền trượng bằng đá nephrit và giấu vào chiếc hộp gỗ lim. Sau đó, Cuocu thở phào nhẹ nhõm và lẩn vào đám đông những người hầu đang chờ chủ nhân của mình trước điện thờ. Ở đây chú lùn cố tỏ cho mọi người nhìn thấy mình. Ông néo mạnh vào chân hai người hầu cao lớn nhất đang chăm chú nhìn vào cửa điện thờ. Tiếng rên và lời nguyện rửa bị kiềm chế lại chứng tỏ móng tay của ông khá sắc. Né tránh những cái tát tai, chú lùn Cuocu thoát ra khỏi đám đông những người hầu và bắt đầu bám theo viên quan cai hầu, xin tặng thực phẩm cho mình. Viên quan

tức giận đuổi Cuocu đi, ông nói là không có thì giờ giải quyết việc vặt.

Cuocu chỉ chờ có vậy. Ông lập tức lén khỏi cung điện và đi vào rừng.

Điều duy nhất ông suy nghĩ bây giờ là làm sao an toàn cho cô gái yêu quý của ông, như vậy đánh lạc hướng truy tìm sự mất tích của Anaib-Ungir.

Đi sâu vào rừng, con người nhỏ thó cắt một dây leo dài, mềm và chắc, ông chậm chậm tiến đến gốc cây có cành chìa ra không cao lắm và vát dây qua đó.

Chiếc thòng lọng khá chắc chắn...

Những người hầu của thầy thượng tế đã báo động vào lúc gần giữa trưa.

Sau khi biết chuyện viếng thăm của Cuocu vào buổi sáng, mọi người đổ xô đi tìm chú lùn, nhưng chú lùn đã biến mất. Quốc vương buồn rầu vì tên hầu lùn yêu quý đã mất tăm. Mọi cuộc tìm kiếm đều vô hiệu quả.

Thi thể của Anaib-Ungir cũng không tìm thấy. Người ta nghi ngờ lời khai của người hầu trong đền thờ của thượng tế, vì rất nhiều người, kể cả viên trưởng quản phục vụ hoàng gia, những triều thần khác và chính cả quốc vương của vùng Đất Đỏ cũng đã thấy chú lùn ra khỏi cung điện vào buổi sáng. Họ cho rằng người hầu của thầy thượng tế bị lừa vì mê ngủ.

Sự biến mất của thầy thượng tế Anaib-Ungir chìm sâu vào bí mật, sinh ra nhiều câu chuyện huyền bí và rùng rợn.

Trong cuộc họp khẩn cấp của các vị tu sĩ, Beleng-Hish được bầu làm thượng tế mới.

Ish-Can-Leosh luôn có cảm tình với thầy tư tế của thần Mặt trời, bà luôn nhiệt tình ủng hộ việc này.

KẾT THÚC VÒNG THIÊNG

Sao-Lorenzo. Mexico.

Vòng thiêng của thời gian kết thúc trong năm nay...

• **“Biên niên sử của người Cactrikel”**

Hai mươi năm trôi qua kể từ khi xảy ra các sự kiện đã kể ở những chương trước. Thời điểm khủng khiếp nhất, hoan hỉ nhất trong cuộc sống của người dân vùng Đất Đỏ đang đến gần: kết thúc vòng thiêng của thời gian. Trong những ngày này các vị thần sẽ phán quyết: kéo dài sự tồn tại của thế giới hiện nay hay hủy diệt nó để thành lập một thế giới mới hoàn hảo hơn với loài người và muông thú phù hợp hơn. Vì vậy họ làm tất cả để cầu xin sinh thần và tử thần ban tặng cho họ sự tồn tại trong vòng thiêng mới – thêm 104 năm nữa.

Đã có nhiều thay đổi trong hai mươi năm qua. Quốc vương của đất nước đã băng hà, hài cốt của ngài được đưa đến đảo Usokitoc-Peteng và đám tang rất lớn. Bây giờ còn đó những tượng đài như muốn nhắc lại thời ngự trị của ngài. Thái tử lên ngôi, ngài luôn mơ mộng đến các cuộc viễn chinh không kém gì vua cha, nhưng lúc này ngài chỉ tiếp tục con đường thương mại đến đất nước xa xôi Trapulistagua, trao đổi hàng lấy đá quý nephrit và hạt cacao. Quốc vương lo lắng vì tin tình báo từ bờ đại dương chuyển về: ở đó diễn ra những cuộc di dân kỳ lạ và nguy hiểm, các bộ lạc rời bỏ bờ biển quê hương và dần dần chuyển sâu vào núi. Ngài thấy trước sự đe

dọa cho tương lai của đất nước mình. Vây quanh quốc vương mới là những người mới.

Trong số triều thần cũ chỉ còn lại Tene-Tuvuic và TeneTung. Tene-Tung trở thành chánh quân sư của nhà vua.

Chồng của nàng Nam-Suc đã không trở về. Sau chuyến đi thường kỳ đến Aiarsa, trưởng đoàn buôn là ông Saapit với nét mặt buồn rầu báo tin Tug-Anseng đã mất ở thành phố xa xôi kia, chàng đã để lại nơi đó nhiều tác phẩm hoành tráng. Ông trao lại cho quả phụ nhiều vật quý vốn có thể tạo nên cả một gia sản – phần thưởng của quốc vương Aiarsa cho người thợ điêu khắc. Ngài đánh giá cao tài năng của người thợ tạc tượng và hãnh diện vì những tượng đài tráng lệ đã trang trí cho kinh đô của ngài. Nam-Suc không muốn cho con trai nối nghề của ông và cha nó nữa. Với sự kiên trì không thuộc bản chất của mình, bà đã đạt được mục đích là cho Cangah rời khỏi giới điêu khắc và học nghề đồ gốm. Ông Ah-Shacan tốn công một cách vô ích khi thuyết phục góa phụ Tug-Anseng về quyết định thiếu sáng suốt ấy:

– Nam-Suc này, chồng của con từ người nông dân bình thường đã vươn đến danh hiệu là nhà điêu khắc cao quý.

Ah-Shooch, cha của con là nhà điêu khắc nổi tiếng về đá nephrit. Con hiểu chứ, con và cháu của những nghệ nhân nổi tiếng sẽ có những khả năng di truyền như thế nào? Ta tin rằng Cangah sẽ nổi tiếng không chỉ trong vương quốc của chúng ta mà còn ở những nước khác. Vậy mà con muốn biến nó thành một người thợ đồ gốm bình thường, tách nó khỏi giới điêu khắc cao quý, đưa nó trở về giới bình dân. Ta không thể nào hiểu được!

– Danh hiệu cao quý ấy không mang lại hạnh phúc cho cha và chồng của con. – Nam-Suc trả lời thầy trưởng quản điêu khắc. – Con muốn cho con trai của con được hạnh phúc. Mặc cho nó suốt đời không được trò chuyện với thầy thượng tế hoặc quốc vương,

mặc cho nó không nổi tiếng, nhưng con cảm thấy rằng như vậy nó sẽ hạnh phúc hơn. Con của con sẽ là một người thợ gốm bình thường như ông gọi. Như vậy tốt hơn.

Tuy nhiên đoạn cuối của vòng thiêng vẫn đến gần một cách nghiệt ngã. Như mọi khi, lúc đầu ngày lễ còn rất xa, sau đó thời gian trôi rất nhanh, chỉ còn hai tháng nữa là đến khởi đầu của vòng mới, rồi một tháng và cuối cùng chỉ còn vài ngày. Lúc đó từng người dân của vùng Đất Đỏ mới cảm thấy điều này như thế nào.

Những tuần cuối cùng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong năm ngày rùng rợn trước lúc kết thúc vòng thiêng, khi mà các vị thần phán định số phận của thế giới, phải tiến hành lễ đổi mới. Lễ đòi hỏi một khối lượng công việc khổng lồ trong một thời hạn ngắn, đặc biệt là các công việc trên khu đất thiêng và trong các đền thờ. Những người nông dân, nô lệ và cả thợ thủ công bị lừa đến từ tất cả các làng – lao động không nghỉ tay.

Tất cả những vật thờ cúng ít giá trị: các bình, lư hương, các tráp, rương, chiếu đều bị tiêu hủy. Hàng ngàn tượng đất, đồ tế trong các đền và trong nhà của những người bình dân đều bị đập vỡ. Những đồ vật quý bằng đá nephrit, jadeit và các loại đá quý khác: rìu, tượng, trượng, những đồ trang trí và những cục đá thô đều bị các thầy Tư tế chôn xuống đất gần các đền thờ và trên đảo thiêng Usokitoc-Peteng với nghi lễ đặc biệt. Nếu các thần quyết định kéo dài sự tồn tại của thế giới hiện nay thì thế giới này phải được xem như mới!

Hàng trăm thợ xây dựng tân trang lại các tòa nhà, cung điện và các đền thờ, đổ thêm đất mới trên nền cũ, tô mới lại tường, trang trí mới lại bên trong và bên ngoài các tòa nhà. Nhà của những nông dân thì đơn giản hơn: phá sạch và làm lại nhà mới.

Trên khu đất thiêng hầu như tất cả tượng đài đã được làm trong thời gian của vòng thiêng cũ đều bị phá hủy. Các phù điêu, như trụ

đá, được giải quyết đơn giản: đặt một tấm đá trên nền đất cứng, dùng giá chống và dây thừng kéo tấm đá khác lên cao rồi thả tấm đá treo trên cao xuống, hai tảng đá đập vào nhau, vỡ ra nhiều mảnh. Bàn thờ và tượng các tiên vương được phá bằng cách khác: chỉ đập vỡ những phần quan trọng nhất là đầu và tay, dùng đục phá khuôn mặt của các vị thần. Những tác phẩm nghệ thuật “chết” được long trọng “chôn” sâu vào lòng đất.

Đương kim quốc vương của Nivanna-Tracbolai nổi tiếng là người sùng tín và cũng là người con có hiếu, ngài luôn kính trọng người cha đã quá cố. Vì vậy khi biết nghi lễ sắp đến, ngài không vội vã làm tượng cha. Ý nghĩ về những người tạc tượng hôm nay và vài năm sau chính họ lại đập vỡ tượng tiên vương thành nhiều mảnh làm ngài lo lắng. Mặc những lời khuyên, kiên trì nhắc nhở của các thầy tư tế, nhà vua trì hoãn việc làm tượng vua cha, hy vọng là sẽ làm trong vòng thiêng mới nếu các vị thần cho phép ngài tiếp tục sống. Đức vua còn trẻ và ngài hy vọng vào tương lai tốt đẹp.

Nghi lễ “giết” các chiếc đầu khổng lồ của Lem-Hoolom là khó hơn cả. Hủy diệt chúng như các tượng đài khác là không thể được. Ah-Shacan chỉ đạo công việc, ông đã tìm ra lối thoát, nghĩ ra cách làm và được thầy thượng tế ủng hộ. Có thể trong lòng lão nghệ nhân còn đọng lại niềm thương tiếc, bởi vì một trong các chiếc đầu là tác phẩm của ông, còn một chiếc khác – bức tượng tuyệt nhất do người học trò giỏi nhất của ông là Tug-Anseng đã làm.

Dùng đục đánh mạnh vài cái vào tượng (nhưng chỉ những bức tượng cổ mới bị hư hỏng nhiều, còn bức tượng chiếc đầu của Shang hoàn toàn không đụng đến). Thầy trưởng quản điêu khắc cho lót dưới nền các bức tượng những lớp gỗ dài, cứng, họ đập vách tường phía sau những bức tượng nằm ở rìa đồi, trong hẻm núi ở phía dưới đã đào sẵn những chiếc hố, theo tính toán của nhóm thợ thì những

bức tượng sẽ lăn vào đó.

Nhóm người đào hố chuẩn bị cho chiếc đầu của Shang gặp phải một bộ xương người đã vàng ố vì thời gian và nước mưa.

– Lạ quá, con người tội nghiệp này chết ngay cạnh kinh thành mà không được chôn cất theo lễ nghi xứng đáng. Người nông dân đứng tuổi thương xót nói, mắt nhìn bộ hài cốt.

– Có thể ông ta bị thú dữ tấn công? – Một người đoán.

– Không phải, nếu vậy thì xương phải rải khắp nơi và bị gặm. Có thể ông ấy bất ngờ bị bệnh và không đến được kinh thành. Nào, chúng ta thu hài cốt lại và chôn cất tử tế.

– Đào xong chiếc hố này, chúng ta đặt hài cốt xuống đáy. – Một người nói.

– Ông ta sẽ được chôn cùng bức tượng Lem-Hoolom, như vậy sẽ vinh dự hơn. – Người nông dân đầu tiên ủng hộ.

Và họ đã làm như vậy.

Theo lệnh của Ah-Shacan, hàng chục cánh tay lực lưỡng nắm lấy đầu những chiếc đòn bẩy đã đặt dưới bức tượng đầu tiên và bắt đầu bẩy. Chiếc đầu của hiện thân thần Ngô trẻ, bị quên lãng từ lâu, lúc lắc, nghiêng đi và lăn xuống dưới theo sườn dốc, đè nát những dây leo, bụi cây và cỏ. Nó lăn không đúng chỗ, còn cách xa cái hố đã đào cho nó. Mọi người phải gắng sức lăn, đẩy khối đá khổng lồ xuống hố.

Chiếc đầu thứ hai, thứ ba thì dễ hơn, chúng lăn đúng vào huyệt mộ đã chuẩn bị.

Công việc này chiếm mất nhiều thời gian. Đến lượt bức tượng của Tug-Anseng thì đã qua ngày thứ ba. Trước sự ngạc nhiên của mọi người, cũng có thể là do họ đã có kinh nghiệm hoặc vì những lý do khác, chiếc đầu của Shang – bức tượng lớn nhất – nhẹ nhàng và chính xác lăn xuống dưới, rơi đúng vào hố. Giữa tiếng lăn đổ ầm

âm của tảng đá bazan nặng nhiều tấn, không ai nghe được tiếng gãy răng rắc của các mảnh xương và hộp sọ, hài cốt của thượng tế Anaib-Ungir ngày trước.

Do sự ngẫu nhiên kỳ lạ, bức tượng Lem-Hoolom cuối cùng nằm ngửa mặt lên trời. Những bức tượng khác cái thì nằm nghiêng, cái thì úp mặt xuống đất, tuy nhiên không ai để ý việc này. Những chiếc gậy đào vung lên lấp đất để chôn chặt các bức tượng già nua.

Chỉ những vệt đất đỏ mới giữa rừng xanh cho biết vị trí của buổi lễ chôn cất.

Hài lòng vì làm xong công việc nặng nhọc, những người nông dân ra về. Ah-Shacan leo ngược lên sườn đồi, chốc chốc dừng lại thở mệt nhọc. Ông chú ý nhìn kỹ nơi mà trong buổi lễ xuống hạt thiêng đã chôn chiếc đầu của Shang và chiếc rìu đá của Tug-Anseng. Biết chắc là trong thời gian làm việc chỗ bí mật không bị ai đụng đến, thầy trưởng quản điều khác đến nhà thầy thượng tế để thông báo đã hoàn tất công việc được giao, sau đó về nhà nghỉ và ăn bữa cơm chay.

Sáng sớm hôm sau, một đội chiến binh dũng cảm nhất lên đường đi xa. Đội trưởng là một người trong vô số những anh em cùng cha khác mẹ của quốc vương. Việc chọn một đại thần quyền quý như vậy làm thống lĩnh đội viễn chinh chứng tỏ mức độ quan trọng đặc biệt của nhiệm vụ – tìm một vật tế phù hợp cho buổi lễ đốt lửa mới. Theo phong tục, tù nhân phải là người ngoại quốc chứ không là dân bản xứ.

Cuộc hành quân đã thành công. Một tuần sau các chiến binh trở về Nivannaa-Tracbolai mang theo một chàng trai cao lớn, cân đối và khá đẹp, đây là một thợ săn thuộc bộ tộc Shavel đã bị họ bắt trong núi. Mặc dù đã đoán biết số phận của mình, nhưng chàng trai cương nghị và kiêu hãnh. Các thầy tư tế chỉ buồn một điều: chàng trai không thuộc dòng dõi quý tộc.

Năm ngày cuối của vòng thời gian. Tất cả những công việc bình thường đều ngưng lại, chỉ các thầy tư tế là chuẩn bị hành động. Mọi ngọn lửa trong vương quốc đều được dập tắt, kể cả bếp lửa chính trong đền thờ thần giữ ngọn lửa thiêng, ngọn lửa này được giữ cháy liên tục trong 104 năm. Mọi người ăn thức ăn nguội, chủ yếu là gặm những hạt ngô khô. Những người sùng kính nhất phải dùng chay, không ăn gì hết ngoài uống nước suối. Trong kinh thành và các làng mạc bao trùm một sự im lặng rùng rợn, mọi người hạn chế nói và nếu có nói thì chỉ nói thầm.

Trong buổi hoàng hôn của ngày cuối một đoàn các viên tư tế trang trọng, chậm rãi đi vòng quanh kinh thành và dừng lại trên cánh đồng thiêng. Giờ đây ở đó trống trải một cách lạ thường, không có các trụ đá, bàn thờ, tượng và những chiếc đầu khổng lồ, nó như một bình nguyên trống trải bình thường. Chỉ có một chỗ, cách rìa cao nguyên không xa, nổi lên một công trình kỳ lạ làm bằng gỗ tươi giống như chiếc bệ thấp chỉ cao đến đầu gối, hai bên được trang trí bằng những cành cây và hoa tươi mới hái.

Các thầy tư tế mặc những bộ quần áo cầu kỳ để giống các vị thần của mình. Khuôn mặt khô khốc của Tumeh-Sahing hơi lộ ra từ chiếc mũ quái gở dạng đầu báo. Ông đóng khố, mang giày và đeo găng tay da báo dài đến cùi chỏ, bởi vì Thần Tâm đất thường biến thành vị chúa tể rừng xanh. Niang-Hinah thì hoàn toàn trần truồng với chùm lông kesal dài trên đầu – biểu hiện của thần Ngô trẻ, chỉ có cơ thể phì nộn của ông làm cho ông chưa hoàn toàn giống thần Ngô trẻ. Chiếc mỏ gỗ dài gắn vào miệng Mishpitiacuc thể hiện rằng thần Gió hùng mạnh với chiếc áo khoác trắng dài phủ lên vai ông. Các thầy tư tế và nữ tư tế còn lại cũng đại diện cho các vị thần của mình. Chỉ một mình thầy thượng tế Beleng-Hish là đóng chiếc khố trắng giản dị. Thân thể của ngài bóng lũng lên vì được bôi mỡ lợn rừng.

Khi đoàn tư tế đi qua các đường phố của kinh đô (lễ này cũng diễn ra đồng thời ở khắp các thành phố và làng mạc của vương quốc), dân chúng lập tức tìm cách giữ mình. Phụ nữ sắp sinh được giữ trong kho ngô đóng chặt cửa, nếu không họ sẽ bị biến thành những con thú rừng. Trong đêm đó trẻ con không được ngủ, giấc ngủ có thể sẽ là định mệnh: chúng có thể sẽ biến thành những con chuột cống khủng khiếp.

Lúc này các thầy tư tế tập trung ở rìa cao nguyên. Chỗ này có tên là Núi Sao để kỷ niệm đỉnh núi mà ở đó tổ tiên của họ đã tụ tập lại trong một trường hợp tương tự trên tổ quốc xa xưa của mình. Mặt trời đã lặn. Bóng đêm trùm lên. Mọi người im lặng dán mắt vào một điểm nhất định trên bầu trời gần đỉnh đầu. Nếu ngôi sao Keos bình yên đến được vị trí này thì thế giới hiện tại tránh được đại họa.

Phía sau các thầy tư tế, cạnh bệ gỗ, những người hầu trẻ đang loay hoay chuẩn bị chất đốt cho ngọn lửa mới, những cành cây dài tẩm nhựa để làm đuốc. Người tù nằm dài trên bãi, ngực quay lên trời, chân tay bị buộc căng vào bốn chiếc vòng đóng chặt vào bốn góc của bệ gỗ. Chàng nhìn lên trời, nhìn lên những ngôi sao đang mọc và im lặng. Chỉ mình chàng mong đợi thảm họa tận thế như là cách thoát khỏi đau khổ sắp đến. Tất cả hãy cùng chết chung!

Một thầy tư tế trẻ cầm mũi khoan gỗ để đánh lửa, người thứ hai cầm con dao bằng đá obsidian dành cho vật tế.

Những giây phút nặng nề chậm chạp trôi. Cuối cùng các thầy tư tế đồng loạt thở phào vui sướng. Ngôi sao Keos đã đến đúng điểm của vòm trời. Các vị thần nhân từ vô hạn đã quyết định kéo dài sự tồn tại của thế giới thêm một vòng thiên nữa! Thiên liêng và vinh quang thay các đấng tối cao, chúa tể vũ trụ! Nghĩa là các ngài hài lòng vì những người nuôi dưỡng và thờ cúng các ngài: loài người hiện tại.

Vinh quang và thiêng liêng thay các đấng tối cao!

Beleng-Hish vội vàng tiến đến bệ. Giờ đây cần đốt lên ngọn lửa mới để thần thánh biết được sự nhớ ơn của những người đã được các ngài cứu giúp. Các thầy tư tế còn lại vây quanh nơi hành động, mỗi người đứng vào một vị trí phù hợp với vị thần của mình để tiếp nhận nghi lễ cần thiết.

Bằng động tác quen thuộc, thầy thượng tế mở lồng ngực của tù nhân và bứt trái tim đang đập ra. Lập tức trái tim được bỏ vào chiếc bình đặc biệt và một người chiến binh lập tức mang bình chạy nhanh đến đền thờ Thần Tâm đất. Không để mất thời gian, Beleng-Hish đặt lên thi thể của vật tế bộ đồ đánh lửa, rồi thầy thượng tế lấy tay xe nhanh khúc gậy đứng. Một làn khói mỏng bay lên, bốc mùi gỗ cháy, cuối cùng một tia lửa nhỏ lóe lên, tia thứ hai... thứ ba. Đống bụi nhùi quanh mũi khoan và những mảnh vỏ bào mỏng bén lửa. Ngọn lửa yếu ớt, run rẩy soi sáng khuôn mặt mừng rỡ của thầy thượng tế. Ngọn lửa của vòng thiêng mới đã được thắp lên!

Bài thánh ca vui vẻ cất vang. Tất cả những người có mặt đều cảm thấy hạnh phúc. Chỉ riêng Mishpitiacuc là buồn, buồn vì ngài thượng tế Anaib-Ungir ngày trước đã từng mơ ước được hoàn thành công việc vĩ đại này biết bao. Ngài hoàn toàn có thể sống đến ngày lễ này. Một sự biến mất huyền bí, cũng có thể là vô lý. Nhưng tất cả đều là ý trời. Có thể chính ngài, thầy thượng tế trước đây, đã được các đấng toàn năng đưa lên trời và giờ đây đang tận hưởng buổi lễ vĩ đại ở trên đó, vui sướng vì bộ tộc của mình.

Trong vài phút nữa đây cột lửa khổng lồ đã được chuẩn bị sẽ bốc cao lên trời đêm. Đây là tín hiệu chứng tỏ rằng Vũ trụ đã bình yên vượt qua mỗi nguy hiểm đe dọa nó. Hàng ngàn người từ khắp các hang cùng ngõ hẻm của thành phố và làng quê đều đứng im, mặt quay về phía cao nguyên, thở phào nhẹ nhõm sau khi thấy ánh lửa

hông bốc lên. Tin lành đã đến! Các thầy tư tế lần lượt bước đến đồng lửa, đốt ngọn đuốc của mình và mang ngọn lửa thiêng về đền thờ để đốt hương thơm.

Sau họ là những đại diện các thành phố và làng mạc khác được phép đến khu đất thiêng. Những người này vội vàng đốt đuốc và chạy nhanh xuống dưới, về nơi của mình để đốt lên ngọn lửa mới. Sườn đồi được phủ kín các đốm sáng, báo tin khởi đầu một cuộc đổi mới, kết thúc những lo âu, những cực hình và những cơn đau đớn.

Vương quốc Đất Đỏ đã trải qua giây phút hồi hộp khôn tả – khởi đầu cho cuộc sống bình yên mới.

Vòng thiêng mới lại bắt đầu.

LỜI KẾT

Sao-Lorenzo. Mexico.

Tình yêu không có tuổi, không ranh giới và bất tử!

• **D. Golsuorsi. “Mùa hè cuối cùng của Forsait.”**

Nhiều năm trôi qua từ khi vòng thiêng mới bắt đầu.

Trong làng Tahcum-Tracang không ai dám gọi đến tên của người phụ nữ quái gở này, bà ta đi hết nhà này qua nhà khác tìm kiếm thứ gì đó không rõ. Người ta gọi bà là lão bà, còn những kẻ bất kính trong đám thanh niên cũng chỉ dám thì thầm “bà điên”. Dân làng cho rằng bà bị thần ác ám và họ sợ hãi một cách sùng tín khi bà xuất hiện, họ mời bà ngồi cạnh bếp lò, mời ăn, uống. Đôi khi bà nhận thức ăn, đôi khi không nhận và bà chỉ gạt những cánh tay nhiệt tình ra. Bà rất ít nói, không để ý đến ai, không nhìn thẳng vào mặt người đối thoại mà nhìn vào khoảng không, lời của bà thường đứt đoạn và khó hiểu.

Bà lão mất trí vì đau khổ và thời gian, đó là bà Tiang thuộc tộc họ Socan. Bà không có nhà, không có người thân. Các con của ông chú do bà chăm sóc đã đi theo tiên tổ từ lâu, con của họ cũng đã mất. Cháu của họ thì xem bà như người xa lạ. Thực ra chúng không hiểu bà lão này là họ hàng thế nào với chúng. Đám con cháu của Tug-Anseng và Nam-Suc, vô số con trai và con gái của Cangah, không biết tên thật và số phận của bà.

Mỗi tháng một lần bà lão bị nỗi lo xâm chiếm. Bà như thoát khỏi cơn mê, động tác trở nên rõ hơn và mạnh hơn, đôi mắt mờ đục

rực sáng. Bà ra khỏi làng, và theo đường vòng để không gặp ai trên đường, đi đến hẻm núi mọc đầy cây non ăn sâu vào khu đồi của thành phố, nơi ngày xưa người ta đã thực hiện những nghi lễ của vòng thiêng và chôn chiếc đầu đá của Shang. Khối đá khổng lồ quá lớn nên không thể chôn kỹ, chiếc hố quá cạn và lớp đất lấp trên bức tượng không đủ dày nên nước mưa từ sườn đồi dần dần cuốn trôi lớp đất đắp, để lộ ra khuôn mặt của bức tượng với đôi mắt bất động nhìn lên bầu trời.

Tiang cẩn thận dọn sạch cành khô, lá cây và dây leo tươi phủ trên khuôn mặt thân yêu và ngồi xuống cạnh đó.

Trong những ngày này bà trò chuyện hàng giờ với bức tượng y như với người sống.

“Hôm nay em ăn ngon lắm Shang à, – bà nói, – một cô gái mời em bánh ngô..., cô gái này giống em khi còn trẻ..., chàng nhớ không, chàng khen bánh ngô của em lắm mà, lúc đó chàng đã cười như bây giờ vậy... Xem này, đây là mảnh vỏ từ thân cây mà chúng ta đã ngồi lúc đó... Em giữ nó mãi mãi, em nhớ hết..., chúng ta yêu nhau biết chừng nào! Chỉ tiếc rằng chúng ta không có con; vì nếu có nó, anh đã có thể hãnh diện vì con trai của mình, em xin thề đó! Tất cả cũng chỉ vì lão Anaib-Ungir đáng nguyên rủa. Nhưng lão đã bị kiến ăn từ lâu rồi, ngay cả đống xương dơ bẩn của lão cũng đã mục trong rừng. Chỉ còn em ngồi đây tâm sự cùng anh, mặt trời vẫn chiếu sáng chúng ta..., chàng vẫn còn yêu em như ngày xưa chứ?”.

Và cũng trong một buổi gặp như thế, trái tim chung thủy, cháy bỏng yêu thương của Tiang đã ngừng đập – để mãi mãi hòa nhịp cùng tượng đá ngàn năm.

• Leningrad – Gumolosar, 1974 – 1977

THEO DẤU NHỮNG ĐÚA CON CỦA BÁO, HAY TẠI SAO XUẤT HIỆN CUỐN SÁCH NÀY

• (Lời kết của tác giả)

Giờ đây khi bạn đọc đã làm quen với những sự kiện trong cuốn tiểu thuyết, cần phải nói rằng, những hư cấu trong câu chuyện đã dựa trên các sự kiện có thực, những sự kiện khai mở cho ta thấy nền văn hóa cổ của người Olmec.

Lịch sử nghiên cứu nền văn hóa này thật thú vị và nhiều kịch tính.

Vào cuối năm 1946, nhà khảo cổ Mỹ Metu Stirling tiến hành khảo cổ ở bang Veracruz, Nam Mexico, gần khu làng của người da đỏ mà một giáo viên địa phương kiêu hãnh gọi là Tenochtitlan để kỷ niệm thủ đô cổ của người Aztec. Ban đầu, cuộc nghiên cứu được thực hiện cách làng năm cây số, tại nơi được gọi là Sao-Lorenzo. Nhóm của Stirling không nhiều: bà Marion – vợ của ông, người bạn đồng hành thường xuyên trong mọi cuộc du hành, viên trợ lý Phillip Draker, người thợ chụp ảnh và sáu công nhân da đỏ.

Sau đó mọi người mới phát hiện ra rằng, những di tích cổ được gặp không chỉ có ở Sao-Lorenzo và Tenochtitlan mà ở cả ngôi làng thứ ba – Potrero-Nuevo. Suốt ngày các nhà khảo cổ chạy hết chỗ này đến chỗ kia, tìm kiếm, dọn sạch cây rậm, mô tả di tích các công trình, tượng, bàn thờ và các tượng đá khác, chui vào các động sâu và tìm đồ gốm cổ. Phải làm nhanh vì thời hạn khảo sát sắp

hết, đồng thời phải hoàn tất công việc trước mùa mưa này.

Hôm đó Maximo, người hướng đạo da đỏ, đưa họ đi xem Ele-Ray-“Vua”, là tên của một bức tượng khổng lồ. Theo lời Maximo, tượng được phát hiện một cách hoàn toàn tình cờ, nó nằm gần phế tích Sao-Lorenzo.

Đường đi rất khó, và trời thì nóng nực.

Người hướng đạo đưa các nhà nghiên cứu đến một khe núi không cao nhưng dốc đứng, được tạo nên bởi dòng suối chảy xuống từ đỉnh Sao-Lorenzo (chính thành phố nhỏ đã nằm trên ngọn đồi lớn kỳ quặc này). Mọi người bắt đầu thấy dễ chịu, hầu như không cảm thấy cái nóng cháy bỏng của mặt trời vì cây rậm dọc bờ khe đã tạo nên bóng mát.

Đi thêm vài bước nữa và tất cả bất giác dừng lại. Ngay cả Stirling, người đã quen với những phát hiện bất ngờ nhất, cũng run lên. Ông chưa lần được thấy kiệt tác nghệ thuật cổ của người da đỏ như thế này.

Ở đáy khe là một pho tượng khổng lồ bằng đá bazan xám lục cao gần ba mét và rộng hơn hai mét. Đó là chiếc đầu của một thanh niên. Cặp môi dày hé mở như muốn nói điều gì với người phát hiện ra mình. Đôi mắt to buồn bã nhìn về phía trước. Chiếc mũi ngắn như thấm mùi của rừng rậm thân yêu bị mặt trời đốt nóng sau nhiều năm chôn lấp.

Chiếc mũ gắn chặt vào đầu giống như mũ giáp của chiến binh với đường sống lồi ở giữa. Đường sống kết thúc ở trán bằng chiếc đĩa gắn bốn vỏ sò. Dưới quai mũ lộ ra các vòng khuyên vuông to nặng.

- Đây là Ele-Ray, Maximo trang trọng nói sau phút im lặng.

Stirling quay về với hiện tại, trước mặt ông là pho tượng của một vị vua nào đó! Trước đây, ông đã từng gặp nhiều tượng lớn

như thế, nhưng không một pho tượng nào lại có ấn tượng chân thật, hùng tráng và đầy bi thảm như vậy.

Ai đã tạo ra kỳ quan này? Và nói chung những pho tượng như thế này giấu kín trong mình không phải chỉ một câu chuyện. Chúng thuộc các thời nào? Tại sao lúc nào chúng cũng mô tả những thanh niên? Cuối cùng, tại sao những nhà tạc tượng cổ luôn tạc chiếc đầu, không có thân? Mặc dù đã xem xét rất kỹ nhưng chưa bao giờ người ta tìm ra một mảnh thân, tay, chân... ở gần những bức tượng này.

Sau khi đo đạc kỹ lưỡng và chụp vài kiểu ảnh bức tượng, các nhà khảo cổ quay về làng. Thường vui vẻ và nói nhiều, nhưng hôm nay người trưởng đoàn im lặng. Ông cố nhớ lại tất cả những sự kiện đã xảy ra.

Stirling đến Sao-Lorenzo không phải ngẫu nhiên. Chuỗi xích những hoàn cảnh kỳ lạ và khác nhau đã đưa ông đến đây, chúng bắt đầu đã khá lâu.

Năm 1862 trong khi nghiên cứu ở Nam Mexico, nhà địa lý người Mexico Hose Melgar-I-Cerrano bất ngờ phát hiện ra một chiếc đầu đá tương tự gần làng Tres-Sapotes. Ông công bố hình ảnh chiếc đầu trong hai tác phẩm của mình, gán công trình này cho những người châu Phi cổ đại. Melgar-I-Cerrano cho rằng, pho tượng do ông tìm thấy là của người Ethiopia và điều này chứng minh rằng, vào thời cổ xưa những người châu Phi đã đến và sống ở vùng này của Mexico. Bộ tộc cổ bí ẩn tạo nên pho tượng huyền bí trên đã được xác định lần đầu tiên như vậy.

Chiếc đầu ở Tres-Sapotes đã thu hút sự chú ý của các nhà khoa học từ đó cho đến bây giờ. Năm 1883 Alfredo Taverro, người Mexico, công bố bức ảnh chiếc rìu đá kỳ lạ và cho thấy rằng, về bố cục, mô tả trên chiếc rìu này rất giống với chiếc đầu bí ẩn. Di tích thứ nhì xuất hiện, nó có liên quan đến nền văn hóa cổ huyền bí. Năm 1905

Eduard Zeler, một nhà bác học lớn người Đức nghiên cứu về châu Mỹ, đã làm một cuộc hành trình dọc Mexico, ông đến thăm Tres-Sapotes và nghiên cứu chiếc đầu này. Nhưng ông cũng không giải thích được điều gì ngoài việc chứng minh rằng không có cuộc di dân của người Ethiopia đến vùng này: người da đỏ thường mang khuôn mặt như vậy.

Mãi đến bốn mươi năm sau công bố của Melgar, một phát hiện mới lại thu hút sự chú ý của các nhà khảo cổ đến vùng này của Mexico. Phát hiện lần này là một pho tượng nhỏ; tượng được làm bằng đá nephrit – một vật liệu quý của người da đỏ.

Loại đá này có nhiều màu sắc kỳ lạ. Trong số các màu sắc đa dạng, thường gặp là màu trắng sữa, xanh xám và xanh lục, từ màu cỏ non đến gần như đen. Tất cả chúng đều có đặc tính là mềm và độ sâu của sắc bóng ướt đặc biệt. Khi gõ, những tấm nephrit mỏng phát ra âm điệu trong và ngân vang. Những tính chất vật lý của đá cũng không kém phần quan trọng và hấp dẫn, nó rất trơn. Viện sĩ A. E. Fersman đã nhiều lần chứng kiến một nhà khoáng chất trẻ thiếu kinh nghiệm đập đá nephrit bằng búa kim loại để lấy mẫu. Đồng thời khoáng chất này dễ xử lý, cắt gọt và mài. Những tính chất này đã hấp dẫn con người ở thời xa xưa. Đối với người Mexico cổ, đá nephrit có giá trị nhất, còn hơn cả vàng. Bernal Dias, một người bạn chiến đấu của Cortes, đã kể lại trong hồi ký của mình một câu chuyện. Khi rút lui khỏi Tenochtitlan, nhiều người Tây Ban Nha mang nặng vàng, lúc vượt qua một con kênh họ đều chết hết vì túi nặng. “Còn tôi, – Bernal viết, – không bao giờ phải khổ sở vì lòng tham. Tôi chỉ lấy 4 cục traletriutle (đá nephrit theo tiếng Aztec), rất cần cho tôi khi phải chữa vết thương và mua thức ăn.”

Khi khai quật cánh đồng gần thành phố Sao-Andres-Tustla bang Veracruz, một nông dân nhặt được một pho tượng nhỏ bằng đá nephrit. Một pho tượng thật kỳ lạ mô tả một người đàn ông ngồi,

đầu sói hơi ngửa ra sau, đôi mắt mở to, chân xếp lại. Trên vai tượng phủ chiếc áo khoác ngắn kiểu áo choàng. Phần dưới của mặt đeo một chiếc mặt nạ độc đáo có hình mỏ vịt. Cả hai chi tiết này chưa từng được thấy trong các di tích cổ của người da đỏ. Nhưng đáng quan tâm nhất là những ký tự tượng hình viết đây tượng. Về hình dáng, chúng giống chữ viết cổ của người Maya.

Từ những dòng chữ, ở phía trước bức tượng, chỉ cho người ta một vấn đề: hệ thống mà những cư dân cổ của Mexico dùng để tính toán ngày tháng của mình. Như vậy, phần trước bức tượng tìm thấy ở Tustla đã ghi ngày tháng không thể hiểu được của người Maya cổ: 14 tháng 3 năm 162! Nhưng những di tích cổ nhất của người Maya, được biết vào thời đó, đánh dấu thời gian sau đó từ 3 đến 4 thế kỷ!

Những dòng chữ còn lại mang tính chất thông báo (cho thấy sự phát triển đáng kể của chữ viết) hoàn toàn không hiểu được và các nhà bác học không nói được điều gì. Hơn nữa cho đến nay người ta vẫn chưa giải mã được những dòng chữ này.

Hơn hai mươi năm nữa trôi qua.

Năm 1925 trường đại học tổng hợp Tul Tulein (Hoa Kỳ) cử đoàn khảo sát – dân tộc học đến những vùng ít được nghiên cứu của Mexico, Guatemala, Nicaragua. Đoàn có hai nhà bác học: France Blom người Đan Mạch và Oliver Lafarge người Mỹ, và cả hai người này rất xứng đáng! Họ cố gắng, nhiệt tình và kiên nhẫn đến kinh ngạc. Họ vượt rừng rậm, đầm lầy, leo lên hầu hết các đỉnh núi cao ngất và tìm được nhiều di tích đáng chú ý nhất của quá khứ (những điều này sau đó đã được họ kể lại trong cuốn sách “Các bộ lạc và đền thờ”). Nhưng do số phận trớ trêu, Blom và Lafarge không có khả năng hiểu và đánh giá đúng phát hiện tuyệt vời của mình.

Đi thuyền theo phụ nhánh của dòng Tonal, các nhà nghiên cứu

đến hòn đảo nhỏ La-Venta. Bao quanh đảo là đầm lầy và rừng ngập mặn. Chỉ mới xem sơ đã thấy rằng trên đảo La-Venta có rất nhiều vết tích của các công trình cổ (trong đó có một đỉnh núi lớn) và những tượng đá lớn. Những di tích này bị phủ dày một lớp thực vật vùng nhiệt đới. Nhờ những người dân da đỏ địa phương dọn bớt cây cối giúp đỡ Blom và Lafarge, lập được bản đồ gần đúng của thành phố nhỏ và chụp ảnh vài bức tượng. Kỳ lạ nhất trong đó là một chiếc đầu đá khổng lồ giống như bức tượng ở làng Tres-Sapotes.

Vinh dự xác định nền văn hóa bí ẩn đã thuộc về nhà bác học người Mỹ và họa sĩ người Mexico.

Năm 1929 Marshall Cevill, giám đốc Viện Bảo tàng dân da đỏ Mỹ, đã công bố một tác phẩm nghiên cứu, trong đó có phần mô tả những đồ vật cổ (rìu, tượng, mặt nạ điêu khắc) được chế tác từ những loại khoáng chất khác nhau (nephrit, jadeit, aventurin, granit, chloromelanit), tác giả liên kết một phong cách hoàn toàn mới của các pho tượng người: nhiệt tình, mạnh mẽ và rất gợi cảm. Nét chung thứ hai của chúng là những đường nét đặc trưng của khuôn mặt: chiếc mũi tẹt lớn, cặp mắt xếch dài, miệng hé mở để lộ những chiếc răng nanh lớn giống như mõm con báo gầm gừ nhe răng, rõ ràng là chúng phải thuộc về một nền văn hóa nào đó. Nhưng nền văn hóa đó ở đâu và của bộ tộc nào?

Cevill nhớ lại tác phẩm của Blom và Lafarge vừa xuất bản gần đây và tác phẩm cũ của Traverro người Mexico. Nếu những đồ vật mà họ nghiên cứu có kích thước không lớn thì chúng có thể bị cuốn xa khỏi vị trí ban đầu, nơi chế tác ra chúng. Còn những tượng đài lớn như chiếc đầu ở Tres-Sapotes và La-Venta thì không thể trôi đi xa được. Sự trùng hợp về nghệ thuật giữa hai nhóm đồ vật này không còn nghi ngờ gì nữa. Cevill suy luận, nghĩa là ngọn nguồn của nền văn hóa này phải tìm đâu đó ở Nam Mexico, tại vùng

duyên hải của các bang Veracruz và Tabasco. Nhưng ở đó đã phát hiện ra bức tượng Tustla! Tức là trung tâm của nền văn hóa này nằm đâu đó gần thành phố Sao-Andres-Tustla.

Nhưng ai đã tạo ra nó? Các nhà nghiên cứu lý giải câu hỏi này không kém phần logic. Theo tài liệu của người Aztec và của những nhà biên niên sử Tây Ban Nha đầu tiên, có một thời người Olmec đã sống ở các vùng duyên hải vịnh Mexico. Họ tự gọi mình như thế nào, vẫn còn là bí ẩn, bởi vì từ “Olmec” theo nguồn gốc Aztec có nghĩa là “Cư dân của Olman”, hoặc “cư dân của đất nước cao su”. Chính người Aztec đã phát hiện ra cao su để làm những quả bóng dùng trong môn chơi của một nghi lễ rất quan trọng. Từ khi xuất bản cuốn sách nhỏ, nhưng rất quan trọng này của Cevill, thuật ngữ “Người Olmec” được áp dụng cho nhiều di tích đã được phát hiện trong các vùng này của Mexico. Như vậy, tên gọi thứ hai (sau tên “Người Ethiopia” của Melgar-I-Cerrano) của dân tộc bí ẩn có vẻ có căn cứ chắc chắn. Cevill còn giải đáp được một câu hỏi nữa: nguyên nhân xuất hiện hình ảnh con báo trong những bức tượng. Ông giải thích là trong các câu chuyện huyền thoại của người da đỏ cổ, một trong những vị thần hùng mạnh nhất có bộ mặt báo. Do đó hình ảnh con báo không phải là ngẫu nhiên.

Nhà họa sĩ và dân tộc học tài năng người Mexico Covarrubias là một người say mê sưu tập các đồ cổ của dân da đỏ. Đi khắp đất nước thân yêu của mình vào những năm 30 của thế kỷ, ông thu thập được một loạt tượng bằng đá nephrit, serpentin, jadeit và các đá khác thuộc nền văn hóa Olmec, một bộ tộc đầy bí ẩn. Ông cẩn thận nghiên cứu những đồ vật tương tự trong bộ sưu tập của Diego Rivera – nhà họa sĩ vĩ đại người Mexico (ông ta cũng là nhà sưu tập hăng say) và của những người ưa sưu tầm khác trong nước.

Với sự gia tăng số lượng các di tích được phát hiện, thấy rõ là khu vực tập trung của di tích (xét theo các vị trí khai quật) đã vượt

ra khỏi ranh giới của các bang Veracruz và Tabasco là nơi đã phát hiện ra những bức tượng đầu tiên. Khối lượng chính được phát hiện ở các bang của Mexico: Veracruz, Tabasco, Triapas, Guerrero, Oahaca, Morelos và Nam Puebla; nhưng các tiêu bản riêng lẻ được gặp cả ở những lưu vực Mexico, Toluki, Tlaxcala và cả ở Jucutana, Guatemala và Salvador. Từ đó Covarrubias có kết luận rằng, dù trung tâm chế tác ở đâu đi nữa thì những đồ vật này cũng đã được người Olmec mang theo trong các cuộc buôn ba của mình. Do đó chúng ta có thể nói về những dấu vết ảnh hưởng của chúng ở vùng này. Ngay lúc đó, họa sĩ người Mexico đã phát biểu, và đã trở thành lời tiên tri, đó là nền văn minh Olmec cổ xưa hơn các nền văn hóa cao khác ở Trung Mỹ. Ông dẫn ra những đối chiếu dân tộc học hết sức thú vị là từ trước đến nay người da đỏ Nam Mỹ tin tưởng vào những chú lùn tinh nghịch có khuôn mặt trẻ con – và đây là những vị chủ nhân của bộ tộc.

Đến lúc này Metu Williams Stirling xuất hiện.

Năm 1918, khi còn là sinh viên trường đại học tổng hợp California, Stirling đã chú ý đến bức ảnh mặt nạ nhỏ bằng đá nephrit mô tả “Hài nhi khóc”. Trong chuyến đi châu Âu vào năm 1920 ông nhìn thấy nguyên bản ở Viện Bảo tàng Berlin và đã xúc động vì vật liệu và nghệ thuật chế tác. Đó là loại đá nephrit trắng lợt màu xanh da trời gần như trong suốt. Từ khoảnh khắc đó, như Stirling viết lại sau này, ý nghĩ về một dân tộc cổ bí ẩn đã tạo nên chiếc mặt nạ này không rời khỏi ông.

Hơn nữa, những chế tác bằng đá nephrit của dân tộc Olmec do phong cách độc đáo và nghệ thuật riêng đã chinh phục không chỉ Stirling. Năm 1890 Marshall Cevill tìm hiểu “Chiếc rìu của Cuns” – di tích bằng đá nephrit được công bố đầu tiên, từ đó ông bỏ ra hàng chục năm trời để tìm những đồ vật có phong cách tương tự như vậy.

Có thể kể những câu chuyện tương tự về các nhà sưu tập khác. Chính tôi cũng bị “mắc bệnh” người Olmec: mùa thu năm 1945 sau khi thấy bức tượng vị thần ngồi đẹp tuyệt vời ở Viện Bảo tàng quốc gia Ermitage.

Năm 1921 Stirling vào làm ở phòng khảo cổ của Viện Smitson Washington và được tiếp cận các cuộc nghiên cứu. Nhưng chỉ từ năm 1932, khi trở thành trưởng phòng này Stirling mới có thể bắt đầu chuẩn bị thực hiện ước mơ xa xưa của mình. Tuy vậy phải vượt qua rất nhiều khó khăn, trước hết là giải quyết vấn đề hóc búa về tài chính cho việc khai quật.

Năm 1938 hầu như rỗng túi, ông cùng vợ lên đường để đi xem chiếc đầu khổng lồ ở Tres-Sapotes. Nhưng chuyến đi này không chỉ là việc thực hiện ước mơ xa xưa. Là một nhà khảo cổ có kinh nghiệm, Stirling lập tức hiểu rằng ở đây không chỉ là một di tích đơn độc, mà là tàn tích của một thành phố cổ. Thành phố đầu tiên của bộ tộc bí ẩn! Hơn nữa những phế tích của nó có kích thước rất lớn. Trong rừng nhiệt đới, người ta thấy rõ những bức tượng đã được chôn một cách sơ sài và dưới các gò đồng là vết tích của những tòa nhà. Nhất định phải kiếm cho được phương tiện để khai quật!

Năm 1939 tiền cho đoàn khảo sát đã có. Mùa thu năm đó một nhóm nhỏ các nhà khảo cổ đến thành phố.

Công việc nhiều, nhưng kết quả được bù lại thỏa đáng. Trước hết đã thấy rằng Tres-Sapotes là thành phố có lịch sử rất xa xưa. Vật chứng chính xác và trung thành là các đồ gốm đã cho thấy rõ điều này. Hai mươi công nhân làm việc suốt ngày để khai quật hoàn toàn chiếc đầu đồ sộ. Cuối cùng nó được đưa lên khỏi mặt đất. Ấn tượng thật đáng kinh ngạc! Chiều cao của khối đá là 180cm, chu vi – gần 550cm, còn trọng lượng theo sự đánh giá của Stirling là 10 tấn! Và mỏ đá gần nhất cũng cách xa vài chục cây số.

Biết bao nhiêu nỗ lực của con người (người da đỏ cổ không có sức vật kéo) cần phải đổ ra để đưa tảng đá như vậy về đây...

Ở làng Tres-Sapotes có tất cả ba chiếc đầu như vậy. Và tất cả đều là những khuôn mặt thanh niên với chiếc mũi rộng, không lớn, môi dày và cặp mắt hình hạnh nhân. Rõ ràng đây là chân dung của ai đó. Stirling cho rằng những bức tượng này để lưu danh các vị vua Olmec nổi tiếng và là tượng đài kỷ niệm...

Những di tích về kiến trúc ở Tres-Sapotes thì ngược lại với bức tượng, không gợi lên sự ngạc nhiên hoặc thán phục đặc biệt của các nhà khảo cổ. Hiện giờ những gò đất này không lớn, nhưng vào thời cổ chúng là những công trình khá đơn giản có tường đất nện bao quanh, dựng trên nền-móng đất đắp không cao và mái lợp lá. Ở đây không có gì giống kiến trúc uy nghi của người Maya hoặc Aztec.

Trong hai mùa thực địa (1939-1940) các khai quật ở Tres-Sapotes đã phát hiện không ít những tượng đài khác, tạo nên ấn tượng người Olmec là dân tộc mà nghệ thuật tượng của họ là một nghệ thuật tạo hình đa dạng hơn các dân tộc khác. Quả là đáng khâm phục, đồng thời phiến đá mà các nhà khảo cổ ký hiệu chữ A lại gợi lên những bí ẩn mới. Ở giữa bức hình nổi lên một người kỳ lạ hầu như cao gấp đôi cỡ người bình thường với chiếc mũ dạng chóp cao. Hai bên có thêm hai nhân vật nghiêng người quay về phía giữa, người bên trái cầm chiếc dao dài hoặc dao găm, người thứ hai cầm tóc của chiếc đầu người đã chặt đứt. Như vậy, cũng như các dân tộc khác của châu Mỹ, người Olmec cổ có phong tục tế người. Tất cả ba người đều đứng trên một chiếc đầu quái vật đã cách biệt hóa. Phía trên họ hình như tụ lại trong không khí chiếc mặt nạ khổng lồ của vị thần nào đó với những đường nét của báo.

Khi từ bãi khai quật trở về Tres-Sapotes, Stirling làm quen với Covarrubias. Họ sĩ tài năng và nhà sưu tập say mê, cả hai lập tức

kết bạn với nhau. Stirling đánh giá cao ý nghĩa của các phát hiện và ủng hộ giả thuyết về tính cổ xưa của nền văn hóa Olmec.

Cuối cùng đến lượt La-Venta được phát hiện. Thực tế đã vượt hẳn sự mong đợi.

Trong khi tiến hành khảo sát, Blom và Lafarge trước đây và Stirling sau này đã tìm thấy trên hòn đảo nhỏ một loạt di tích có nguồn gốc Olmec – Những chiếc đầu khổng lồ, phù điêu đá, những bàn thờ độc đáo. Trong những khai quật vào năm 1942-1943 đoàn khảo sát Mỹ không chỉ tìm được những tượng đài mới mà còn phát hiện những nét bí ẩn hoàn toàn mới của nền văn hóa cổ huyền bí cho đến lúc đó.

Trung tâm của La-Venta là một gò cao khá nhỏ (gần 1,5 ha) nằm giữa đảo. Những nhà xây dựng cổ đã bố trí ở đây tổ hợp chính gồm một tháp lớn, một quảng trường nằm về phía bắc của tháp, được ngăn bởi các tường đất đắp và một hàng cột đá bazan. Tiếp đến là một kiểu công trình kỳ lạ có tên “Cột đá lăng mộ”, cuối cùng là một tháp nhỏ có bậc tam cấp mà thời cổ được dùng làm bệ đỡ một công trình nào đó (bàn thờ) bằng cây. Trục tâm của toàn bộ tổ hợp này được định hướng khá chính xác từ nam lên bắc, quanh đó có rất nhiều tượng.

Khó mà mô tả hay kể hết những gì do Stirling tìm được ở La-Venta. Chúng ta chỉ đưa ra một vài phát hiện tuyệt vời nhất. Nhưng cũng cần nói rằng, trong ba mùa khai quật ở thành phố nhỏ này nhà khảo cổ người Mỹ vẫn chưa tìm được nhiều. Về sau còn vài đoàn khảo cổ nữa đến làm việc ở La-Venta, nhưng cũng chưa phát hiện hết những báu vật cổ ở đó.

Ở Tres-Sapotes có một chiếc đầu khổng lồ, đó là di tích đầu tiên giúp phát hiện ra nền văn hóa Olmec. Ở La-Venta có bốn chiếc đầu. Tất cả đều là khuôn mặt thanh niên đội chiếc mũ độc đáo với những hoa văn khác nhau ở phần trước. Các “bàn thờ” cũng làm

mọi người kinh ngạc vì nghệ thuật điêu khắc của chúng. Tên gọi qui ước này được các nhà khảo cổ đặt cho những tượng đá bí ẩn dạng khối lớn. Nổi tiếng nhất trong đó là bàn thờ số 5 (theo ký hiệu của Stirling). Hai bên bàn thờ khắc nổi 4 viên Tư tế, họ nắm những đứa bé có điệu bộ đang la hét. Phía trước bàn thờ chạm nổi cao một người đàn ông xuất hiện từ một hang sâu giống như miệng con báo đang há ra, một đứa bé nằm trên đôi tay vươn ra phía trước của thầy Tư tế. Khác với những đứa bé trên các phù điêu bên hông, đứa bé này hình như đã chết hay là đang ngủ, thân hình bé nhỏ của nó bình thản, bất động với đôi tay ép sát vào sườn và đôi chân dang ra.

Về phía bắc của tháp, như đã nói, là một bãi rộng, được ngăn bốn phía bằng hàng rào làm bằng đá bazan, trông thẳng đứng. Những chiếc cọc hình trụ này là những cột đá tự nhiên thường gặp ở các mỏ đá bazan. Nhưng ở La-Venta và các vùng xung quanh không hề có loại đá này. Nghĩa là tất cả các di tích, kể cả quảng trường được rào, đều làm bằng đá bazan mang từ xa về. Nhưng từ đâu?

Giữa bãi đất nhô lên một công trình kỳ lạ cũng bằng loại đá bazan ngũ giác, tiết diện hình lăng trụ: kiểu như ngôi nhà nhỏ nhưng không có cửa sổ, một nửa âm xuống đất. Mái nhà gồm chín phiến đá bazan cùng loại dài đến 3 m, xếp sát nhau trên đỉnh các cột rào. Khi bốn phiến được tháo ra, Stirling leo vào được bên trong lăng mộ này.

Đây chính là hầm mộ, thời xưa hài cốt của các vị quyền quý được chôn ở đây, có thể là vua, vợ và các con của ông. Trong căn phòng ngầm có một chỗ ộp đá nhô lên, tô vẽ sặc sỡ. Xương người của ít nhất là ba cuộc mai táng vương vĩ khắp nơi, cạnh đó là một đồng bấu vật đồ lộn xộn.

Ở đây không thiếu thứ gì! Tượng người đứng, ngôi, những người

quái dị, éch, ốc, những trang trí dạng hoa, chuỗi hạt, vòng khuyên. Tất cả đều làm bằng đá nephrit màu lục và màu da trời được chế tác tuyệt hảo. Tất nhiên không thể thiếu được hình tượng con báo, theo cách diễn đạt chính xác của một nhà nghiên cứu, đơn giản là người Olmec bị báo ám ảnh.

Ngay chỗ chiếc đầu của một vị vua (trong đất sinh LaVenta xương không còn nguyên vẹn) có một chiếc mũ kỳ lạ – có lẽ ngày xưa đây là biểu tượng quyền lực và sức mạnh của vua, sáu chiếc lông nhím biển dài cắm vào sợi dây, giữa các chiếc lông là vài đồ trang sức bằng đá nephrit dạng hoa, lá. Trên mặt người được mai táng xưa kia có đeo chiếc mặt nạ gỗ cần đá nephrit và xà cừ. Tất nhiên mặt nạ đã mục nát. Tại đây còn lại những vòng khuyên lớn bằng đá nephrit.

Theo các nhà bác học, vật quý nhất tìm được trong hầm mộ này là bức tượng nhỏ bằng đá nephrit màu trắng xanh được đánh tuyệt bóng. Tượng mô tả một người phụ nữ ngồi, rõ là một mệnh bà quý phái, hai tay cầm chiếc gương đưa ra trước ngực, tóc chải cẩn thận, phía trước để mái, phía sau chảy dài xuống vai, khuôn mặt trái xoan với cặp mắt to hình hạt hạnh nhân, tượng có nụ cười bình thản và niềm nở. Nghệ nhân làm ra tượng này chắc chắn là một nhà điêu khắc tài ba.

Hầm mộ bằng cột bazan không phải là kiểu mai táng duy nhất ở La-Venta. Ngay gần đó Stirling tìm thấy chiếc quan tài đá hình con báo. Bên cạnh hài cốt, trong đó còn có những đồ vật bằng đá nephrit. Tất cả đều cho thấy rằng vào thời Olmec hòn đảo nhỏ này là thánh đường quan trọng nhất của dân tộc, nơi không chỉ để tiến hành những nghi lễ tín ngưỡng chính mà còn để chôn cất các thủ lĩnh, Thượng tế hoặc vua chúa.

Đây là hồi tưởng của Metu Stirling lúc quay về trại sau khi gặp

chiếc đầu khổng lồ mới, lớn nhất trong tất cả các di tích tương tự của nền văn hóa Olmec cổ do ông phát hiện.

Các khai quật ở Sao-Lorenzo, Tenochtitlan và PotreroNuevo tiếp tục trong hai năm 1945 và 1946. Tất nhiên chúng chỉ mang tính chất khảo sát, cho phép ghi lại những tượng quan trọng nhất nằm trên mặt đất (mười lăm cái ở Sao-Lorenzo và bốn cái ở Potrero-Nuevo), hoặc người ta có thể đào vài hố thăm dò. Stirling không đủ thời gian và phương tiện nghiên cứu chi tiết thành phố lớn này.

Tuy vậy việc nghiên cứu sơ bộ ở Sao-Lorenzo đã cung cấp những kết quả đáng ngạc nhiên. Phát hiện được năm chiếc đầu đồ sộ – bí ẩn số một của nền văn hóa Olmec -, các tượng vua cầm vương trượng và những phụ nữ với những đứa bé dạng báo, các bàn thờ: một cái ở La-Venta kiểu hình người trong động, cái khác với những người khổng lồ hai tay đỡ vòm trời. Những người khổng lồ này hoàn toàn không giống những người khổng lồ hùng mạnh trong thế giới cổ đại, đây là những đứa bé bụ bẫm, dễ thương.

Trên tất cả các di tích đều thấy rõ dấu vết phá hủy, đôi khi tàn nhẫn đến mức khó đoán được là chính họ đã sáng tạo ra chúng.

Chính ở thành phố này cuối cùng Stirling đã giải được bí ẩn vốn hành hạ ông từ lâu nay (và cả những nhà nghiên cứu khác), rằng: tại sao người Olmec sợ hãi thờ phụng giống báo. Trong số những tượng đã được phát hiện có hai tượng mô tả con báo đang ôm người đàn bà. Giờ đây đã rõ những hài nhi bán người, bán thú, những tượng này cho ta thấy được quan niệm của dân tộc cổ sống ở đây từ xưa, họ tin rằng tổ tiên họ là con trai của báo và người phụ nữ đầu tiên. Vào thời xa xưa con người cho rằng một lúc nào đó loài thú biết nói và hành động như con người. Do đó nhiều truyện cổ, truyền thuyết, chuyện hoang đường của tất cả các dân tộc trên thế giới cho rằng loài thú này hoặc loài thú khác là bà con hoặc thủy tổ

của một bộ lạc nào đó. Người Olmec cũng vậy.

Chúng ta chia tay với Metu Stirling ở đây. Ông không còn đào bới trên đất Olmec. Sau Sao-Lorenzo nhà bác học người Mỹ còn tiến hành khai quật khảo cổ ở Panama, Ecuador và Costa-Rica. Tháng 1 năm 1973, người mở cửa lại một nền văn minh Olmec đã từ trần. Nhưng những người khác vẫn tiếp tục sự nghiệp mà Stirling đã theo đuổi.

Khi Stirling còn sống, các nhà khảo cổ lại trở về La-Venta. Năm 1955 một đoàn khảo sát mới đã về đó. Đoàn làm việc vài năm tại thành phố nhỏ và đã có những phát hiện mới, đôi khi đến kinh ngạc. Giờ đây không chỉ các nhà nghiên cứu Mỹ mà cả Mexico cũng tham gia vào việc khai quật này. Phải làm nhanh lên vì trên đảo đã được phát hiện có dầu mỏ, người của Công ty Dầu mỏ quốc gia Mexico đã theo sát gót các nhà khảo cổ.

Lúc này các nhà vật lý đã nghiên cứu thành công phương pháp hoàn toàn mới xác định thời gian theo đồng vị phóng xạ carbon C-14, phương pháp cực kỳ chính xác so với những phương pháp trước đây mà các nhà khảo cổ đã áp dụng. Kết quả của những nghiên cứu ở La-Venta và các nơi khác, mà tôi sẽ kể ở dưới đây, cho thấy rằng Covarrubias và Stirling đã đúng. Giờ đây nền văn hóa Olmec đã được xác định niên đại: khoảng từ thế kỷ XII đến VI TCN.

Đây là ấn tượng mạnh đầu tiên. Nhưng ấn tượng khác cũng lần lượt xuất hiện.

Phát hiện cho thấy La-Venta không phải chỉ có một mà còn nhiều lớp văn hóa, nói theo ngôn ngữ thường, nó tồn tại trong một thời gian dài gần bảy thế kỷ. Khi dọn sạch một tháp núi lớn thì họ nhận thấy hình dáng của nó khác thường. Tất cả các tháp núi ở Trung Mỹ có dạng bậc thang. Stirling cho rằng đó là vẻ mặt thời cổ của La-Venta. Nhưng khi lập bản đồ chi tiết ranh giới dân cư, nhà khảo cổ Hazer ngạc nhiên thấy rằng tháp núi lớn ở La-Venta có

hình chóp, hay nói một cách hình tượng, tháp có hình dạng của một ống loa máy hát không lồ mà miệng loa úp xuống đất. Hơn nữa, trên sườn núi lần lượt nối tiếp nhau những sống lồi dọc (tất cả có 10 sống lồi) và những rãnh máng sâu chạy từ trên xuống. Hazer suy nghĩ rất nhiều, tại sao những nhà xây dựng cổ lại tạo ra vẻ dáng khác thường cho công trình, nhưng vô ích. Lời giải đến ngẫu nhiên và bất ngờ. Một lần nhà khảo cổ bay trên các đỉnh núi của Tustla và bỗng thấy chóp núi La-Venta giống như hình dạng của vô số núi lửa xung quanh hồ Catemaco, chúng có dạng chóp và những sống lồi, rãnh sâu y như vậy trên sườn núi. Như vậy, để tưởng nhớ quê hương xa vời, người Olmec dựng lên trên đảo bằng phẳng một ngọn núi giống như trên tổ quốc xa xôi của họ. Giờ đây ngọn núi nhân tạo cao 33 m (thời cổ nó có thể cao hơn) được đắp bằng đất sét, trên mặt phủ lớp vữa vôi đặc cứng gân như xi măng. Hazer tính rằng việc xây dựng tháp núi này cần đến khối lượng công việc khổng lồ: nếu trên công trường với số lao động là 1.000 người thì phải mất ít nhất 800 ngày công mới hoàn tất được.

Đồng thời, giả thuyết cho rằng lúc đầu dân La-Venta sống ở vùng núi đã được xác nhận. Từ lâu các nhà khảo cổ đã quan tâm: người Olmec lấy đá bazan ở đâu để làm các tượng đài. Các nhà khoáng chất học chứng minh rằng, tất cả các khối đá đều được lấy từ sườn núi Tustla.

Những di tích mới được phát hiện ngay ở bãi hành lễ. Khi dọn dẹp mặt đất một công nhân thấy rằng có điều gì đó bất thường trên một khu vực. Một thành viên của đoàn khảo sát, nhà khảo cổ Mexico Eduardo Contreras, vội vàng bắt tay vào việc. Một lúc sau trước mắt ông hiện ra quang cảnh kỳ lạ.

Mười sáu bức tượng đá nephrit và serpentin được chôn trong lòng đất, tạo nên một cảnh ngoạn mục. Mười bốn tượng quay mặt về hai bức tượng còn lại, sau lưng hai bức tượng này là sáu chiếc rìu đá

nefrit cắm thẳng đứng vào lòng đất. Đặc biệt đáng lưu ý là một tượng trong cặp đó, khác với bức tượng kia, được làm bằng đá granit màu hồng đỏ, không được đánh bóng. Hình như người này đang bối rối hay sợ hãi nhìn đám đông đứng trước ông ta. Một vòng bán nguyệt quay về phía bức tượng thứ hai làm bằng đá nefrit gần như màu trắng, hình như đang nói gì đó với những người xung quanh. Chính dáng điệu, chiếc đầu dài, miệng hé mở, cái mũi lớn, cặp mắt to xéch cho thấy rằng nhà tạc tượng cố ý tách riêng nhân vật này, nhấn mạnh quyền lực và sự cao quý của ông.

Các nhà khảo cổ hiểu rằng nhóm tượng này ghi lại một sự kiện vô cùng quan trọng nào đó trong cuộc sống của cư dân La-Venta. Nhưng sự kiện nào? Sau khi các chiếc rìu và tượng đã được bố trí, khu bí mật được lấp kỹ và toàn bộ quặng trường được phủ một lớp đất sét dày màu cam và đầm chặt. Về sau lớp phủ này được đắp thêm lớp sét màu hồng (điều bình thường trong cuộc sống của các khu dân cư cổ và hiện nay, giống như đường phố của chúng ta được phủ mới lớp nhựa asphalt). Một thời gian sau lớp phủ màu hồng được thay bằng màu vàng, tiếp đến là màu trắng. Rồi về sau (không ai biết lúc nào) ai đó đã khoan một giếng hẹp ngay trên chỗ vật tế, khi thấy rõ là vật tế vẫn bình thường, giếng khoan được lấp lại. Từ đó thấy rõ rằng các thầy Tư tế Olmec có “Bản kê tài sản” hoặc bản đồ các kho báu mật, dựa vào đó đôi khi họ kiểm tra sự hiện hữu của các kho báu. Nhưng từ đó cũng thấy rằng “Vật tế” số 4 có ý nghĩa nào đó đặc biệt quan trọng về lịch sử hoặc thờ phụng.

Năm tháng trôi qua, những nghiên cứu về nền văn hóa Olmec vẫn tiếp tục. Các nhà khảo cổ tìm được những di tích của dân tộc bí ẩn ở các vùng của Mexico, đôi khi còn xa hơn nữa, ở các bang Veracruz và Tabasco. Hơn nữa không chỉ những chế tác nhỏ kiểu bức tượng ở La-Venta mà là những bức tượng và phù điêu lớn. Và không chỉ trên lãnh thổ Mexico mà đôi khi cả trên núi của

Goatemala hoặc trên bờ Thái Bình dương Salvado cách xa hàng trăm cây số.

Gần làng Tralcasingo (miền Đông bang Morelos), người ta tìm thấy những phù điêu đẹp trên đá. Vào những năm 1970 đoàn khảo sát của David Grove đã làm việc ở đây, họ khai quật một điểm quần cư cổ và phát hiện ra rằng, một dân tộc khác đã sống ở Tralcasingo, còn những phù điêu phong cách Olmec, rõ ràng, là do nhóm người Olmec di dân đến đây chế tác, hoặc (theo ý kiến của một số chuyên gia) là những di tích của người Olmec đã xâm chiếm thành phố này một thời. Grove và sau đó là những nhà nghiên cứu khác cho rằng, khi đi tìm đá quý nephrit các điểm dân cư – pháo đài đã được thành lập trên những con đường thương mại quan trọng nhất. Qua đó các đoàn buôn Olmec tiếp tục đi xa. Các đoàn buôn được những người có kinh nghiệm hướng dẫn, họ là nhà buôn đồng thời cũng là nhà thám hiểm.

Phát hiện nối tiếp phát hiện. Từ lâu các nhà nghiên cứu đã nhận thấy rằng, người Olmec có nền kiến trúc kém xa nghệ tạc tượng, do đó họ được gọi là “Dân tộc tạc tượng”. Những bức bích họa đặc trưng của người Olmec đối với nền văn minh muộn của Trung Mỹ không được tìm thấy. Do đó các nhà bác học cho rằng họ không có hội họa. Một lần nữa thực tế lại cho thấy đôi khi những kết luận ban đầu nguy hiểm như thế nào.

Năm 1966 hai nhà khảo cổ nghiệp dư – Gay và Griffin hành trình dọc bang Gerrero theo bờ Thái Bình dương của Mexico, để tìm những di tích Olmec ở đó. Họ hết sức ngạc nhiên khi một người làng kể cho họ về những bức bích họa nào đó trong động có tên là Hushtlauac. Gay và Griffin lập tức đến đó. Đường ngấm dài hơn cây số, khi thì họ khó nhọc bò qua những ngách hẹp, khi thì đi qua hết động này đến động khác giữa những mảng thạch và thạch nhũ bám đầy dơi. Sự quên mình của họ đã được ban thưởng: trong ánh

vàng yếu ớt của ngọn đèn dầu hiện ra bức bích họa tuyệt diệu, chắc chắn là thuộc thời Olmec.

Hình dáng cao (gần 2m) của vua (hay vị thần) đối diện với người thứ hai nhỏ bé, đáng thương đang quì dưới chân. Chiếc áo khoác đen quàng qua vai trái vị vua để lộ bộ quần áo màu đỏ, sọc ngang. Khuôn mặt được tô đen. Trên đầu là chiếc mũ cao gắn chùm lông kesal màu lục, tai đeo vòng đá nephrit hình đĩa, chân mang giày da báo. Tay mang găng da báo dài chỉ về phía nhân vật nhỏ bé. Tay phải cầm quyền trượng kỳ lạ có bốn máu, tay trái nắm chặt chiếc dây thừng lớn buộc vào eo bụng của nhân vật quì hoặc là kẻ bại trận.

Hai năm sau, theo gương Gay và Griffin, David Grove cũng lên đường đến vùng núi bang Guerrero. Ông tìm thấy loạt bích họa Olmec thứ hai ở vùng Oshtotitlan chỉ cách Hushtlauac ba mươi cây số.

Chủ đề của những bức bích họa Oshtotitlan hơi khác những bức bích họa Hushtlauac. Ở đây hình người ngồi trên ngai có thân thể màu nâu đỏ, y phục khác thường. Trên đầu là chiếc mặt nạ kiểu đầu chim dữ với chiếc mỏ lớn, một con mắt to màu vàng và đôi tai chấm lục. Đôi tay người ngồi phủ đầy lông vũ mịn màu lục và đỏ. Tấm che ngực màu ngọc bích và chiếc khố hẹp cùng màu bổ sung thêm cho trang phục của nhân vật. Toàn bộ bức bích họa quá khác lạ đối với nghệ thuật Olmec, đến nỗi nếu chiếc ngai không có dạng đầu báo thì nhiều nhà nghiên cứu đã nghi ngờ việc xác định nó.

Nhưng bức bích họa thứ hai giữ nguyên tinh thần Olmec. Hình người Olmec đứng, giơ cao tay phải và buông tay trái dọc thân. Ngoài khuôn mặt sáng sủa, toàn thân nhân vật được tô đen. Trước mặt nhân vật, một con báo cái đang giận dữ chồm lên, mõm nhe ra. Nhưng lạ là con thú không tấn công người mà là bỏ chạy.

Chúng ta rời rừng rậm của bang Guerrero, trở về SaoLorenzo, nơi

xảy ra diễn tiến của cuốn tiểu thuyết.

Nhà khảo cổ trẻ người Mỹ Michel Co chỉ đạo một đoàn khảo sát nhỏ của trường đại học Tổng hợp Iel khai quật ở Sao-Lorenzo trong ba mùa thực địa (1966-1968). Lịch sử ngàn năm của thành phố này được sáng tỏ.

Công việc đầu tiên sau khi tổ chức trại là lập bản đồ địa hình, công việc tốn nhiều công sức và phức tạp, nhưng hoàn toàn cần thiết. Nó mang lại kết quả đáng kinh ngạc: khi mọi đo đạc đã được đưa lên giấy, các nhà nghiên cứu thấy rằng cao nguyên Sao-Lorenzo... có nguồn gốc nhân tạo. Đúng, đúng, bạn đừng ngạc nhiên! Quả đồi cao gần 50 m và dài gần cây số vào thời cổ đã được đắp bằng đôi tay của người Olmec. Có thể hình dung là những cư dân cổ từ thế hệ này đến thế hệ khác đã mang những giỏ đất đến và đắp nó dần dần thành quả đồi vĩ đại như thế nào. Về khối lượng, công việc này đã vượt xa kim tự tháp nổi tiếng thế giới của pharaon Ai Cập Hufu (Keops). Trước hết, dạng đối xứng hoàn chỉnh cho thấy nguồn gốc nhân tạo của quả đồi. Trên bản đồ thấy rõ những chiếc “lưỡi” nhô ra – những chỗ lồi hẹp độc đáo ăn sâu vào thung lũng, những đê quai nối các điểm cao riêng biệt của cánh đồng. Những khai quật tiếp theo đã xác nhận điều này. Điều gì đã tạo nên qui hoạch phức tạp của công trình này, không thể nói được. Tất nhiên cũng mong muốn là trong hình dáng của quả đồi có thể nhìn thấy hai chiếc đầu báo đang há mõm, lè lưỡi và nhe nanh. Nhưng lời giải thích này có thể chỉ là sự tưởng tượng đơn thuần. Trên đỉnh cao nguyên người ta tìm thấy hai mươi hố sâu có hình dạng và kích thước khác nhau. Việc nghiên cứu chúng cho thấy rằng, thời xưa đây là những hồ chứa nước mà đáy và vách được lát bằng đá núi lửa.

Các khai quật cung cấp cả số liệu về biên niên sử của khu dân cư. Stirling và những nhà bác học sau ông đều cho rằng Sao-

Lozenso là một thành phố tương đốì muộn. Phân tích phóng xạ carbon từ những đống lửa cổ đã tan thành tro bụi xác nhận điều này. Kết quả cho thấy rằng Sao-Lozenso được thành lập gần 1300 năm TCN và phồn thịnh sau năm 1200 TCN, lúc đó đã xuất hiện người Olmec. Thành phố huy hoàng tồn tại đến thế kỷ thứ IX và sau đó không hiểu vì sao đã biến mất. Sau này thành phố lại trổĩ dậy, nhưng những sự kiện này vượt ra ngoài cuốn tiểu thuyết của chúng ta.

Những khai quật của Co ở Sao-Lozenso giải thích thêm một sự kiện quan trọng và đáng chú ý. Như trên đã nói, đa số các bức tượng đều bị hư hỏng. Nhưng điều này không phải là hành động phá hủy vô thức hoặc sự xúc phạm của những kẻ xâm lược. Sau đó những di tích này đã được chôn cất cẩn thận, đôi khi có cả những vật tể. Ví dụ di tích số 21 (đánh số theo thứ tự đào được) – bức phù điêu tạc con thú chạy – đã được đặt úp xuống vật tể là 6 chiếc rìu bằng đá cerpentin và những hạt cườm cùng loại. Tất cả đã được lấp đất kỹ lưỡng. Theo đánh giá thời đó, hoàn thành nghi lễ như thế này cho bức phù điêu bị hư hỏng có ý nghĩa to lớn hơn nhiều.

Tất nhiên đoàn khảo cổ của trường đại học Tổng hợp Iel chưa khai thác hết những kho báu khảo cổ và nghệ thuật ở Sao-Lozenso, ở đó vẫn còn lại không ít công việc cho các nhà nghiên cứu tương lai. Rất khó đánh giá công việc của Co; và tất cả những người quan tâm đến nền văn hóa Olmec đều cần phải cảm ơn ông.

Trong cuốn sách này có mô tả cụ thể tất cả những nghiên cứu đã tiến hành trên mảnh đất của dòng dõi báo thần chưa? Tôi chỉ mong muốn kể lại một vài phát hiện đáng lưu ý nhất, đó là những điểm độc đáo của cuốn tiểu thuyết để bạn đọc có thể so sánh những sự kiện thực tể với hư cấu. Nhưng trước khi kết thúc cần phải nói đôi lời là giờ đây người ta đã biết gì về người Olmec chưa?

Sau những nghiên cứu lâu năm và kiên trì, các nhà bác học

ngiên cứu châu Mỹ đã tìm hiểu được khá nhiều về dân tộc bí ẩn này. Giờ đây chúng ta đã biết không chỉ nghệ thuật tạo dáng và nền văn hóa vật chất mà cả tổ chức xã hội của dân tộc Olmec với tính phân cấp sớm như ở Sumer và Ai Cập cổ, biết được thời gian thành lập, thịnh vượng và suy tàn. Thậm chí có thể biết nguyên nhân của những sự kiện khủng khiếp cuối cùng. Quốc gia Olmec bị biến mất bởi những cuộc tấn công của các dân tộc Maya từ miền đông-nam.

Các nhà khảo cổ đã tái họa những đường nét chính về tín ngưỡng cổ của người Olmec, những nghi lễ thờ phụng có liên quan đến vụ ngô, những ngày lễ theo chu kỳ có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cuộc sống của họ. Trong thời đó, tín ngưỡng ngự trị vô hạn trong tất cả các dạng tư tưởng.

Giữa các nhà bác học từ lâu đã có cuộc tranh luận: con cháu của người báo nói thứ ngôn ngữ gì? Tác giả cuốn sách này thống nhất với những người đã thấy nhóm ngôn ngữ lớn có vị trí tương lai trong những người Olmec tổ tiên, gồm cả Maya-Mihe-Uave-Soke. Vì vậy tên riêng của các nhân vật được lấy từ ngôn ngữ tái lập của nhóm Maya-Soke cổ.

Tất cả những số liệu khoa học này cho phép phục hồi bức tranh sinh động của những sự kiện đã xảy ra từ xa xưa ở SaoLorenzo và các vùng phụ cận.

Đặc biệt có giá trị là vấn đề những mối quan hệ trước thời Columbus của Cựu thế giới với hai lục địa châu Mỹ. Một số nhà nghiên cứu nước ngoài ngạc nhiên trước sự phát triển sớm của nền văn minh Olmec, họ gán buổi bình minh của nó cho một sự thúc đẩy bên ngoài, là kết quả xuất hiện của những nhà hải hành từ một trung tâm văn hóa nào đó ở Cựu Thế giới đến Trung Mỹ. Nhà du lịch nổi tiếng Tur Haerdal cho rằng nền văn hóa Olmec chịu ơn nhờ sự xuất hiện của những người từ Ai Cập đến. Nhằm chứng

minh cho giả thuyết này, ông đã chấp nhận chuyến đi huyền thoại vượt Đại Tây Dương của chiếc tàu “Ra”. Nhà nghiên cứu người Mỹ, bà Betty Meggers, thì ngược lại, bà cho rằng “Con cháu của báo” là những di dân từ Đông-Nam Á, họ rời bỏ quê hương sau cuộc tấn công của nhà Thương (triều Ân) ở Trung Hoa vào thế kỷ XI TCN. Những luận cứ này đã có thể được phát triển.

Những thuyền đánh cá hoặc tàu buôn trên đại dương đôi khi bị cuốn xa quê hương, tất nhiên do bão hoặc những dòng hải lưu. Cũng có những ngoại lệ, khi những nhà du lịch ngẫu nhiên này buộc phải cắt đại dương và xuất hiện trên đất lạ.

Các nhà văn La Mã còn giữ lại một câu chuyện là trong thời ngự trị của hoàng đế Claudia, bão đã đưa một chiếc thuyền với vài người da đỏ vào bờ biển Gallia (Pháp ngày nay). Đây là trường hợp đầu tiên lịch sử chứng minh sự xuất hiện của người da đỏ ở châu Âu. Ngược lại, nhà khảo cổ người Mexico Hose Garcia Paion phát hiện thấy chiếc đầu của bức tượng La Mã trong một ngôi mộ cổ, rõ ràng là nó được ai đó đưa đến từ bên kia đại dương. Trên bờ biển Venezuela đã tìm thấy một chiếc bình chôn với những đồng tiền vàng La Mã, nhân chứng câm của một vụ đắm tàu thời cổ. Tất cả những ví dụ này cho thấy cuộc du hành của một nhân vật trong tiểu thuyết – Suembahamon có thể đã xảy ra trong thực tế. Nhưng nó cũng chứng minh cho việc khác. Những người ngẫu nhiên xuất hiện ở một đất nước xa xôi, tất nhiên họ không thể tác động rõ đến nền văn hóa của dân tộc này, hơn nữa họ lại bị biến mất. Lịch sử dạy chúng ta rằng, mọi cái mới được hấp thụ chỉ khi trong xã hội tiếp nhận đã chín muồi những điều kiện cần thiết cho nó. Thực ra, những cư dân của thời đại đồ đá cũ có thể hiểu được gì nếu một người đương thời của chúng ta rơi vào xã hội của họ với chiếc xe hơi? Ngoài ra tài liệu của những khai quật gần đây không bác bỏ rằng nền văn minh Olmec là kết quả phát triển lâu đời của chính

cư dân cổ ở Trung Mỹ.

NHỮNG NHÂN VẬT CHÍNH

Ah-Mash – Thầy Tư tế quản lịch và thời tiết.

Ah-Shacan – Thầy trưởng quản tạc tượng của kinh thành Nivannaa-Tracbolai.

Ah-Shooch – Nhà tạc tượng già, thầy của Tug-Anseng.

Anaib-Ungir – Thầy Thượng tế của đền thờ thần Ngô, về sau là thầy Thượng tế của kinh đô.

Beleng-Hish – Thầy Thượng tế của thần Mặt trời.

Cuocu – Hề của quốc vương Olmec.

Hang-Noc-Ping – Hoàng tử xứ Olmec, con trai thứ của vua.

Irinefer – Tài công người Ai Cập, phục vụ cho Suembahamon.

Ish-Can-Leosh – Nữ Thượng tế của đền thờ Đức mẹ các thần Tecaima-Poia.

Maash – Chú của Tiang.

Melcart-Mashal – Nhà đi biển và thương nhân Phinic.

Mishpitiacuc – Thầy Tư tế thân cận của Anaib-Ungir.

Nam-Suc – Con gái của Ah-Shooch.

Nebmaatranah – Tế tướng của pharaon, tổng đốc thành Fiva, thượng cấp của Suembahamon.

Nesubanebjed – Pharaon Ai Cập Hạ.

Niang-Hinah – Thầy đại Tư tế của thần Ngô trẻ.

Osh-Tro – Mẹ của Shang và Tug-Anseng.

Paveraa – Lãnh chúa khu đông thành Fiva, trưởng quản vệ binh nghĩa địa của các hoàng đế.

Shang – Nông dân thuộc bộ tộc Caab.

Suembahamon – Quan đại thần Ai Cập, trợ lý của tổng đốc thành Fiva – kinh đô của Ai Cập Thượng.

Tene-Tung – Triều thần của quốc vương Olmec.

Tene-Tuvuic – Triều thần của Hang-Noc-Ping.

Tiang – Con gái của một nông dân bộ tộc Socan.

Tug-Anseng – Anh của Shang và là nhà tạc tượng.

Tumeh-Sahing – Thầy Trưởng tế của Thần Tâm đất – Thần động đất và âm phủ.

• Chú Thích •

- [1] Pharaon chết được phong thánh và danh hiệu “Thần thiện”.
- [2] Theo quan niệm của người Ai Cập cổ - âm phủ ở phương tây.